

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ XÂY DỰNG

Số: 18724 /SXD-QLXDCT

Về việc thông báo kết quả
thẩm định Báo cáo nghiên cứu
khả thi đầu tư xây dựng công
trình Nhà ở thấp tầng tại các lô
đất thuộc Đơn vị ở 4 thuộc dự án
Khu đô thị Đại học Quốc tế
tại xã Xuân Thới Sơn,
Thành phố Hồ Chí Minh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 5 năm 2026

SAO Y BẢN CHÍNH



Kính gửi: Công ty Cổ phần Đô thị Đại học Quốc tế Berjaya
Việt Nam
(Địa chỉ: số 72 đường Lê Thánh Tôn, phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh)

Sở Xây dựng nhận được Tờ trình số 047/2026/CV-VTK-ĐHBJY ngày 11 tháng 5 năm 2026 (kèm hồ sơ liên quan) của Công ty Cổ phần Đô thị Đại học Quốc tế Berjaya Việt Nam đề nghị thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình Nhà ở thấp tầng tại các lô đất thuộc Đơn vị ở 4 thuộc dự án Khu đô thị Đại học Quốc tế tại xã Xuân Thới Sơn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14, Luật số 62/2020/QH14, Luật số 55/2024/QH15 và Luật số 95/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Sau khi xem xét, Sở Xây dựng thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình Nhà ở thấp tầng tại các lô đất thuộc Đơn vị ở 4 thuộc dự án Khu đô thị Đại học Quốc tế tại xã Xuân Thới Sơn, Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

I. Thông tin chung về dự án

1. Tên dự án: Khu đô thị Đại học Quốc tế.
Công trình: Nhà ở thấp tầng tại các lô đất thuộc Đơn vị ở 4.
2. Mã số thông tin dự án: 7926614193500.
3. Nhóm dự án, loại, cấp, thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính thuộc dự án: dự án nhóm A, công trình dân dụng, cấp I. Đối với công trình Nhà ở thấp tầng tại các lô đất thuộc Đơn vị ở 4: dự án nhóm A, công trình dân dụng, cấp III, thời hạn sử dụng theo thiết kế: không nhỏ hơn 50 năm.
4. Người quyết định đầu tư: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đô thị Đại học Quốc tế Berjaya Việt Nam.
5. Tên Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đô thị Đại học Quốc tế Berjaya Việt Nam. Địa chỉ: số 72 đường Lê Thánh Tôn, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Địa điểm xây dựng: 248 lô đất thuộc Khu đô thị Đại học Quốc tế tại xã Xuân Thới Sơn, Thành phố Hồ Chí Minh.
7. Giá trị tổng mức đầu tư (*Sở Xây dựng không thẩm định nội dung này*): 5.365.175.633.077 đồng (theo Tờ trình của Chủ đầu tư).
8. Nguồn vốn đầu tư: Vốn khác.
9. Thời gian thực hiện: 120 tháng kể từ ngày được chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (Quyết định số 80/QĐ-TTg ngày 13 tháng 01 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị Đại học Quốc tế của Công ty Cổ phần Đô thị Đại học Quốc tế Berjaya Việt Nam).
10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: thiết kế cơ sở áp dụng Tiêu chuẩn, Quy chuẩn xây dựng Việt Nam hiện hành.
11. Nhà thầu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Công ty Cổ phần Vinhomes.
12. Nhà thầu khảo sát xây dựng: Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây lắp Sông Hồng.
13. Nhà thầu thẩm tra: Trung tâm các Dự án Quốc tế và Xây dựng - Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng.
14. Các thông tin khác (nếu có): không.

II. Hồ sơ trình thẩm định

1. Văn bản pháp lý

1.1. Về pháp lý đầu tư:

- Quyết định số 2197/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị Đại học Quốc tế của Công ty TNHH Đô thị Đại học Quốc tế Berjaya Việt Nam.

- Quyết định số 80/QĐ-TTg ngày 13 tháng 01 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị Đại học Quốc tế của Công ty Cổ phần Đô thị Đại học Quốc tế Berjaya Việt Nam.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, chứng nhận lần đầu ngày 17 tháng 5 năm 2022, chứng nhận thay đổi lần thứ 02 ngày 27 tháng 01 năm 2026, mã số dự án 1032858617 do Sở Tài chính cấp.

1.2. Về pháp lý quyền sử dụng đất:

- Quyết định số 1426/QĐ-UBND ngày 12 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố về giao cho Công ty Cổ phần Đô thị Đại học Quốc tế Berjaya Việt Nam khu đất tại xã Xuân Thới Sơn để thực hiện dự án Khu đô thị Đại học Quốc tế - Giai đoạn 1.

- Bản đồ vị trí số 193/2026/SNNMT-BĐVT được Sở Nông nghiệp và Môi trường duyệt ngày 06 tháng 02 năm 2026.

1.3. Về quy hoạch xây dựng

- Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Sơn về việc phê duyệt quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị Đại học Quốc tế, xã Xuân Thới Sơn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Sơn về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị Đại học Quốc tế, xã Xuân Thới Sơn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công văn số 40/TC-QC ngày 12 tháng 01 năm 2026 của Cục Tác chiến - Bộ Tổng Tham mưu về việc chấp thuận độ cao tính không xây dựng công trình.

1.4. Về môi trường: Quyết định số 1335/QĐ-BTNMT ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khu đô thị Đại học Quốc tế.

1.5. Về đấu nối hạ tầng kỹ thuật

- Công văn số 10669/SXD-BTKT ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Sở Xây dựng về việc đấu nối giao thông tạm vào đường Đặng Công Bình, Xuân Thới Sơn 12, xã Xuân Thới Sơn và đường Tam Tân, xã Củ Chi và đấu nối giao thông cho dự án Khu đô thị Đại học Quốc tế xã Xuân Thới Sơn.

- Văn bản số 425/EVNHCMC-KH ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh về việc cung cấp điện cho dự án Khu đô thị Đại học Quốc tế.

- Văn bản số 45/NNSG-QLMLCN ngày 08 tháng 01 năm 2026 của Công ty TNHH Một thành viên Nước ngầm Sài Gòn về việc thỏa thuận đấu nối cấp nước cho dự án Khu đô thị Đại học Quốc tế tại xã Xuân Thới Sơn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Văn bản số 21/2026/SGW/VPCC ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn về việc phúc đáp Công văn số 055/2025/CV-

PTDA-ĐHBJY về việc thỏa thuận đầu nối cấp nước cho dự án Khu đô thị Đại học Quốc tế.

- Công văn số 8563/SNNMT-CCTL ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc ý kiến tham vấn về nội dung liên quan đến xả nước thải vào công trình thủy lợi và phương án hoàn trả kênh mương của dự án Khu đô thị Đại học Quốc tế.

- Công văn số 12854/SXD-HTKT ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Sở Xây dựng về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hạng mục Hạ tầng kỹ thuật, giao thông, công viên cây xanh, nhà để xe thuộc dự án Khu đô thị Đại học Quốc tế tại xã Xuân Thới Sơn, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hồ sơ, tài liệu dự án, khảo sát, thiết kế:

- Thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi;
- Thiết kế cơ sở (bao gồm bản vẽ và thuyết minh);
- Báo cáo khảo sát địa chất công trình;
- Báo cáo kết quả thẩm tra số 129/2026/TTQT/01 ngày 09 tháng 5 năm 2026 của Trung tâm các Dự án Quốc tế và Xây dựng - Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu.

3.1. Nhà thầu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi:

- Công ty Cổ phần Vinhomes:
 - + Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số BXD-00001415 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 10 tháng 12 năm 2018; phạm vi hoạt động xây dựng: thiết kế xây dựng công trình dân dụng, hạng I, có giá trị đến ngày 19 tháng 5 năm 2027.
 - + Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy số 408/GXN-PCCC do Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ - Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 05 tháng 12 năm 2024.
- Chủ nhiệm thiết kế, chủ trì thiết kế kiến trúc: Ngô Bảo Nhân; Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số HAN-07-2022-027 do Sở Quy hoạch - Kiến trúc Thành phố Hà Nội cấp ngày 15 tháng 02 năm 2023, lĩnh vực hành nghề: thiết kế kiến trúc công trình, có giá trị đến ngày 15 tháng 02 năm 2033.
- Chủ trì thiết kế kết cấu: Nguyễn Như Tuấn; Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số BXD-00052499 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 22 tháng 4 năm 2024; lĩnh vực hành nghề: thiết kế kết cấu công trình, hạng I, có giá trị đến ngày 22 tháng 4 năm 2029.
- Chủ trì thiết kế cơ - điện: Đồng Trọng Hào; Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số HAN-00131071 do Sở Xây dựng Thành phố Hà Nội cấp ngày

25 tháng 7 năm 2025; lĩnh vực hành nghề: thiết kế cơ - điện công trình hệ thống điện, hạng I, có giá trị đến ngày 25 tháng 7 năm 2035.

- Chủ trì thiết kế cấp nước, thoát nước công trình: Lê Hồng Sơn; Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số HAN-00097685 do Sở Xây dựng Thành phố Hà Nội cấp ngày 06 tháng 11 năm 2025; lĩnh vực thiết kế hệ thống cấp nước - thoát nước công trình, hạng I; thời hạn đến ngày 06 tháng 11 năm 2035.

3.2. Nhà thầu khảo sát xây dựng:

- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây lắp Sông Hồng; Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số BXD-00003243 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 25 tháng 7 năm 2022; phạm vi hoạt động xây dựng: khảo sát xây dựng công trình, hạng I, có giá trị đến ngày 25 tháng 7 năm 2032.

- Chủ trì khảo sát địa chất công trình: Đào Văn Lợi; Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số BXD-00059815 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 20 tháng 02 năm 2024, lĩnh vực hành nghề: khảo sát địa chất công trình, hạng I, có giá trị đến ngày 20 tháng 02 năm 2029.

3.3 Nhà thầu thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi:

- Trung tâm các Dự án Quốc tế và Xây dựng - Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng; Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số BXD-00061976 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 05 tháng 02 năm 2024; phạm vi hoạt động xây dựng: thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình dân dụng, hạng I, có giá trị đến ngày 05 tháng 02 năm 2034.

- Chủ nhiệm thẩm tra: Dương Văn Tuấn; Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số BXD-00010732 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 19 tháng 9 năm 2022, lĩnh vực hành nghề: thiết kế kết cấu công trình, hạng I, thời hạn đến ngày 19 tháng 9 năm 2027.

- Chủ trì thẩm tra kiến trúc: LêBAT Vinh; Chứng chỉ hành nghề kiến trúc số HAN-12-2024-01 do Sở Quy hoạch - Kiến trúc Thành phố Hà Nội cấp ngày 08 tháng 5 năm 2024, lĩnh vực hành nghề: thiết kế kiến trúc công trình, thời hạn đến ngày 08 tháng 5 năm 2034.

- Chủ trì thẩm tra thiết kế kết cấu: Phạm Duy Thắng; Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số HNT-00208046 do Hiệp hội các Nhà thầu Xây dựng Việt Nam cấp ngày 20 tháng 11 năm 2025, lĩnh vực hành nghề: thiết kế kết cấu công trình, hạng III, thời hạn đến ngày 20 tháng 11 năm 2035.

- Chủ trì thẩm tra thiết kế hệ thống điện: Vũ Mạnh Hà; Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số BXD-00010845 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 28 tháng 10 năm 2022, lĩnh vực hành nghề: thiết kế cơ - điện công trình, hạng I, thời hạn đến ngày 28 tháng 10 năm 2027.

- Chủ trì thẩm tra thiết kế cấp thoát nước: Tống Tiền Tuyền; Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số BXD-00004477 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 17 tháng 6 năm 2022, lĩnh vực hành nghề: thiết kế cấp - thoát nước công trình, hạng I, thời hạn đến ngày 17 tháng 6 năm 2027.

- Chủ trì thẩm tra thiết kế điều hòa, thông gió: Phạm Đức Hạnh; Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số BXD-00153664 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng cấp ngày 19 tháng 9 năm 2022, lĩnh vực hành nghề: thiết kế cơ - điện công trình, hạng I, thời hạn hiệu lực chứng chỉ đến ngày 19 tháng 9 năm 2027.

III. Nội dung hồ sơ trình thẩm định

1. Quy mô công trình:

Nhà ở thấp tầng thuộc Đơn vị ở 4 đề nghị thẩm định gồm 3.549 căn nhà ở liên kế và nhà ở biệt thự, thuộc 248 lô đất (3.549 thửa đất) với tổng diện tích đất 267.839,6m², tổng diện tích sàn xây dựng 762.785,3m², cụ thể:

Bảng thống kê tổng hợp Nhà ở thấp tầng tại các lô đất thuộc Đơn vị ở 4

STT	Loại hình	Lô đất theo quy hoạch	Tầng cao	Số thửa/căn	Tổng DT đất (m ²)	Tổng DT sàn xây dựng (m ²)
1	Nhà ở liên kế	Tổng số 239 lô, gồm: NO4-T1.01-LK.01 đến NO4-T1.01-LK.18, NO4-T1.02-LK.01 đến NO4-T1.02-LK.09, NO4-T1.03-LK.01 đến NO4-T1.03-LK.05, NO4-T1.04-LK.01 đến NO4-T1.04-LK.10, NO4-T1.05-LK.01 đến NO4-T1.05-LK.08, NO4-T1.06-LK.01 đến NO4-T1.06-LK.10, NO4-T1.07-LK.01 đến NO4-T1.07-LK.10, NO4-T1.08-LK.01 đến NO4-T1.08-LK.09, NO4-T1.09-LK.01 đến NO4-T1.09-LK.14, NO4-T1.10-LK.01 đến NO4-T1.10-LK.12, NO4-T1.11-LK.01 đến NO4-T1.11-LK.11, NO4-T1.12-LK.01 đến NO4-T1.12-LK.12, NO4-T1.13-LK.01 đến NO4-T1.13-LK.02, NO4-T1.14-LK.01 đến NO4-T1.14-LK.06, NO4-T1.15-LK.01 đến NO4-T1.15-LK.18, NO4-T1.16-LK.01 đến NO4-T1.16-LK.06, NO4-T1.17-LK.01 đến NO4-T1.17-LK.24, NO4-T1.18-LK.01 đến NO4-T1.18-LK.12, NO4-T1.19-LK.01 đến NO4-T1.19-LK.12, NO4-T1.20-LK.01 đến NO4-T1.20-LK.12, NO4-T1.21-LK.01 đến NO4-T1.21-LK.14, NO4-T1.22-LK.01 đến NO4-T1.22-LK.02, NO4-T1.25-LK.01 đến NO4-T1.25-LK.03.	4 tầng	3.408	251.222,8	739.702,4
2	Nhà ở biệt thự	Tổng số 9 lô, gồm: NO4-T1.01-BT2.01, NO4-T1.02-BT2.01, NO4-T1.15-BT2.01, NO4-T1.16-BT2.01, NO4-T1.17-BT2.01, NO4-T1.18-BT2.01, NO4-T2.01-BT1.02, NO4-T2.01-BT2.01, NO4-T2.01-BT2.02.	3 tầng	141	16.616,8	23.082,9
3	Tổng	248 lô		3.549	267.839,6	762.785,3

- Cốt vỉa hè ± 0.000 tương ứng cao độ $\geq 2.300\text{m}$ (hệ tọa độ Quốc gia VN2000) theo đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được duyệt.

- Cốt sàn tầng 1 (tầng trệt): $+0,45\text{m}$ so với cốt vỉa hè ± 0.000 .

- Khoảng lùi công trình so với chỉ giới đường đỏ:

+ Nhà ở liên kế: $\geq 0\text{m}$.

+ Nhà ở biệt thự (song lập, đơn lập): $\geq 3\text{m}$.

- Khoảng lùi công trình so với ranh đất còn lại:

+ Nhà ở liên kế: lùi $\geq 2\text{m}$ so với ranh đất phía sau. Đối với ranh lô/thửa đất là ranh ngắt khoảng chiều dài tối đa của lô đất xây dựng dãy nhà ở liên kế lùi $\geq (0 \div 3)\text{m}$.

+ Nhà ở biệt thự (song lập, đơn lập): lùi $\geq 2\text{m}$, biệt thự song lập xây sát ranh thửa đất giữa hai nhà.

- Chiều cao công trình (tính từ cốt vỉa hè ± 0.000 đến đỉnh mái công trình):

+ Nhà ở liên kế (4 tầng), chiều cao: từ $15,50\text{m}$ đến $19,00\text{m}$.

+ Nhà ở biệt thự (song lập, đơn lập, cao 3 tầng): từ $11,45\text{m}$ đến $13,00\text{m}$.

(Chi tiết tại Phụ lục 1: Thống kê chi tiết thông số thiết kế từng thửa đất tại Báo cáo nghiên cứu khả thi).

2. Giải pháp kết cấu chính:

- Phần móng: công trình sử dụng phương án móng cọc.

- Phần thân: công trình sử dụng phương án cột, dầm, sàn bê tông cốt thép toàn khối.

3. Giải pháp hệ thống kỹ thuật công trình :

- Cấp điện: từ mạng lưới hạ thế của khu đô thị. Nguồn điện hạ thế cấp cho các công trình được dẫn từ các trạm biến áp của dự án cấp đến tủ điện phân phối tổng ngoài nhà, từ tủ điện tổng cấp đến mỗi công trình.

- Cấp nước: nguồn nước cho công trình được lấy từ đường ống cấp nước hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà.

- Thoát nước: Hệ thống thoát nước mưa tách biệt với thoát nước thải sinh hoạt.

+ Hệ thống thoát nước thải: được đấu nối vào hệ thống thoát nước thải ngoài nhà, dẫn về trạm xử lý nước thải chung toàn dự án để xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thoát ra hệ thống thoát nước của khu vực.

+ Hệ thống thoát nước mưa từ mái và ban công được thu gom về các ống thoát nước riêng đấu nối vào hệ thống thoát nước của dự án.

IV. Phạm vi, cơ sở và nguyên tắc thẩm định

- Sở Xây dựng thực hiện thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 58 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 1 của Luật số

62/2020/QH14) trên cơ sở hồ sơ trình thẩm định, không xem xét đánh giá các nội dung khác ngoài các nội dung quy định này;

- Nội dung thẩm định liên quan đến quy hoạch của cơ quan chuyên môn về xây dựng quy định tại Luật Xây dựng chỉ trong phạm vi xem xét sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch xây dựng, không chịu trách nhiệm xem xét về trình tự, thủ tục phê duyệt, sự thống nhất, sự phù hợp giữa các cấp độ quy hoạch xây dựng và sự đầy đủ của nội dung đồ án quy hoạch xây dựng;

- Cơ quan chuyên môn về xây dựng chỉ đánh giá sự phù hợp của dự án với nội dung trong văn bản liên quan đến thủ tục về đầu tư, thủ tục về môi trường và thủ tục về phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận, không xem xét và chịu trách nhiệm về trình tự, thủ tục, nội dung, thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về môi trường và pháp luật về phòng cháy chữa cháy theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

- Cơ quan chuyên môn của người quyết định đầu tư chịu trách nhiệm thẩm định các nội dung theo quy định tại Điều 57 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14);

- Đơn vị trình thẩm định và người quyết định đầu tư chịu trách nhiệm về tính trung thực, nội dung và các thông tin khác liên quan đến hồ sơ trình thẩm định; kết quả thẩm định của Sở Xây dựng không làm giảm trách nhiệm của người quyết định đầu tư, chủ đầu tư, các nhà thầu tư vấn lập hồ sơ khảo sát, kiểm định và thiết kế về tính pháp lý, chính xác của các số liệu tại hồ sơ trình thẩm định do mình thực hiện và các sai sót (nếu có) chưa nêu trong báo cáo thẩm định.

V. Kết quả thẩm định

1. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế cơ sở; điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng

- Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của dự án được lập cơ bản đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 54 Luật Xây dựng năm 2014, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Luật số 62/2021/QH14.

- Nhà thầu khảo sát xây dựng, Nhà thầu lập và thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng có chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều 94 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ.

- Các cá nhân thực hiện khảo sát xây dựng, chủ trì lập và thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng có chứng chỉ hành nghề phù hợp với công việc thực hiện theo quy định của Luật Kiến trúc và Điều 73 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ.

2. Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch làm cơ sở lập dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày

30/12/2024 của Chính phủ và Điều 28 Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ

a) Về chức năng sử dụng đất tại quy hoạch chung xây dựng

Theo Quyết định số 1125/QĐ-TTg ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2060, các khu đất xây dựng Nhà ở thấp tầng thuộc đơn vị ở số 4 thuộc Khu đô thị Đại học Quốc tế, xã Xuân Thới Sơn, Thành phố Hồ Chí Minh có chức năng sử dụng đất là đất phức hợp - động lực phát triển.

b) Về chức năng, chỉ tiêu sử dụng đất, quy mô dân số khống chế tại quy hoạch phân khu

Đối chiếu với đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 đã được Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Sơn phê duyệt tại Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2026

Các chỉ tiêu QHKT	Theo Quy hoạch phân khu	Theo Báo cáo nghiên cứu khả thi	Đánh giá
Đơn vị ở 4			
Diện tích	45,36ha	26,78ha	Phù hợp
Chức năng sử dụng đất	Đất nhóm nhà ở	- Nhà ở liên kế; - Nhà ở biệt thự.	Phù hợp

c) Đối chiếu với đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được phê duyệt tại Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Sơn

- Đánh giá các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc của từng lô đất theo Báo cáo nghiên cứu khả thi so với quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được duyệt: theo Phụ lục II.

- Đánh giá sự phù hợp của các thông số thiết kế khác so với quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được duyệt:

STT	Chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc	Theo QHCT 1/500 được duyệt	Theo Báo cáo nghiên cứu khả thi	Đánh giá
1	Chiều cao công trình tối đa (tính từ cốt vỉa hè $\pm 0,000$ đến đỉnh mái công trình)			Phù hợp
	- Nhà ở liên kế	19m	15,50 m đến 19,00m	
	- Nhà ở biệt thự	17m	11,45m đến 13,00m	
2	Khoảng lùi công trình so với chỉ giới đường đỏ:			Phù hợp
	- Nhà ở liên kế	$\geq 0m$	$\geq 0m$	
	- Nhà ở biệt thự	$\geq 3m$	$\geq 3m$	
3	Khoảng lùi công trình so với ranh đất còn lại			Phù hợp

- Nhà ở liên kế	Lùi tối thiểu 0m so với ranh đất phía sau không tiếp giáp đường giao thông. Trường hợp trong cùng một lô đất có các dãy nhà liên kế nếu được quy hoạch cách nhau, khoảng cách giữa cạnh mặt sau của dãy nhà liên kế phải đảm bảo $\geq 4m$	Lùi tối thiểu 2m so với ranh đất phía sau. Đối với ranh lô/thửa đất là ranh ngất khoảng chiều dài tối đa của lô đất xây dựng dãy nhà ở liên kế lùi $\geq (0 + 3)m$
- Nhà ở biệt thự	Lùi tối thiểu 2m so với ranh đất không tiếp giáp đường giao thông; riêng biệt thự song lập xây dựng sát ranh lô/thửa đất giữa hai nhà	Lùi tối thiểu 2m so với ranh đất không tiếp giáp đường giao thông; riêng biệt thự song lập xây dựng sát ranh lô/thửa đất giữa hai nhà

Ghi chú:

- Cốt vỉa hè ± 0.000 tương ứng cao độ $\geq 2.300m$ (hệ tọa độ Quốc gia VN2000) theo đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được duyệt. Cao độ nền thực hiện theo quy hoạch phải đảm bảo quy định tại Điểm 2.8.1 QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- Cốt sàn tầng 1 (tầng trệt): $+0,45m$ so với cốt vỉa hè ± 0.000 .

3. Sự phù hợp của dự án với chủ trương đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận; với chương trình, kế hoạch thực hiện, các yêu cầu khác của dự án theo quy định pháp luật có liên quan (nếu có)

Đối chiếu với Quyết định số 80/QĐ-TTg ngày 13 tháng 01 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, chứng nhận lần đầu ngày 17 tháng 5 năm 2022, chứng nhận thay đổi lần thứ 02 ngày 27 tháng 01 năm 2026, mã số dự án 1032858617 do Sở Tài chính cấp

STT	Theo chủ trương đầu tư dự án	Báo cáo nghiên cứu khả thi	Đánh giá
1	Mục tiêu dự án: Phát triển một khu đô thị - đại học Quốc tế trong Khu đô thị Tây Bắc Thành phố Hồ Chí Minh, bao gồm: khu giáo dục (tiểu học, trung học, dạy nghề bậc cao), đại học; khu dân cư; khu thương mại dịch vụ; khu giải trí, y tế, thể thao; khu công viên; công viên công nghệ thông tin	Chức năng công trình: nhà ở liên kế, nhà ở biệt thự	Phù hợp

2	Quy mô diện tích đất toàn dự án: 880 ha	Tổng diện tích đất của nhà ở thấp tầng tại các lô đất thuộc Đơn vị ở 4: 267.839,6m ²	Phù hợp
3	120 tháng kể từ ngày được chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (Quyết định số 80/QĐ-TTg ngày 13 tháng 01 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án khu đô thị Đại học Quốc tế của Công ty Cổ phần Đô thị Đại học quốc tế Berjaya Việt Nam)	Theo tiến độ tại Quyết định số 80/QĐ-TTg ngày 13 tháng 01 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ	Phù hợp

4. Khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật khu vực; khả năng đáp ứng hạ tầng kỹ thuật và việc phân giao trách nhiệm quản lý các công trình theo quy định của pháp luật có liên quan đối với dự án đầu tư xây dựng khu đô thị

Hệ thống giao thông và hệ thống hạ tầng kỹ thuật của khu đô thị đã được cơ quan quản lý chuyên ngành thỏa thuận, đã được Sở Xây dựng thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại Công văn số 12854/SXD-HTKT ngày 16 tháng 4 năm 2026. Khi thực hiện kết nối cần kiểm tra hiện trạng và đảm bảo kết nối đồng bộ với hệ thống giao thông và hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của khu vực.

5. Sự phù hợp của giải pháp thiết kế cơ sở về bảo đảm an toàn xây dựng; việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường

5.1. Về sự phù hợp của giải pháp thiết kế về bảo đảm an toàn xây dựng; sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và áp dụng tiêu chuẩn cho công trình và các nội dung khác theo yêu cầu.

- Về sự phù hợp của giải pháp thiết kế về bảo đảm an toàn xây dựng: Giải pháp thiết kế cơ sở công trình được đơn vị tư vấn thiết kế đề xuất, đơn vị thẩm tra xem xét và đánh giá, Chủ đầu tư chấp thuận trình thẩm định. Theo đó, tại Báo cáo thẩm tra số 129/2026/TTQT/01 ngày 09 tháng 5 năm 2026 của Trung tâm các Dự án Quốc tế và Xây dựng - Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng kết luận: *"Các giải pháp thiết kế trong Báo cáo nghiên cứu khả thi (thiết kế cơ sở) đảm bảo an toàn xây dựng"*.

- Chủ đầu tư cần tiến hành thí nghiệm hiện trường kiểm tra sức chịu tải của cọc móng, để xem xét điều chỉnh kích thước và số lượng cọc (nếu có) nhằm đảm bảo an toàn cho công trình. Do giải pháp kết cấu chính được lựa chọn sơ bộ dựa trên các thông số tổ hợp tải trọng cơ bản chưa được tính toán cụ thể, nên khi triển khai thiết kế kỹ thuật phải căn cứ trên cơ sở tính toán chi tiết dựa vào địa chất công trình và điều kiện thực tế; tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật bắt buộc theo quy định tại QCVN 10:2024/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng, QCVN 08:2009/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về công trình ngầm đô thị, QCVN 09:2017/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả.

5.2. *Về phòng cháy chữa cháy*: Công trình nhà ở liền kề, nhà ở biệt thự không thuộc Phụ lục I và Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ. Do đó, không thuộc đối tượng phải được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ.

5.3. *Về bảo vệ môi trường*: Quyết định số 1335/QĐ-BTNMT ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khu đô thị Đại học Quốc tế.

6. Sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và áp dụng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho dự án thể hiện tại hồ sơ đính kèm Tờ trình của Chủ đầu tư; hồ sơ thiết kế cơ sở cơ bản tuân thủ theo các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn hiện hành.

VI. Kết luận

1. Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình Nhà ở thấp tầng tại các lô đất thuộc Đơn vị ở 4 thuộc dự án Khu đô thị Đại học Quốc tế tại xã Xuân Thới Sơn, Thành phố Hồ Chí Minh cơ bản đủ điều kiện để phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo.

2. Những yêu cầu đối với Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn tham gia hoạt động xây dựng

- Chủ đầu tư thực hiện hoàn tất yêu cầu của các văn bản pháp lý đã nêu tại Mục II của Văn bản này.

- Trong quá trình triển khai các bước tiếp theo, trường hợp dự án có sự điều chỉnh thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ, đề nghị Chủ đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ trình Sở Xây dựng thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh.

- Chủ đầu tư và tư vấn thiết kế hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác của các số liệu sử dụng trong hồ sơ thiết kế cơ sở; về an toàn và chất lượng xây dựng của công trình xây dựng. Chủ đầu tư có trách nhiệm nộp bản chụp (định dạng .pdf) bản vẽ thiết kế cơ sở đã đóng dấu thẩm định cho cơ quan chuyên môn về xây dựng để lưu trữ theo quy định.

- Cần lưu ý nghiên cứu sử dụng vật liệu không nung theo quy định tại Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng; lựa chọn phương án sử dụng vật liệu và thiết bị năng lượng tiết kiệm, hiệu quả đảm bảo Quy chuẩn QCVN 09:2017/BXD - Các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả.

- Áp dụng Quy chuẩn xây dựng, Tiêu chuẩn xây dựng tại các lối đi, khu vệ sinh cho người tàn tật tiếp cận sử dụng; đồng thời, tuân thủ các nguyên tắc thiết kế tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn hiện hành.

- Tiến hành thí nghiệm hiện trường kiểm tra sức chịu tải của cọc móng để xem xét điều chỉnh kích thước và số lượng cọc (nếu cần thiết) đảm bảo an toàn cho công trình; áp dụng Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9386:2012 Thiết kế công trình chịu động đất - Phần 1: quy định chung, tác động động đất và quy định đối với kết cấu nhà để bảo đảm công trình có thể chịu được tác động của động đất (nếu có), TCVN 2737:2023 Tải trọng và tác động; đồng thời tuân thủ theo các Quy chuẩn xây dựng, Tiêu chuẩn xây dựng và các quy định hiện hành khác có liên quan.

- Thực hiện các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

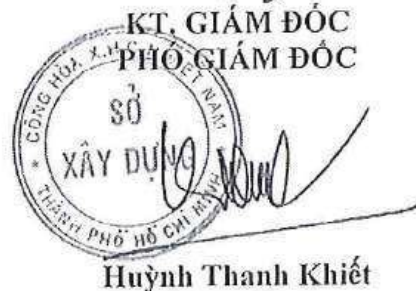
3. Văn bản thông báo kết quả thẩm định này không có giá trị thay thế Giấy phép xây dựng (thủ tục cấp Giấy phép xây dựng thực hiện theo quy định hiện hành). Chủ đầu tư tổ chức thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 Luật Xây dựng năm 2014 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 24 và khoản 25 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14), đảm bảo quy cách hồ sơ thiết kế xây dựng theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ.

Sở Xây dựng thông báo như trên về kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình Nhà ở thấp tầng tại các lô đất thuộc Đơn vị ở 4 thuộc dự án Khu đô thị Đại học Quốc tế tại xã Xuân Thới Sơn, Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị Chủ đầu tư nghiên cứu, thực hiện theo quy định./

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND xã Xuân Thới Sơn;
- Ban GD SXD: GD, PGD Khiết (để báo cáo);
- P.KTCN, P.QLCLCT, P.PTĐT;
- Lưu: VT, TN&THS, P.QLXDCT.LMT.

MHS: H29.18-260512-170002 103





Thông kê chi tiết thông số thiết kế từng thửa đất theo hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng
(Đính kèm Công văn số 1044/SXD-QLXDCT ngày 29/5/2026)

Ký hiệu lô đất	Ký hiệu thửa đất	Chức năng sử dụng đất theo QH	Tên dãy	Tên mẫu	Diện tích đất (m ²)	DT SXD T1 (m ²)	DT SXD T2 (m ²)	DT SXD T3 (m ²)	DT SXD T4 (m ²)	Tổng DT SXD (m ²)	DT Chiếm đất (m ²)	MD XD (%)	Số tầng cao (tầng)
I	Đất nhà ở liền kề												
	NO4-T1.01-LK.01-01	Đất nhà ở liền kề	CH53 LK13	CH53 LK8x9 G6	88.0	60.1	63.5	63.5	56.2	243.3	60.1	68.3	4
	NO4-T1.01-LK.01-02	Đất nhà ở liền kề	CH53 LK13	CH53 LK5x9 AM	60.0	42.7	44.5	44.5	43.0	174.7	42.7	71.2	4
	NO4-T1.01-LK.01-03	Đất nhà ở liền kề	CH53 LK13	CH53 LK5x9 B	60.0	42.7	43.5	43.6	40.1	169.9	42.7	71.2	4
	NO4-T1.01-LK.01-04	Đất nhà ở liền kề	CH53 LK13	CH53 LK5x9 D	60.0	42.6	44.1	44.2	40.0	170.9	42.6	71.0	4
	NO4-T1.01-LK.01-05	Đất nhà ở liền kề	CH53 LK13	CH53 LK5x9 BM	60.0	42.7	43.5	43.6	40.1	169.9	42.7	71.2	4
	NO4-T1.01-LK.01-06	Đất nhà ở liền kề	CH53 LK13	CH53 LK5x9 A	60.0	42.7	44.5	44.5	43.0	174.7	42.7	71.2	4
	NO4-T1.01-LK.01-07	Đất nhà ở liền kề	CH53 LK13	CH53 LK5x9 H2M	96.0	42.7	44.4	44.5	43.1	174.7	42.7	44.5	4
	NO4-T1.01-LK.02-01	Đất nhà ở liền kề	CH53 LK12	CH53 LK5x9 H2	96.0	42.7	44.4	44.5	43.1	174.7	42.7	44.5	4
	NO4-T1.01-LK.02-02	Đất nhà ở liền kề	CH53 LK12	CH53 LK5x9 AM	60.0	42.7	44.5	44.5	43.0	174.7	42.7	71.2	4
NO4-T1.01-LK.02	NO4-T1.01-LK.02-03	Đất nhà ở liền kề	CH53 LK12	CH53 LK5x9 B	60.0	42.7	43.5	43.6	40.1	169.9	42.7	71.2	4
	NO4-T1.01-LK.02-04	Đất nhà ở liền kề	CH53 LK12	CH53 LK5x9 D	60.0	42.6	44.1	44.2	40.0	170.9	42.6	71.0	4
	NO4-T1.01-LK.02-05	Đất nhà ở liền kề	CH53 LK12	CH53 LK5x9 BM	60.0	42.7	43.5	43.6	40.1	169.9	42.7	71.2	4
	NO4-T1.01-LK.02-06	Đất nhà ở liền kề	CH53 LK12	CH53 LK5x9 A	60.0	42.7	44.5	44.5	43.0	174.7	42.7	71.2	4
	NO4-T1.01-LK.02-07	Đất nhà ở liền kề	CH53 LK12	CH53 LK5x9 H2M	96.0	42.7	44.4	44.5	43.1	174.7	42.7	44.5	4
	NO4-T1.01-LK.03-01	Đất nhà ở liền kề	CH53 LK07	CH53 LK5x9 H2	96.0	42.7	44.4	44.5	43.1	174.7	42.7	44.5	4
	NO4-T1.01-LK.03-02	Đất nhà ở liền kề	CH53 LK07	CH53 LK5x9 AM	60.0	42.7	44.5	44.5	43.0	174.7	42.7	71.2	4
	NO4-T1.01-LK.03-03	Đất nhà ở liền kề	CH53 LK07	CH53 LK5x9 B	60.0	42.7	43.5	43.6	40.1	169.9	42.7	71.2	4
	NO4-T1.01-LK.03-04	Đất nhà ở liền kề	CH53 LK07	CH53 LK5x9 BM	60.0	42.7	43.5	43.6	40.1	169.9	42.7	71.2	4
	NO4-T1.01-LK.03-05	Đất nhà ở liền kề	CH53 LK07	CH53 LK5x9 A	60.0	42.7	44.5	44.5	43.0	174.7	42.7	71.2	4
NO4-T1.01-LK.03	NO4-T1.01-LK.03-06	Đất nhà ở liền kề	CH53 LK07	CH53 LK10x9 G5M	112.0	77.5	81.5	81.8	74.1	314.9	77.5	69.2	4
	NO4-T1.01-LK.04-01	Đất nhà ở liền kề	CH53 LK10	CH53 LK8x12 G4	104.0	83.5	85.9	86.3	79.4	335.1	83.5	80.3	4
	NO4-T1.01-LK.04-02	Đất nhà ở liền kề	CH53 LK10	CH53 LK5x12 AM	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.04-03	Đất nhà ở liền kề	CH53 LK10	CH53 LK5x12 B	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.04-04	Đất nhà ở liền kề	CH53 LK10	CH53 LK5x12 D	70.0	57.6	59.1	59.0	55.0	230.7	57.6	82.3	4
	NO4-T1.01-LK.04-05	Đất nhà ở liền kề	CH53 LK10	CH53 LK5x12 BM	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.04-06	Đất nhà ở liền kề	CH53 LK10	CH53 LK5x12 A	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.04-07	Đất nhà ở liền kề	CH53 LK10	CH53 LK5x12 H1M	112.0	57.7	59.4	59.5	58.1	234.7	57.7	51.5	4
	NO4-T1.01-LK.04-08	Đất nhà ở liền kề	CH53 LK09	CH53 LK5x8 H4	80.0	37.7	39.4	39.5	38.1	154.7	37.7	47.1	4
	NO4-T1.01-LK.04-09	Đất nhà ở liền kề	CH53 LK09	CH53 LK5x8 AM	50.0	37.7	39.3	39.6	38.0	154.6	37.7	75.4	4
NO4-T1.01-LK.04	NO4-T1.01-LK.04-10	Đất nhà ở liền kề	CH53 LK09	CH53 LK5x8 B	50.0	37.7	38.4	38.6	35.1	149.8	37.7	75.4	4
	NO4-T1.01-LK.04-11	Đất nhà ở liền kề	CH53 LK09	CH53 LK5x8 D	50.0	37.6	39.1	39.2	35.0	150.9	37.6	75.2	4

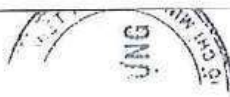
88

NO4-T1.01-LK.05	NO4-T1.01-LK.04-12	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK09	CH53_LK5x8 BM	50.0	37.7	38.4	38.6	35.1	149.8	37.7	75.4	4
	NO4-T1.01-LK.04-13	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK09	CH53_LK5x8 A	50.0	37.7	39.3	39.6	38.0	154.6	37.7	75.4	4
	NO4-T1.01-LK.04-14	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK09	CH53_LK5x8 H1M	72.0	52.4	55.9	56.1	49.6	214.0	52.4	72.8	4
	NO4-T1.01-LK.05-01	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK11	CH53_LK5x12 H1	112.0	57.7	59.4	59.5	58.1	234.7	57.7	51.5	4
	NO4-T1.01-LK.05-02	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK11	CH53_LK5x12 AM	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.05-03	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK11	CH53_LK5x12 B	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.05-04	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK11	CH53_LK5x12 D	70.0	57.7	59.1	59.0	55.1	230.7	57.7	82.3	4
	NO4-T1.01-LK.05-05	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK11	CH53_LK5x12 BM	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.05-06	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK11	CH53_LK5x12 A	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.05-07	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK11	CH53_LK5x12 H1M	112.0	57.7	59.4	59.5	58.1	234.7	57.7	51.5	4
	NO4-T1.01-LK.05-08	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK08	CH53_LK5x8 H4	80.0	37.7	39.4	39.5	38.1	154.7	37.7	47.1	4
	NO4-T1.01-LK.05-09	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK08	CH53_LK5x8 AM	50.0	37.7	39.3	39.6	38.0	154.6	37.7	75.4	4
NO4-T1.01-LK.06	NO4-T1.01-LK.05-10	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK08	CH53_LK5x8 B	50.0	37.7	38.4	38.6	35.1	149.8	37.7	75.4	4
	NO4-T1.01-LK.05-11	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK08	CH53_LK5x8 D	50.0	37.6	39.1	39.2	35.0	150.9	37.6	75.2	4
	NO4-T1.01-LK.05-12	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK08	CH53_LK5x8 BM	50.0	37.7	38.4	38.6	35.1	149.8	37.7	75.4	4
	NO4-T1.01-LK.05-13	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK08	CH53_LK5x8 A	50.0	37.7	39.3	39.6	38.0	154.6	37.7	75.4	4
	NO4-T1.01-LK.05-14	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK08	CH53_LK5x8 H4M	80.0	37.7	39.4	39.5	38.1	154.7	37.7	47.1	4
	NO4-T1.01-LK.06-01	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK03 M	CH53_LK5x12 H1	112.0	57.7	59.4	59.5	58.1	234.7	57.7	51.5	4
	NO4-T1.01-LK.06-02	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK03 M	CH53_LK5x12 AM	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.06-03	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK03 M	CH53_LK5x12 B	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.06-04	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK03 M	CH53_LK5x12 BM	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.06-05	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK03 M	CH53_LK5x12 A	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.06-06	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK03 M	CH53_LK10x12 G3M	132.0	107.1	108.7	110.6	102.3	428.7	107.1	81.1	4
	NO4-T1.01-LK.06-07	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK05	CH53_LK10x8 G10	92.0	67.7	72.5	73.0	61.8	275.0	67.7	73.6	4
NO4-T1.01-LK.07	NO4-T1.01-LK.06-08	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK05	CH53_LK5x8 AM	50.0	37.7	39.3	39.6	38.0	154.6	37.7	75.4	4
	NO4-T1.01-LK.06-09	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK05	CH53_LK5x8 B	50.0	37.7	38.4	38.6	35.1	149.8	37.7	75.4	4
	NO4-T1.01-LK.06-10	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK05	CH53_LK5x8 BM	50.0	37.7	38.4	38.6	35.1	149.8	37.7	75.4	4
	NO4-T1.01-LK.06-11	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK05	CH53_LK5x8 A	50.0	37.7	39.3	39.6	38.0	154.6	37.7	75.4	4
	NO4-T1.01-LK.06-12	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK05	CH53_LK5x8 H4M	80.0	37.7	39.4	39.5	38.1	154.7	37.7	47.1	4
	NO4-T1.01-LK.07-01	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK10	CH53_LK8x12 G4	104.0	83.5	85.9	86.3	79.4	335.1	83.5	80.3	4
	NO4-T1.01-LK.07-02	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK10	CH53_LK5x12 AM	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.07-03	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK10	CH53_LK5x12 B	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.07-04	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK10	CH53_LK5x12 D	70.0	57.6	59.1	59.0	55.0	230.7	57.6	82.3	4
	NO4-T1.01-LK.07-05	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK10	CH53_LK5x12 BM	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.07-06	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK10	CH53_LK5x12 A	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.07-07	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK10	CH53_LK5x12 H1M	112.0	57.7	59.4	59.5	58.1	234.7	57.7	51.5	4
NO4-T1.01-LK.07	NO4-T1.01-LK.07-08	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK09	CH53_LK5x8 H4	80.0	37.7	39.4	39.5	38.1	154.7	37.7	47.1	4
	NO4-T1.01-LK.07-09	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK09	CH53_LK5x8 AM	50.0	37.7	39.3	39.6	38.0	154.6	37.7	75.4	4
	NO4-T1.01-LK.07-10	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK09	CH53_LK5x8 B	50.0	37.7	38.4	38.6	35.1	149.8	37.7	75.4	4
	NO4-T1.01-LK.07-11	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK09	CH53_LK5x8 D	50.0	37.6	39.1	39.2	35.0	150.9	37.6	75.2	4

NO4-T1.01-LK.08	NO4-T1.01-LK.07-12	Dất nhà ở liền kề	CH53_LK09	CH53_LK5x8 BM	50.0	37.7	38.4	38.6	35.1	149.8	37.7	75.4	4
	NO4-T1.01-LK.07-13	Dất nhà ở liền kề	CH53_LK09	CH53_LK5x8 A	50.0	37.7	39.3	39.6	38.0	154.6	37.7	75.4	4
	NO4-T1.01-LK.07-14	Dất nhà ở liền kề	CH53_LK09	CH53_LK5x8 G11M	72.0	52.4	55.9	56.1	49.6	214.0	52.4	72.8	4
	NO4-T1.01-LK.08-01	Dất nhà ở liền kề	CH53_LK11	CH53_LK5x12 H1	112.0	57.7	59.4	59.5	58.1	234.7	57.7	51.5	4
	NO4-T1.01-LK.08-02	Dất nhà ở liền kề	CH53_LK11	CH53_LK5x12 AM	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.08-03	Dất nhà ở liền kề	CH53_LK11	CH53_LK5x12 B	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.08-04	Dất nhà ở liền kề	CH53_LK11	CH53_LK5x12 D	70.0	57.6	59.1	59.0	55.0	230.7	57.6	82.3	4
	NO4-T1.01-LK.08-05	Dất nhà ở liền kề	CH53_LK11	CH53_LK5x12 BM	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.08-06	Dất nhà ở liền kề	CH53_LK11	CH53_LK5x12 A	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.08-07	Dất nhà ở liền kề	CH53_LK11	CH53_LK5x12 H11M	112.0	57.7	59.4	59.5	58.1	234.7	57.7	51.5	4
	NO4-T1.01-LK.08-08	Dất nhà ở liền kề	CH53_LK08	CH53_LK5x8 H4	80.0	37.7	39.4	39.5	38.1	154.7	37.7	47.1	4
	NO4-T1.01-LK.08-09	Dất nhà ở liền kề	CH53_LK08	CH53_LK5x8 AM	50.0	37.7	39.3	39.6	38.0	154.6	37.7	75.4	4
	NO4-T1.01-LK.08-10	Dất nhà ở liền kề	CH53_LK08	CH53_LK5x8 B	50.0	37.7	38.4	38.6	35.1	149.8	37.7	75.4	4
	NO4-T1.01-LK.08-11	Dất nhà ở liền kề	CH53_LK08	CH53_LK5x8 D	50.0	37.6	39.1	39.2	35.0	150.9	37.6	75.2	4
	NO4-T1.01-LK.08-12	Dất nhà ở liền kề	CH53_LK08	CH53_LK5x8 BM	50.0	37.7	38.4	38.6	35.1	149.8	37.7	75.4	4
NO4-T1.01-LK.09	NO4-T1.01-LK.08-13	Dất nhà ở liền kề	CH53_LK08	CH53_LK5x8 A	50.0	37.7	39.3	39.6	38.0	154.6	37.7	75.4	4
	NO4-T1.01-LK.08-14	Dất nhà ở liền kề	CH53_LK08	CH53_LK5x8 H4M	80.0	37.7	39.4	39.5	38.1	154.7	37.7	47.1	4
	NO4-T1.01-LK.09-01	Dất nhà ở liền kề	CH53_LK03 M	CH53_LK5x12 H1	112.0	57.7	59.4	59.5	58.1	234.7	57.7	51.5	4
	NO4-T1.01-LK.09-02	Dất nhà ở liền kề	CH53_LK03 M	CH53_LK5x12 AM	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.09-03	Dất nhà ở liền kề	CH53_LK03 M	CH53_LK5x12 B	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.09-04	Dất nhà ở liền kề	CH53_LK03 M	CH53_LK5x12 BM	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.09-05	Dất nhà ở liền kề	CH53_LK03 M	CH53_LK5x12 A	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.09-06	Dất nhà ở liền kề	CH53_LK03 M	CH53_LK10x12 G3M	132.0	107.1	108.7	110.6	102.3	428.7	107.1	81.1	4
	NO4-T1.01-LK.09-07	Dất nhà ở liền kề	CH53_LK05	CH53_LK10x8 G10	92.0	67.7	72.5	73.0	61.8	275.0	67.7	73.6	4
	NO4-T1.01-LK.09-08	Dất nhà ở liền kề	CH53_LK05	CH53_LK5x8 AM	50.0	37.7	39.3	39.6	38.0	154.6	37.7	75.4	4
	NO4-T1.01-LK.09-09	Dất nhà ở liền kề	CH53_LK05	CH53_LK5x8 B	50.0	37.7	38.4	38.6	35.1	149.8	37.7	75.4	4
	NO4-T1.01-LK.09-10	Dất nhà ở liền kề	CH53_LK05	CH53_LK5x8 BM	50.0	37.7	38.4	38.6	35.1	149.8	37.7	75.4	4
	NO4-T1.01-LK.09-11	Dất nhà ở liền kề	CH53_LK05	CH53_LK5x8 A	50.0	37.7	39.3	39.6	38.0	154.6	37.7	75.4	4
	NO4-T1.01-LK.09-12	Dất nhà ở liền kề	CH53_LK05	CH53_LK5x8 H4M	80.0	37.7	39.4	39.5	38.1	154.7	37.7	47.1	4
	NO4-T1.01-LK.10-01	Dất nhà ở liền kề	CH53_LK10	CH53_LK8x12 G4	104.0	83.5	85.9	86.3	79.4	335.1	83.5	80.3	4
	NO4-T1.01-LK.10-02	Dất nhà ở liền kề	CH53_LK10	CH53_LK5x12 AM	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
NO4-T1.01-LK.10	NO4-T1.01-LK.10-03	Dất nhà ở liền kề	CH53_LK10	CH53_LK5x12 B	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.10-04	Dất nhà ở liền kề	CH53_LK10	CH53_LK5x12 D	70.0	57.6	59.1	59.0	55.0	230.7	57.6	82.3	4
	NO4-T1.01-LK.10-05	Dất nhà ở liền kề	CH53_LK10	CH53_LK5x12 BM	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.10-06	Dất nhà ở liền kề	CH53_LK10	CH53_LK5x12 A	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.10-07	Dất nhà ở liền kề	CH53_LK10	CH53_LK5x12 H11M	112.0	57.7	59.4	59.5	58.1	234.7	57.7	51.5	4
	NO4-T1.01-LK.10-08	Dất nhà ở liền kề	CH53_LK10 M	CH53_LK5x12 H1	112.0	57.7	59.4	59.5	58.1	234.7	57.7	51.5	4
	NO4-T1.01-LK.10-09	Dất nhà ở liền kề	CH53_LK10 M	CH53_LK5x12 AM	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.10-10	Dất nhà ở liền kề	CH53_LK10 M	CH53_LK5x12 B	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.10-11	Dất nhà ở liền kề	CH53_LK10 M	CH53_LK5x12 DM	70.0	57.6	59.1	59.0	55.0	230.7	57.6	82.3	4

NO4-T1.01-LK.11	NO4-T1.01-LK.10-12	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK10_M	CH53_LK5x12_BM	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.10-13	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK10_M	CH53_LK5x12_A	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.10-14	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK10_M	CH53_LK8x12_G4M	104.0	83.5	85.9	86.3	79.4	335.1	83.5	80.3	4
	NO4-T1.01-LK.11-01	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK11	CH53_LK5x12_I11	112.0	57.7	59.4	59.5	58.1	234.7	57.7	51.5	4
	NO4-T1.01-LK.11-02	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK11	CH53_LK5x12_AM	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.11-03	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK11	CH53_LK5x12_B	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.11-04	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK11	CH53_LK5x12_D	70.0	57.6	59.1	59.0	55.0	230.7	57.6	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.11-05	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK11	CH53_LK5x12_BM	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.11-06	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK11	CH53_LK5x12_A	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.11-07	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK11	CH53_LK5x12_H1M	112.0	57.7	59.4	59.5	58.1	234.7	57.7	51.5	4
	NO4-T1.01-LK.11-08	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK11	CH53_LK5x12_H1	112.0	57.7	59.4	59.5	58.1	234.7	57.7	51.5	4
	NO4-T1.01-LK.11-09	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK11	CH53_LK5x12_AM	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.11-10	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK11	CH53_LK5x12_B	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.11-11	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK11	CH53_LK5x12_D	70.0	57.7	59.4	59.5	58.1	234.7	57.7	51.5	4
	NO4-T1.01-LK.11-12	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK11	CH53_LK5x12_BM	70.0	57.6	59.1	59.0	55.0	230.7	57.6	82.3	4
	NO4-T1.01-LK.11-13	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK11	CH53_LK5x12_A	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.11-14	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK11	CH53_LK5x12_H1M	112.0	57.7	59.4	59.5	58.1	234.7	57.7	51.5	4
	NO4-T1.01-LK.12-01	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK03_M	CH53_LK5x12_H1	112.0	57.7	59.4	59.5	58.1	234.7	57.7	51.5	4
	NO4-T1.01-LK.12-02	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK03_M	CH53_LK5x12_AM	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.12-03	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK03_M	CH53_LK5x12_B	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.12-04	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK03_M	CH53_LK5x12_BM	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
NO4-T1.01-LK.12	NO4-T1.01-LK.12-05	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK03_M	CH53_LK5x12_A	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.12-06	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK03_M	CH53_LK10x12_G3M	132.0	107.1	108.7	110.6	102.3	428.7	107.1	81.1	4
	NO4-T1.01-LK.12-07	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK03	CH53_LK10x12_G3	132.0	107.1	108.7	110.6	102.3	428.7	107.1	81.1	4
	NO4-T1.01-LK.12-08	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK03	CH53_LK5x12_AM	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.12-09	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK03	CH53_LK5x12_B	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.12-10	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK03	CH53_LK5x12_BM	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.12-11	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK03	CH53_LK5x12_A	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.12-12	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK03	CH53_LK5x12_H1M	112.0	57.7	59.4	59.5	58.1	234.7	57.7	51.5	4
	NO4-T1.01-LK.13-01	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK10	CH53_LK8x12_G4	104.0	83.5	85.9	86.3	79.4	335.1	83.5	80.3	4
	NO4-T1.01-LK.13-02	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK10	CH53_LK5x12_AM	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.13-03	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK10	CH53_LK5x12_B	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.13-04	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK10	CH53_LK5x12_D	70.0	57.6	59.1	59.0	55.0	230.7	57.6	82.3	4
NO4-T1.01-LK.13	NO4-T1.01-LK.13-05	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK10	CH53_LK5x12_BM	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.13-06	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK10	CH53_LK5x12_A	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.13-07	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK10	CH53_LK5x12_H1M	112.0	57.7	59.4	59.5	58.1	234.7	57.7	51.5	4
	NO4-T1.01-LK.13-08	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK09	CH53_LK5x8_H4	80.0	37.7	39.4	39.5	38.1	154.7	37.7	47.1	4
	NO4-T1.01-LK.13-09	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK09	CH53_LK5x8_AM	50.0	37.7	39.3	39.6	38.0	154.6	37.7	75.4	4
	NO4-T1.01-LK.13-10	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK09	CH53_LK5x8_B	50.0	37.7	38.4	38.6	35.1	149.8	37.7	75.4	4
	NO4-T1.01-LK.13-11	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK09	CH53_LK5x8_D	50.0	37.6	39.1	39.2	35.0	150.9	37.6	75.2	4

NO4-T1.01-LK.14	NO4-T1.01-LK.13-12	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK09	CH53_LK5x8 BM	50.0	37.7	38.4	38.6	35.1	149.8	37.7	75.4	4
	NO4-T1.01-LK.13-13	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK09	CH53_LK5x8 A	50.0	37.7	39.3	39.6	38.0	154.6	37.7	75.4	4
	NO4-T1.01-LK.13-14	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK09	CH53_LK8x8 G11M	72.0	52.4	55.9	56.1	49.6	214.0	52.4	72.8	4
	NO4-T1.01-LK.14-01	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK11	CH53_LK5x12 H1	112.0	57.7	59.4	59.5	58.1	234.7	57.7	51.5	4
	NO4-T1.01-LK.14-02	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK11	CH53_LK5x12 AM	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.14-03	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK11	CH53_LK5x12 B	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.14-04	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK11	CH53_LK5x12 D	70.0	57.6	59.1	59.0	55.0	230.7	57.6	82.3	4
	NO4-T1.01-LK.14-05	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK11	CH53_LK5x12 BM	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.14-06	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK11	CH53_LK5x12 A	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.14-07	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK11	CH53_LK5x12 H1M	112.0	57.7	59.4	59.5	58.1	234.7	57.7	51.5	4
	NO4-T1.01-LK.14-08	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK08	CH53_LK5x8 H4	80.0	37.7	39.4	39.5	38.1	154.7	37.7	47.1	4
	NO4-T1.01-LK.14-09	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK08	CH53_LK5x8 AM	50.0	37.7	39.3	39.6	38.0	154.6	37.7	75.4	4
	NO4-T1.01-LK.14-10	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK08	CH53_LK5x8 B	50.0	37.7	38.4	38.6	35.1	149.8	37.7	75.4	4
	NO4-T1.01-LK.14-11	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK08	CH53_LK5x8 D	50.0	37.6	39.1	39.2	35.0	150.9	37.6	75.2	4
	NO4-T1.01-LK.14-12	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK08	CH53_LK5x8 BM	50.0	37.7	38.4	38.6	35.1	149.8	37.7	75.4	4
	NO4-T1.01-LK.14-13	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK08	CH53_LK5x8 A	50.0	37.7	39.3	39.6	38.0	154.6	37.7	75.4	4
	NO4-T1.01-LK.14-14	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK08	CH53_LK5x8 H4M	80.0	37.7	39.4	39.5	38.1	154.7	37.7	47.1	4
	NO4-T1.01-LK.15-01	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK03 M	CH53_LK5x12 H1	112.0	57.7	59.4	59.5	58.1	234.7	57.7	51.5	4
	NO4-T1.01-LK.15-02	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK03 M	CH53_LK5x12 AM	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.15-03	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK03 M	CH53_LK5x12 B	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.15-04	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK03 M	CH53_LK5x12 BM	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
NO4-T1.01-LK.15	NO4-T1.01-LK.15-05	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK03 M	CH53_LK5x12 A	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.15-06	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK03 M	CH53_LK10x12 G3M	132.0	107.1	108.7	110.6	102.3	428.7	107.1	81.1	4
	NO4-T1.01-LK.15-07	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK05	CH53_LK10x8 G10	92.0	67.7	72.5	73.0	61.8	275.0	67.7	73.6	4
	NO4-T1.01-LK.15-08	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK05	CH53_LK5x8 AM	50.0	37.7	39.3	39.6	38.0	154.6	37.7	75.4	4
	NO4-T1.01-LK.15-09	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK05	CH53_LK5x8 B	50.0	37.7	38.4	38.6	35.1	149.8	37.7	75.4	4
	NO4-T1.01-LK.15-10	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK05	CH53_LK5x8 BM	50.0	37.7	38.4	38.6	35.1	149.8	37.7	75.4	4
	NO4-T1.01-LK.15-11	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK05	CH53_LK5x8 A	50.0	37.7	39.3	39.6	38.0	154.6	37.7	75.4	4
	NO4-T1.01-LK.15-12	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK05	CH53_LK5x8 H4M	80.0	37.7	39.4	39.5	38.1	154.7	37.7	47.1	4
	NO4-T1.01-LK.16-01	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK04	CH53_LK13x12 G2	164.0	126.4	132.3	132.4	122.7	513.8	126.4	77.1	4
	NO4-T1.01-LK.16-02	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK04	CH53_LK5x12 AM	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.16-03	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK04	CH53_LK5x12 B	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.16-04	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK04	CH53_LK5x12 BM	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
NO4-T1.01-LK.16	NO4-T1.01-LK.16-05	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK04	CH53_LK5x12 A	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.16-06	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK04	CH53_LK5x12 H1M	112.0	57.7	59.4	59.5	58.1	234.7	57.7	51.5	4
	NO4-T1.01-LK.16-07	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK10 M	CH53_LK5x12 H1	112.0	57.7	59.4	59.5	58.1	234.7	57.7	51.5	4
	NO4-T1.01-LK.16-08	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK10 M	CH53_LK5x12 AM	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.16-09	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK10 M	CH53_LK5x12 B	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.16-10	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK10 M	CH53_LK5x12 DM	70.0	57.6	59.1	59.0	55.0	230.7	57.6	82.3	4
	NO4-T1.01-LK.16-11	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK10 M	CH53_LK5x12 BM	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4



15/8

NO4-T1.01-LK.17	NO4-T1.01-LK.16-12	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK10_M	CH53_LK5x12_A	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.16-13	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK10_M	CH53_LK8x12_G4M	104.0	83.5	85.9	86.3	79.4	335.1	83.5	80.3	4
	NO4-T1.01-LK.17-01	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK11	CH53_LK5x12_H1	112.0	57.7	59.4	59.5	58.1	234.7	57.7	51.5	4
	NO4-T1.01-LK.17-02	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK11	CH53_LK5x12_AM	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.17-03	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK11	CH53_LK5x12_B	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.17-04	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK11	CH53_LK5x12_D	70.0	57.6	59.1	59.0	55.0	230.7	57.6	82.3	4
	NO4-T1.01-LK.17-05	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK11	CH53_LK5x12_BM	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.17-06	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK11	CH53_LK5x12_A	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.17-07	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK11	CH53_LK5x12_H1M	112.0	57.7	59.4	59.5	58.1	234.7	57.7	51.5	4
	NO4-T1.01-LK.17-08	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK11	CH53_LK5x12_H1	112.0	57.7	59.4	59.5	58.1	234.7	57.7	51.5	4
	NO4-T1.01-LK.17-09	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK11	CH53_LK5x12_AM	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.17-10	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK11	CH53_LK5x12_B	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.17-11	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK11	CH53_LK5x12_D	70.0	57.6	59.1	59.0	55.0	230.7	57.6	82.3	4
	NO4-T1.01-LK.17-12	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK11	CH53_LK5x12_BM	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.17-13	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK11	CH53_LK5x12_A	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.17-14	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK11	CH53_LK5x12_H1M	112.0	57.7	59.4	59.5	58.1	234.7	57.7	51.5	4
	NO4-T1.01-LK.18-01	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK02	CH53_LK5x12_H1	112.0	57.7	59.4	59.5	58.1	234.7	57.7	51.5	4
	NO4-T1.01-LK.18-02	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK02	CH53_LK5x12_AM	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.18-03	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK02	CH53_LK5x12_B	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.18-04	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK02	CH53_LK5x12_BM	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.18-05	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK02	CH53_LK5x12_A	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.18-06	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK02	CH53_LK10x12_G1M	122.0	96.2	100.6	101.0	91.4	389.2	96.2	78.9	4
NO4-T1.01-LK.18	NO4-T1.01-LK.18-07	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK03	CH53_LK10x12_G3	132.0	107.1	108.7	110.6	102.3	428.7	107.1	81.1	4
	NO4-T1.01-LK.18-08	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK03	CH53_LK5x12_AM	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.18-09	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK03	CH53_LK5x12_B	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.18-10	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK03	CH53_LK5x12_BM	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.18-11	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK03	CH53_LK5x12_A	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
	NO4-T1.01-LK.18-12	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK03	CH53_LK5x12_H1M	112.0	57.7	59.4	59.5	58.1	234.7	57.7	51.5	4
	NO4-T1.02-LK.01-01	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK13	CH53_LK8x9_G6	88.0	60.1	63.5	63.5	56.2	243.3	60.1	68.3	4
	NO4-T1.02-LK.01-02	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK13	CH53_LK5x9_AM	60.0	42.7	44.5	44.5	43.0	174.7	42.7	71.2	4
	NO4-T1.02-LK.01-03	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK13	CH53_LK5x9_B	60.0	42.7	43.5	43.6	40.1	169.9	42.7	71.2	4
	NO4-T1.02-LK.01-04	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK13	CH53_LK5x9_D	60.0	42.6	44.1	44.2	40.0	170.9	42.6	71.0	4
	NO4-T1.02-LK.01-05	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK13	CH53_LK5x9_BM	60.0	42.7	43.5	43.6	40.1	169.9	42.7	71.2	4
	NO4-T1.02-LK.01-06	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK13	CH53_LK5x9_A	60.0	42.7	44.5	44.5	43.0	174.7	42.7	71.2	4
NO4-T1.02-LK.01	NO4-T1.02-LK.01-07	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK13	CH53_LK5x9_H2M	96.0	42.7	44.4	44.5	43.1	174.7	42.7	44.5	4
	NO4-T1.02-LK.02-01	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK12	CH53_LK5x9_H2	96.0	42.7	44.4	44.5	43.1	174.7	42.7	44.5	4
	NO4-T1.02-LK.02-02	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK12	CH53_LK5x9_AM	60.0	42.7	44.5	44.5	43.0	174.7	42.7	71.2	4
	NO4-T1.02-LK.02-03	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK12	CH53_LK5x9_B	60.0	42.7	43.5	43.6	40.1	169.9	42.7	71.2	4
	NO4-T1.02-LK.02-04	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK12	CH53_LK5x9_D	60.0	42.6	44.1	44.2	40.0	170.9	42.6	71.0	4
	NO4-T1.02-LK.02-05	Đất nhà ở liền kề	CH53_LK12	CH53_LK5x9_BM	60.0	42.7	43.5	43.6	40.1	169.9	42.7	71.2	4

NO4-T1.02-LK.03	NO4-T1.02-LK.02-06	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK12	CH53_LK5x9 A	60.0	42.7	44.5	44.5	43.0	174.7	42.7	71.2	4
	NO4-T1.02-LK.02-07	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK12	CH53_LK5x9 H2M	96.0	42.7	44.4	44.5	43.1	174.7	42.7	44.5	4
	NO4-T1.02-LK.03-01	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK06	CH53_LK5x9 H2	96.0	42.7	44.4	44.5	43.1	174.7	42.7	44.5	4
	NO4-T1.02-LK.03-02	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK06	CH53_LK5x9 AM	60.0	42.7	44.5	44.5	43.0	174.7	42.7	71.2	4
	NO4-T1.02-LK.03-03	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK06	CH53_LK5x9 B	60.0	42.7	43.5	43.6	40.1	169.9	42.7	71.2	4
	NO4-T1.02-LK.03-04	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK06	CH53_LK5x9 BM	60.0	42.7	43.5	43.6	40.1	169.9	42.7	71.2	4
	NO4-T1.02-LK.03-05	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK06	CH53_LK5x9 A	60.0	42.7	44.5	44.5	43.0	174.7	42.7	71.2	4
	NO4-T1.02-LK.03-06	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK06	CH53_LK10x9 G7M	102.0	66.8	71.8	72.1	63.6	274.3	66.8	65.5	4
	NO4-T1.02-LK.04-01	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK10	CH53_LK8x12 G4	104.0	83.5	85.9	86.3	79.4	335.1	83.5	80.3	4
	NO4-T1.02-LK.04-02	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK10	CH53_LK5x12 AM	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
	NO4-T1.02-LK.04-03	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK10	CH53_LK5x12 B	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
	NO4-T1.02-LK.04-04	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK10	CH53_LK5x12 D	70.0	57.6	59.1	59.0	55.0	230.7	57.6	82.3	4
	NO4-T1.02-LK.04-05	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK10	CH53_LK5x12 BM	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
	NO4-T1.02-LK.04-06	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK10	CH53_LK5x12 A	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
	NO4-T1.02-LK.04-07	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK10	CH53_LK5x12 H1M	112.0	57.7	59.4	59.5	58.1	234.7	57.7	51.5	4
	NO4-T1.02-LK.04-08	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK09	CH53_LK5x8 H4	80.0	37.7	39.4	39.5	38.1	154.7	37.7	47.1	4
NO4-T1.02-LK.04	NO4-T1.02-LK.04-09	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK09	CH53_LK5x8 AM	50.0	37.7	39.3	39.6	38.0	154.6	37.7	75.4	4
	NO4-T1.02-LK.04-10	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK09	CH53_LK5x8 B	50.0	37.7	38.4	38.6	35.1	149.8	37.7	75.4	4
	NO4-T1.02-LK.04-11	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK09	CH53_LK5x8 D	50.0	37.6	39.1	39.2	35.0	150.9	37.6	75.2	4
	NO4-T1.02-LK.04-12	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK09	CH53_LK5x8 BM	50.0	37.7	38.4	38.6	35.1	149.8	37.7	75.4	4
	NO4-T1.02-LK.04-13	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK09	CH53_LK5x8 A	50.0	37.7	39.3	39.6	38.0	154.6	37.7	75.4	4
	NO4-T1.02-LK.04-14	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK09	CH53_LK8x8 G11M	72.0	52.4	55.9	56.1	49.6	214.0	52.4	72.8	4
	NO4-T1.02-LK.05-01	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK11	CH53_LK5x12 H1	112.0	57.7	59.4	59.5	58.1	234.7	57.7	51.5	4
	NO4-T1.02-LK.05-02	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK11	CH53_LK5x12 AM	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
	NO4-T1.02-LK.05-03	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK11	CH53_LK5x12 B	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
	NO4-T1.02-LK.05-04	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK11	CH53_LK5x12 D	70.0	57.6	59.1	59.0	55.0	230.7	57.6	82.3	4
	NO4-T1.02-LK.05-05	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK11	CH53_LK5x12 BM	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
	NO4-T1.02-LK.05-06	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK11	CH53_LK5x12 A	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
	NO4-T1.02-LK.05-07	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK11	CH53_LK5x12 H1M	112.0	57.7	59.4	59.5	58.1	234.7	57.7	51.5	4
	NO4-T1.02-LK.05-08	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK08	CH53_LK5x8 H4	80.0	37.7	39.4	39.5	38.1	154.7	37.7	47.1	4
	NO4-T1.02-LK.05-09	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK08	CH53_LK5x8 AM	50.0	37.7	39.3	39.6	38.0	154.6	37.7	75.4	4
	NO4-T1.02-LK.05-10	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK08	CH53_LK5x8 B	50.0	37.7	38.4	38.6	35.1	149.8	37.7	75.4	4
NO4-T1.02-LK.05	NO4-T1.02-LK.05-11	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK08	CH53_LK5x8 D	50.0	37.6	39.1	39.2	35.0	150.9	37.6	75.2	4
	NO4-T1.02-LK.05-12	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK08	CH53_LK5x8 BM	50.0	37.7	38.4	38.6	35.1	149.8	37.7	75.4	4
	NO4-T1.02-LK.05-13	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK08	CH53_LK5x8 A	50.0	37.7	39.3	39.6	38.0	154.6	37.7	75.4	4
	NO4-T1.02-LK.05-14	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK08	CH53_LK5x8 H4M	80.0	37.7	39.4	39.5	38.1	154.7	37.7	47.1	4
	NO4-T1.02-LK.06-01	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK02	CH53_LK5x12 H1	112.0	57.7	59.4	59.5	58.1	234.7	57.7	51.5	4
	NO4-T1.02-LK.06-02	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK02	CH53_LK5x12 AM	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
	NO4-T1.02-LK.06-03	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK02	CH53_LK5x12 B	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
	NO4-T1.02-LK.06-04	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK02	CH53_LK5x12 BM	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4

Handwritten signature or mark.

NO4-T1.02-LK.06	NO4-T1.02-LK.06-05	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK02	CH53_LK5x12_A	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
	NO4-T1.02-LK.06-06	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK02	CH53_LK10x12_G1M	122.0	96.2	100.6	101.0	91.4	389.2	96.2	78.9	4
	NO4-T1.02-LK.06-07	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK01	CH53_LK10x8_G12	82.0	56.9	60.7	61.1	52.5	231.2	56.9	69.4	4
	NO4-T1.02-LK.06-08	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK01	CH53_LK5x8_AM	50.0	37.7	39.3	39.6	38.0	154.6	37.7	75.4	4
	NO4-T1.02-LK.06-09	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK01	CH53_LK5x8_B	50.0	37.7	38.4	38.6	35.1	149.8	37.7	75.4	4
	NO4-T1.02-LK.06-10	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK01	CH53_LK5x8_BM	50.0	37.7	38.4	38.6	35.1	149.8	37.7	75.4	4
	NO4-T1.02-LK.06-11	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK01	CH53_LK5x8_A	50.0	37.7	39.3	39.6	38.0	154.6	37.7	75.4	4
	NO4-T1.02-LK.06-12	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK01	CH53_LK5x8_H4M	80.0	37.7	39.4	39.5	38.1	154.7	37.7	47.1	4
	NO4-T1.02-LK.07-01	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK10	CH53_LK8x12_G4	104.0	83.5	85.9	86.3	79.4	335.1	83.5	80.3	4
	NO4-T1.02-LK.07-02	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK10	CH53_LK5x12_AM	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
	NO4-T1.02-LK.07-03	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK10	CH53_LK5x12_B	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
	NO4-T1.02-LK.07-04	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK10	CH53_LK5x12_D	70.0	57.6	59.1	59.0	55.0	230.7	57.6	82.3	4
	NO4-T1.02-LK.07-05	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK10	CH53_LK5x12_BM	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
	NO4-T1.02-LK.07-06	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK10	CH53_LK5x12_A	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
	NO4-T1.02-LK.07-07	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK10	CH53_LK5x12_H1M	112.0	57.7	59.4	59.5	58.1	234.7	57.7	51.5	4
NO4-T1.02-LK.07	NO4-T1.02-LK.07-08	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK09	CH53_LK5x8_H4	80.0	37.7	39.4	39.5	38.1	154.7	37.7	47.1	4
	NO4-T1.02-LK.07-09	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK09	CH53_LK5x8_AM	50.0	37.7	39.3	39.6	38.0	154.6	37.7	75.4	4
	NO4-T1.02-LK.07-10	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK09	CH53_LK5x8_B	50.0	37.7	38.4	38.6	35.1	149.8	37.7	75.4	4
	NO4-T1.02-LK.07-11	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK09	CH53_LK5x8_D	50.0	37.6	39.1	39.2	35.0	150.9	37.6	75.2	4
	NO4-T1.02-LK.07-12	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK09	CH53_LK5x8_BM	50.0	37.7	38.4	38.6	35.1	149.8	37.7	75.4	4
	NO4-T1.02-LK.07-13	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK09	CH53_LK5x8_A	50.0	37.7	39.3	39.6	38.0	154.6	37.7	75.4	4
	NO4-T1.02-LK.07-14	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK09	CH53_LK8x8_G11M	72.0	52.4	55.9	56.1	49.6	214.0	52.4	72.8	4
	NO4-T1.02-LK.08-01	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK11	CH53_LK5x12_H1	112.0	57.7	59.4	59.5	58.1	234.7	57.7	51.5	4
	NO4-T1.02-LK.08-02	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK11	CH53_LK5x12_AM	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
	NO4-T1.02-LK.08-03	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK11	CH53_LK5x12_B	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
	NO4-T1.02-LK.08-04	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK11	CH53_LK5x12_D	70.0	57.6	59.1	59.0	55.0	230.7	57.6	82.3	4
	NO4-T1.02-LK.08-05	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK11	CH53_LK5x12_BM	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
	NO4-T1.02-LK.08-06	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK11	CH53_LK5x12_A	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
	NO4-T1.02-LK.08-07	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK11	CH53_LK5x12_H1M	112.0	57.7	59.4	59.5	58.1	234.7	57.7	51.5	4
	NO4-T1.02-LK.08-08	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK08	CH53_LK5x8_H4	80.0	37.7	39.4	39.5	38.1	154.7	37.7	47.1	4
	NO4-T1.02-LK.08-09	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK08	CH53_LK5x8_AM	50.0	37.7	39.3	39.6	38.0	154.6	37.7	75.4	4
NO4-T1.02-LK.08	NO4-T1.02-LK.08-10	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK08	CH53_LK5x8_B	50.0	37.7	38.4	38.6	35.1	149.8	37.7	75.4	4
	NO4-T1.02-LK.08-11	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK08	CH53_LK5x8_D	50.0	37.6	39.1	39.2	35.0	150.9	37.6	75.2	4
	NO4-T1.02-LK.08-12	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK08	CH53_LK5x8_BM	50.0	37.7	38.4	38.6	35.1	149.8	37.7	75.4	4
	NO4-T1.02-LK.08-13	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK08	CH53_LK5x8_A	50.0	37.7	39.3	39.6	38.0	154.6	37.7	75.4	4
	NO4-T1.02-LK.08-14	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK08	CH53_LK5x8_H4M	80.0	37.7	39.4	39.5	38.1	154.7	37.7	47.1	4
	NO4-T1.02-LK.09-01	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK02	CH53_LK5x12_I11	112.0	57.7	59.4	59.5	58.1	234.7	57.7	51.5	4
	NO4-T1.02-LK.09-02	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK02	CH53_LK5x12_AM	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
	NO4-T1.02-LK.09-03	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK02	CH53_LK5x12_B	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
	NO4-T1.02-LK.09-04	Đất nhà ở liên kề	CH53_LK02	CH53_LK5x12_BM	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4

NO4-T1.02-LK.09	NO4-T1.02-LK.09-05	Đất nhà ở liên kết	CH53_LK02	CH53_LK5x12_A	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
	NO4-T1.02-LK.09-06	Đất nhà ở liên kết	CH53_LK02	CH53_LK10x12_G1M	122.0	96.2	100.6	101.0	91.4	389.2	96.2	78.9	4
	NO4-T1.02-LK.09-07	Đất nhà ở liên kết	CH53_LK01	CH53_LK10x8_G12	82.0	56.9	60.7	61.1	52.5	231.2	56.9	69.4	4
	NO4-T1.02-LK.09-08	Đất nhà ở liên kết	CH53_LK01	CH53_LK5x8_AM	50.0	37.7	39.3	39.6	38.0	154.6	37.7	75.4	4
	NO4-T1.02-LK.09-09	Đất nhà ở liên kết	CH53_LK01	CH53_LK5x8_B	50.0	37.7	38.4	38.6	35.1	149.8	37.7	75.4	4
	NO4-T1.02-LK.09-10	Đất nhà ở liên kết	CH53_LK01	CH53_LK5x8_BM	50.0	37.7	38.4	38.6	35.1	149.8	37.7	75.4	4
	NO4-T1.02-LK.09-11	Đất nhà ở liên kết	CH53_LK01	CH53_LK5x8_A	50.0	37.7	39.3	39.6	38.0	154.6	37.7	75.4	4
	NO4-T1.02-LK.09-12	Đất nhà ở liên kết	CH53_LK01	CH53_LK5x8_H4M	80.0	37.7	39.4	39.5	38.1	154.7	37.7	47.1	4
	NO4-T1.03-LK.01-01	Đất nhà ở liên kết	CH52_LK17	CH52_LK13x12_G2	158.1	123.2	125.5	113.0	95.7	457.4	123.2	77.9	4
	NO4-T1.03-LK.01-02	Đất nhà ở liên kết	CH52_LK17	CH52_LK5x12_AM	70.0	58.3	60.0	56.7	53.8	228.8	58.3	83.3	4
	NO4-T1.03-LK.01-03	Đất nhà ở liên kết	CH52_LK17	CH52_LK5x12_B	70.0	58.3	60.0	59.1	47.9	225.3	58.3	83.3	4
	NO4-T1.03-LK.01-04	Đất nhà ở liên kết	CH52_LK17	CH52_LK5x12_BM	70.0	58.3	60.0	59.1	47.9	225.3	58.3	83.3	4
NO4-T1.03-LK.01	NO4-T1.03-LK.01-05	Đất nhà ở liên kết	CH52_LK17	CH52_LK5x12_A	70.0	58.3	60.0	56.7	53.8	228.8	58.3	83.3	4
	NO4-T1.03-LK.01-06	Đất nhà ở liên kết	CH52_LK17	CH52_LK5x12_H1M	112.0	58.3	60.0	56.7	53.8	228.8	58.3	52.1	4
	NO4-T1.03-LK.02-01	Đất nhà ở liên kết	CH52_LK18	CH52_LK5x12_H1	112.0	58.3	60.0	56.7	53.8	228.8	58.3	52.1	4
	NO4-T1.03-LK.02-02	Đất nhà ở liên kết	CH52_LK18	CH52_LK5x12_B	70.0	58.3	60.0	59.1	47.9	225.3	58.3	83.3	4
	NO4-T1.03-LK.02-03	Đất nhà ở liên kết	CH52_LK18	CH52_LK5x12_BM	70.0	58.3	60.0	59.1	47.9	225.3	58.3	83.3	4
	NO4-T1.03-LK.02-04	Đất nhà ở liên kết	CH52_LK18	CH52_LK5x12_A	70.0	58.3	60.0	56.7	53.8	228.8	58.3	83.3	4
	NO4-T1.03-LK.02-05	Đất nhà ở liên kết	CH52_LK18	CH52_LK5x12_AM	70.0	58.3	60.0	56.7	53.8	228.8	58.3	83.3	4
	NO4-T1.03-LK.02-06	Đất nhà ở liên kết	CH52_LK18	CH52_LK5x12_B	70.0	58.3	60.0	59.1	47.9	225.3	58.3	83.3	4
	NO4-T1.03-LK.02-07	Đất nhà ở liên kết	CH52_LK18	CH52_LK5x12_BM	70.0	58.3	60.0	59.1	47.9	225.3	58.3	83.3	4
	NO4-T1.03-LK.02-08	Đất nhà ở liên kết	CH52_LK18	CH52_LK5x12_H1M	112.0	58.3	60.0	56.7	53.8	228.8	58.3	52.1	4
	NO4-T1.03-LK.03-01	Đất nhà ở liên kết	CH52_LK19	CH52_LK5x12_H1	112.0	58.3	60.0	56.7	53.8	228.8	58.3	52.1	4
	NO4-T1.03-LK.03-02	Đất nhà ở liên kết	CH52_LK19	CH52_LK5x12_B	70.0	58.3	60.0	59.1	47.9	225.3	58.3	83.3	4
NO4-T1.03-LK.03	NO4-T1.03-LK.03-03	Đất nhà ở liên kết	CH52_LK19	CH52_LK5x12_BM	70.0	58.3	60.0	59.1	47.9	225.3	58.3	83.3	4
	NO4-T1.03-LK.03-04	Đất nhà ở liên kết	CH52_LK19	CH52_LK5x12_A	70.0	58.3	60.0	56.7	53.8	228.8	58.3	83.3	4
	NO4-T1.03-LK.03-05	Đất nhà ở liên kết	CH52_LK19	CH52_LK5x12_AM	70.0	58.3	60.0	56.7	53.8	228.8	58.3	83.3	4
	NO4-T1.03-LK.03-06	Đất nhà ở liên kết	CH52_LK19	CH52_LK5x12_B	70.0	58.3	60.0	59.1	47.9	225.3	58.3	83.3	4
	NO4-T1.03-LK.03-07	Đất nhà ở liên kết	CH52_LK19	CH52_LK5x12_BM	70.0	58.3	60.0	59.1	47.9	225.3	58.3	83.3	4
	NO4-T1.03-LK.03-08	Đất nhà ở liên kết	CH52_LK19	CH52_LK5x12_A	70.0	58.3	60.0	56.7	53.8	228.8	58.3	83.3	4
	NO4-T1.03-LK.03-09	Đất nhà ở liên kết	CH52_LK19	CH52_LK5x12_H1M	112.0	58.3	60.0	56.7	53.8	228.8	58.3	52.1	4
	NO4-T1.03-LK.04-01	Đất nhà ở liên kết	CH52_LK19	CH52_LK5x12_H1	112.0	58.3	60.0	56.7	53.8	228.8	58.3	52.1	4
	NO4-T1.03-LK.04-02	Đất nhà ở liên kết	CH52_LK19	CH52_LK5x12_B	70.0	58.3	60.0	59.1	47.9	225.3	58.3	83.3	4
	NO4-T1.03-LK.04-03	Đất nhà ở liên kết	CH52_LK19	CH52_LK5x12_BM	70.0	58.3	60.0	59.1	47.9	225.3	58.3	83.3	4
	NO4-T1.03-LK.04-04	Đất nhà ở liên kết	CH52_LK19	CH52_LK5x12_A	70.0	58.3	60.0	56.7	53.8	228.8	58.3	83.3	4
	NO4-T1.03-LK.04-05	Đất nhà ở liên kết	CH52_LK19	CH52_LK5x12_AM	70.0	58.3	60.0	56.7	53.8	228.8	58.3	83.3	4
NO4-T1.03-LK.04	NO4-T1.03-LK.04-06	Đất nhà ở liên kết	CH52_LK19	CH52_LK5x12_B	70.0	58.3	60.0	59.1	47.9	225.3	58.3	83.3	4
	NO4-T1.03-LK.04-07	Đất nhà ở liên kết	CH52_LK19	CH52_LK5x12_BM	70.0	58.3	60.0	59.1	47.9	225.3	58.3	83.3	4
	NO4-T1.03-LK.04-08	Đất nhà ở liên kết	CH52_LK19	CH52_LK5x12_A	70.0	58.3	60.0	56.7	53.8	228.8	58.3	83.3	4
	NO4-T1.03-LK.04-09	Đất nhà ở liên kết	CH52_LK19	CH52_LK5x12_H1M	112.0	58.3	60.0	56.7	53.8	228.8	58.3	52.1	4

8

NO4-T1.03-LK.05	NO4-T1.03-LK.05-01	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK20	CH52_LK5x12_H1	112.0	58.3	60.0	56.7	53.8	228.8	58.3	52.1	4
	NO4-T1.03-LK.05-02	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK20	CH52_LK5x12_AM	70.0	58.3	60.0	56.7	53.8	228.8	58.3	83.3	4
	NO4-T1.03-LK.05-03	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK20	CH52_LK5x12_B	70.0	58.3	60.0	59.1	47.9	225.3	58.3	83.3	4
	NO4-T1.03-LK.05-04	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK20	CH52_LK5x12_BM	70.0	58.3	60.0	59.1	47.9	225.3	58.3	83.3	4
	NO4-T1.03-LK.05-05	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK20	CH52_LK5x12_A	70.0	58.3	60.0	56.7	53.8	228.8	58.3	83.3	4
	NO4-T1.03-LK.05-06	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK20	CH52_LK5x12_AM	70.0	58.3	60.0	56.7	53.8	228.8	58.3	83.3	4
	NO4-T1.03-LK.05-07	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK20	CH52_LK5x12_B	70.0	58.3	60.0	59.1	47.9	225.3	58.3	83.3	4
	NO4-T1.03-LK.05-08	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK20	CH52_LK5x12_BM	70.0	58.3	60.0	59.1	47.9	225.3	58.3	83.3	4
	NO4-T1.03-LK.05-09	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK20	CH52_LK10.8x12_G1M	133.7	109.3	111.5	98.6	79.0	398.4	109.3	81.8	4
	NO4-T1.04-LK.01-01	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK05	CH52_LK9x14_G3	126.0	105.5	107.8	95.0	74.2	382.5	105.5	83.7	4
	NO4-T1.04-LK.01-02	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK05	CH52_LK5x14_AM	80.0	68.3	70.0	66.7	63.8	268.8	68.3	85.4	4
	NO4-T1.04-LK.01-03	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK05	CH52_LK5x14_B	80.0	68.3	70.0	69.1	57.9	265.3	68.3	85.4	4
	NO4-T1.04-LK.01-04	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK05	CH52_LK5x14_BM	80.0	68.3	70.0	69.1	57.9	265.3	68.3	85.4	4
	NO4-T1.04-LK.01-05	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK05	CH52_LK5x14_A	80.0	68.3	70.0	66.7	63.8	268.8	68.3	85.4	4
	NO4-T1.04-LK.01-06	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK05	CH52_LK5x14_AM	80.0	68.3	70.0	66.7	63.8	268.8	68.3	85.4	4
NO4-T1.04-LK.01	NO4-T1.04-LK.01-07	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK05	CH52_LK5x14_B	80.0	68.3	70.0	69.1	57.9	265.3	68.3	85.4	4
	NO4-T1.04-LK.01-08	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK05	CH52_LK5x14_BM	80.0	68.3	70.0	69.1	57.9	265.3	68.3	85.4	4
	NO4-T1.04-LK.01-09	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK05	CH52_LK5x14_A	80.0	68.3	70.0	66.7	63.8	268.8	68.3	85.4	4
	NO4-T1.04-LK.01-10	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK05	CH52_LK5x14_H2M	128.0	68.3	70.0	66.7	63.8	268.8	68.3	53.4	4
	NO4-T1.04-LK.01-11	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK04_M	CH52_LK5x14_H2	128.0	68.3	70.0	66.7	63.8	268.8	68.3	53.4	4
	NO4-T1.04-LK.01-12	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK04_M	CH52_LK5x14_AM	80.0	68.3	70.0	66.7	63.8	268.8	68.3	85.4	4
	NO4-T1.04-LK.01-13	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK04_M	CH52_LK5x14_B	80.0	68.3	70.0	69.1	57.9	265.3	68.3	85.4	4
	NO4-T1.04-LK.01-14	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK04_M	CH52_LK5x14_BM	80.0	68.3	70.0	69.1	57.9	265.3	68.3	85.4	4
	NO4-T1.04-LK.01-15	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK04_M	CH52_LK5x14_A	80.0	68.3	70.0	66.7	63.8	268.8	68.3	85.4	4
	NO4-T1.04-LK.01-16	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK04_M	CH52_LK5x14_AM	80.0	68.3	70.0	66.7	63.8	268.8	68.3	85.4	4
	NO4-T1.04-LK.01-17	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK04_M	CH52_LK5x14_B	80.0	68.3	70.0	69.1	57.9	265.3	68.3	85.4	4
	NO4-T1.04-LK.01-18	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK04_M	CH52_LK5x14_BM	80.0	68.3	70.0	69.1	57.9	265.3	68.3	85.4	4
	NO4-T1.04-LK.01-19	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK04_M	CH52_LK5x14_A	80.0	68.3	70.0	66.7	63.8	268.8	68.3	85.4	4
	NO4-T1.04-LK.01-20	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK04_M	CH52_LK9x14_G4M	136.0	111.9	113.6	100.4	77.2	403.1	111.9	82.3	4
	NO4-T1.04-LK.02-01	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK04_M	CH52_LK5x14_H2	128.0	68.3	70.0	66.7	63.8	268.8	68.3	53.4	4
NO4-T1.04-LK.02	NO4-T1.04-LK.02-02	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK04_M	CH52_LK5x14_AM	80.0	68.3	70.0	66.7	63.8	268.8	68.3	85.4	4
	NO4-T1.04-LK.02-03	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK04_M	CH52_LK5x14_B	80.0	68.3	70.0	69.1	57.9	265.3	68.3	85.4	4
	NO4-T1.04-LK.02-04	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK04_M	CH52_LK5x14_BM	80.0	68.3	70.0	69.1	57.9	265.3	68.3	85.4	4
	NO4-T1.04-LK.02-05	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK04_M	CH52_LK5x14_A	80.0	68.3	70.0	66.7	63.8	268.8	68.3	85.4	4
	NO4-T1.04-LK.02-06	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK04_M	CH52_LK5x14_AM	80.0	68.3	70.0	66.7	63.8	268.8	68.3	85.4	4
	NO4-T1.04-LK.02-07	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK04_M	CH52_LK5x14_B	80.0	68.3	70.0	69.1	57.9	265.3	68.3	85.4	4
	NO4-T1.04-LK.02-08	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK04_M	CH52_LK5x14_BM	80.0	68.3	70.0	69.1	57.9	265.3	68.3	85.4	4
	NO4-T1.04-LK.02-09	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK04_M	CH52_LK5x14_A	80.0	68.3	70.0	66.7	63.8	268.8	68.3	85.4	4
	NO4-T1.04-LK.02-10	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK04_M	CH52_LK9x14_G4M	136.0	111.9	113.6	100.4	77.2	403.1	111.9	82.3	4
	NO4-T1.04-LK.02-11	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK04	CH52_LK9x14_G4	136.0	111.9	113.6	100.4	77.2	403.1	111.9	82.3	4



NO4-T1.04-LK.02-12	Đất nhà ở liên kề	CH52_LK04	CH52_LK04	CH52_LK5x14_AM	80.0	68.3	70.0	66.7	63.8	268.8	68.3	85.4	4
NO4-T1.04-LK.02-13	Đất nhà ở liên kề	CH52_LK04	CH52_LK04	CH52_LK5x14_B	80.0	68.3	70.0	69.1	57.9	265.3	68.3	85.4	4
NO4-T1.04-LK.02-14	Đất nhà ở liên kề	CH52_LK04	CH52_LK04	CH52_LK5x14_BM	80.0	68.3	70.0	69.1	57.9	265.3	68.3	85.4	4
NO4-T1.04-LK.02-15	Đất nhà ở liên kề	CH52_LK04	CH52_LK04	CH52_LK5x14_A	80.0	68.3	70.0	66.7	63.8	268.8	68.3	85.4	4
NO4-T1.04-LK.02-16	Đất nhà ở liên kề	CH52_LK04	CH52_LK04	CH52_LK5x14_AM	80.0	68.3	70.0	66.7	63.8	268.8	68.3	85.4	4
NO4-T1.04-LK.02-17	Đất nhà ở liên kề	CH52_LK04	CH52_LK04	CH52_LK5x14_B	80.0	68.3	70.0	69.1	57.9	265.3	68.3	85.4	4
NO4-T1.04-LK.02-18	Đất nhà ở liên kề	CH52_LK04	CH52_LK04	CH52_LK5x14_BM	80.0	68.3	70.0	69.1	57.9	265.3	68.3	85.4	4
NO4-T1.04-LK.02-19	Đất nhà ở liên kề	CH52_LK04	CH52_LK04	CH52_LK5x14_A	80.0	68.3	70.0	66.7	63.8	268.8	68.3	85.4	4
NO4-T1.04-LK.02-20	Đất nhà ở liên kề	CH52_LK04	CH52_LK04	CH52_LK5x14_H2M	128.0	68.3	70.0	66.7	63.8	268.8	68.3	53.4	4
NO4-T1.04-LK.03-01	Đất nhà ở liên kề	CH52_LK03	CH52_LK03	CH52_LK6.5x8_G8	57.0	41.7	43.9	39.0	27.7	152.3	41.7	73.2	4
NO4-T1.04-LK.03-02	Đất nhà ở liên kề	CH52_LK03	CH52_LK03	CH52_LK5x8_AM	50.0	38.3	40.0	36.7	33.8	148.8	38.3	76.6	4
NO4-T1.04-LK.03-03	Đất nhà ở liên kề	CH52_LK03	CH52_LK03	CH52_LK5x8_B	50.0	38.3	40.0	39.1	27.9	145.3	38.3	76.6	4
NO4-T1.04-LK.03-04	Đất nhà ở liên kề	CH52_LK03	CH52_LK03	CH52_LK5x8_BM	50.0	38.3	40.0	39.1	27.9	145.3	38.3	76.6	4
NO4-T1.04-LK.03-05	Đất nhà ở liên kề	CH52_LK03	CH52_LK03	CH52_LK5x8_A	50.0	38.3	40.0	36.7	33.8	148.8	38.3	76.6	4
NO4-T1.04-LK.03-06	Đất nhà ở liên kề	CH52_LK03	CH52_LK03	CH52_LK5x8_AM	50.0	38.3	40.0	36.7	33.8	148.8	38.3	76.6	4
NO4-T1.04-LK.03-07	Đất nhà ở liên kề	CH52_LK03	CH52_LK03	CH52_LK5x8_B	50.0	38.3	40.0	39.1	27.9	145.3	38.3	76.6	4
NO4-T1.04-LK.03-08	Đất nhà ở liên kề	CH52_LK03	CH52_LK03	CH52_LK5x8_BM	50.0	38.3	40.0	39.1	27.9	145.3	38.3	76.6	4
NO4-T1.04-LK.03-09	Đất nhà ở liên kề	CH52_LK03	CH52_LK03	CH52_LK5x8_A	50.0	38.3	40.0	36.7	33.8	148.8	38.3	76.6	4
NO4-T1.04-LK.03-10	Đất nhà ở liên kề	CH52_LK02	CH52_LK02	CH52_LK5x12_H1	112.0	58.3	60.0	56.7	53.8	228.8	58.3	52.1	4
NO4-T1.04-LK.03-11	Đất nhà ở liên kề	CH52_LK02	CH52_LK02	CH52_LK5x12_AM	70.0	58.3	60.0	56.7	53.8	228.8	58.3	83.3	4
NO4-T1.04-LK.03-12	Đất nhà ở liên kề	CH52_LK02	CH52_LK02	CH52_LK5x12_B	70.0	58.3	60.0	59.1	47.9	225.3	58.3	83.3	4
NO4-T1.04-LK.03-13	Đất nhà ở liên kề	CH52_LK02	CH52_LK02	CH52_LK5x12_BM	70.0	58.3	60.0	59.1	47.9	225.3	58.3	83.3	4
NO4-T1.04-LK.03-14	Đất nhà ở liên kề	CH52_LK02	CH52_LK02	CH52_LK5x12_A	70.0	58.3	60.0	59.1	47.9	225.3	58.3	83.3	4
NO4-T1.04-LK.03-15	Đất nhà ở liên kề	CH52_LK02	CH52_LK02	CH52_LK5x12_A	70.0	58.3	60.0	56.7	53.8	228.8	58.3	83.3	4
NO4-T1.04-LK.03-16	Đất nhà ở liên kề	CH52_LK02	CH52_LK02	CH52_LK5x12_AM	70.0	58.3	60.0	56.7	53.8	228.8	58.3	83.3	4
NO4-T1.04-LK.03-17	Đất nhà ở liên kề	CH52_LK02	CH52_LK02	CH52_LK5x12_B	70.0	58.3	60.0	59.1	47.9	225.3	58.3	83.3	4
NO4-T1.04-LK.03-18	Đất nhà ở liên kề	CH52_LK02	CH52_LK02	CH52_LK5x12_BM	70.0	58.3	60.0	59.1	47.9	225.3	58.3	83.3	4
NO4-T1.04-LK.03-19	Đất nhà ở liên kề	CH52_LK02	CH52_LK02	CH52_LK5x12_A	70.0	58.3	60.0	56.7	53.8	228.8	58.3	83.3	4
NO4-T1.04-LK.03-20	Đất nhà ở liên kề	CH52_LK07	CH52_LK07	CH52_LK6.5x12_G11M	83.0	67.5	69.7	61.0	43.0	241.2	67.5	81.3	4
NO4-T1.04-LK.04-01	Đất nhà ở liên kề	CH52_LK07	CH52_LK07	CH52_LK5x8_H4	80.0	38.3	40.0	36.7	33.8	148.8	38.3	47.9	4
NO4-T1.04-LK.04-02	Đất nhà ở liên kề	CH52_LK07	CH52_LK07	CH52_LK5x8_AM	50.0	38.3	40.0	36.7	33.8	148.8	38.3	76.6	4
NO4-T1.04-LK.04-03	Đất nhà ở liên kề	CH52_LK07	CH52_LK07	CH52_LK5x8_B	50.0	38.3	40.0	39.1	27.9	145.3	38.3	76.6	4
NO4-T1.04-LK.04-04	Đất nhà ở liên kề	CH52_LK07	CH52_LK07	CH52_LK5x8_BM	50.0	38.3	40.0	39.1	27.9	145.3	38.3	76.6	4
NO4-T1.04-LK.04-05	Đất nhà ở liên kề	CH52_LK07	CH52_LK07	CH52_LK5x8_A	50.0	38.3	40.0	36.7	33.8	148.8	38.3	76.6	4
NO4-T1.04-LK.04-06	Đất nhà ở liên kề	CH52_LK07	CH52_LK07	CH52_LK5x8_AM	50.0	38.3	40.0	36.7	33.8	148.8	38.3	76.6	4
NO4-T1.04-LK.04-07	Đất nhà ở liên kề	CH52_LK07	CH52_LK07	CH52_LK5x8_B	50.0	38.3	40.0	39.1	27.9	145.3	38.3	76.6	4
NO4-T1.04-LK.04-08	Đất nhà ở liên kề	CH52_LK07	CH52_LK07	CH52_LK5x8_C	50.0	38.3	40.0	40.9	28.3	147.5	38.3	76.6	4
NO4-T1.04-LK.04-09	Đất nhà ở liên kề	CH52_LK07	CH52_LK07	CH52_LK5x8_BM	50.0	38.3	40.0	39.1	27.9	145.3	38.3	76.6	4
NO4-T1.04-LK.04-10	Đất nhà ở liên kề	CH52_LK07	CH52_LK07	CH52_LK5x8_A	50.0	38.3	40.0	36.7	33.8	148.8	38.3	76.6	4
NO4-T1.04-LK.04-11	Đất nhà ở liên kề	CH52_LK07	CH52_LK07	CH52_LK6.5x8_G8M	57.0	41.7	43.9	39.0	27.7	152.3	41.7	73.2	4

NO4-T1.04-LK.03

NO4-T1.04-LK.04

H-8

NO4-T1.04-LK.04-12	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK06	CH52_LK6.5x12_G11	83.0	67.5	69.7	61.0	43.0	241.2	67.5	81.3	4
NO4-T1.04-LK.04-13	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK06	CH52_LK5x12_AM	70.0	58.3	60.0	56.7	53.8	228.8	58.3	83.3	4
NO4-T1.04-LK.04-14	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK06	CH52_LK5x12_B	70.0	58.3	60.0	59.1	47.9	225.3	58.3	83.3	4
NO4-T1.04-LK.04-15	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK06	CH52_LK5x12_C	70.0	58.3	60.0	60.9	48.3	227.5	58.3	83.3	4
NO4-T1.04-LK.04-16	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK06	CH52_LK5x12_BM	70.0	58.3	60.0	59.1	47.9	225.3	58.3	83.3	4
NO4-T1.04-LK.04-17	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK06	CH52_LK5x12_A	70.0	58.3	60.0	56.7	53.8	228.8	58.3	83.3	4
NO4-T1.04-LK.04-18	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK06	CH52_LK5x12_AM	70.0	58.3	60.0	56.7	53.8	228.8	58.3	83.3	4
NO4-T1.04-LK.04-19	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK06	CH52_LK5x12_B	70.0	58.3	60.0	59.1	47.9	225.3	58.3	83.3	4
NO4-T1.04-LK.04-20	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK06	CH52_LK5x12_BM	70.0	58.3	60.0	59.1	47.9	225.3	58.3	83.3	4
NO4-T1.04-LK.04-21	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK06	CH52_LK5x12_A	70.0	58.3	60.0	56.7	53.8	228.8	58.3	83.3	4
NO4-T1.04-LK.04-22	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK06	CH52_LK5x12_H1M	112.0	58.3	60.0	56.7	53.8	228.8	58.3	52.1	4
NO4-T1.04-LK.05-01	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK03	CH52_LK6.5x8_G8	57.0	41.7	43.9	39.0	27.7	152.3	41.7	73.2	4
NO4-T1.04-LK.05-02	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK03	CH52_LK5x8_AM	50.0	38.3	40.0	36.7	33.8	148.8	38.3	76.6	4
NO4-T1.04-LK.05-03	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK03	CH52_LK5x8_B	50.0	38.3	40.0	39.1	27.9	145.3	38.3	76.6	4
NO4-T1.04-LK.05-04	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK03	CH52_LK5x8_BM	50.0	38.3	40.0	39.1	27.9	145.3	38.3	76.6	4
NO4-T1.04-LK.05-05	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK03	CH52_LK5x8_A	50.0	38.3	40.0	36.7	33.8	148.8	38.3	76.6	4
NO4-T1.04-LK.05-06	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK03	CH52_LK5x8_AM	50.0	38.3	40.0	36.7	33.8	148.8	38.3	76.6	4
NO4-T1.04-LK.05-07	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK03	CH52_LK5x8_B	50.0	38.3	40.0	39.1	27.9	145.3	38.3	76.6	4
NO4-T1.04-LK.05-08	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK03	CH52_LK5x8_BM	50.0	38.3	40.0	39.1	27.9	145.3	38.3	76.6	4
NO4-T1.04-LK.05-09	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK03	CH52_LK5x8_A	50.0	38.3	40.0	36.7	33.8	148.8	38.3	76.6	4
NO4-T1.04-LK.05-10	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK03	CH52_LK5x8_H4M	80.0	38.3	40.0	36.7	33.8	148.8	38.3	47.9	4
NO4-T1.04-LK.05-11	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK02	CH52_LK5x12_H1	112.0	58.3	60.0	56.7	53.8	228.8	58.3	52.1	4
NO4-T1.04-LK.05-12	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK02	CH52_LK5x12_AM	70.0	58.3	60.0	56.7	53.8	228.8	58.3	83.3	4
NO4-T1.04-LK.05-13	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK02	CH52_LK5x12_B	70.0	58.3	60.0	59.1	47.9	225.3	58.3	83.3	4
NO4-T1.04-LK.05-14	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK02	CH52_LK5x12_BM	70.0	58.3	60.0	59.1	47.9	225.3	58.3	83.3	4
NO4-T1.04-LK.05-15	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK02	CH52_LK5x12_A	70.0	58.3	60.0	56.7	53.8	228.8	58.3	83.3	4
NO4-T1.04-LK.05-16	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK02	CH52_LK5x12_AM	70.0	58.3	60.0	56.7	53.8	228.8	58.3	83.3	4
NO4-T1.04-LK.05-17	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK02	CH52_LK5x12_B	70.0	58.3	60.0	59.1	47.9	225.3	58.3	83.3	4
NO4-T1.04-LK.05-18	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK02	CH52_LK5x12_BM	70.0	58.3	60.0	59.1	47.9	225.3	58.3	83.3	4
NO4-T1.04-LK.05-19	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK02	CH52_LK5x12_A	70.0	58.3	60.0	56.7	53.8	228.8	58.3	83.3	4
NO4-T1.04-LK.05-20	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK02	CH52_LK6.5x12_G11M	83.0	67.5	69.7	61.0	43.0	241.2	67.5	81.3	4
NO4-T1.04-LK.06-01	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK07	CH52_LK5x8_H4	80.0	38.3	40.0	36.7	33.8	148.8	38.3	47.9	4
NO4-T1.04-LK.06-02	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK07	CH52_LK5x8_AM	50.0	38.3	40.0	36.7	33.8	148.8	38.3	76.6	4
NO4-T1.04-LK.06-03	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK07	CH52_LK5x8_B	50.0	38.3	40.0	39.1	27.9	145.3	38.3	76.6	4
NO4-T1.04-LK.06-04	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK07	CH52_LK5x8_BM	50.0	38.3	40.0	39.1	27.9	145.3	38.3	76.6	4
NO4-T1.04-LK.06-05	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK07	CH52_LK5x8_A	50.0	38.3	40.0	36.7	33.8	148.8	38.3	76.6	4
NO4-T1.04-LK.06-06	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK07	CH52_LK5x8_AM	50.0	38.3	40.0	36.7	33.8	148.8	38.3	76.6	4
NO4-T1.04-LK.06-07	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK07	CH52_LK5x8_B	50.0	38.3	40.0	39.1	27.9	145.3	38.3	76.6	4
NO4-T1.04-LK.06-08	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK07	CH52_LK5x8_C	50.0	38.3	40.0	40.9	28.3	147.5	38.3	76.6	4
NO4-T1.04-LK.06-09	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK07	CH52_LK5x8_BM	50.0	38.3	40.0	39.1	27.9	145.3	38.3	76.6	4

NO4-T1.04-LK.05

NO4-T1.04-LK.06	NO4-T1.04-LK.06-10	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK07	CH52_LK5x8_A	50.0	38.3	40.0	36.7	33.8	148.8	38.3	76.6	4
	NO4-T1.04-LK.06-11	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK07	CH52_LK6.5x8_G8M	57.0	41.7	43.9	39.0	27.7	152.3	41.7	73.2	4
	NO4-T1.04-LK.06-12	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK06	CH52_LK6.5x12_G11	83.0	67.5	69.7	61.0	43.0	241.2	67.5	81.3	4
	NO4-T1.04-LK.06-13	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK06	CH52_LK5x12_AM	70.0	58.3	60.0	56.7	53.8	228.8	58.3	83.3	4
	NO4-T1.04-LK.06-14	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK06	CH52_LK5x12_B	70.0	58.3	60.0	59.1	47.9	225.3	58.3	83.3	4
	NO4-T1.04-LK.06-15	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK06	CH52_LK5x12_C	70.0	58.3	60.0	60.9	48.3	227.5	58.3	83.3	4
	NO4-T1.04-LK.06-16	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK06	CH52_LK5x12_BM	70.0	58.3	60.0	59.1	47.9	225.3	58.3	83.3	4
	NO4-T1.04-LK.06-17	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK06	CH52_LK5x12_A	70.0	58.3	60.0	56.7	53.8	228.8	58.3	83.3	4
	NO4-T1.04-LK.06-18	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK06	CH52_LK5x12_AM	70.0	58.3	60.0	56.7	53.8	228.8	58.3	83.3	4
	NO4-T1.04-LK.06-19	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK06	CH52_LK5x12_B	70.0	58.3	60.0	59.1	47.9	225.3	58.3	83.3	4
	NO4-T1.04-LK.06-20	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK06	CH52_LK5x12_BM	70.0	58.3	60.0	59.1	47.9	225.3	58.3	83.3	4
	NO4-T1.04-LK.06-21	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK06	CH52_LK5x12_A	70.0	58.3	60.0	56.7	53.8	228.8	58.3	83.3	4
	NO4-T1.04-LK.06-22	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK06	CH52_LK5x12_H1M	112.0	58.3	60.0	56.7	53.8	228.8	58.3	52.1	4
	NO4-T1.04-LK.07-01	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK03	CH52_LK6.5x8_G8	57.0	41.7	43.9	39.0	27.7	152.3	41.7	73.2	4
	NO4-T1.04-LK.07-02	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK03	CH52_LK5x8_AM	50.0	38.3	40.0	36.7	33.8	148.8	38.3	76.6	4
	NO4-T1.04-LK.07-03	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK03	CH52_LK5x8_B	50.0	38.3	40.0	39.1	27.9	145.3	38.3	76.6	4
	NO4-T1.04-LK.07-04	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK03	CH52_LK5x8_BM	50.0	38.3	40.0	39.1	27.9	145.3	38.3	76.6	4
	NO4-T1.04-LK.07-05	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK03	CH52_LK5x8_A	50.0	38.3	40.0	36.7	33.8	148.8	38.3	76.6	4
	NO4-T1.04-LK.07-06	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK03	CH52_LK5x8_H4M	80.0	38.3	40.0	36.7	33.8	148.8	38.3	47.9	4
	NO4-T1.04-LK.07-07	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK02	CH52_LK5x12_H1	112.0	58.3	60.0	56.7	53.8	228.8	58.3	52.1	4
	NO4-T1.04-LK.07-08	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK02	CH52_LK5x12_AM	70.0	58.3	60.0	56.7	53.8	228.8	58.3	83.3	4
	NO4-T1.04-LK.07-09	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK02	CH52_LK5x12_B	70.0	58.3	60.0	59.1	47.9	225.3	58.3	83.3	4
	NO4-T1.04-LK.07-10	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK02	CH52_LK5x12_BM	70.0	58.3	60.0	59.1	47.9	225.3	58.3	83.3	4
	NO4-T1.04-LK.07-11	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK02	CH52_LK5x12_A	70.0	58.3	60.0	56.7	53.8	228.8	58.3	83.3	4
	NO4-T1.04-LK.07-12	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK02	CH52_LK5x12_H4	80.0	38.3	40.0	36.7	33.8	148.8	38.3	47.9	4
	NO4-T1.04-LK.07-13	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK02	CH52_LK5x12_AM	70.0	58.3	60.0	56.7	53.8	228.8	58.3	83.3	4
	NO4-T1.04-LK.07-14	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK02	CH52_LK5x12_B	70.0	58.3	60.0	59.1	47.9	225.3	58.3	83.3	4
	NO4-T1.04-LK.07-15	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK02	CH52_LK5x12_BM	70.0	58.3	60.0	59.1	47.9	225.3	58.3	83.3	4
	NO4-T1.04-LK.07-16	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK02	CH52_LK5x12_A	70.0	58.3	60.0	56.7	53.8	228.8	58.3	83.3	4
	NO4-T1.04-LK.07-17	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK02	CH52_LK5x12_H4	80.0	38.3	40.0	36.7	33.8	148.8	38.3	47.9	4
	NO4-T1.04-LK.07-18	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK02	CH52_LK5x12_AM	70.0	58.3	60.0	56.7	53.8	228.8	58.3	83.3	4
	NO4-T1.04-LK.07-19	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK02	CH52_LK5x12_B	70.0	58.3	60.0	59.1	47.9	225.3	58.3	83.3	4
	NO4-T1.04-LK.07-20	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK02	CH52_LK5x12_BM	70.0	58.3	60.0	59.1	47.9	225.3	58.3	83.3	4
NO4-T1.04-LK.07	NO4-T1.04-LK.08-01	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK07	CH52_LK5x8_H4	80.0	38.3	40.0	36.7	33.8	148.8	38.3	47.9	4
	NO4-T1.04-LK.08-02	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK07	CH52_LK5x8_AM	50.0	38.3	40.0	36.7	33.8	148.8	38.3	76.6	4
	NO4-T1.04-LK.08-03	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK07	CH52_LK5x8_B	50.0	38.3	40.0	39.1	27.9	145.3	38.3	76.6	4
	NO4-T1.04-LK.08-04	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK07	CH52_LK5x8_BM	50.0	38.3	40.0	39.1	27.9	145.3	38.3	76.6	4
	NO4-T1.04-LK.08-05	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK07	CH52_LK5x8_A	50.0	38.3	40.0	36.7	33.8	148.8	38.3	76.6	4
	NO4-T1.04-LK.08-06	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK07	CH52_LK5x8_AM	50.0	38.3	40.0	36.7	33.8	148.8	38.3	76.6	4
	NO4-T1.04-LK.08-07	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK07	CH52_LK5x8_B	50.0	38.3	40.0	39.1	27.9	145.3	38.3	76.6	4

NO4-T1.04-LK.07

NO4-T1.04-LK.08	NO4-T1.04-LK.08-08	Đất nhà ở liên kề	CH52_LK07	CH52_LK5x8 C	50.0	38.3	40.0	40.9	28.3	147.5	38.3	76.6	4
	NO4-T1.04-LK.08-09	Đất nhà ở liên kề	CH52_LK07	CH52_LK5x8 BM	50.0	38.3	40.0	39.1	27.9	145.3	38.3	76.6	4
	NO4-T1.04-LK.08-10	Đất nhà ở liên kề	CH52_LK07	CH52_LK5x8 A	50.0	38.3	40.0	36.7	33.8	148.8	38.3	76.6	4
	NO4-T1.04-LK.08-11	Đất nhà ở liên kề	CH52_LK07	CH52_LK6.5x8 G8M	57.0	41.7	43.9	39.0	27.7	152.3	41.7	73.2	4
	NO4-T1.04-LK.08-12	Đất nhà ở liên kề	CH52_LK06	CH52_LK6.5x12_G11	83.0	67.5	69.7	61.0	43.0	241.2	67.5	81.3	4
	NO4-T1.04-LK.08-13	Đất nhà ở liên kề	CH52_LK06	CH52_LK5x12 AM	70.0	58.3	60.0	56.7	53.8	228.8	58.3	83.3	4
	NO4-T1.04-LK.08-14	Đất nhà ở liên kề	CH52_LK06	CH52_LK5x12 B	70.0	58.3	60.0	59.1	47.9	225.3	58.3	83.3	4
	NO4-T1.04-LK.08-15	Đất nhà ở liên kề	CH52_LK06	CH52_LK5x12 C	70.0	58.3	60.0	60.9	48.3	227.5	58.3	83.3	4
	NO4-T1.04-LK.08-16	Đất nhà ở liên kề	CH52_LK06	CH52_LK5x12 BM	70.0	58.3	60.0	59.1	47.9	225.3	58.3	83.3	4
	NO4-T1.04-LK.08-17	Đất nhà ở liên kề	CH52_LK06	CH52_LK5x12 A	70.0	58.3	60.0	56.7	53.8	228.8	58.3	83.3	4
	NO4-T1.04-LK.08-18	Đất nhà ở liên kề	CH52_LK06	CH52_LK5x12 AM	70.0	58.3	60.0	56.7	53.8	228.8	58.3	83.3	4
	NO4-T1.04-LK.08-19	Đất nhà ở liên kề	CH52_LK06	CH52_LK5x12 B	70.0	58.3	60.0	59.1	47.9	225.3	58.3	83.3	4
	NO4-T1.04-LK.08-20	Đất nhà ở liên kề	CH52_LK06	CH52_LK5x12 BM	70.0	58.3	60.0	59.1	47.9	225.3	58.3	83.3	4
	NO4-T1.04-LK.08-21	Đất nhà ở liên kề	CH52_LK06	CH52_LK5x12 A	70.0	58.3	60.0	56.7	53.8	228.8	58.3	83.3	4
	NO4-T1.04-LK.08-22	Đất nhà ở liên kề	CH52_LK06	CH52_LK5x12_H1M	112.0	82.0	82.0	56.7	53.8	228.8	58.3	52.1	4
	NO4-T1.04-LK.09-01	Đất nhà ở liên kề	CH29_LK19	CH29_LK9x8 G1	82.0	62.2	70.0	62.6	55.8	250.6	62.2	75.9	4
	NO4-T1.04-LK.09-02	Đất nhà ở liên kề	CH29_LK19	CH29_LK5x8 AM	50.0	38.2	41.6	41.1	35.9	156.8	38.2	76.4	4
	NO4-T1.04-LK.09-03	Đất nhà ở liên kề	CH29_LK19	CH29_LK5x8 B	50.0	38.2	44.0	40.0	37.1	159.3	38.2	76.4	4
	NO4-T1.04-LK.09-04	Đất nhà ở liên kề	CH29_LK19	CH29_LK5x8 BM	50.0	38.2	44.0	40.0	37.1	159.3	38.2	76.4	4
	NO4-T1.04-LK.09-05	Đất nhà ở liên kề	CH29_LK19	CH29_LK5x8 A	50.0	38.2	41.6	41.1	35.9	156.8	38.2	76.4	4
	NO4-T1.04-LK.09-06	Đất nhà ở liên kề	CH29_LK19	CH29_LK5x8 AM	50.0	38.2	41.6	41.1	35.9	156.8	38.2	76.4	4
	NO4-T1.04-LK.09-07	Đất nhà ở liên kề	CH29_LK19	CH29_LK5x8 B	50.0	38.2	44.0	40.0	37.1	159.3	38.2	76.4	4
	NO4-T1.04-LK.09-08	Đất nhà ở liên kề	CH29_LK19	CH29_LK5x8 BM	50.0	38.2	44.0	40.0	37.1	159.3	38.2	76.4	4
	NO4-T1.04-LK.09-09	Đất nhà ở liên kề	CH29_LK19	CH29_LK5x8 A	50.0	38.2	41.6	41.1	35.9	156.8	38.2	76.4	4
	NO4-T1.04-LK.09-10	Đất nhà ở liên kề	CH29_LK19	CH29_LK5x8_H1M	80.0	38.2	41.6	41.1	35.9	156.8	38.2	47.8	4
NO4-T1.04-LK.09	NO4-T1.04-LK.09-11	Đất nhà ở liên kề	CH29_LK18 M	CH29_LK5x12 H3	112.0	58.2	61.6	61.1	55.9	236.8	58.2	52.0	4
	NO4-T1.04-LK.09-12	Đất nhà ở liên kề	CH29_LK18 M	CH29_LK5x12 AM	70.0	58.2	61.6	61.1	55.9	236.8	58.2	83.1	4
	NO4-T1.04-LK.09-13	Đất nhà ở liên kề	CH29_LK18 M	CH29_LK5x12 B	70.0	58.2	64.0	60.0	57.1	239.3	58.2	83.1	4
	NO4-T1.04-LK.09-14	Đất nhà ở liên kề	CH29_LK18 M	CH29_LK5x12 BM	70.0	58.2	64.0	60.0	57.1	239.3	58.2	83.1	4
	NO4-T1.04-LK.09-15	Đất nhà ở liên kề	CH29_LK18 M	CH29_LK5x12 A	70.0	58.2	61.6	61.1	55.9	236.8	58.2	83.1	4
	NO4-T1.04-LK.09-16	Đất nhà ở liên kề	CH29_LK18 M	CH29_LK5x12 AM	70.0	58.2	61.6	61.1	55.9	236.8	58.2	83.1	4
	NO4-T1.04-LK.09-17	Đất nhà ở liên kề	CH29_LK18 M	CH29_LK5x12 B	70.0	58.2	64.0	60.0	57.1	239.3	58.2	83.1	4
	NO4-T1.04-LK.09-18	Đất nhà ở liên kề	CH29_LK18 M	CH29_LK5x12 BM	70.0	58.2	64.0	60.0	57.1	239.3	58.2	83.1	4
	NO4-T1.04-LK.09-19	Đất nhà ở liên kề	CH29_LK18 M	CH29_LK5x12 A	70.0	58.2	61.6	61.1	55.9	236.8	58.2	83.1	4
	NO4-T1.04-LK.09-20	Đất nhà ở liên kề	CH29_LK18 M	CH29_LK9x12 G5M	108.0	87.1	97.4	85.4	75.4	345.3	87.1	80.6	4
	NO4-T1.04-LK.10-01	Đất nhà ở liên kề	CH29_LK19 M	CH29_LK5x8 H1	80.0	38.2	41.6	41.1	35.9	156.8	38.2	47.8	4
	NO4-T1.04-LK.10-02	Đất nhà ở liên kề	CH29_LK19 M	CH29_LK5x8 AM	50.0	38.2	41.6	41.1	35.9	156.8	38.2	76.4	4
	NO4-T1.04-LK.10-03	Đất nhà ở liên kề	CH29_LK19 M	CH29_LK5x8 B	50.0	38.2	44.0	40.0	37.1	159.3	38.2	76.4	4
	NO4-T1.04-LK.10-04	Đất nhà ở liên kề	CH29_LK19 M	CH29_LK5x8 BM	50.0	38.2	44.0	40.0	37.1	159.3	38.2	76.4	4
	NO4-T1.04-LK.10-05	Đất nhà ở liên kề	CH29_LK19 M	CH29_LK5x8 A	50.0	38.2	41.6	41.1	35.9	156.8	38.2	76.4	4

NO4-T1.04-LK.10	NO4-T1.04-LK.10-06	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK19_M	CH29_LK5x8_AM	50.0	38.2	41.6	41.1	35.9	156.8	38.2	76.4	4
	NO4-T1.04-LK.10-07	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK19_M	CH29_LK5x8_B	50.0	38.2	44.0	40.0	37.1	159.3	38.2	76.4	4
	NO4-T1.04-LK.10-08	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK19_M	CH29_LK5x8_BM	50.0	38.2	44.0	40.0	37.1	159.3	38.2	76.4	4
	NO4-T1.04-LK.10-09	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK19_M	CH29_LK5x8_A	50.0	38.2	41.6	41.1	35.9	156.8	38.2	76.4	4
	NO4-T1.04-LK.10-10	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK19_M	CH29_LK9x8_G1M	82.0	62.2	70.0	62.6	55.8	250.6	62.2	75.9	4
	NO4-T1.04-LK.10-11	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK18	CH29_LK9x12_G5	108.0	87.1	97.4	85.4	75.4	345.3	87.1	80.6	4
	NO4-T1.04-LK.10-12	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK18	CH29_LK5x12_AM	70.0	58.2	61.6	61.1	55.9	236.8	58.2	83.1	4
	NO4-T1.04-LK.10-13	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK18	CH29_LK5x12_B	70.0	58.2	64.0	60.0	57.1	239.3	58.2	83.1	4
	NO4-T1.04-LK.10-14	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK18	CH29_LK5x12_BM	70.0	58.2	64.0	60.0	57.1	239.3	58.2	83.1	4
	NO4-T1.04-LK.10-15	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK18	CH29_LK5x12_A	70.0	58.2	61.6	61.1	55.9	236.8	58.2	83.1	4
	NO4-T1.04-LK.10-16	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK18	CH29_LK5x12_AM	70.0	58.2	61.6	61.1	55.9	236.8	58.2	83.1	4
	NO4-T1.04-LK.10-17	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK18	CH29_LK5x12_B	70.0	58.2	64.0	60.0	57.1	239.3	58.2	83.1	4
	NO4-T1.04-LK.10-18	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK18	CH29_LK5x12_BM	70.0	58.2	64.0	60.0	57.1	239.3	58.2	83.1	4
	NO4-T1.04-LK.10-19	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK18	CH29_LK5x12_A	70.0	58.2	61.6	61.1	55.9	236.8	58.2	83.1	4
	NO4-T1.04-LK.10-20	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK18	CH29_LK5x12_H3M	112.0	58.2	61.6	61.1	55.9	236.8	58.2	52.0	4
	NO4-T1.05-LK.01-01	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK17	CH29_LK9x8_G2	72.0	52.2	60.0	48.4	46.5	207.1	52.2	72.5	4
	NO4-T1.05-LK.01-02	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK17	CH29_LK5x8_AM	50.0	38.2	41.6	41.1	35.9	156.8	38.2	76.4	4
	NO4-T1.05-LK.01-03	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK17	CH29_LK5x8_B	50.0	38.2	44.0	40.0	37.1	159.3	38.2	76.4	4
	NO4-T1.05-LK.01-04	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK17	CH29_LK5x8_BM	50.0	38.2	44.0	40.0	37.1	159.3	38.2	76.4	4
	NO4-T1.05-LK.01-05	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK17	CH29_LK5x8_A	50.0	38.2	41.6	41.1	35.9	156.8	38.2	76.4	4
NO4-T1.05-LK.01	NO4-T1.05-LK.01-06	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK17	CH29_LK5x8_AM	50.0	38.2	41.6	41.1	35.9	156.8	38.2	76.4	4
	NO4-T1.05-LK.01-07	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK17	CH29_LK5x8_B	50.0	38.2	44.0	40.0	37.1	159.3	38.2	76.4	4
	NO4-T1.05-LK.01-08	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK17	CH29_LK5x8_BM	50.0	38.2	44.0	40.0	37.1	159.3	38.2	76.4	4
	NO4-T1.05-LK.01-09	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK17	CH29_LK5x8_A	50.0	38.2	41.6	41.1	35.9	156.8	38.2	76.4	4
	NO4-T1.05-LK.01-10	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK17	CH29_LK5x8_H1M	80.0	38.2	41.6	41.1	35.9	156.8	38.2	47.8	4
	NO4-T1.05-LK.01-11	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK16_M	CH29_LK5x12_H3	112.0	58.2	61.6	61.1	55.9	236.8	58.2	52.0	4
	NO4-T1.05-LK.01-12	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK16_M	CH29_LK5x12_AM	70.0	58.2	61.6	61.1	55.9	236.8	58.2	83.1	4
	NO4-T1.05-LK.01-13	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK16_M	CH29_LK5x12_B	70.0	58.2	64.0	60.0	57.1	239.3	58.2	83.1	4
	NO4-T1.05-LK.01-14	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK16_M	CH29_LK5x12_BM	70.0	58.2	64.0	60.0	57.1	239.3	58.2	83.1	4
	NO4-T1.05-LK.01-15	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK16_M	CH29_LK5x12_A	70.0	58.2	61.6	61.1	55.9	236.8	58.2	83.1	4
	NO4-T1.05-LK.01-16	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK16_M	CH29_LK5x12_AM	70.0	58.2	61.6	61.1	55.9	236.8	58.2	83.1	4
	NO4-T1.05-LK.01-17	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK16_M	CH29_LK5x12_B	70.0	58.2	64.0	60.0	57.1	239.3	58.2	83.1	4
	NO4-T1.05-LK.01-18	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK16_M	CH29_LK5x12_BM	70.0	58.2	64.0	60.0	57.1	239.3	58.2	83.1	4
	NO4-T1.05-LK.01-19	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK16_M	CH29_LK5x12_A	70.0	58.2	61.6	61.1	55.9	236.8	58.2	83.1	4
	NO4-T1.05-LK.01-20	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK16_M	CH29_LK9x12_G6M	118.0	98.1	107.5	96.0	82.7	384.3	98.1	83.1	4
	NO4-T1.05-LK.02-01	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK17_M	CH29_LK5x8_H1	80.0	38.2	41.6	41.1	35.9	156.8	38.2	47.8	4
	NO4-T1.05-LK.02-02	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK17_M	CH29_LK5x8_AM	50.0	38.2	41.6	41.1	35.9	156.8	38.2	76.4	4
	NO4-T1.05-LK.02-03	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK17_M	CH29_LK5x8_B	50.0	38.2	44.0	40.0	37.1	159.3	38.2	76.4	4
	NO4-T1.05-LK.02-04	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK17_M	CH29_LK5x8_BM	50.0	38.2	44.0	40.0	37.1	159.3	38.2	76.4	4
	NO4-T1.05-LK.02-05	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK17_M	CH29_LK5x8_A	50.0	38.2	41.6	41.1	35.9	156.8	38.2	76.4	4



Handwritten signature or mark.

NO4-T1.05-LK.02-06	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK17_M	CH29_LK5x8_AM	50.0	38.2	41.6	41.1	35.9	156.8	38.2	76.4	4
NO4-T1.05-LK.02-07	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK17_M	CH29_LK5x8_B	50.0	38.2	44.0	40.0	37.1	159.3	38.2	76.4	4
NO4-T1.05-LK.02-08	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK17_M	CH29_LK5x8_BM	50.0	38.2	44.0	40.0	37.1	159.3	38.2	76.4	4
NO4-T1.05-LK.02-09	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK17_M	CH29_LK5x8_A	50.0	38.2	41.6	41.1	35.9	156.8	38.2	76.4	4
NO4-T1.05-LK.02-10	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK17_M	CH29_LK9x8_G2M	72.0	52.2	60.0	48.4	46.5	207.1	52.2	72.5	4
NO4-T1.05-LK.02-11	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK16	CH29_LK9x12_G6	118.0	98.1	107.5	96.0	82.7	384.3	98.1	83.1	4
NO4-T1.05-LK.02-12	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK16	CH29_LK5x12_AM	70.0	58.2	61.6	61.1	55.9	236.8	58.2	83.1	4
NO4-T1.05-LK.02-13	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK16	CH29_LK5x12_B	70.0	58.2	64.0	60.0	57.1	239.3	58.2	83.1	4
NO4-T1.05-LK.02-14	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK16	CH29_LK5x12_BM	70.0	58.2	64.0	60.0	57.1	239.3	58.2	83.1	4
NO4-T1.05-LK.02-15	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK16	CH29_LK5x12_A	70.0	58.2	61.6	61.1	55.9	236.8	58.2	83.1	4
NO4-T1.05-LK.02-16	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK16	CH29_LK5x12_AM	70.0	58.2	61.6	61.1	55.9	236.8	58.2	83.1	4
NO4-T1.05-LK.02-17	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK16	CH29_LK5x12_B	70.0	58.2	64.0	60.0	57.1	239.3	58.2	83.1	4
NO4-T1.05-LK.02-18	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK16	CH29_LK5x12_BM	70.0	58.2	64.0	60.0	57.1	239.3	58.2	83.1	4
NO4-T1.05-LK.02-19	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK16	CH29_LK5x12_A	70.0	58.2	61.6	61.1	55.9	236.8	58.2	83.1	4
NO4-T1.05-LK.02-20	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK16	CH29_LK5x12_H3M	112.0	58.2	61.6	61.1	55.9	236.8	58.2	52.0	4
NO4-T1.05-LK.03-01	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK30	CH71_LK6.5x8_G8	57.0	42.0	55.5	48.2	42.0	187.7	42.0	73.7	4
NO4-T1.05-LK.03-02	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK30	CH71_LK5x8_AM	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
NO4-T1.05-LK.03-03	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK30	CH71_LK5x8_B	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
NO4-T1.05-LK.03-04	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK30	CH71_LK5x8_BM	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
NO4-T1.05-LK.03-05	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK30	CH71_LK5x8_A	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
NO4-T1.05-LK.03-06	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK30	CH71_LK5x8_AM	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
NO4-T1.05-LK.03-07	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK30	CH71_LK5x8_B	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
NO4-T1.05-LK.03-08	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK30	CH71_LK5x8_BM	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
NO4-T1.05-LK.03-09	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK30	CH71_LK5x8_A	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
NO4-T1.05-LK.03-10	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK30	CH71_LK5x8_H3M	80.0	38.3	43.9	43.2	41.7	167.1	38.3	47.9	4
NO4-T1.05-LK.03-11	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK29	CH71_LK5x12_H1	112.0	58.3	63.9	63.2	61.7	247.1	58.3	52.1	4
NO4-T1.05-LK.03-12	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK29	CH71_LK5x12_AM	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.05-LK.03-13	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK29	CH71_LK5x12_B	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.05-LK.03-14	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK29	CH71_LK5x12_BM	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.05-LK.03-15	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK29	CH71_LK5x12_A	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.05-LK.03-16	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK29	CH71_LK5x12_AM	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.05-LK.03-17	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK29	CH71_LK5x12_B	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.05-LK.03-18	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK29	CH71_LK5x12_BM	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.05-LK.03-19	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK29	CH71_LK5x12_A	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.05-LK.03-20	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK29	CH71_LK6.5x12_G15M	83.0	68.0	84.1	77.5	70.9	300.5	68.0	81.9	4
NO4-T1.05-LK.04-01	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK32	CH71_LK5x8_H3	80.0	38.3	43.9	43.2	41.7	167.1	38.3	47.9	4
NO4-T1.05-LK.04-02	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK32	CH71_LK5x8_AM	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
NO4-T1.05-LK.04-03	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK32	CH71_LK5x8_B	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
NO4-T1.05-LK.04-04	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK32	CH71_LK5x8_BM	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
NO4-T1.05-LK.04-05	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK32	CH71_LK5x8_A	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4

NO4-T1.05-LK.02

NO4-T1.05-LK.03

NO4-T1.05-LK.04-06	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK32	CH71_LK5x8 AM	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
NO4-T1.05-LK.04-07	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK32	CH71_LK5x8 B	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
NO4-T1.05-LK.04-08	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK32	CH71_LK5x8 CM	50.0	38.3	44.9	43.7	42.6	169.5	38.3	76.6	4
NO4-T1.05-LK.04-09	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK32	CH71_LK5x8 BM	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
NO4-T1.05-LK.04-10	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK32	CH71_LK5x8 A	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
NO4-T1.05-LK.04-11	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK32	CH71_LK6.5x8 G8M	57.0	42.0	55.5	48.2	42.0	187.7	42.0	73.7	4
NO4-T1.05-LK.04-12	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK31	CH71_LK6.5x12 G15	83.0	68.0	84.1	77.3	70.9	300.5	68.0	81.9	4
NO4-T1.05-LK.04-13	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK31	CH71_LK5x12 AM	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.05-LK.04-14	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK31	CH71_LK5x12 B	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.05-LK.04-15	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK31	CH71_LK5x12 C	70.0	58.3	64.9	63.7	62.6	249.5	58.3	83.3	4
NO4-T1.05-LK.04-16	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK31	CH71_LK5x12 BM	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.05-LK.04-17	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK31	CH71_LK5x12 A	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.05-LK.04-18	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK31	CH71_LK5x12 AM	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.05-LK.04-19	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK31	CH71_LK5x12 B	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.05-LK.04-20	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK31	CH71_LK5x12 BM	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.05-LK.04-21	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK31	CH71_LK5x12 A	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.05-LK.04-22	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK31	CH71_LK5x12 H1M	112.0	58.3	63.9	63.2	61.7	247.1	58.3	52.1	4
NO4-T1.05-LK.05-01	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK30	CH71_LK6.5x8 G8	57.0	42.0	55.5	48.2	42.0	187.7	42.0	73.7	4
NO4-T1.05-LK.05-02	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK30	CH71_LK5x8 AM	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
NO4-T1.05-LK.05-03	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK30	CH71_LK5x8 B	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
NO4-T1.05-LK.05-04	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK30	CH71_LK5x8 BM	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
NO4-T1.05-LK.05-05	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK30	CH71_LK5x8 A	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
NO4-T1.05-LK.05-06	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK30	CH71_LK5x8 AM	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
NO4-T1.05-LK.05-07	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK30	CH71_LK5x8 B	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
NO4-T1.05-LK.05-08	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK30	CH71_LK5x8 BM	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
NO4-T1.05-LK.05-09	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK30	CH71_LK5x8 A	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
NO4-T1.05-LK.05-10	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK30	CH71_LK5x8 H3M	80.0	38.3	43.9	43.2	41.7	167.1	38.3	47.9	4
NO4-T1.05-LK.05-11	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK29	CH71_LK5x12 H1	112.0	58.3	63.9	63.2	61.7	247.1	58.3	52.1	4
NO4-T1.05-LK.05-12	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK29	CH71_LK5x12 AM	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.05-LK.05-13	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK29	CH71_LK5x12 B	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.05-LK.05-14	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK29	CH71_LK5x12 BM	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.05-LK.05-15	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK29	CH71_LK5x12 A	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.05-LK.05-16	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK29	CH71_LK5x12 AM	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.05-LK.05-17	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK29	CH71_LK5x12 B	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.05-LK.05-18	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK29	CH71_LK5x12 BM	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.05-LK.05-19	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK29	CH71_LK5x12 A	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.05-LK.05-20	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK29	CH71_LK6.5x12 G15M	83.0	68.0	84.1	77.5	70.9	300.5	68.0	81.9	4
NO4-T1.05-LK.06-01	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK32	CH71_LK5x8 H3	80.0	38.3	43.9	43.2	41.7	167.1	38.3	47.9	4
NO4-T1.05-LK.06-02	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK32	CH71_LK5x8 AM	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
NO4-T1.05-LK.06-03	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK32	CH71_LK5x8 B	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4

NO4-T1.05-LK.04

NO4-T1.05-LK.05

NO4-T1.05-LK.06-04	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK32	CH71_LK5x8 BM	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
NO4-T1.05-LK.06-05	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK32	CH71_LK5x8 A	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
NO4-T1.05-LK.06-06	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK32	CH71_LK5x8 AM	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
NO4-T1.05-LK.06-07	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK32	CH71_LK5x8 B	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
NO4-T1.05-LK.06-08	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK32	CH71_LK5x8 CM	50.0	38.3	44.9	43.7	42.6	169.5	38.3	76.6	4
NO4-T1.05-LK.06-09	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK32	CH71_LK5x8 BM	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
NO4-T1.05-LK.06-10	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK32	CH71_LK5x8 A	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
NO4-T1.05-LK.06-11	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK32	CH71_LK6.5x8 G8M	57.0	42.0	55.5	48.2	42.0	187.7	42.0	73.7	4
NO4-T1.05-LK.06-12	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK31	CH71_LK6.5x12 G15	83.0	68.0	84.1	77.5	70.9	300.5	68.0	81.9	4
NO4-T1.05-LK.06-13	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK31	CH71_LK5x12 AM	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.05-LK.06-14	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK31	CH71_LK5x12 B	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.05-LK.06-15	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK31	CH71_LK5x12 C	70.0	58.3	64.9	63.7	62.6	249.5	58.3	83.3	4
NO4-T1.05-LK.06-16	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK31	CH71_LK5x12 BM	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.05-LK.06-17	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK31	CH71_LK5x12 A	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.05-LK.06-18	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK31	CH71_LK5x12 AM	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.05-LK.06-19	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK31	CH71_LK5x12 B	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.05-LK.06-20	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK31	CH71_LK5x12 BM	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.05-LK.06-21	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK31	CH71_LK5x12 A	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.05-LK.06-22	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK31	CH71_LK5x12 HIM	112.0	58.3	63.9	63.2	61.7	247.1	58.3	52.1	4
NO4-T1.05-LK.07-01	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK21	CH15_LK9x8 G2	82.0	57.3	57.9	61.5	58.7	235.4	57.3	69.9	4
NO4-T1.05-LK.07-02	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK21	CH15_LK5x8 DM	50.0	37.5	38.3	38.3	34.0	148.1	37.5	75.0	4
NO4-T1.05-LK.07-03	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK21	CH15_LK5x8 A	50.0	37.5	38.4	41.7	41.7	159.3	37.5	75.0	4
NO4-T1.05-LK.07-04	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK21	CH15_LK5x8 AM	50.0	37.5	38.4	41.7	41.7	159.3	37.5	75.0	4
NO4-T1.05-LK.07-05	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK21	CH15_LK5x8 B	50.0	37.5	38.3	38.3	34.0	148.1	37.5	75.0	4
NO4-T1.05-LK.07-06	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK21	CH15_LK5x8 BM	50.0	37.5	38.3	38.3	34.0	148.1	37.5	75.0	4
NO4-T1.05-LK.07-07	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK21	CH15_LK5x8 A	50.0	37.5	38.4	41.7	41.7	159.3	37.5	75.0	4
NO4-T1.05-LK.07-08	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK21	CH15_LK5x8 AM	50.0	37.5	38.4	41.7	41.7	159.3	37.5	75.0	4
NO4-T1.05-LK.07-09	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK21	CH15_LK5x8 B	50.0	37.5	38.3	38.3	34.0	148.1	37.5	75.0	4
NO4-T1.05-LK.07-10	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK21	CH15_LK5x8 HB2M	80.0	37.7	38.9	38.9	34.1	149.6	37.7	47.1	4
NO4-T1.05-LK.07-11	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK20 M	CH15_LK5x12 HB3	112.0	57.7	59.0	59.0	53.2	228.9	57.7	51.5	4
NO4-T1.05-LK.07-12	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK20 M	CH15_LK5x12 BM	70.0	57.5	58.3	58.3	54.0	228.1	57.5	82.1	4
NO4-T1.05-LK.07-13	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK20 M	CH15_LK5x12 A	70.0	57.5	58.4	61.7	61.7	239.3	57.5	82.1	4
NO4-T1.05-LK.07-14	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK20 M	CH15_LK5x12 AM	70.0	57.5	58.4	61.7	61.7	239.3	57.5	82.1	4
NO4-T1.05-LK.07-15	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK20 M	CH15_LK5x12 B	70.0	57.5	58.3	58.3	54.0	228.1	57.5	82.1	4
NO4-T1.05-LK.07-16	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK20 M	CH15_LK5x12 BM	70.0	57.5	58.3	58.3	54.0	228.1	57.5	82.1	4
NO4-T1.05-LK.07-17	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK20 M	CH15_LK5x12 A	70.0	57.5	58.4	61.7	61.7	239.3	57.5	82.1	4
NO4-T1.05-LK.07-18	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK20 M	CH15_LK5x12 AM	70.0	57.5	58.4	61.7	61.7	239.3	57.5	82.1	4
NO4-T1.05-LK.07-19	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK20 M	CH15_LK5x12 D	70.0	57.5	58.3	58.3	54.0	228.1	57.5	82.1	4
NO4-T1.05-LK.07-20	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK20 M	CH15_LK9x12 G6M	108.0	81.8	84.1	90.1	90.1	346.1	81.8	75.7	4
NO4-T1.05-LK.08-01	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK21 M	CH15_LK5x8 HB2	80.0	37.7	38.9	38.9	34.1	149.6	37.7	47.1	4

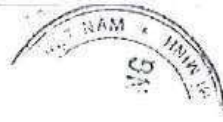
NO4-T1.05-LK.06

NO4-T1.05-LK.07

NO4-T1.05-LK.08-02	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK21_M	CH15_LK5x8_BM	50.0	37.5	38.3	38.3	34.0	148.1	37.5	75.0	4
NO4-T1.05-LK.08-03	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK21_M	CH15_LK5x8_A	50.0	37.5	38.4	41.7	41.7	159.3	37.5	75.0	4
NO4-T1.05-LK.08-04	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK21_M	CH15_LK5x8_AM	50.0	37.5	38.4	41.7	41.7	159.3	37.5	75.0	4
NO4-T1.05-LK.08-05	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK21_M	CH15_LK5x8_B	50.0	37.5	38.3	38.3	34.0	148.1	37.5	75.0	4
NO4-T1.05-LK.08-06	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK21_M	CH15_LK5x8_BM	50.0	37.5	38.3	38.3	34.0	148.1	37.5	75.0	4
NO4-T1.05-LK.08-07	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK21_M	CH15_LK5x8_A	50.0	37.5	38.4	41.7	41.7	159.3	37.5	75.0	4
NO4-T1.05-LK.08-08	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK21_M	CH15_LK5x8_AM	50.0	37.5	38.4	41.7	41.7	159.3	37.5	75.0	4
NO4-T1.05-LK.08-09	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK21_M	CH15_LK5x8_D	50.0	37.5	38.3	38.3	34.0	148.1	37.5	75.0	4
NO4-T1.05-LK.08-10	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK21_M	CH15_LK9x8_G2M	82.0	57.3	57.9	61.5	58.7	235.4	57.3	69.9	4
NO4-T1.05-LK.08-11	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK20	CH15_LK9x12_G6	108.0	81.8	84.1	90.1	90.1	346.1	81.8	75.7	4
NO4-T1.05-LK.08-12	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK20	CH15_LK5x12_DM	70.0	57.5	58.3	58.3	54.0	228.1	57.5	82.1	4
NO4-T1.05-LK.08-13	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK20	CH15_LK5x12_A	70.0	57.5	58.4	61.7	61.7	239.3	57.5	82.1	4
NO4-T1.05-LK.08-14	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK20	CH15_LK5x12_AM	70.0	57.5	58.4	61.7	61.7	239.3	57.5	82.1	4
NO4-T1.05-LK.08-15	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK20	CH15_LK5x12_B	70.0	57.5	58.3	58.3	54.0	228.1	57.5	82.1	4
NO4-T1.05-LK.08-16	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK20	CH15_LK5x12_BM	70.0	57.5	58.3	58.3	54.0	228.1	57.5	82.1	4
NO4-T1.05-LK.08-17	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK20	CH15_LK5x12_A	70.0	57.5	58.4	61.7	61.7	239.3	57.5	82.1	4
NO4-T1.05-LK.08-18	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK20	CH15_LK5x12_AM	70.0	57.5	58.4	61.7	61.7	239.3	57.5	82.1	4
NO4-T1.05-LK.08-19	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK20	CH15_LK5x12_B	70.0	57.5	58.3	58.3	54.0	228.1	57.5	82.1	4
NO4-T1.05-LK.08-20	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK20	CH15_LK5x12_HB3M	112.0	57.7	59.0	59.0	53.2	228.9	57.7	51.5	4
NO4-T1.06-LK.01-01	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK19	CH15_LK9x8_G3	72.0	48.0	47.7	51.2	51.2	198.1	48.0	66.7	4
NO4-T1.06-LK.01-02	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK19	CH15_LK5x8_DM	50.0	37.5	38.3	38.3	34.0	148.1	37.5	75.0	4
NO4-T1.06-LK.01-03	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK19	CH15_LK5x8_A	50.0	37.5	38.4	41.7	41.7	159.3	37.5	75.0	4
NO4-T1.06-LK.01-04	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK19	CH15_LK5x8_AM	50.0	37.5	38.4	41.7	41.7	159.3	37.5	75.0	4
NO4-T1.06-LK.01-05	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK19	CH15_LK5x8_B	50.0	37.5	38.3	38.3	34.0	148.1	37.5	75.0	4
NO4-T1.06-LK.01-06	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK19	CH15_LK5x8_BM	50.0	37.5	38.3	38.3	34.0	148.1	37.5	75.0	4
NO4-T1.06-LK.01-07	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK19	CH15_LK5x8_A	50.0	37.5	38.4	41.7	41.7	159.3	37.5	75.0	4
NO4-T1.06-LK.01-08	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK19	CH15_LK5x8_AM	50.0	37.5	38.4	41.7	41.7	159.3	37.5	75.0	4
NO4-T1.06-LK.01-09	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK19	CH15_LK5x8_B	50.0	37.5	38.3	38.3	34.0	148.1	37.5	75.0	4
NO4-T1.06-LK.01-10	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK19	CH15_LK5x8_HB2M	80.0	37.7	38.9	38.9	34.1	149.6	37.7	47.1	4
NO4-T1.06-LK.01-11	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK18_M	CH15_LK5x12_HB3	112.0	57.7	59.0	59.0	53.2	228.9	57.7	51.5	4
NO4-T1.06-LK.01-12	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK18_M	CH15_LK5x12_BM	70.0	57.5	58.3	58.3	54.0	228.1	57.5	82.1	4
NO4-T1.06-LK.01-13	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK18_M	CH15_LK5x12_A	70.0	57.5	58.4	61.7	61.7	239.3	57.5	82.1	4
NO4-T1.06-LK.01-14	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK18_M	CH15_LK5x12_AM	70.0	57.5	58.4	61.7	61.7	239.3	57.5	82.1	4
NO4-T1.06-LK.01-15	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK18_M	CH15_LK5x12_B	70.0	57.5	58.3	58.3	54.0	228.1	57.5	82.1	4
NO4-T1.06-LK.01-16	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK18_M	CH15_LK5x12_BM	70.0	57.5	58.3	58.3	54.0	228.1	57.5	82.1	4
NO4-T1.06-LK.01-17	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK18_M	CH15_LK5x12_A	70.0	57.5	58.4	61.7	61.7	239.3	57.5	82.1	4
NO4-T1.06-LK.01-18	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK18_M	CH15_LK5x12_AM	70.0	57.5	58.4	61.7	61.7	239.3	57.5	82.1	4
NO4-T1.06-LK.01-19	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK18_M	CH15_LK5x12_D	70.0	57.5	58.3	58.3	54.0	228.1	57.5	82.1	4
NO4-T1.06-LK.01-20	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK18_M	CH15_LK9x12_G7M	118.0	91.3	93.7	97.3	97.3	379.6	91.3	77.4	4
NO4-T1.06-LK.02-01	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK19_M	CH15_LK5x8_HB2	80.0	37.7	38.9	38.9	34.1	149.6	37.7	47.1	4

NO4-T1.05-LK.08

NO4-T1.06-LK.01



44-2

NO4-T1.06-LK.02	NO4-T1.06-LK.02-02	Đất nhà ở liên kề	CH15_LK19_M	CH15_LK5x8_BM	50.0	37.5	38.3	38.3	34.0	148.1	37.5	75.0	4
	NO4-T1.06-LK.02-03	Đất nhà ở liên kề	CH15_LK19_M	CH15_LK5x8_A	50.0	37.5	38.4	41.7	41.7	159.3	37.5	75.0	4
	NO4-T1.06-LK.02-04	Đất nhà ở liên kề	CH15_LK19_M	CH15_LK5x8_AM	50.0	37.5	38.4	41.7	41.7	159.3	37.5	75.0	4
	NO4-T1.06-LK.02-05	Đất nhà ở liên kề	CH15_LK19_M	CH15_LK5x8_B	50.0	37.5	38.3	38.3	34.0	148.1	37.5	75.0	4
	NO4-T1.06-LK.02-06	Đất nhà ở liên kề	CH15_LK19_M	CH15_LK5x8_BM	50.0	37.5	38.3	38.3	34.0	148.1	37.5	75.0	4
	NO4-T1.06-LK.02-07	Đất nhà ở liên kề	CH15_LK19_M	CH15_LK5x8_A	50.0	37.5	38.4	41.7	41.7	159.3	37.5	75.0	4
	NO4-T1.06-LK.02-08	Đất nhà ở liên kề	CH15_LK19_M	CH15_LK5x8_AM	50.0	37.5	38.4	41.7	41.7	159.3	37.5	75.0	4
	NO4-T1.06-LK.02-09	Đất nhà ở liên kề	CH15_LK19_M	CH15_LK5x8_D	50.0	37.5	38.3	38.3	34.0	148.1	37.5	75.0	4
	NO4-T1.06-LK.02-10	Đất nhà ở liên kề	CH15_LK19_M	CH15_LK9x8_G3M	72.0	48.0	47.7	51.2	51.2	198.1	48.0	66.7	4
	NO4-T1.06-LK.02-11	Đất nhà ở liên kề	CH15_LK18	CH15_LK9x12_G7	118.0	91.3	93.7	97.3	97.3	379.6	91.3	77.4	4
	NO4-T1.06-LK.02-12	Đất nhà ở liên kề	CH15_LK18	CH15_LK5x12_DM	70.0	57.5	58.3	58.3	54.0	228.1	57.5	82.1	4
	NO4-T1.06-LK.02-13	Đất nhà ở liên kề	CH15_LK18	CH15_LK5x12_A	70.0	57.5	58.4	61.7	61.7	239.3	57.5	82.1	4
	NO4-T1.06-LK.02-14	Đất nhà ở liên kề	CH15_LK18	CH15_LK5x12_AM	70.0	57.5	58.4	61.7	61.7	239.3	57.5	82.1	4
	NO4-T1.06-LK.02-15	Đất nhà ở liên kề	CH15_LK18	CH15_LK5x12_B	70.0	57.5	58.3	58.3	54.0	228.1	57.5	82.1	4
	NO4-T1.06-LK.02-16	Đất nhà ở liên kề	CH15_LK18	CH15_LK5x12_BM	70.0	57.5	58.3	58.3	54.0	228.1	57.5	82.1	4
	NO4-T1.06-LK.02-17	Đất nhà ở liên kề	CH15_LK18	CH15_LK5x12_A	70.0	57.5	58.4	61.7	61.7	239.3	57.5	82.1	4
	NO4-T1.06-LK.02-18	Đất nhà ở liên kề	CH15_LK18	CH15_LK5x12_AM	70.0	57.5	58.4	61.7	61.7	239.3	57.5	82.1	4
	NO4-T1.06-LK.02-19	Đất nhà ở liên kề	CH15_LK18	CH15_LK5x12_B	70.0	57.5	58.3	58.3	54.0	228.1	57.5	82.1	4
	NO4-T1.06-LK.02-20	Đất nhà ở liên kề	CH15_LK18	CH15_LK5x12_HB3M	112.0	57.7	59.0	59.0	53.2	228.9	57.7	51.5	4
NO4-T1.06-LK.03	NO4-T1.06-LK.03-01	Đất nhà ở liên kề	CH59_LK17	CH59_LK6.5x8_G6	57.0	42.4	53.2	47.3	31.4	174.3	42.4	74.4	4
	NO4-T1.06-LK.03-02	Đất nhà ở liên kề	CH59_LK17	CH59_LK5x8_A	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.06-LK.03-03	Đất nhà ở liên kề	CH59_LK17	CH59_LK5x8_AM	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.06-LK.03-04	Đất nhà ở liên kề	CH59_LK17	CH59_LK5x8_A	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.06-LK.03-05	Đất nhà ở liên kề	CH59_LK17	CH59_LK5x8_B	50.0	37.1	40.6	38.7	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.06-LK.03-06	Đất nhà ở liên kề	CH59_LK17	CH59_LK5x8_AM	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.06-LK.03-07	Đất nhà ở liên kề	CH59_LK17	CH59_LK5x8_A	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.06-LK.03-08	Đất nhà ở liên kề	CH59_LK17	CH59_LK5x8_AM	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.06-LK.03-09	Đất nhà ở liên kề	CH59_LK17	CH59_LK5x8_A	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.06-LK.03-10	Đất nhà ở liên kề	CH59_LK17	CH59_LK5x8_H2M	80.0	37.1	38.7	40.7	28.9	145.4	37.1	46.4	4
	NO4-T1.06-LK.03-11	Đất nhà ở liên kề	CH59_LK16	CH59_LK5x12_H1	112.0	57.1	58.7	60.7	48.9	225.4	57.1	51.0	4
	NO4-T1.06-LK.03-12	Đất nhà ở liên kề	CH59_LK16	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.06-LK.03-13	Đất nhà ở liên kề	CH59_LK16	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.06-LK.03-14	Đất nhà ở liên kề	CH59_LK16	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.06-LK.03-15	Đất nhà ở liên kề	CH59_LK16	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.06-LK.03-16	Đất nhà ở liên kề	CH59_LK16	CH59_LK5x12_B	70.0	57.1	60.6	58.7	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.06-LK.03-17	Đất nhà ở liên kề	CH59_LK16	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.06-LK.03-18	Đất nhà ở liên kề	CH59_LK16	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.06-LK.03-19	Đất nhà ở liên kề	CH59_LK16	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.06-LK.03-20	Đất nhà ở liên kề	CH59_LK16	CH59_LK6.5x12_G10M	83.0	65.2	70.5	70.5	50.1	256.3	65.2	78.6	4
	NO4-T1.06-LK.04-01	Đất nhà ở liên kề	CH59_LK19	CH59_LK5x8_H2	80.0	37.1	38.7	40.7	28.9	145.4	37.1	46.4	4

✱

64

NO4-TI.06-LK.05

NO4-T1.06-LK.06	NO4-T1.06-LK.05-20	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK16	CH59_LK6.5x12_G10M	83.0	65.2	70.5	70.5	50.1	256.3	65.2	78.6	4
	NO4-T1.06-LK.06-01	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK19	CH59_LK5x8_H2	80.0	37.1	38.7	40.7	28.9	145.4	37.1	46.4	4
	NO4-T1.06-LK.06-02	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK19	CH59_LK5x8_AM	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.06-LK.06-03	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK19	CH59_LK5x8_A	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.06-LK.06-04	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK19	CH59_LK5x8_AM	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.06-LK.06-05	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK19	CH59_LK5x8_A	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.06-LK.06-06	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK19	CH59_LK5x8_AM	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.06-LK.06-07	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK19	CH59_LK5x8_A	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.06-LK.06-08	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK19	CH59_LK5x8_AM	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.06-LK.06-09	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK19	CH59_LK5x8_A	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.06-LK.06-10	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK19	CH59_LK5x8_AM	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.06-LK.06-11	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK19	CH59_LK6.5x8_G6M	57.0	42.4	53.2	47.3	31.4	174.3	42.4	74.4	4
	NO4-T1.06-LK.06-12	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK18	CH59_LK6.5x12_G10	83.0	65.2	70.5	70.5	50.1	256.3	65.2	78.6	4
	NO4-T1.06-LK.06-13	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK18	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.06-LK.06-14	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK18	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.06-LK.06-15	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK18	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
NO4-T1.06-LK.07	NO4-T1.06-LK.06-16	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK18	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.06-LK.06-17	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK18	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.06-LK.06-18	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK18	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.06-LK.06-19	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK18	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.06-LK.06-20	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK18	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.06-LK.06-21	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK18	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.06-LK.06-22	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK18	CH59_LK5x12_H1M	112.0	57.1	58.7	60.7	48.9	225.4	57.1	51.0	4
	NO4-T1.06-LK.07-01	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK17	CH59_LK6.5x8_G6	57.0	42.4	53.2	47.3	31.4	174.3	42.4	74.4	4
	NO4-T1.06-LK.07-02	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK17	CH59_LK5x8_A	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.06-LK.07-03	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK17	CH59_LK5x8_AM	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.06-LK.07-04	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK17	CH59_LK5x8_A	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.06-LK.07-05	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK17	CH59_LK5x8_B	50.0	37.1	40.6	38.7	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.06-LK.07-06	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK17	CH59_LK5x8_AM	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.06-LK.07-07	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK17	CH59_LK5x8_A	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.06-LK.07-08	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK17	CH59_LK5x8_AM	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.06-LK.07-09	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK17	CH59_LK5x8_A	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.06-LK.07-10	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK17	CH59_LK5x8_H2M	80.0	37.1	38.7	40.7	28.9	145.4	37.1	46.4	4
	NO4-T1.06-LK.07-11	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK16	CH59_LK5x12_H1	112.0	57.1	58.7	60.7	48.9	225.4	57.1	51.0	4
	NO4-T1.06-LK.07-12	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK16	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.06-LK.07-13	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK16	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.06-LK.07-14	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK16	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.06-LK.07-15	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK16	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.06-LK.07-16	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK16	CH59_LK5x12_B	70.0	57.1	60.6	58.7	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.06-LK.07-17	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK16	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4



NO4-T1.06-LK.08	NO4-T1.06-LK.07-18	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK16	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.06-LK.07-19	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK16	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.06-LK.07-20	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK16	CH59_LK6.5x12_G10M	83.0	65.2	70.5	70.5	50.1	256.3	65.2	78.6	4
	NO4-T1.06-LK.08-01	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK19	CH59_LK5x8_H2	80.0	37.1	38.7	40.7	28.9	145.4	37.1	46.4	4
	NO4-T1.06-LK.08-02	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK19	CH59_LK5x8_AM	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.06-LK.08-03	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK19	CH59_LK5x8_A	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.06-LK.08-04	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK19	CH59_LK5x8_AM	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.06-LK.08-05	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK19	CH59_LK5x8_A	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.06-LK.08-06	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK19	CH59_LK5x8_AM	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.06-LK.08-07	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK19	CH59_LK5x8_A	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.06-LK.08-08	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK19	CH59_LK5x8_AM	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.06-LK.08-09	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK19	CH59_LK5x8_A	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.06-LK.08-10	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK19	CH59_LK5x8_AM	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.06-LK.08-11	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK19	CH59_LK6.5x8_G6M	57.0	42.4	53.2	47.3	31.4	174.3	42.4	74.4	4
	NO4-T1.06-LK.08-12	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK18	CH59_LK6.5x12_G10	83.0	65.2	70.5	70.5	50.1	256.3	65.2	78.6	4
	NO4-T1.06-LK.08-13	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK18	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.06-LK.08-14	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK18	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.06-LK.08-15	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK18	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.06-LK.08-16	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK18	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.06-LK.08-17	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK18	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.06-LK.08-18	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK18	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.06-LK.08-19	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK18	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.06-LK.08-20	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK18	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.06-LK.08-21	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK18	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.06-LK.08-22	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK18	CH59_LK5x12_H1M	112.0	57.1	58.7	60.7	48.9	225.4	57.1	51.0	4
NO4-T1.06-LK.09	NO4-T1.06-LK.09-01	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK11	CH19_LK9x8_G2	82.0	58.4	53.1	52.7	48.6	212.8	58.4	71.2	4
	NO4-T1.06-LK.09-02	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK11	CH19_LK6x8_AM	60.0	45.5	43.3	40.1	41.0	169.9	45.5	75.8	4
	NO4-T1.06-LK.09-03	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK11	CH19_LK6x8_A	60.0	45.5	43.3	40.1	41.0	169.9	45.5	75.8	4
	NO4-T1.06-LK.09-04	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK11	CH19_LK6x8_BM	60.0	45.5	45.4	46.3	41.4	178.6	45.5	75.8	4
	NO4-T1.06-LK.09-05	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK11	CH19_LK6x8_B	60.0	45.5	45.4	46.3	41.4	178.6	45.5	75.8	4
	NO4-T1.06-LK.09-06	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK11	CH19_LK6x8_AM	60.0	45.5	43.3	40.1	41.0	169.9	45.5	75.8	4
	NO4-T1.06-LK.09-07	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK11	CH19_LK6x8_A	60.0	45.5	43.3	40.1	41.0	169.9	45.5	75.8	4
	NO4-T1.06-LK.09-08	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK11	CH19_LK6x8_H3M	90.0	45.5	45.4	46.3	41.2	178.4	45.5	50.6	4
	NO4-T1.06-LK.09-09	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK10	CH19_LK6x12_H4	126.0	69.5	69.4	70.3	65.2	274.4	69.5	55.2	4
	NO4-T1.06-LK.09-10	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK10	CH19_LK6x12_AM	84.0	69.5	67.3	64.1	65.0	265.9	69.5	82.7	4
	NO4-T1.06-LK.09-11	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK10	CH19_LK6x12_A	84.0	69.5	67.3	64.1	65.0	265.9	69.5	82.7	4
	NO4-T1.06-LK.09-12	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK10	CH19_LK6x12_BM	84.0	69.5	69.4	70.3	65.4	274.6	69.5	82.7	4
	NO4-T1.06-LK.09-13	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK10	CH19_LK6x12_B	84.0	69.5	69.4	70.3	65.4	274.6	69.5	82.7	4
	NO4-T1.06-LK.09-14	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK10	CH19_LK6x12_AM	84.0	69.5	67.3	64.1	65.0	265.9	69.5	82.7	4
	NO4-T1.06-LK.09-15	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK10	CH19_LK6x12_A	84.0	69.5	67.3	64.1	65.0	265.9	69.5	82.7	4

Đ.Đ

NO4-T1.06-LK.10	NO4-T1.06-LK.09-16	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK10	CH19_LK9x12_G4M	108.0	82.9	76.7	74.8	71.0	305.4	82.9	76.8	4
	NO4-T1.06-LK.10-01	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK04_M	CH19_LK6x8_H3	90.0	45.5	45.4	46.3	41.2	178.4	45.5	50.6	4
	NO4-T1.06-LK.10-02	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK04_M	CH19_LK6x8_AM	60.0	45.5	43.3	40.1	41.0	169.9	45.5	75.8	4
	NO4-T1.06-LK.10-03	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK04_M	CH19_LK6x8_A	60.0	45.5	43.3	40.1	41.0	169.9	45.5	75.8	4
	NO4-T1.06-LK.10-04	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK04_M	CH19_LK6x8_BM	60.0	45.5	45.4	46.3	41.4	178.6	45.5	75.8	4
	NO4-T1.06-LK.10-05	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK04_M	CH19_LK6x8_B	60.0	45.5	45.4	46.3	41.4	178.6	45.5	75.8	4
	NO4-T1.06-LK.10-06	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK04_M	CH19_LK6x8_B	60.0	45.5	45.4	46.3	41.4	178.6	45.5	75.8	4
	NO4-T1.06-LK.10-07	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK04_M	CH19_LK6x8_AM	60.0	45.5	43.3	40.1	41.0	169.9	45.5	75.8	4
	NO4-T1.06-LK.10-08	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK04_M	CH19_LK6x8_A	60.0	45.5	43.3	40.1	41.0	169.9	45.5	75.8	4
	NO4-T1.06-LK.10-09	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK04_M	CH19_LK9x8_G2M	82.0	58.4	53.1	52.7	48.6	212.8	58.4	71.2	4
	NO4-T1.06-LK.10-10	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK03	CH19_LK9x12_G4	108.0	82.9	76.7	74.8	71.0	305.4	82.9	76.8	4
	NO4-T1.06-LK.10-11	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK03	CH19_LK6x12_AM	84.0	69.5	67.3	64.1	65.0	265.9	69.5	82.7	4
	NO4-T1.06-LK.10-12	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK03	CH19_LK6x12_A	84.0	69.5	67.3	64.1	65.0	265.9	69.5	82.7	4
	NO4-T1.06-LK.10-13	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK03	CH19_LK6x12_BM	84.0	69.5	69.4	70.3	65.4	274.6	69.5	82.7	4
	NO4-T1.06-LK.10-14	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK03	CH19_LK6x12_B	84.0	69.5	69.4	70.3	65.4	274.6	69.5	82.7	4
	NO4-T1.06-LK.10-15	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK03	CH19_LK6x12_B	84.0	69.5	69.4	70.3	65.4	274.6	69.5	82.7	4
	NO4-T1.06-LK.10-16	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK03	CH19_LK6x12_AM	84.0	69.5	67.3	64.1	65.0	265.9	69.5	82.7	4
	NO4-T1.06-LK.10-17	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK03	CH19_LK6x12_A	84.0	69.5	67.3	64.1	65.0	265.9	69.5	82.7	4
	NO4-T1.06-LK.10-18	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK03	CH19_LK6x12_H4M	126.0	69.5	69.4	70.3	65.2	274.4	69.5	55.2	4
	NO4-T1.07-LK.01-01	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK08	CH19_LK9x8_G3	72.0	48.5	43.8	44.1	40.3	176.7	48.5	67.4	4
NO4-T1.07-LK.01	NO4-T1.07-LK.01-02	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK08	CH19_LK6x8_AM	60.0	45.5	43.3	40.1	41.0	169.9	45.5	75.8	4
	NO4-T1.07-LK.01-03	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK08	CH19_LK6x8_A	60.0	45.5	43.3	40.1	41.0	169.9	45.5	75.8	4
	NO4-T1.07-LK.01-04	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK08	CH19_LK6x8_BM	60.0	45.5	45.4	46.3	41.4	178.6	45.5	75.8	4
	NO4-T1.07-LK.01-05	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK08	CH19_LK6x8_B	60.0	45.5	45.4	46.3	41.4	178.6	45.5	75.8	4
	NO4-T1.07-LK.01-06	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK08	CH19_LK6x8_AM	60.0	45.5	43.3	40.1	41.0	169.9	45.5	75.8	4
	NO4-T1.07-LK.01-07	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK08	CH19_LK6x8_A	60.0	45.5	43.3	40.1	41.0	169.9	45.5	75.8	4
	NO4-T1.07-LK.01-08	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK08	CH19_LK6x8_H3M	90.0	45.5	45.4	46.3	41.2	178.4	45.5	50.6	4
	NO4-T1.07-LK.01-09	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK09	CH19_LK6x12_H4	126.0	69.5	69.4	70.3	65.2	274.4	69.5	55.2	4
	NO4-T1.07-LK.01-10	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK09	CH19_LK6x12_AM	84.0	69.5	67.3	64.1	65.0	265.9	69.5	82.7	4
	NO4-T1.07-LK.01-11	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK09	CH19_LK6x12_A	84.0	69.5	67.3	64.1	65.0	265.9	69.5	82.7	4
	NO4-T1.07-LK.01-12	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK09	CH19_LK6x12_BM	84.0	69.5	69.4	70.3	65.4	274.6	69.5	82.7	4
	NO4-T1.07-LK.01-13	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK09	CH19_LK6x12_B	84.0	69.5	69.4	70.3	65.4	274.6	69.5	82.7	4
	NO4-T1.07-LK.01-14	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK09	CH19_LK6x12_AM	84.0	69.5	67.3	64.1	65.0	265.9	69.5	82.7	4
	NO4-T1.07-LK.01-15	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK09	CH19_LK6x12_A	84.0	69.5	67.3	64.1	65.0	265.9	69.5	82.7	4
	NO4-T1.07-LK.01-16	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK09	CH19_LK9x12_G6M	118.0	92.6	86.1	83.4	79.8	341.9	92.6	78.5	4
	NO4-T1.07-LK.02-01	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK05_M	CH19_LK6x8_H3	90.0	45.5	45.4	46.3	41.2	178.4	45.5	50.6	4
	NO4-T1.07-LK.02-02	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK05_M	CH19_LK6x8_AM	60.0	45.5	43.3	40.1	41.0	169.9	45.5	75.8	4
	NO4-T1.07-LK.02-03	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK05_M	CH19_LK6x8_A	60.0	45.5	43.3	40.1	41.0	169.9	45.5	75.8	4
	NO4-T1.07-LK.02-04	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK05_M	CH19_LK6x8_BM	60.0	45.5	45.4	46.3	41.4	178.6	45.5	75.8	4
	NO4-T1.07-LK.02-05	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK05_M	CH19_LK6x8_B	60.0	45.5	45.4	46.3	41.4	178.6	45.5	75.8	4

NO4-T1.07-LK.02	NO4-T1.07-LK.02-06	Đất nhà ở liên kế	CH19_LK05_M	CH19_LK6x8_B	60.0	45.5	45.4	46.3	41.4	178.6	45.5	75.8	4
	NO4-T1.07-LK.02-07	Đất nhà ở liên kế	CH19_LK05_M	CH19_LK6x8_AM	60.0	45.5	43.3	40.1	41.0	169.9	45.5	75.8	4
	NO4-T1.07-LK.02-08	Đất nhà ở liên kế	CH19_LK05_M	CH19_LK6x8_A	60.0	45.5	43.3	40.1	41.0	169.9	45.5	75.8	4
	NO4-T1.07-LK.02-09	Đất nhà ở liên kế	CH19_LK05_M	CH19_LK9x8_G3M	72.0	48.5	43.8	44.1	40.3	176.7	48.5	67.4	4
	NO4-T1.07-LK.02-10	Đất nhà ở liên kế	CH19_LK07	CH19_LK9x12_G6	118.0	92.6	86.1	83.4	79.8	341.9	92.6	78.5	4
	NO4-T1.07-LK.02-11	Đất nhà ở liên kế	CH19_LK07	CH19_LK6x12_AM	84.0	69.5	67.3	64.1	65.0	265.9	69.5	82.7	4
	NO4-T1.07-LK.02-12	Đất nhà ở liên kế	CH19_LK07	CH19_LK6x12_A	84.0	69.5	67.3	64.1	65.0	265.9	69.5	82.7	4
	NO4-T1.07-LK.02-13	Đất nhà ở liên kế	CH19_LK07	CH19_LK6x12_BM	84.0	69.5	69.4	70.3	65.4	274.6	69.5	82.7	4
	NO4-T1.07-LK.02-14	Đất nhà ở liên kế	CH19_LK07	CH19_LK6x12_B	84.0	69.5	69.4	70.3	65.4	274.6	69.5	82.7	4
	NO4-T1.07-LK.02-15	Đất nhà ở liên kế	CH19_LK07	CH19_LK6x12_B	84.0	69.5	69.4	70.3	65.4	274.6	69.5	82.7	4
	NO4-T1.07-LK.02-16	Đất nhà ở liên kế	CH19_LK07	CH19_LK6x12_AM	84.0	69.5	67.3	64.1	65.0	265.9	69.5	82.7	4
	NO4-T1.07-LK.02-17	Đất nhà ở liên kế	CH19_LK07	CH19_LK6x12_A	84.0	69.5	67.3	64.1	65.0	265.9	69.5	82.7	4
	NO4-T1.07-LK.02-18	Đất nhà ở liên kế	CH19_LK07	CH19_LK6x12_H4M	126.0	69.5	69.4	70.3	65.2	274.4	69.5	55.2	4
	NO4-T1.07-LK.03-01	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK24	CH75_LK9x8_G9	82.0	61.5	54.8	54.8	53.6	224.7	61.5	75.0	4
	NO4-T1.07-LK.03-02	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK24	CH75_LK5x8_AM	50.0	38.3	38.9	35.6	35.6	148.4	38.3	76.6	4
	NO4-T1.07-LK.03-03	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK24	CH75_LK5x8_B	50.0	38.0	36.0	35.9	37.0	146.9	38.0	76.0	4
	NO4-T1.07-LK.03-04	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK24	CH75_LK5x8_AM	50.0	38.3	38.9	35.6	35.6	148.4	38.3	76.6	4
	NO4-T1.07-LK.03-05	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK24	CH75_LK5x8_B	50.0	38.0	36.0	35.9	37.0	146.9	38.0	76.0	4
	NO4-T1.07-LK.03-06	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK24	CH75_LK5x8_AM	50.0	38.3	38.9	35.6	35.6	148.4	38.3	76.6	4
	NO4-T1.07-LK.03-07	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK24	CH75_LK5x8_B	50.0	38.0	36.0	35.9	37.0	146.9	38.0	76.0	4
	NO4-T1.07-LK.03-08	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK24	CH75_LK5x8_AM	50.0	38.3	38.9	35.6	35.6	148.4	38.3	76.6	4
	NO4-T1.07-LK.03-09	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK24	CH75_LK5x8_B	50.0	38.0	36.0	35.9	37.0	146.9	38.0	76.0	4
NO4-T1.07-LK.03	NO4-T1.07-LK.03-10	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK24	CH75_LK5x8_H4M	80.0	38.3	38.9	35.5	35.5	148.2	38.3	47.9	4
	NO4-T1.07-LK.03-11	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK21	CH75_LK5x12_H1B1	112.0	57.9	55.8	56.0	57.1	226.8	57.9	51.7	4
	NO4-T1.07-LK.03-12	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK21	CH75_LK5x12_AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.07-LK.03-13	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK21	CH75_LK5x12_B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.07-LK.03-14	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK21	CH75_LK5x12_AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.07-LK.03-15	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK21	CH75_LK5x12_B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.07-LK.03-16	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK21	CH75_LK5x12_AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.07-LK.03-17	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK21	CH75_LK5x12_B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.07-LK.03-18	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK21	CH75_LK5x12_AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.07-LK.03-19	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK21	CH75_LK5x12_B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.07-LK.03-20	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK21	CH75_LK9x12_G12M	118.0	95.7	90.9	88.0	86.9	361.5	95.7	81.1	4
	NO4-T1.07-LK.04-01	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK23	CH75_LK5x8_HB4	80.0	37.9	35.8	36.0	37.1	146.8	37.9	47.4	4
	NO4-T1.07-LK.04-02	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK23	CH75_LK5x8_AM	50.0	38.3	38.9	35.6	35.6	148.4	38.3	76.6	4
	NO4-T1.07-LK.04-03	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK23	CH75_LK5x8_B	50.0	38.0	36.0	35.9	37.0	146.9	38.0	76.0	4
	NO4-T1.07-LK.04-04	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK23	CH75_LK5x8_AM	50.0	38.3	38.9	35.6	35.6	148.4	38.3	76.6	4
	NO4-T1.07-LK.04-05	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK23	CH75_LK5x8_B	50.0	38.0	36.0	35.9	37.0	146.9	38.0	76.0	4
	NO4-T1.07-LK.04-06	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK23	CH75_LK5x8_AM	50.0	38.3	38.9	35.6	35.6	148.4	38.3	76.6	4
	NO4-T1.07-LK.04-07	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK23	CH75_LK5x8_B	50.0	38.0	36.0	35.9	37.0	146.9	38.0	76.0	4

A-8

NO4-T1.07-LK.04	NO4-T1.07-LK.04-08	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK23	CH75_LK5x8 AM	50.0	38.3	38.9	35.6	35.6	148.4	38.3	76.6	4
	NO4-T1.07-LK.04-09	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK23	CH75_LK5x8 B	50.0	38.0	36.0	35.9	37.0	146.9	38.0	76.0	4
	NO4-T1.07-LK.04-10	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK23	CH75_LK9x8 G9M	82.0	61.5	54.8	54.8	53.6	224.7	61.5	75.0	4
	NO4-T1.07-LK.04-11	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK22	CH75_LK9x12 G12	118.0	95.7	90.9	88.0	86.9	361.5	95.7	81.1	4
	NO4-T1.07-LK.04-12	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK22	CH75_LK5x12 AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.07-LK.04-13	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK22	CH75_LK5x12 B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.07-LK.04-14	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK22	CH75_LK5x12 AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.07-LK.04-15	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK22	CH75_LK5x12 B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.07-LK.04-16	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK22	CH75_LK5x12 AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.07-LK.04-17	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK22	CH75_LK5x12 B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.07-LK.04-18	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK22	CH75_LK5x12 AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.07-LK.04-19	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK22	CH75_LK5x12 B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.07-LK.04-20	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK22	CH75_LK5x12_H1M	112.0	58.3	58.9	55.5	55.5	228.2	58.3	52.1	4
	NO4-T1.07-LK.05-01	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK24	CH75_LK9x8 G9	82.0	61.5	54.8	54.8	53.6	224.7	61.5	75.0	4
	NO4-T1.07-LK.05-02	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK24	CH75_LK5x8 AM	50.0	38.3	38.9	35.6	35.6	148.4	38.3	76.6	4
	NO4-T1.07-LK.05-03	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK24	CH75_LK5x8 B	50.0	38.0	36.0	35.9	37.0	146.9	38.0	76.0	4
	NO4-T1.07-LK.05-04	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK24	CH75_LK5x8 AM	50.0	38.3	38.9	35.6	35.6	148.4	38.3	76.6	4
	NO4-T1.07-LK.05-05	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK24	CH75_LK5x8 B	50.0	38.0	36.0	35.9	37.0	146.9	38.0	76.0	4
	NO4-T1.07-LK.05-06	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK24	CH75_LK5x8 AM	50.0	38.3	38.9	35.6	35.6	148.4	38.3	76.6	4
	NO4-T1.07-LK.05-07	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK24	CH75_LK5x8 B	50.0	38.0	36.0	35.9	37.0	146.9	38.0	76.0	4
NO4-T1.07-LK.05	NO4-T1.07-LK.05-08	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK24	CH75_LK5x8 AM	50.0	38.3	38.9	35.6	35.6	148.4	38.3	76.6	4
	NO4-T1.07-LK.05-09	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK24	CH75_LK5x8 B	50.0	38.0	36.0	35.9	37.0	146.9	38.0	76.0	4
	NO4-T1.07-LK.05-10	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK24	CH75_LK5x8_H4M	80.0	38.3	38.9	35.5	35.5	148.2	38.3	47.9	4
	NO4-T1.07-LK.05-11	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK21	CH75_LK5x12_HB1	112.0	57.9	55.8	56.0	57.1	226.8	57.9	51.7	4
	NO4-T1.07-LK.05-12	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK21	CH75_LK5x12 AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.07-LK.05-13	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK21	CH75_LK5x12 B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.07-LK.05-14	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK21	CH75_LK5x12 AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.07-LK.05-15	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK21	CH75_LK5x12 B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.07-LK.05-16	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK21	CH75_LK5x12 AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.07-LK.05-17	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK21	CH75_LK5x12 B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.07-LK.05-18	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK21	CH75_LK5x12 AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.07-LK.05-19	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK21	CH75_LK5x12 B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.07-LK.05-20	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK21	CH75_LK9x12_G12M	118.0	95.7	90.9	88.0	86.9	361.5	95.7	81.1	4
	NO4-T1.07-LK.06-01	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK23	CH75_LK5x8_HB4	80.0	37.9	35.8	36.0	37.1	146.8	37.9	47.4	4
	NO4-T1.07-LK.06-02	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK23	CH75_LK5x8 AM	50.0	38.3	38.9	35.6	35.6	148.4	38.3	76.6	4
	NO4-T1.07-LK.06-03	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK23	CH75_LK5x8 B	50.0	38.0	36.0	35.9	37.0	146.9	38.0	76.0	4
	NO4-T1.07-LK.06-04	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK23	CH75_LK5x8 AM	50.0	38.3	38.9	35.6	35.6	148.4	38.3	76.6	4
	NO4-T1.07-LK.06-05	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK23	CH75_LK5x8 B	50.0	38.0	36.0	35.9	37.0	146.9	38.0	76.0	4
	NO4-T1.07-LK.06-06	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK23	CH75_LK5x8 AM	50.0	38.3	38.9	35.6	35.6	148.4	38.3	76.6	4
	NO4-T1.07-LK.06-07	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK23	CH75_LK5x8 B	50.0	38.0	36.0	35.9	37.0	146.9	38.0	76.0	4

th

NO4-T1.07-LK.06	NO4-T1.07-LK.06-08	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK23	CH75_LK5x8 AM	50.0	38.3	38.9	35.6	35.6	148.4	38.3	76.6	4
	NO4-T1.07-LK.06-09	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK23	CH75_LK5x8 B	50.0	38.0	36.0	35.9	37.0	146.9	38.0	76.0	4
	NO4-T1.07-LK.06-10	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK23	CH75_LK9x8 G9M	82.0	61.5	54.8	54.8	53.6	224.7	61.5	75.0	4
	NO4-T1.07-LK.06-11	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK22	CH75_LK9x12 G12	118.0	95.7	90.9	88.0	86.9	361.5	95.7	81.1	4
	NO4-T1.07-LK.06-12	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK22	CH75_LK5x12 AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.07-LK.06-13	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK22	CH75_LK5x12 B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.07-LK.06-14	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK22	CH75_LK5x12 AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.07-LK.06-15	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK22	CH75_LK5x12 B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.07-LK.06-16	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK22	CH75_LK5x12 AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.07-LK.06-17	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK22	CH75_LK5x12 B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.07-LK.06-18	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK22	CH75_LK5x12 AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.07-LK.06-19	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK22	CH75_LK5x12 B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.07-LK.06-20	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK22	CH75_LK5x12 H1M	112.0	58.3	58.9	55.5	55.5	228.2	58.3	52.1	4
	NO4-T1.07-LK.07-01	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK24	CH75_LK9x8 G9	82.0	61.5	54.8	54.8	53.6	224.7	61.5	75.0	4
	NO4-T1.07-LK.07-02	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK24	CH75_LK5x8 AM	50.0	38.3	38.9	35.6	35.6	148.4	38.3	76.6	4
	NO4-T1.07-LK.07-03	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK24	CH75_LK5x8 B	50.0	38.0	36.0	35.9	37.0	146.9	38.0	76.0	4
	NO4-T1.07-LK.07-04	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK24	CH75_LK5x8 AM	50.0	38.3	38.9	35.6	35.6	148.4	38.3	76.6	4
	NO4-T1.07-LK.07-05	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK24	CH75_LK5x8 B	50.0	38.0	36.0	35.9	37.0	146.9	38.0	76.0	4
	NO4-T1.07-LK.07-06	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK24	CH75_LK5x8 AM	50.0	38.3	38.9	35.6	35.6	148.4	38.3	76.6	4
	NO4-T1.07-LK.07-07	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK24	CH75_LK5x8 B	50.0	38.0	36.0	35.9	37.0	146.9	38.0	76.0	4
	NO4-T1.07-LK.07-08	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK24	CH75_LK5x8 AM	50.0	38.3	38.9	35.6	35.6	148.4	38.3	76.6	4
	NO4-T1.07-LK.07-09	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK24	CH75_LK5x8 B	50.0	38.0	36.0	35.9	37.0	146.9	38.0	76.0	4
NO4-T1.07-LK.07	NO4-T1.07-LK.07-10	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK24	CH75_LK5x8 H4M	80.0	38.3	38.9	35.5	35.5	148.2	38.3	47.9	4
	NO4-T1.07-LK.07-11	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK21	CH75_LK5x12 HB1	112.0	57.9	55.8	56.0	57.1	226.8	57.9	51.7	4
	NO4-T1.07-LK.07-12	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK21	CH75_LK5x12 AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.07-LK.07-13	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK21	CH75_LK5x12 B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.07-LK.07-14	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK21	CH75_LK5x12 AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.07-LK.07-15	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK21	CH75_LK5x12 B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.07-LK.07-16	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK21	CH75_LK5x12 AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.07-LK.07-17	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK21	CH75_LK5x12 B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.07-LK.07-18	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK21	CH75_LK5x12 AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.07-LK.07-19	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK21	CH75_LK5x12 B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.07-LK.07-20	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK21	CH75_LK9x12 G12M	118.0	95.7	90.9	88.0	86.9	361.5	95.7	81.1	4
	NO4-T1.07-LK.08-01	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK23	CH75_LK5x8 HB4	80.0	37.9	35.8	36.0	37.1	146.8	37.9	47.4	4
	NO4-T1.07-LK.08-02	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK23	CH75_LK5x8 AM	50.0	38.3	38.9	35.6	35.6	148.4	38.3	76.6	4
	NO4-T1.07-LK.08-03	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK23	CH75_LK5x8 B	50.0	38.0	36.0	35.9	37.0	146.9	38.0	76.0	4
	NO4-T1.07-LK.08-04	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK23	CH75_LK5x8 AM	50.0	38.3	38.9	35.6	35.6	148.4	38.3	76.6	4
	NO4-T1.07-LK.08-05	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK23	CH75_LK5x8 B	50.0	38.0	36.0	35.9	37.0	146.9	38.0	76.0	4
	NO4-T1.07-LK.08-06	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK23	CH75_LK5x8 AM	50.0	38.3	38.9	35.6	35.6	148.4	38.3	76.6	4
	NO4-T1.07-LK.08-07	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK23	CH75_LK5x8 B	50.0	38.0	36.0	35.9	37.0	146.9	38.0	76.0	4



8

NO4-T1.07-LK.08	NO4-T1.07-LK.08-08	Đất nhà ở liên kề	CH75_LK23	CH75_LK5x8_AM	50.0	38.3	38.9	35.6	35.6	148.4	38.3	76.6	4
	NO4-T1.07-LK.08-09	Đất nhà ở liên kề	CH75_LK23	CH75_LK5x8_B	50.0	38.0	36.0	35.9	37.0	146.9	38.0	76.0	4
	NO4-T1.07-LK.08-10	Đất nhà ở liên kề	CH75_LK23	CH75_LK9x8_G9M	82.0	61.5	54.8	54.8	53.6	224.7	61.5	75.0	4
	NO4-T1.07-LK.08-11	Đất nhà ở liên kề	CH75_LK22	CH75_LK9x12_G12	118.0	95.7	90.9	88.0	86.9	361.5	95.7	81.1	4
	NO4-T1.07-LK.08-12	Đất nhà ở liên kề	CH75_LK22	CH75_LK5x12_AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.07-LK.08-13	Đất nhà ở liên kề	CH75_LK22	CH75_LK5x12_B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.07-LK.08-14	Đất nhà ở liên kề	CH75_LK22	CH75_LK5x12_AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.07-LK.08-15	Đất nhà ở liên kề	CH75_LK22	CH75_LK5x12_B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.07-LK.08-16	Đất nhà ở liên kề	CH75_LK22	CH75_LK5x12_AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.07-LK.08-17	Đất nhà ở liên kề	CH75_LK22	CH75_LK5x12_B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.07-LK.08-18	Đất nhà ở liên kề	CH75_LK22	CH75_LK5x12_AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.07-LK.08-19	Đất nhà ở liên kề	CH75_LK22	CH75_LK5x12_B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.07-LK.08-20	Đất nhà ở liên kề	CH75_LK22	CH75_LK5x12_H1M	112.0	58.3	58.9	55.5	55.5	228.2	58.3	52.1	4
	NO4-T1.07-LK.09-01	Đất nhà ở liên kề	CH75_LK18	CH75_LK9x8_G9	82.0	61.5	54.8	54.8	53.6	224.7	61.5	75.0	4
	NO4-T1.07-LK.09-02	Đất nhà ở liên kề	CH75_LK18	CH75_LK6x8_AM	60.0	45.7	46.9	42.6	42.6	177.8	45.7	76.2	4
	NO4-T1.07-LK.09	NO4-T1.07-LK.09-03	Đất nhà ở liên kề	CH75_LK18	CH75_LK6x8_B	60.0	45.4	43.0	42.9	44.7	176.0	45.4	75.7
NO4-T1.07-LK.09-04		Đất nhà ở liên kề	CH75_LK18	CH75_LK6x8_AM	60.0	45.7	46.9	42.6	42.6	177.8	45.7	76.2	4
NO4-T1.07-LK.09-05		Đất nhà ở liên kề	CH75_LK18	CH75_LK6x8_B	60.0	45.4	43.0	42.9	44.7	176.0	45.4	75.7	4
NO4-T1.07-LK.09-06		Đất nhà ở liên kề	CH75_LK18	CH75_LK6x8_AM	60.0	45.7	46.9	42.6	42.6	177.8	45.7	76.2	4
NO4-T1.07-LK.09-07		Đất nhà ở liên kề	CH75_LK18	CH75_LK6x8_B	60.0	45.4	43.0	42.9	44.7	176.0	45.4	75.7	4
NO4-T1.07-LK.09-08		Đất nhà ở liên kề	CH75_LK18	CH75_LK6x8_H5M	90.0	45.7	46.9	42.5	42.5	177.6	45.7	50.8	4
NO4-T1.07-LK.09-09		Đất nhà ở liên kề	CH75_LK17	CH75_LK6x12_HB6	126.0	69.4	66.8	67.0	68.9	272.1	69.4	55.1	4
NO4-T1.07-LK.09-10		Đất nhà ở liên kề	CH75_LK17	CH75_LK6x12_AM	84.0	69.7	70.9	66.6	66.6	273.8	69.7	83.0	4
NO4-T1.07-LK.09-11		Đất nhà ở liên kề	CH75_LK17	CH75_LK6x12_B	84.0	69.4	67.0	66.9	68.7	272.0	69.4	82.6	4
NO4-T1.07-LK.09-12		Đất nhà ở liên kề	CH75_LK17	CH75_LK6x12_AM	84.0	69.7	70.9	66.6	66.6	273.8	69.7	83.0	4
NO4-T1.07-LK.09-13		Đất nhà ở liên kề	CH75_LK17	CH75_LK6x12_B	84.0	69.4	67.0	66.9	68.7	272.0	69.4	82.6	4
NO4-T1.07-LK.09-14		Đất nhà ở liên kề	CH75_LK17	CH75_LK6x12_AM	84.0	69.7	70.9	66.6	66.6	273.8	69.7	83.0	4
NO4-T1.07-LK.09-15		Đất nhà ở liên kề	CH75_LK17	CH75_LK6x12_B	84.0	69.4	67.0	66.9	68.7	272.0	69.4	82.6	4
NO4-T1.07-LK.09-16		Đất nhà ở liên kề	CH75_LK17	CH75_LK9x12_G13M	108.0	84.7	84.4	82.2	80.0	331.3	84.7	78.4	4
NO4-T1.07-LK.10-01		Đất nhà ở liên kề	CH75_LK06	CH75_LK6x8_HB5	90.0	45.4	42.8	43.0	44.9	176.1	45.4	50.4	4
NO4-T1.07-LK.10-02		Đất nhà ở liên kề	CH75_LK06	CH75_LK6x8_AM	60.0	45.7	46.9	42.6	42.6	177.8	45.7	76.2	4
NO4-T1.07-LK.10-03	Đất nhà ở liên kề	CH75_LK06	CH75_LK6x8_B	60.0	45.4	43.0	42.9	44.7	176.0	45.4	75.7	4	
NO4-T1.07-LK.10-04	Đất nhà ở liên kề	CH75_LK06	CH75_LK6x8_AM	60.0	45.7	46.9	42.6	42.6	177.8	45.7	76.2	4	
NO4-T1.07-LK.10-05	Đất nhà ở liên kề	CH75_LK06	CH75_LK6x8_B	60.0	45.4	43.0	42.9	44.7	176.0	45.4	75.7	4	
NO4-T1.07-LK.10-06	Đất nhà ở liên kề	CH75_LK06	CH75_LK6x8_AM	60.0	45.7	46.9	42.6	42.6	177.8	45.7	76.2	4	
NO4-T1.07-LK.10-07	Đất nhà ở liên kề	CH75_LK06	CH75_LK6x8_B	60.0	45.4	43.0	42.9	44.7	176.0	45.4	75.7	4	
NO4-T1.07-LK.10-08	Đất nhà ở liên kề	CH75_LK06	CH75_LK6x8_AM	60.0	45.7	46.9	42.6	42.6	177.8	45.7	76.2	4	
NO4-T1.07-LK.10-09	Đất nhà ở liên kề	CH75_LK06	CH75_LK9x8_G9M	82.0	61.5	54.8	54.8	53.6	224.7	61.5	75.0	4	
NO4-T1.07-LK.10-10	Đất nhà ở liên kề	CH75_LK05	CH75_LK9x12_G13	108.0	84.7	84.4	82.2	80.0	331.3	84.7	78.4	4	
NO4-T1.07-LK.10-11	Đất nhà ở liên kề	CH75_LK05	CH75_LK6x12_B	84.0	69.4	67.0	66.9	68.7	272.0	69.4	82.6	4	

七五

NO4-T1.07-LK.10-12	Đất nhà ở liên kề	CH75_LK05	CH175_LK6x12_AM	84.0	69.7	70.9	66.6	66.6	273.8	69.7	83.0	4
NO4-T1.07-LK.10-13	Đất nhà ở liên kề	CH75_LK05	CH75_LK6x12_B	84.0	69.4	67.0	66.9	68.7	272.0	69.4	82.6	4
NO4-T1.07-LK.10-14	Đất nhà ở liên kề	CH75_LK05	CH75_LK6x12_AM	84.0	69.7	70.9	66.6	66.6	273.8	69.7	83.0	4
NO4-T1.07-LK.10-15	Đất nhà ở liên kề	CH75_LK05	CH75_LK6x12_B	84.0	69.4	67.0	66.9	68.7	272.0	69.4	82.6	4
NO4-T1.07-LK.10-16	Đất nhà ở liên kề	CH75_LK05	CH75_LK6x12_AM	84.0	69.7	70.9	66.6	66.6	273.8	69.7	83.0	4
NO4-T1.07-LK.10-17	Đất nhà ở liên kề	CH75_LK05	CH75_LK6x12_B	84.0	69.4	67.0	66.9	68.7	272.0	69.4	82.6	4
NO4-T1.07-LK.10-18	Đất nhà ở liên kề	CH75_LK05	CH75_LK6x12_H6M	126.0	69.7	70.9	66.5	66.5	273.6	69.7	55.3	4
NO4-T1.08-LK.01-01	Đất nhà ở liên kề	CH19_LK05	CH19_LK9x8_G3	72.0	48.5	43.8	44.1	40.3	176.7	48.5	67.4	4
NO4-T1.08-LK.01-02	Đất nhà ở liên kề	CH19_LK05	CH19_LK6x8_AM	60.0	45.5	43.3	40.1	41.0	169.9	45.5	75.8	4
NO4-T1.08-LK.01-03	Đất nhà ở liên kề	CH19_LK05	CH19_LK6x8_A	60.0	45.5	43.3	40.1	41.0	169.9	45.5	75.8	4
NO4-T1.08-LK.01-04	Đất nhà ở liên kề	CH19_LK05	CH19_LK6x8_BM	60.0	45.5	45.4	46.3	41.4	178.6	45.5	75.8	4
NO4-T1.08-LK.01-05	Đất nhà ở liên kề	CH19_LK05	CH19_LK6x8_B	60.0	45.5	45.4	46.3	41.4	178.6	45.5	75.8	4
NO4-T1.08-LK.01-06	Đất nhà ở liên kề	CH19_LK05	CH19_LK6x8_B	60.0	45.5	45.4	46.3	41.4	178.6	45.5	75.8	4
NO4-T1.08-LK.01-07	Đất nhà ở liên kề	CH19_LK05	CH19_LK6x8_AM	60.0	45.5	43.3	40.1	41.0	169.9	45.5	75.8	4
NO4-T1.08-LK.01-08	Đất nhà ở liên kề	CH19_LK05	CH19_LK6x8_A	60.0	45.5	43.3	40.1	41.0	169.9	45.5	75.8	4
NO4-T1.08-LK.01-09	Đất nhà ở liên kề	CH19_LK05	CH19_LK6x8_H3M	90.0	45.5	45.4	46.3	41.2	178.4	45.5	50.6	4
NO4-T1.08-LK.01-10	Đất nhà ở liên kề	CH19_LK07_M	CH19_LK6x12_H4	126.0	69.5	69.4	70.3	65.2	274.4	69.5	55.2	4
NO4-T1.08-LK.01-11	Đất nhà ở liên kề	CH19_LK07_M	CH19_LK6x12_AM	84.0	69.5	67.3	64.1	65.0	265.9	69.5	82.7	4
NO4-T1.08-LK.01-12	Đất nhà ở liên kề	CH19_LK07_M	CH19_LK6x12_A	84.0	69.5	67.3	64.1	65.0	265.9	69.5	82.7	4
NO4-T1.08-LK.01-13	Đất nhà ở liên kề	CH19_LK07_M	CH19_LK6x12_BM	84.0	69.5	69.4	70.3	65.4	274.6	69.5	82.7	4
NO4-T1.08-LK.01-14	Đất nhà ở liên kề	CH19_LK07_M	CH19_LK6x12_B	84.0	69.5	69.4	70.3	65.4	274.6	69.5	82.7	4
NO4-T1.08-LK.01-15	Đất nhà ở liên kề	CH19_LK07_M	CH19_LK6x12_B	84.0	69.5	69.4	70.3	65.4	274.6	69.5	82.7	4
NO4-T1.08-LK.01-16	Đất nhà ở liên kề	CH19_LK07_M	CH19_LK6x12_AM	84.0	69.5	67.3	64.1	65.0	265.9	69.5	82.7	4
NO4-T1.08-LK.01-17	Đất nhà ở liên kề	CH19_LK07_M	CH19_LK6x12_A	84.0	69.5	67.3	64.1	65.0	265.9	69.5	82.7	4
NO4-T1.08-LK.01-18	Đất nhà ở liên kề	CH19_LK07_M	CH19_LK9x12_G6M	118.0	92.6	86.1	83.4	79.8	341.9	92.6	78.5	4
NO4-T1.08-LK.02-01	Đất nhà ở liên kề	CH19_LK05_M	CH19_LK6x8_H3	90.0	45.5	45.4	46.3	41.2	178.4	45.5	50.6	4
NO4-T1.08-LK.02-02	Đất nhà ở liên kề	CH19_LK05_M	CH19_LK6x8_AM	60.0	45.5	43.3	40.1	41.0	169.9	45.5	75.8	4
NO4-T1.08-LK.02-03	Đất nhà ở liên kề	CH19_LK05_M	CH19_LK6x8_A	60.0	45.5	43.3	40.1	41.0	169.9	45.5	75.8	4
NO4-T1.08-LK.02-04	Đất nhà ở liên kề	CH19_LK05_M	CH19_LK6x8_BM	60.0	45.5	45.4	46.3	41.4	178.6	45.5	75.8	4
NO4-T1.08-LK.02-05	Đất nhà ở liên kề	CH19_LK05_M	CH19_LK6x8_B	60.0	45.5	45.4	46.3	41.4	178.6	45.5	75.8	4
NO4-T1.08-LK.02-06	Đất nhà ở liên kề	CH19_LK05_M	CH19_LK6x8_B	60.0	45.5	45.4	46.3	41.4	178.6	45.5	75.8	4
NO4-T1.08-LK.02-07	Đất nhà ở liên kề	CH19_LK05_M	CH19_LK6x8_AM	60.0	45.5	43.3	40.1	41.0	169.9	45.5	75.8	4
NO4-T1.08-LK.02-08	Đất nhà ở liên kề	CH19_LK05_M	CH19_LK6x8_A	60.0	45.5	43.3	40.1	41.0	169.9	45.5	75.8	4
NO4-T1.08-LK.02-09	Đất nhà ở liên kề	CH19_LK05_M	CH19_LK9x8_G3M	72.0	48.5	43.8	44.1	40.3	176.7	48.5	67.4	4
NO4-T1.08-LK.02-10	Đất nhà ở liên kề	CH19_LK03	CH19_LK9x12_G4	108.0	82.9	76.7	74.8	71.0	305.4	82.9	76.8	4
NO4-T1.08-LK.02-11	Đất nhà ở liên kề	CH19_LK03	CH19_LK6x12_AM	84.0	69.5	67.3	64.1	65.0	265.9	69.5	82.7	4
NO4-T1.08-LK.02-12	Đất nhà ở liên kề	CH19_LK03	CH19_LK6x12_A	84.0	69.5	67.3	64.1	65.0	265.9	69.5	82.7	4
NO4-T1.08-LK.02-13	Đất nhà ở liên kề	CH19_LK03	CH19_LK6x12_BM	84.0	69.5	69.4	70.3	65.4	274.6	69.5	82.7	4
NO4-T1.08-LK.02-14	Đất nhà ở liên kề	CH19_LK03	CH19_LK6x12_B	84.0	69.5	69.4	70.3	65.4	274.6	69.5	82.7	4
NO4-T1.08-LK.02-15	Đất nhà ở liên kề	CH19_LK03	CH19_LK6x12_B	84.0	69.5	69.4	70.3	65.4	274.6	69.5	82.7	4

NO4-T1.08-LK.01

NO4-T1.08-LK.02



Handwritten signature or mark.

NO4-T1.08-LK.03	NO4-T1.08-LK.02-16	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK03	CH19_LK6x12_AM	84.0	69.5	67.3	64.1	65.0	265.9	69.5	82.7	4
	NO4-T1.08-LK.02-17	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK03	CH19_LK6x12_A	84.0	69.5	67.3	64.1	65.0	265.9	69.5	82.7	4
	NO4-T1.08-LK.02-18	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK03	CH19_LK6x12_H4M	126.0	69.5	69.4	70.3	65.2	274.4	69.5	55.2	4
	NO4-T1.08-LK.03-01	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK01	CH75_LK5x12_HB3T	70.0	57.9	55.8	56.0	57.1	226.8	57.9	82.7	4
	NO4-T1.08-LK.03-02	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK01	CH75_LK5x12_ATM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.08-LK.03-03	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK01	CH75_LK5x12_BT	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.08-LK.03-04	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK01	CH75_LK5x12_ATM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.08-LK.03-05	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK01	CH75_LK7.5x12_G6TM	97.0	77.7	74.4	71.5	70.3	293.9	77.7	80.1	4
	NO4-T1.08-LK.04-01	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK02	CH75_LK7.5x12_G6T	97.0	77.7	74.4	71.5	70.3	293.9	77.7	80.1	4
	NO4-T1.08-LK.04-02	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK02	CH75_LK5x12_BT	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.08-LK.04-03	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK02	CH75_LK5x12_ATM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.08-LK.04-04	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK02	CH75_LK5x12_BT	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
NO4-T1.08-LK.05	NO4-T1.08-LK.04-05	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK02	CH75_LK5x12_H3TM	70.0	58.3	58.9	55.5	55.5	228.2	58.3	83.3	4
	NO4-T1.08-LK.05-01	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK15	CH75_LK9x8_G9	82.0	61.5	54.8	54.8	53.6	224.7	61.5	75.0	4
	NO4-T1.08-LK.05-02	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK15	CH75_LK5x8_B	50.0	38.0	36.0	35.9	37.0	146.9	38.0	76.0	4
	NO4-T1.08-LK.05-03	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK15	CH75_LK5x8_AM	50.0	38.3	38.9	35.6	35.6	148.4	38.3	76.6	4
	NO4-T1.08-LK.05-04	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK15	CH75_LK5x8_B	50.0	38.0	36.0	35.9	37.0	146.9	38.0	76.0	4
	NO4-T1.08-LK.05-05	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK15	CH75_LK5x8_AM	50.0	38.3	38.9	35.6	35.6	148.4	38.3	76.6	4
	NO4-T1.08-LK.05-06	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK15	CH75_LK5x8_B	50.0	38.0	36.0	35.9	37.0	146.9	38.0	76.0	4
	NO4-T1.08-LK.05-07	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK15	CH75_LK5x8_H4M	80.0	38.3	38.9	35.5	35.5	148.2	38.3	47.9	4
	NO4-T1.08-LK.05-08	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK14	CH75_LK5x12_HB1	112.0	57.9	55.8	56.0	57.1	226.8	57.9	51.7	4
	NO4-T1.08-LK.05-09	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK14	CH75_LK5x12_AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.08-LK.05-10	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK14	CH75_LK5x12_B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.08-LK.05-11	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK14	CH75_LK5x12_AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
NO4-T1.08-LK.06	NO4-T1.08-LK.05-12	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK14	CH75_LK5x12_B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.08-LK.05-13	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK14	CH75_LK5x12_AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.08-LK.05-14	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK14	CH75_LK9x12_G12M	118.0	95.7	90.9	88.0	86.9	361.5	95.7	81.1	4
	NO4-T1.08-LK.06-01	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK19	CH75_LK5x8_HB4	80.0	37.9	35.8	36.0	37.1	146.8	37.9	47.4	4
	NO4-T1.08-LK.06-02	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK19	CH75_LK5x8_AM	50.0	38.3	38.9	35.6	35.6	148.4	38.3	76.6	4
	NO4-T1.08-LK.06-03	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK19	CH75_LK5x8_B	50.0	38.0	36.0	35.9	37.0	146.9	38.0	76.0	4
	NO4-T1.08-LK.06-04	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK19	CH75_LK5x8_AM	50.0	38.3	38.9	35.6	35.6	148.4	38.3	76.6	4
	NO4-T1.08-LK.06-05	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK19	CH75_LK5x8_B	50.0	38.0	36.0	35.9	37.0	146.9	38.0	76.0	4
	NO4-T1.08-LK.06-06	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK19	CH75_LK5x8_H4M	80.0	38.3	38.9	35.5	35.5	148.2	38.3	47.9	4
	NO4-T1.08-LK.06-07	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK20	CH75_LK5x12_HB1	112.0	57.9	55.8	56.0	57.1	226.8	57.9	51.7	4
	NO4-T1.08-LK.06-08	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK20	CH75_LK5x12_AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.08-LK.06-09	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK20	CH75_LK5x12_B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.08-LK.06-10	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK20	CH75_LK5x12_AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
NO4-T1.08-LK.06	NO4-T1.08-LK.06-11	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK20	CH75_LK5x12_B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.08-LK.06-12	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK20	CH75_LK5x12_H1M	112.0	58.3	58.9	55.5	55.5	228.2	58.3	52.1	4
	NO4-T1.08-LK.07-01	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK13	CH75_LK5x8_HB4	80.0	37.9	35.8	36.0	37.1	146.8	37.9	47.4	4

48

NO4-T1.08-LK.07	NO4-T1.08-LK.07-02	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK13	CH75_LK5x8 AM	50.0	38.3	38.9	35.6	35.6	148.4	38.3	76.6	4
	NO4-T1.08-LK.07-03	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK13	CH75_LK5x8 B	50.0	38.0	36.0	35.9	37.0	146.9	38.0	76.0	4
	NO4-T1.08-LK.07-04	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK13	CH75_LK5x8 AM	50.0	38.3	38.9	35.6	35.6	148.4	38.3	76.6	4
	NO4-T1.08-LK.07-05	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK13	CH75_LK5x8 B	50.0	38.0	36.0	35.9	37.0	146.9	38.0	76.0	4
	NO4-T1.08-LK.07-06	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK13	CH75_LK5x8 AM	50.0	38.3	38.9	35.6	35.6	148.4	38.3	76.6	4
	NO4-T1.08-LK.07-07	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK13	CH75_LK9x8 G11M	72.0	50.1	48.8	48.8	46.8	194.5	50.1	69.6	4
	NO4-T1.08-LK.07-08	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK12	CH75_LK9x12 G13	108.0	84.7	84.4	82.2	80.0	331.3	84.7	78.4	4
	NO4-T1.08-LK.07-09	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK12	CH75_LK5x12 B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.08-LK.07-10	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK12	CH75_LK5x12 AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.08-LK.07-11	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK12	CH75_LK5x12 B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.08-LK.07-12	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK12	CH75_LK5x12 AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.08-LK.07-13	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK12	CH75_LK5x12 B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.08-LK.07-14	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK12	CH75_LK5x12 H1M	112.0	58.3	58.9	55.5	55.5	228.2	58.3	52.1	4
	NO4-T1.08-LK.08-01	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK03	CH75_LK9x8 G9	82.0	61.5	54.8	54.8	53.6	224.7	61.5	75.0	4
	NO4-T1.08-LK.08-02	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK03	CH75_LK6x8 B	60.0	45.4	43.0	42.9	44.7	176.0	45.4	75.7	4
	NO4-T1.08-LK.08-03	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK03	CH75_LK6x8 AM	60.0	45.7	46.9	42.6	42.6	177.8	45.7	76.2	4
	NO4-T1.08-LK.08-04	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK03	CH75_LK6x8 B	60.0	45.4	43.0	42.9	44.7	176.0	45.4	75.7	4
	NO4-T1.08-LK.08-05	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK03	CH75_LK6x8 AM	60.0	45.7	46.9	42.6	42.6	177.8	45.7	76.2	4
	NO4-T1.08-LK.08-06	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK03	CH75_LK6x8 B	60.0	45.4	43.0	42.9	44.7	176.0	45.4	75.7	4
	NO4-T1.08-LK.08-07	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK03	CH75_LK6x8 AM	60.0	45.7	46.9	42.6	42.6	177.8	45.7	76.2	4
	NO4-T1.08-LK.08-08	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK03	CH75_LK6x8 B	60.0	45.4	43.0	42.9	44.7	176.0	45.4	75.7	4
	NO4-T1.08-LK.08-09	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK03	CH75_LK6x8 H5M	90.0	45.7	46.9	42.5	42.5	177.6	45.7	50.8	4
	NO4-T1.08-LK.08-10	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK04	CH75_LK6x12 HB6	126.0	69.4	66.8	67.0	68.9	272.1	69.4	55.1	4
	NO4-T1.08-LK.08-11	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK04	CH75_LK6x12 AM	84.0	69.7	70.9	66.6	66.6	273.8	69.7	83.0	4
	NO4-T1.08-LK.08-12	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK04	CH75_LK6x12 B	84.0	69.4	67.0	66.9	68.7	272.0	69.4	82.6	4
	NO4-T1.08-LK.08-13	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK04	CH75_LK6x12 AM	84.0	69.7	70.9	66.6	66.6	273.8	69.7	83.0	4
	NO4-T1.08-LK.08-14	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK04	CH75_LK6x12 B	84.0	69.4	67.0	66.9	68.7	272.0	69.4	82.6	4
	NO4-T1.08-LK.08-15	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK04	CH75_LK6x12 AM	84.0	69.7	70.9	66.6	66.6	273.8	69.7	83.0	4
	NO4-T1.08-LK.08-16	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK04	CH75_LK6x12 B	84.0	69.4	67.0	66.9	68.7	272.0	69.4	82.6	4
	NO4-T1.08-LK.08-17	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK04	CH75_LK6x12 AM	84.0	69.7	70.9	66.6	66.6	273.8	69.7	83.0	4
	NO4-T1.08-LK.08-18	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK04	CH75_LK9x12 G13M	108.0	84.7	84.4	82.2	80.0	331.3	84.7	78.4	4
NO4-T1.08-LK.08	NO4-T1.08-LK.09-01	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK16	CH75_LK6x8 HB5	90.0	45.4	42.8	43.0	44.9	176.1	45.4	50.4	4
	NO4-T1.08-LK.09-02	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK16	CH75_LK6x8 AM	60.0	45.7	46.9	42.6	42.6	177.8	45.7	76.2	4
	NO4-T1.08-LK.09-03	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK16	CH75_LK6x8 B	60.0	45.4	43.0	42.9	44.7	176.0	45.4	75.7	4
	NO4-T1.08-LK.09-04	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK16	CH75_LK6x8 AM	60.0	45.7	46.9	42.6	42.6	177.8	45.7	76.2	4
	NO4-T1.08-LK.09-05	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK16	CH75_LK6x8 B	60.0	45.4	43.0	42.9	44.7	176.0	45.4	75.7	4
	NO4-T1.08-LK.09-06	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK16	CH75_LK6x8 AM	60.0	45.7	46.9	42.6	42.6	177.8	45.7	76.2	4
	NO4-T1.08-LK.09-07	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK16	CH75_LK6x8 B	60.0	45.4	43.0	42.9	44.7	176.0	45.4	75.7	4
	NO4-T1.08-LK.09-08	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK16	CH75_LK8x8 G10M	73.7	49.3	46.6	46.5	44.8	187.2	49.3	66.9	4
NO4-T1.08-LK.09	NO4-T1.08-LK.09-09	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK11	CH75_LK12.5x12 G14	177.7	119.6	119.5	117.1	117.1	473.3	119.6	67.3	4



8

31

NO4-T1.09-LK.01	NO4-T1.09-LK.01-01	Dắt nhà ở liên kế	CH15_LK11	CH15_LK6x12 B	84.0	69.4	67.0	66.9	68.7	272.0	69.4	82.6	4
	NO4-T1.09-LK.01-02	Dắt nhà ở liên kế	CH15_LK11	CH15_LK6x12 AM	84.0	69.7	70.9	66.6	66.6	273.8	69.7	83.0	4
	NO4-T1.09-LK.01-03	Dắt nhà ở liên kế	CH15_LK11	CH15_LK6x12 B	84.0	69.4	67.0	66.9	68.7	272.0	69.4	82.6	4
	NO4-T1.09-LK.01-04	Dắt nhà ở liên kế	CH15_LK11	CH15_LK6x12 AM	84.0	69.7	70.9	66.6	66.6	273.8	69.7	83.0	4
	NO4-T1.09-LK.01-05	Dắt nhà ở liên kế	CH15_LK11	CH15_LK6x12 B	84.0	69.4	67.0	66.9	68.7	272.0	69.4	82.6	4
	NO4-T1.09-LK.01-06	Dắt nhà ở liên kế	CH15_LK11	CH15_LK6x12 H6M	126.0	69.7	70.9	66.5	66.5	273.6	69.7	83.3	4
	NO4-T1.09-LK.01-07	Dắt nhà ở liên kế	CH15_LK13	CH15_LK9x8 G3	72.0	48.0	47.7	51.2	51.2	198.1	48.0	66.7	4
	NO4-T1.09-LK.01-08	Dắt nhà ở liên kế	CH15_LK13	CH15_LK5x8 E	50.0	37.5	38.3	38.3	34.0	148.1	37.5	75.0	4
	NO4-T1.09-LK.01-09	Dắt nhà ở liên kế	CH15_LK13	CH15_LK5x8 BM	50.0	37.5	38.3	38.3	34.0	148.1	37.5	75.0	4
	NO4-T1.09-LK.01-10	Dắt nhà ở liên kế	CH15_LK13	CH15_LK5x8 A	50.0	37.5	38.4	41.7	41.7	159.3	37.5	75.0	4
	NO4-T1.09-LK.01-11	Dắt nhà ở liên kế	CH15_LK13	CH15_LK5x8 AM	50.0	37.5	38.4	41.7	41.7	159.3	37.5	75.0	4
	NO4-T1.09-LK.01-12	Dắt nhà ở liên kế	CH15_LK13	CH15_LK5x8 H2M	80.0	37.7	38.9	38.9	34.1	149.6	37.7	47.1	4
	NO4-T1.09-LK.01-13	Dắt nhà ở liên kế	CH15_LK14	CH15_LK5x12 H3	112.0	57.7	59.0	59.0	52.4	228.1	57.7	51.5	4
	NO4-T1.09-LK.01-14	Dắt nhà ở liên kế	CH15_LK14	CH15_LK5x12 A	70.0	57.5	58.4	61.7	61.7	239.3	57.5	82.1	4
	NO4-T1.09-LK.01-15	Dắt nhà ở liên kế	CH15_LK14	CH15_LK5x12 AM	70.0	57.5	58.4	61.7	61.7	239.3	57.5	82.1	4
NO4-T1.09-LK.02	NO4-T1.09-LK.02-01	Dắt nhà ở liên kế	CH15_LK14	CH15_LK5x12 B	70.0	57.5	58.3	58.3	54.0	228.1	57.5	82.1	4
	NO4-T1.09-LK.02-02	Dắt nhà ở liên kế	CH15_LK14	CH15_LK5x12 EM	70.0	57.5	58.3	58.3	54.0	228.1	57.5	82.1	4
	NO4-T1.09-LK.02-03	Dắt nhà ở liên kế	CH15_LK14	CH15_LK5x12 G7M	118.0	91.3	93.7	97.3	97.3	379.6	91.3	77.4	4
	NO4-T1.09-LK.02-04	Dắt nhà ở liên kế	CH15_LK04	CH15_LK5x8 H2	80.0	37.7	38.9	38.9	34.1	149.6	37.7	47.1	4
	NO4-T1.09-LK.02-05	Dắt nhà ở liên kế	CH15_LK04	CH15_LK5x8 A	50.0	37.5	38.4	41.7	41.7	159.3	37.5	75.0	4
	NO4-T1.09-LK.02-06	Dắt nhà ở liên kế	CH15_LK04	CH15_LK5x8 AM	50.0	37.5	38.4	41.7	41.7	159.3	37.5	75.0	4
	NO4-T1.09-LK.02-07	Dắt nhà ở liên kế	CH15_LK04	CH15_LK5x8 C	50.0	37.5	38.3	38.3	34.0	148.1	37.5	75.0	4
	NO4-T1.09-LK.02-08	Dắt nhà ở liên kế	CH15_LK04	CH15_LK5x8 A	50.0	37.5	38.4	41.7	41.7	159.3	37.5	75.0	4
	NO4-T1.09-LK.02-09	Dắt nhà ở liên kế	CH15_LK04	CH15_LK5x8 AM	50.0	37.5	38.4	41.7	41.7	159.3	37.5	75.0	4
	NO4-T1.09-LK.02-10	Dắt nhà ở liên kế	CH15_LK04	CH15_LK5x8 H2M	80.0	37.7	38.9	38.9	34.1	149.6	37.7	47.1	4
	NO4-T1.09-LK.02-11	Dắt nhà ở liên kế	CH15_LK02	CH15_LK5x12 H3	112.0	57.7	59.0	59.0	52.4	228.1	57.7	51.5	4
	NO4-T1.09-LK.02-12	Dắt nhà ở liên kế	CH15_LK02	CH15_LK5x12 A	70.0	57.5	58.4	61.7	61.7	239.3	57.5	82.1	4
	NO4-T1.09-LK.02-13	Dắt nhà ở liên kế	CH15_LK02	CH15_LK5x12 AM	70.0	57.5	58.4	61.7	61.7	239.3	57.5	82.1	4
	NO4-T1.09-LK.02-14	Dắt nhà ở liên kế	CH15_LK07	CH15_LK5x8 HB2	80.0	37.7	38.9	38.9	34.1	149.6	37.7	47.1	4
	NO4-T1.09-LK.03-01	Dắt nhà ở liên kế	CH15_LK07	CH15_LK5x8 BM	50.0	37.5	38.3	38.3	34.0	148.1	37.5	75.0	4
NO4-T1.09-LK.03	NO4-T1.09-LK.03-02	Dắt nhà ở liên kế	CH15_LK07	CH15_LK5x8 A	50.0	37.5	38.4	41.7	41.7	159.3	37.5	75.0	4
	NO4-T1.09-LK.03-03	Dắt nhà ở liên kế	CH15_LK07	CH15_LK5x8 AM	50.0	37.5	38.4	41.7	41.7	159.3	37.5	75.0	4
	NO4-T1.09-LK.03-04	Dắt nhà ở liên kế	CH15_LK07	CH15_LK5x8 B	50.0	37.5	38.3	38.3	34.0	148.1	37.5	75.0	4
	NO4-T1.09-LK.03-05	Dắt nhà ở liên kế	CH15_LK07	CH15_LK5x8 EM	50.0	37.5	38.3	38.3	34.0	148.1	37.5	75.0	4
	NO4-T1.09-LK.03-06	Dắt nhà ở liên kế	CH15_LK07	CH15_LK5x8 G3M	72.0	48.0	47.7	51.2	51.2	198.1	48.0	66.7	4
	NO4-T1.09-LK.03-07	Dắt nhà ở liên kế	CH15_LK08	CH15_LK9x12 G6	108.0	81.8	84.1	90.1	90.1	346.1	81.8	75.7	4
	NO4-T1.09-LK.03-08	Dắt nhà ở liên kế	CH15_LK08	CH15_LK9x12 G6	108.0	81.8	84.1	90.1	90.1	346.1	81.8	75.7	4
	NO4-T1.09-LK.03-09	Dắt nhà ở liên kế	CH15_LK08	CH15_LK9x12 G6	108.0	81.8	84.1	90.1	90.1	346.1	81.8	75.7	4

NO4-T1.09-LK.04	NO4-T1.09-LK.03-09	Đất nhà ở liên kết	CH15_LK08	CH15_LK5x12_E	70.0	57.5	58.3	58.3	54.0	228.1	57.5	82.1	4
	NO4-T1.09-LK.03-10	Đất nhà ở liên kết	CH15_LK08	CH15_LK5x12_BM	70.0	57.5	58.3	58.3	54.0	228.1	57.5	82.1	4
	NO4-T1.09-LK.03-11	Đất nhà ở liên kết	CH15_LK08	CH15_LK5x12_A	70.0	57.5	58.4	61.7	61.7	239.3	57.5	82.1	4
	NO4-T1.09-LK.03-12	Đất nhà ở liên kết	CH15_LK08	CH15_LK5x12_AM	70.0	57.5	58.4	61.7	61.7	239.3	57.5	82.1	4
	NO4-T1.09-LK.03-13	Đất nhà ở liên kết	CH15_LK08	CH15_LK5x12_B	70.0	57.5	58.3	58.3	54.0	228.1	57.5	82.1	4
	NO4-T1.09-LK.03-14	Đất nhà ở liên kết	CH15_LK08	CH15_LK5x12_HB3M	112.0	57.7	59.0	59.0	53.2	228.9	57.7	51.5	4
	NO4-T1.09-LK.04-01	Đất nhà ở liên kết	CH59_LK04	CH59_LK9x8_G7	82.0	60.9	71.1	65.7	47.5	245.2	60.9	74.3	4
	NO4-T1.09-LK.04-02	Đất nhà ở liên kết	CH59_LK04	CH59_LK5x8_A	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.09-LK.04-03	Đất nhà ở liên kết	CH59_LK04	CH59_LK5x8_B	50.0	37.1	40.6	38.7	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.09-LK.04-04	Đất nhà ở liên kết	CH59_LK04	CH59_LK5x8_AM	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.09-LK.04-05	Đất nhà ở liên kết	CH59_LK04	CH59_LK5x8_A	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.09-LK.04-06	Đất nhà ở liên kết	CH59_LK04	CH59_LK5x8_H2M	80.0	37.1	38.7	40.7	28.9	145.4	37.1	46.4	4
	NO4-T1.09-LK.04-07	Đất nhà ở liên kết	CH59_LK03	CH59_LK5x12_H1	112.0	57.1	58.7	60.7	48.9	225.4	57.1	51.0	4
	NO4-T1.09-LK.04-08	Đất nhà ở liên kết	CH59_LK03	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
NO4-T1.09-LK.05	NO4-T1.09-LK.05-01	Đất nhà ở liên kết	CH59_LK10	CH59_LK5x8_H2	80.0	37.1	38.7	40.7	28.9	145.4	37.1	46.4	4
	NO4-T1.09-LK.05-02	Đất nhà ở liên kết	CH59_LK10	CH59_LK5x8_AM	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.09-LK.05-03	Đất nhà ở liên kết	CH59_LK10	CH59_LK5x8_A	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.09-LK.05-04	Đất nhà ở liên kết	CH59_LK10	CH59_LK5x8_B	50.0	37.1	40.6	38.7	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.09-LK.05-05	Đất nhà ở liên kết	CH59_LK10	CH59_LK5x8_AM	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.09-LK.05-06	Đất nhà ở liên kết	CH59_LK10	CH59_LK5x8_A	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.09-LK.05-07	Đất nhà ở liên kết	CH59_LK10	CH59_LK5x8_H2M	80.0	37.1	38.7	40.7	28.9	145.4	37.1	46.4	4
	NO4-T1.09-LK.05-08	Đất nhà ở liên kết	CH59_LK07	CH59_LK5x12_H1	112.0	57.1	58.7	60.7	48.9	225.4	57.1	51.0	4
	NO4-T1.09-LK.05-09	Đất nhà ở liên kết	CH59_LK07	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.09-LK.05-10	Đất nhà ở liên kết	CH59_LK07	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.09-LK.05-11	Đất nhà ở liên kết	CH59_LK07	CH59_LK5x12_B	70.0	57.1	60.6	58.7	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.09-LK.05-12	Đất nhà ở liên kết	CH59_LK07	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.09-LK.05-13	Đất nhà ở liên kết	CH59_LK07	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.09-LK.05-14	Đất nhà ở liên kết	CH59_LK07	CH59_LK5x12_H1M	112.0	57.1	58.7	60.7	48.9	225.4	57.1	51.0	4
NO4-T1.09-LK.06	NO4-T1.09-LK.06-01	Đất nhà ở liên kết	CH59_LK12	CH59_LK5x8_H2	80.0	37.1	38.7	40.7	28.9	145.4	37.1	46.4	4
	NO4-T1.09-LK.06-02	Đất nhà ở liên kết	CH59_LK12	CH59_LK5x8_AM	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.09-LK.06-03	Đất nhà ở liên kết	CH59_LK12	CH59_LK5x8_A	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.09-LK.06-04	Đất nhà ở liên kết	CH59_LK12	CH59_LK5x8_AM	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.09-LK.06-05	Đất nhà ở liên kết	CH59_LK12	CH59_LK5x8_A	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.09-LK.06-06	Đất nhà ở liên kết	CH59_LK12	CH59_LK5x8_AM	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.09-LK.06-07	Đất nhà ở liên kết	CH59_LK12	CH59_LK9x8_G8M	72.0	52.1	62.2	56.8	38.9	210.0	52.1	72.4	4
	NO4-T1.09-LK.06-08	Đất nhà ở liên kết	CH59_LK11	CH59_LK9x12_G12	108.0	83.2	88.5	88.5	67.8	328.0	83.2	77.0	4

SỔ
 TÀI DƯ
 PHỔ

8

NO4-T1.09-LK.06-09	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK11	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
NO4-T1.09-LK.06-10	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK11	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
NO4-T1.09-LK.06-11	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK11	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
NO4-T1.09-LK.06-12	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK11	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
NO4-T1.09-LK.06-13	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK11	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
NO4-T1.09-LK.06-14	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK11	CH59_LK5x12_H1M	112.0	57.1	58.7	60.7	48.9	225.4	57.1	51.0	4
NO4-T1.09-LK.07-01	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK06	CH59_LK9x8_G9	82.6	59.5	68.4	66.4	46.3	240.6	59.5	72.0	4
NO4-T1.09-LK.07-02	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK06	CH59_LK5x8_A	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
NO4-T1.09-LK.07-03	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK06	CH59_LK5x8_B	50.0	37.1	40.6	38.7	28.9	145.3	37.1	74.2	4
NO4-T1.09-LK.07-04	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK06	CH59_LK5x8_AM	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
NO4-T1.09-LK.07-05	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK06	CH59_LK5x8_A	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
NO4-T1.09-LK.07-06	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK06	CH59_LK5x8_H2M	80.0	37.1	38.7	40.7	28.9	145.4	37.1	46.4	4
NO4-T1.09-LK.07-07	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK05	CH59_LK5x12_H1	112.0	57.1	58.7	60.7	48.9	225.4	57.1	51.0	4
NO4-T1.09-LK.07-08	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK05	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
NO4-T1.09-LK.07-09	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK05	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
NO4-T1.09-LK.07-10	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK05	CH59_LK5x12_B	70.0	57.1	60.6	58.7	48.9	225.3	57.1	81.6	4
NO4-T1.09-LK.07-11	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK05	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
NO4-T1.09-LK.07-12	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK05	CH59_LK9x12_G13M	116.6	94.7	103.6	101.6	79.0	378.9	94.7	81.2	4
NO4-T1.09-LK.08-01	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK10	CH59_LK5x8_H2	80.0	37.1	38.7	40.7	28.9	145.4	37.1	46.4	4
NO4-T1.09-LK.08-02	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK10	CH59_LK5x8_AM	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
NO4-T1.09-LK.08-03	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK10	CH59_LK5x8_A	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
NO4-T1.09-LK.08-04	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK10	CH59_LK5x8_B	50.0	37.1	40.6	38.7	28.9	145.3	37.1	74.2	4
NO4-T1.09-LK.08-05	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK10	CH59_LK5x8_AM	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
NO4-T1.09-LK.08-06	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK10	CH59_LK5x8_A	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
NO4-T1.09-LK.08-07	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK10	CH59_LK5x8_H2M	80.0	37.1	38.7	40.7	28.9	145.4	37.1	46.4	4
NO4-T1.09-LK.08-08	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK07	CH59_LK5x12_H1	112.0	57.1	58.7	60.7	48.9	225.4	57.1	51.0	4
NO4-T1.09-LK.08-09	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK07	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
NO4-T1.09-LK.08-10	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK07	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
NO4-T1.09-LK.08-11	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK07	CH59_LK5x12_B	70.0	57.1	60.6	58.7	48.9	225.3	57.1	81.6	4
NO4-T1.09-LK.08-12	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK07	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
NO4-T1.09-LK.08-13	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK07	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
NO4-T1.09-LK.08-14	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK07	CH59_LK5x12_H1M	112.0	57.1	58.7	60.7	48.9	225.4	57.1	51.0	4
NO4-T1.09-LK.09-01	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK12	CH59_LK5x8_H2	80.0	37.1	38.7	40.7	28.9	145.4	37.1	46.4	4
NO4-T1.09-LK.09-02	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK12	CH59_LK5x8_AM	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
NO4-T1.09-LK.09-03	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK12	CH59_LK5x8_A	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
NO4-T1.09-LK.09-04	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK12	CH59_LK5x8_AM	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
NO4-T1.09-LK.09-05	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK12	CH59_LK5x8_A	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
NO4-T1.09-LK.09-06	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK12	CH59_LK5x8_AM	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
NO4-T1.09-LK.09-07	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK12	CH59_LK9x8_G8M	73.0	52.1	62.2	56.8	38.9	210.0	52.1	71.4	4
NO4-T1.09-LK.09-08	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK11	CH59_LK9x12_G12	109.4	83.2	88.5	88.5	67.8	328.0	83.2	76.1	4

NO4-T1.09-LK.10	NO4-T1.09-LK.09-09	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK11	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.09-LK.09-10	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK11	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.09-LK.09-11	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK11	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.09-LK.09-12	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK11	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.09-LK.09-13	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK11	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.09-LK.09-14	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK11	CH59_LK5x12_H1M	112.0	57.1	58.7	60.7	48.9	225.4	57.1	51.0	4
	NO4-T1.09-LK.10-01	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK04	CH59_LK9x8_G7	82.0	60.9	71.1	65.7	47.5	245.2	60.9	74.3	4
	NO4-T1.09-LK.10-02	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK04	CH59_LK5x8_A	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.09-LK.10-03	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK04	CH59_LK5x8_B	50.0	37.1	40.6	38.7	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.09-LK.10-04	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK04	CH59_LK5x8_AM	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.09-LK.10-05	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK04	CH59_LK5x8_A	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.09-LK.10-06	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK04	CH59_LK5x8_H2M	80.0	37.1	38.7	40.7	28.9	145.4	37.1	46.4	4
	NO4-T1.09-LK.10-07	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK03	CH59_LK5x12_H1	112.0	57.1	58.7	60.7	48.9	225.4	57.1	51.0	4
	NO4-T1.09-LK.10-08	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK03	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.09-LK.10-09	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK03	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.09-LK.10-10	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK03	CH59_LK5x12_B	70.0	57.1	60.6	58.7	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.09-LK.10-11	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK03	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.09-LK.10-12	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK03	CH59_LK9x12_G11M	118.0	96.9	105.9	103.9	81.0	387.7	96.9	82.1	4
	NO4-T1.09-LK.11-01	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK10	CH59_LK5x8_H2	80.0	37.1	38.7	40.7	28.9	145.4	37.1	46.4	4
	NO4-T1.09-LK.11-02	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK10	CH59_LK5x8_AM	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.09-LK.11-03	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK10	CH59_LK5x8_A	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.09-LK.11-04	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK10	CH59_LK5x8_B	50.0	37.1	40.6	38.7	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.09-LK.11-05	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK10	CH59_LK5x8_AM	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.09-LK.11-06	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK10	CH59_LK5x8_A	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.09-LK.11-07	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK10	CH59_LK5x8_H2M	80.0	37.1	38.7	40.7	28.9	145.4	37.1	46.4	4
	NO4-T1.09-LK.11-08	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK07	CH59_LK5x12_H1	112.0	57.1	58.7	60.7	48.9	225.4	57.1	51.0	4
NO4-T1.09-LK.11	NO4-T1.09-LK.11-09	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK07	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.09-LK.11-10	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK07	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.09-LK.11-11	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK07	CH59_LK5x12_B	70.0	57.1	60.6	58.7	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.09-LK.11-12	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK07	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.09-LK.11-13	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK07	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.09-LK.11-14	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK07	CH59_LK5x12_H1M	112.0	57.1	58.7	60.7	48.9	225.4	57.1	51.0	4
	NO4-T1.09-LK.12-01	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK12	CH59_LK5x8_H2	80.0	37.1	38.7	40.7	28.9	145.4	37.1	46.4	4
	NO4-T1.09-LK.12-02	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK12	CH59_LK5x8_AM	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.09-LK.12-03	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK12	CH59_LK5x8_A	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.09-LK.12-04	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK12	CH59_LK5x8_AM	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.09-LK.12-05	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK12	CH59_LK5x8_A	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.09-LK.12-06	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK12	CH59_LK5x8_AM	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
NO4-T1.09-LK.12	NO4-T1.09-LK.12-07	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK12	CH59_LK9x8_G8M	72.0	52.1	62.2	56.8	38.9	210.0	52.1	72.4	4
	NO4-T1.09-LK.12-08	Đất nhà ở liên kế	CH59_LK11	CH59_LK9x12_G12	108.0	83.2	88.5	88.5	67.8	328.0	83.2	77.0	4

88

NO4-T1.09-LK.12-09	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK11	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
NO4-T1.09-LK.12-10	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK11	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
NO4-T1.09-LK.12-11	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK11	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
NO4-T1.09-LK.12-12	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK11	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
NO4-T1.09-LK.12-13	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK11	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
NO4-T1.09-LK.12-14	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK11	CH59_LK5x12_H1M	112.0	57.1	58.7	60.7	48.9	225.4	57.1	51.0	4
NO4-T1.09-LK.13-01	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK04	CH19_LK9x8_G2	82.0	58.4	53.1	52.7	48.6	212.8	58.4	71.2	4
NO4-T1.09-LK.13-02	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK04	CH19_LK6x8_AM	60.0	45.5	43.3	40.1	41.0	169.9	45.5	75.8	4
NO4-T1.09-LK.13-03	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK04	CH19_LK6x8_A	60.0	45.5	43.3	40.1	41.0	169.9	45.5	75.8	4
NO4-T1.09-LK.13-04	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK04	CH19_LK6x8_BM	60.0	45.5	45.4	46.3	41.4	178.6	45.5	75.8	4
NO4-T1.09-LK.13-05	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK04	CH19_LK6x8_B	60.0	45.5	45.4	46.3	41.4	178.6	45.5	75.8	4
NO4-T1.09-LK.13-06	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK04	CH19_LK6x8_B	60.0	45.5	45.4	46.3	41.4	178.6	45.5	75.8	4
NO4-T1.09-LK.13-07	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK04	CH19_LK6x8_AM	60.0	45.5	43.3	40.1	41.0	169.9	45.5	75.8	4
NO4-T1.09-LK.13-08	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK04	CH19_LK6x8_A	60.0	45.5	43.3	40.1	41.0	169.9	45.5	75.8	4
NO4-T1.09-LK.13-09	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK04	CH19_LK6x8_H3M	90.0	45.5	45.4	46.3	41.2	178.4	45.5	50.6	4
NO4-T1.09-LK.13-10	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK06	CH19_LK6x12_H4	126.0	69.5	69.4	70.3	65.2	274.4	69.5	55.2	4
NO4-T1.09-LK.13-11	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK06	CH19_LK6x12_AM	84.0	69.5	67.3	64.1	65.0	265.9	69.5	82.7	4
NO4-T1.09-LK.13-12	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK06	CH19_LK6x12_A	84.0	69.5	67.3	64.1	65.0	265.9	69.5	82.7	4
NO4-T1.09-LK.13-13	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK06	CH19_LK6x12_BM	84.0	69.5	69.4	70.3	65.4	274.6	69.5	82.7	4
NO4-T1.09-LK.13-14	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK06	CH19_LK6x12_B	84.0	69.5	69.4	70.3	65.4	274.6	69.5	82.7	4
NO4-T1.09-LK.13-15	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK06	CH19_LK6x12_B	84.0	69.5	69.4	70.3	65.4	274.6	69.5	82.7	4
NO4-T1.09-LK.13-16	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK06	CH19_LK6x12_AM	84.0	69.5	67.3	64.1	65.0	265.9	69.5	82.7	4
NO4-T1.09-LK.13-17	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK06	CH19_LK6x12_A	84.0	69.5	67.3	64.1	65.0	265.9	69.5	82.7	4
NO4-T1.09-LK.13-18	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK06	CH19_LK9x12_G3M	107.3	81.2	75.0	73.1	69.3	298.6	81.2	75.7	4
NO4-T1.09-LK.14-01	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK05_M	CH19_LK6x8_H3	90.0	45.5	45.4	46.3	41.2	178.4	45.5	50.6	4
NO4-T1.09-LK.14-02	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK05_M	CH19_LK6x8_AM	60.0	45.5	43.3	40.1	41.0	169.9	45.5	75.8	4
NO4-T1.09-LK.14-03	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK05_M	CH19_LK6x8_A	60.0	45.5	43.3	40.1	41.0	169.9	45.5	75.8	4
NO4-T1.09-LK.14-04	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK05_M	CH19_LK6x8_BM	60.0	45.5	45.4	46.3	41.4	178.6	45.5	75.8	4
NO4-T1.09-LK.14-05	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK05_M	CH19_LK6x8_B	60.0	45.5	45.4	46.3	41.4	178.6	45.5	75.8	4
NO4-T1.09-LK.14-06	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK05_M	CH19_LK6x8_B	60.0	45.5	45.4	46.3	41.4	178.6	45.5	75.8	4
NO4-T1.09-LK.14-07	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK05_M	CH19_LK6x8_AM	60.0	45.5	43.3	40.1	41.0	169.9	45.5	75.8	4
NO4-T1.09-LK.14-08	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK05_M	CH19_LK6x8_A	60.0	45.5	43.3	40.1	41.0	169.9	45.5	75.8	4
NO4-T1.09-LK.14-09	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK05_M	CH19_LK9x8_G3M	72.0	48.5	43.8	44.1	40.3	176.7	48.5	67.4	4
NO4-T1.09-LK.14-10	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK03	CH19_LK9x12_G4	108.0	82.9	76.7	74.8	71.0	305.4	82.9	76.8	4
NO4-T1.09-LK.14-11	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK03	CH19_LK6x12_AM	84.0	69.5	67.3	64.1	65.0	265.9	69.5	82.7	4
NO4-T1.09-LK.14-12	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK03	CH19_LK6x12_A	84.0	69.5	67.3	64.1	65.0	265.9	69.5	82.7	4
NO4-T1.09-LK.14-13	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK03	CH19_LK6x12_BM	84.0	69.5	69.4	70.3	65.4	274.6	69.5	82.7	4
NO4-T1.09-LK.14-14	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK03	CH19_LK6x12_B	84.0	69.5	69.4	70.3	65.4	274.6	69.5	82.7	4
NO4-T1.09-LK.14-15	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK03	CH19_LK6x12_B	84.0	69.5	69.4	70.3	65.4	274.6	69.5	82.7	4
NO4-T1.09-LK.14-16	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK03	CH19_LK6x12_AM	84.0	69.5	67.3	64.1	65.0	265.9	69.5	82.7	4

NO4-T1.09-LK.13

NO4-T1.09-LK.14

40

NO4-T1.10-LK.01	NO4-T1.10-LK.01-17	Đất nhà ở liên kế	CH19_LK03	CH19_LK6x12_A	84.0	69.5	67.3	64.1	65.0	265.9	69.5	82.7	4
	NO4-T1.10-LK.01-18	Đất nhà ở liên kế	CH19_LK03	CH19_LK6x12_H4M	126.0	69.5	69.4	70.3	65.2	274.4	69.5	55.2	4
	NO4-T1.10-LK.01-01	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK08	CH29_LK9x8_G2	72.0	52.2	60.0	48.4	46.5	207.1	52.2	72.5	4
	NO4-T1.10-LK.01-02	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK08	CH29_LK5x8_AM	50.0	38.2	41.6	41.1	35.9	156.8	38.2	76.4	4
	NO4-T1.10-LK.01-03	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK08	CH29_LK5x8_B	50.0	38.2	44.0	40.0	37.1	159.3	38.2	76.4	4
	NO4-T1.10-LK.01-04	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK08	CH29_LK5x8_BM	50.0	38.2	44.0	40.0	37.1	159.3	38.2	76.4	4
	NO4-T1.10-LK.01-05	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK08	CH29_LK5x8_A	50.0	38.2	41.6	41.1	35.9	156.8	38.2	76.4	4
	NO4-T1.10-LK.01-06	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK08	CH29_LK5x8_H1M	80.0	38.2	41.6	41.1	35.9	156.8	38.2	47.8	4
	NO4-T1.10-LK.01-07	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK09	CH29_LK5x12_H3	112.0	58.2	61.6	61.1	55.9	236.8	58.2	52.0	4
	NO4-T1.10-LK.01-08	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK09	CH29_LK5x12_AM	70.0	58.2	61.6	61.1	55.9	236.8	58.2	83.1	4
	NO4-T1.10-LK.01-09	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK09	CH29_LK5x12_B	70.0	58.2	64.0	60.0	57.1	239.3	58.2	83.1	4
	NO4-T1.10-LK.01-10	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK09	CH29_LK5x12_BM	70.0	58.2	64.0	60.0	57.1	239.3	58.2	83.1	4
	NO4-T1.10-LK.01-11	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK09	CH29_LK5x12_A	70.0	58.2	61.6	61.1	55.9	236.8	58.2	83.1	4
	NO4-T1.10-LK.01-12	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK09	CH29_LK5x12_G6M	118.0	98.1	107.5	96.0	82.7	384.3	98.1	83.1	4
	NO4-T1.10-LK.02-01	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK14	CH29_LK5x8_H1	80.0	38.2	41.6	41.1	35.9	156.8	38.2	47.8	4
	NO4-T1.10-LK.02-02	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK14	CH29_LK5x8_AM	50.0	38.2	41.6	41.1	35.9	156.8	38.2	76.4	4
NO4-T1.10-LK.02	NO4-T1.10-LK.02-03	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK14	CH29_LK5x8_B	50.0	38.2	44.0	40.0	37.1	159.3	38.2	76.4	4
	NO4-T1.10-LK.02-04	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK14	CH29_LK5x8_C	50.0	38.2	44.0	40.0	37.1	159.3	38.2	76.4	4
	NO4-T1.10-LK.02-05	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK14	CH29_LK5x8_BM	50.0	38.2	44.0	40.0	37.1	159.3	38.2	76.4	4
	NO4-T1.10-LK.02-06	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK14	CH29_LK5x8_A	50.0	38.2	41.6	41.1	35.9	156.8	38.2	76.4	4
	NO4-T1.10-LK.02-07	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK14	CH29_LK5x8_H1M	80.0	38.2	41.6	41.1	35.9	156.8	38.2	47.8	4
	NO4-T1.10-LK.02-08	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK11	CH29_LK5x12_H3	112.0	58.2	61.6	61.1	55.9	236.8	58.2	52.0	4
	NO4-T1.10-LK.02-09	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK11	CH29_LK5x12_AM	70.0	58.2	61.6	61.1	55.9	236.8	58.2	83.1	4
	NO4-T1.10-LK.02-10	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK11	CH29_LK5x12_B	70.0	58.2	64.0	60.0	57.1	239.3	58.2	83.1	4
	NO4-T1.10-LK.02-11	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK11	CH29_LK5x12_C	70.0	58.2	64.0	60.0	57.1	239.3	58.2	83.1	4
	NO4-T1.10-LK.02-12	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK11	CH29_LK5x12_BM	70.0	58.2	64.0	60.0	57.1	239.3	58.2	83.1	4
	NO4-T1.10-LK.02-13	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK11	CH29_LK5x12_A	70.0	58.2	61.6	61.1	55.9	236.8	58.2	83.1	4
	NO4-T1.10-LK.02-14	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK11	CH29_LK5x12_H3M	112.0	58.2	61.6	61.1	55.9	236.8	58.2	52.0	4
	NO4-T1.10-LK.03-01	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK13	CH29_LK5x8_H1	80.0	38.2	41.6	41.1	35.9	156.8	38.2	47.8	4
	NO4-T1.10-LK.03-02	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK13	CH29_LK5x8_AM	50.0	38.2	41.6	41.1	35.9	156.8	38.2	76.4	4
	NO4-T1.10-LK.03-03	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK13	CH29_LK5x8_B	50.0	38.2	44.0	40.0	37.1	159.3	38.2	76.4	4
NO4-T1.10-LK.03	NO4-T1.10-LK.03-04	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK13	CH29_LK5x8_C	50.0	38.2	44.0	40.0	37.1	159.3	38.2	76.4	4
	NO4-T1.10-LK.03-05	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK13	CH29_LK5x8_BM	50.0	38.2	44.0	40.0	37.1	159.3	38.2	76.4	4
	NO4-T1.10-LK.03-06	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK13	CH29_LK5x8_A	50.0	38.2	41.6	41.1	35.9	156.8	38.2	76.4	4
	NO4-T1.10-LK.03-07	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK13	CH29_LK9x8_G2M	72.0	52.2	60.0	48.4	46.5	207.1	52.2	72.5	4
	NO4-T1.10-LK.03-08	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK15	CH29_LK9x12_G5	108.0	87.1	97.4	85.4	75.4	345.3	87.1	80.6	4
	NO4-T1.10-LK.03-09	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK15	CH29_LK5x12_AM	70.0	58.2	61.6	61.1	55.9	236.8	58.2	83.1	4
	NO4-T1.10-LK.03-10	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK15	CH29_LK5x12_B	70.0	58.2	64.0	60.0	57.1	239.3	58.2	83.1	4
	NO4-T1.10-LK.03-11	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK15	CH29_LK5x12_C	70.0	58.2	64.0	60.0	57.1	239.3	58.2	83.1	4
	NO4-T1.10-LK.03-12	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK15	CH29_LK5x12_BM	70.0	58.2	64.0	60.0	57.1	239.3	58.2	83.1	4

NO4-T1.10-LK.04	NO4-T1.10-LK.03-13	Đất nhà ở liên kề	CH29_LK15	CH29_LK5x12_A	70.0	58.2	61.6	61.1	55.9	236.8	58.2	83.1	4
	NO4-T1.10-LK.03-14	Đất nhà ở liên kề	CH29_LK15	CH29_LK5x12_H3M	112.0	58.2	61.6	61.1	55.9	236.8	58.2	52.0	4
	NO4-T1.10-LK.04-01	Đất nhà ở liên kề	CH71_LK15	CH71_LK9x8_G9	82.0	62.0	77.4	70.0	63.4	272.8	62.0	75.6	4
	NO4-T1.10-LK.04-02	Đất nhà ở liên kề	CH71_LK15	CH71_LK5x8_AM	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.10-LK.04-03	Đất nhà ở liên kề	CH71_LK15	CH71_LK5x8_B	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.10-LK.04-04	Đất nhà ở liên kề	CH71_LK15	CH71_LK5x8_BM	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.10-LK.04-05	Đất nhà ở liên kề	CH71_LK15	CH71_LK5x8_A	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.10-LK.04-06	Đất nhà ở liên kề	CH71_LK15	CH71_LK5x8_H3M	80.0	38.3	43.9	43.2	41.7	167.1	38.3	47.9	4
	NO4-T1.10-LK.04-07	Đất nhà ở liên kề	CH71_LK14	CH71_LK5x12_H1	112.0	58.3	63.9	63.2	61.7	247.1	58.3	52.1	4
	NO4-T1.10-LK.04-08	Đất nhà ở liên kề	CH71_LK14	CH71_LK5x12_AM	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.10-LK.04-09	Đất nhà ở liên kề	CH71_LK14	CH71_LK5x12_B	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.10-LK.04-10	Đất nhà ở liên kề	CH71_LK14	CH71_LK5x12_BM	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.10-LK.04-11	Đất nhà ở liên kề	CH71_LK14	CH71_LK5x12_A	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.10-LK.04-12	Đất nhà ở liên kề	CH71_LK14	CH71_LK9x12_G16M	118.0	98.0	115.8	109.4	102.2	425.4	98.0	83.1	4
	NO4-T1.10-LK.05-01	Đất nhà ở liên kề	CH71_LK22	CH71_LK5x8_H3	80.0	38.3	43.9	43.2	41.7	167.1	38.3	47.9	4
	NO4-T1.10-LK.05-02	Đất nhà ở liên kề	CH71_LK22	CH71_LK5x8_AM	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.10-LK.05-03	Đất nhà ở liên kề	CH71_LK22	CH71_LK5x8_B	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.10-LK.05-04	Đất nhà ở liên kề	CH71_LK22	CH71_LK5x8_C	50.0	38.3	44.9	43.7	42.6	169.5	38.3	76.6	4
	NO4-T1.10-LK.05-05	Đất nhà ở liên kề	CH71_LK22	CH71_LK5x8_BM	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.10-LK.05-06	Đất nhà ở liên kề	CH71_LK22	CH71_LK5x8_A	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
NO4-T1.10-LK.05	NO4-T1.10-LK.05-07	Đất nhà ở liên kề	CH71_LK22	CH71_LK5x8_H3M	80.0	38.3	43.9	43.2	41.7	167.1	38.3	47.9	4
	NO4-T1.10-LK.05-08	Đất nhà ở liên kề	CH71_LK19	CH71_LK5x12_H1	112.0	58.3	63.9	63.2	61.7	247.1	58.3	52.1	4
	NO4-T1.10-LK.05-09	Đất nhà ở liên kề	CH71_LK19	CH71_LK5x12_AM	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.10-LK.05-10	Đất nhà ở liên kề	CH71_LK19	CH71_LK5x12_B	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.10-LK.05-11	Đất nhà ở liên kề	CH71_LK19	CH71_LK5x12_C	70.0	58.3	64.9	63.7	62.6	249.5	58.3	83.3	4
	NO4-T1.10-LK.05-12	Đất nhà ở liên kề	CH71_LK19	CH71_LK5x12_BM	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.10-LK.05-13	Đất nhà ở liên kề	CH71_LK19	CH71_LK5x12_A	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.10-LK.05-14	Đất nhà ở liên kề	CH71_LK19	CH71_LK5x12_H1M	112.0	58.3	63.9	63.2	61.7	247.1	58.3	52.1	4
	NO4-T1.10-LK.06-01	Đất nhà ở liên kề	CH71_LK24	CH71_LK5x8_H3	80.0	38.3	43.9	43.2	41.7	167.1	38.3	47.9	4
	NO4-T1.10-LK.06-02	Đất nhà ở liên kề	CH71_LK24	CH71_LK5x8_AM	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.10-LK.06-03	Đất nhà ở liên kề	CH71_LK24	CH71_LK5x8_B	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.10-LK.06-04	Đất nhà ở liên kề	CH71_LK24	CH71_LK5x8_C	50.0	38.3	44.9	43.7	42.6	169.5	38.3	76.6	4
NO4-T1.10-LK.06	NO4-T1.10-LK.06-05	Đất nhà ở liên kề	CH71_LK24	CH71_LK5x8_BM	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.10-LK.06-06	Đất nhà ở liên kề	CH71_LK24	CH71_LK5x8_A	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.10-LK.06-07	Đất nhà ở liên kề	CH71_LK24	CH71_LK9x8_G10M	72.0	50.8	68.0	56.1	46.8	221.7	50.8	70.6	4
	NO4-T1.10-LK.06-08	Đất nhà ở liên kề	CH71_LK23	CH71_LK9x12_G17	108.0	86.6	106.3	96.5	87.2	376.6	86.6	80.2	4
	NO4-T1.10-LK.06-09	Đất nhà ở liên kề	CH71_LK23	CH71_LK5x12_AM	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.10-LK.06-10	Đất nhà ở liên kề	CH71_LK23	CH71_LK5x12_B	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.10-LK.06-11	Đất nhà ở liên kề	CH71_LK23	CH71_LK5x12_C	70.0	58.3	64.9	63.7	62.6	249.5	58.3	83.3	4
	NO4-T1.10-LK.06-12	Đất nhà ở liên kề	CH71_LK23	CH71_LK5x12_BM	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4

NO4-T1.10-LK.07	NO4-T1.10-LK.06-13	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK23	CH71_LK5x12_A	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.10-LK.06-14	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK23	CH71_LK5x12_H1M	112.0	58.3	63.9	63.2	61.7	247.1	58.3	52.1	4
	NO4-T1.10-LK.07-01	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK15	CH71_LK9x8_G9	82.0	62.0	77.4	70.0	63.4	272.8	62.0	75.6	4
	NO4-T1.10-LK.07-02	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK15	CH71_LK5x8_AM	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.10-LK.07-03	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK15	CH71_LK5x8_B	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.10-LK.07-04	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK15	CH71_LK5x8_BM	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.10-LK.07-05	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK15	CH71_LK5x8_A	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.10-LK.07-06	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK15	CH71_LK5x8_H3M	80.0	38.3	43.9	43.2	41.7	167.1	38.3	47.9	4
	NO4-T1.10-LK.07-07	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK14	CH71_LK5x12_H1	112.0	58.3	63.9	63.2	61.7	247.1	58.3	52.1	4
	NO4-T1.10-LK.07-08	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK14	CH71_LK5x12_AM	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.10-LK.07-09	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK14	CH71_LK5x12_B	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.10-LK.07-10	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK14	CH71_LK5x12_BM	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.10-LK.08	NO4-T1.10-LK.07-11	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK14	CH71_LK5x12_A	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.10-LK.07-12	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK14	CH71_LK9x12_G16M	118.0	98.0	115.8	109.4	102.2	425.4	98.0	83.1	4
	NO4-T1.10-LK.08-01	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK22	CH71_LK5x8_H3	80.0	38.3	43.9	43.2	41.7	167.1	38.3	47.9	4
	NO4-T1.10-LK.08-02	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK22	CH71_LK5x8_AM	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.10-LK.08-03	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK22	CH71_LK5x8_B	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.10-LK.08-04	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK22	CH71_LK5x8_C	50.0	38.3	44.9	43.7	42.6	169.5	38.3	76.6	4
	NO4-T1.10-LK.08-05	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK22	CH71_LK5x8_BM	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.10-LK.08-06	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK22	CH71_LK5x8_A	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.10-LK.08-07	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK22	CH71_LK5x8_H3M	80.0	38.3	43.9	43.2	41.7	167.1	38.3	47.9	4
	NO4-T1.10-LK.08-08	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK19	CH71_LK5x12_H1	112.0	58.3	63.9	63.2	61.7	247.1	58.3	52.1	4
	NO4-T1.10-LK.08-09	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK19	CH71_LK5x12_AM	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.10-LK.08-10	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK19	CH71_LK5x12_B	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.10-LK.09	NO4-T1.10-LK.08-11	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK19	CH71_LK5x12_C	70.0	58.3	64.9	63.7	62.6	249.5	58.3	83.3	4
	NO4-T1.10-LK.08-12	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK19	CH71_LK5x12_BM	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.10-LK.08-13	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK19	CH71_LK5x12_A	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.10-LK.08-14	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK19	CH71_LK5x12_H1M	112.0	58.3	63.9	63.2	61.7	247.1	58.3	52.1	4
	NO4-T1.10-LK.09-01	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK24	CH71_LK5x8_H3	80.0	38.3	43.9	43.2	41.7	167.1	38.3	47.9	4
	NO4-T1.10-LK.09-02	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK24	CH71_LK5x8_AM	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.10-LK.09-03	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK24	CH71_LK5x8_B	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.10-LK.09-04	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK24	CH71_LK5x8_C	50.0	38.3	44.9	43.7	42.6	169.5	38.3	76.6	4
	NO4-T1.10-LK.09-05	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK24	CH71_LK5x8_BM	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.10-LK.09-06	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK24	CH71_LK5x8_A	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.10-LK.09-07	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK24	CH71_LK9x8_G10M	72.0	50.8	68.0	56.1	46.8	221.7	50.8	70.6	4
	NO4-T1.10-LK.09-08	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK23	CH71_LK9x12_G17	108.0	86.6	106.3	96.5	87.2	376.6	86.6	80.2	4
NO4-T1.10-LK.09	NO4-T1.10-LK.09-09	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK23	CH71_LK5x12_AM	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.10-LK.09-10	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK23	CH71_LK5x12_B	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.10-LK.09-11	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK23	CH71_LK5x12_C	70.0	58.3	64.9	63.7	62.6	249.5	58.3	83.3	4
	NO4-T1.10-LK.09-12	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK23	CH71_LK5x12_BM	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4



Handwritten signature or mark.

NO4-T1.10-LK.10	NO4-T1.10-LK.09-13	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK23	CH71_LK5x12_A	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.10-LK.09-14	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK23	CH71_LK5x12_H1M	112.0	58.3	63.9	63.2	61.7	247.1	58.3	52.1	4
	NO4-T1.10-LK.10-01	Đất nhà ở liên kế	CH15_LK15	CH15_LK9x8_G2	82.0	57.3	57.9	61.5	58.7	235.4	57.3	69.9	4
	NO4-T1.10-LK.10-02	Đất nhà ở liên kế	CH15_LK15	CH15_LK5x8_E	50.0	37.5	38.3	38.3	34.0	148.1	37.5	75.0	4
	NO4-T1.10-LK.10-03	Đất nhà ở liên kế	CH15_LK15	CH15_LK5x8_BM	50.0	37.5	38.3	38.3	34.0	148.1	37.5	75.0	4
	NO4-T1.10-LK.10-04	Đất nhà ở liên kế	CH15_LK15	CH15_LK5x8_A	50.0	37.5	38.4	41.7	41.7	159.3	37.5	75.0	4
	NO4-T1.10-LK.10-05	Đất nhà ở liên kế	CH15_LK15	CH15_LK5x8_AM	50.0	37.5	38.4	41.7	41.7	159.3	37.5	75.0	4
	NO4-T1.10-LK.10-06	Đất nhà ở liên kế	CH15_LK15	CH15_LK5x8_H2M	80.0	37.7	38.9	38.9	34.1	149.6	37.7	47.1	4
	NO4-T1.10-LK.10-07	Đất nhà ở liên kế	CH15_LK12	CH15_LK5x12_H3	112.0	57.7	59.0	59.0	52.4	228.1	57.7	51.5	4
	NO4-T1.10-LK.10-08	Đất nhà ở liên kế	CH15_LK12	CH15_LK5x12_A	70.0	57.5	58.4	61.7	61.7	239.3	57.5	82.1	4
	NO4-T1.10-LK.10-09	Đất nhà ở liên kế	CH15_LK12	CH15_LK5x12_AM	70.0	57.5	58.4	61.7	61.7	239.3	57.5	82.1	4
	NO4-T1.10-LK.10-10	Đất nhà ở liên kế	CH15_LK12	CH15_LK5x12_B	70.0	57.5	58.3	58.3	54.0	228.1	57.5	82.1	4
	NO4-T1.10-LK.10-11	Đất nhà ở liên kế	CH15_LK12	CH15_LK5x12_EM	70.0	57.5	58.3	58.3	54.0	228.1	57.5	82.1	4
	NO4-T1.10-LK.10-12	Đất nhà ở liên kế	CH15_LK12	CH15_LK9x12_G6M	108.0	81.8	84.1	90.1	90.1	346.1	81.8	75.7	4
	NO4-T1.10-LK.11-01	Đất nhà ở liên kế	CH15_LK04	CH15_LK5x8_H2	80.0	37.7	38.9	38.9	34.1	149.6	37.7	47.1	4
	NO4-T1.10-LK.11-02	Đất nhà ở liên kế	CH15_LK04	CH15_LK5x8_A	50.0	37.5	38.4	41.7	41.7	159.3	37.5	75.0	4
	NO4-T1.10-LK.11-03	Đất nhà ở liên kế	CH15_LK04	CH15_LK5x8_AM	50.0	37.5	38.4	41.7	41.7	159.3	37.5	75.0	4
	NO4-T1.10-LK.11-04	Đất nhà ở liên kế	CH15_LK04	CH15_LK5x8_C	50.0	37.5	38.3	38.3	34.0	148.1	37.5	75.0	4
	NO4-T1.10-LK.11-05	Đất nhà ở liên kế	CH15_LK04	CH15_LK5x8_A	50.0	37.5	38.4	41.7	41.7	159.3	37.5	75.0	4
	NO4-T1.10-LK.11-06	Đất nhà ở liên kế	CH15_LK04	CH15_LK5x8_AM	50.0	37.5	38.4	41.7	41.7	159.3	37.5	75.0	4
	NO4-T1.10-LK.11-07	Đất nhà ở liên kế	CH15_LK04	CH15_LK5x8_H2M	80.0	37.7	38.9	38.9	34.1	149.6	37.7	47.1	4
	NO4-T1.10-LK.11-08	Đất nhà ở liên kế	CH15_LK02	CH15_LK5x12_H3	112.0	57.7	59.0	59.0	52.4	228.1	57.7	51.5	4
	NO4-T1.10-LK.11-09	Đất nhà ở liên kế	CH15_LK02	CH15_LK5x12_A	70.0	57.5	58.4	61.7	61.7	239.3	57.5	82.1	4
	NO4-T1.10-LK.11-10	Đất nhà ở liên kế	CH15_LK02	CH15_LK5x12_AM	70.0	57.5	58.4	61.7	61.7	239.3	57.5	82.1	4
	NO4-T1.10-LK.11-11	Đất nhà ở liên kế	CH15_LK02	CH15_LK5x12_C	70.0	57.5	58.3	58.3	54.0	228.1	57.5	82.1	4
	NO4-T1.10-LK.11-12	Đất nhà ở liên kế	CH15_LK02	CH15_LK5x12_A	70.0	57.5	58.4	61.7	61.7	239.3	57.5	82.1	4
	NO4-T1.10-LK.11-13	Đất nhà ở liên kế	CH15_LK02	CH15_LK5x12_AM	70.0	57.5	58.4	61.7	61.7	239.3	57.5	82.1	4
	NO4-T1.10-LK.11-14	Đất nhà ở liên kế	CH15_LK02	CH15_LK5x12_H3M	112.0	57.7	59.0	59.0	52.4	228.1	57.7	51.5	4
NO4-T1.10-LK.12	NO4-T1.10-LK.12-01	Đất nhà ở liên kế	CH15_LK07	CH15_LK5x8_HB2	80.0	37.7	38.9	38.9	34.1	149.6	37.7	47.1	4
	NO4-T1.10-LK.12-02	Đất nhà ở liên kế	CH15_LK07	CH15_LK5x8_BM	50.0	37.5	38.3	38.3	34.0	148.1	37.5	75.0	4
	NO4-T1.10-LK.12-03	Đất nhà ở liên kế	CH15_LK07	CH15_LK5x8_A	50.0	37.5	38.4	41.7	41.7	159.3	37.5	75.0	4
	NO4-T1.10-LK.12-04	Đất nhà ở liên kế	CH15_LK07	CH15_LK5x8_AM	50.0	37.5	38.4	41.7	41.7	159.3	37.5	75.0	4
	NO4-T1.10-LK.12-05	Đất nhà ở liên kế	CH15_LK07	CH15_LK5x8_B	50.0	37.5	38.3	38.3	34.0	148.1	37.5	75.0	4
	NO4-T1.10-LK.12-06	Đất nhà ở liên kế	CH15_LK07	CH15_LK5x8_EM	50.0	37.5	38.3	38.3	34.0	148.1	37.5	75.0	4
	NO4-T1.10-LK.12-07	Đất nhà ở liên kế	CH15_LK07	CH15_LK9x8_G3M	72.0	48.0	47.7	51.2	51.2	198.1	48.0	66.7	4
	NO4-T1.10-LK.12-08	Đất nhà ở liên kế	CH15_LK08	CH15_LK9x12_G6	108.0	81.8	84.1	90.1	90.1	346.1	81.8	75.7	4
	NO4-T1.10-LK.12-09	Đất nhà ở liên kế	CH15_LK08	CH15_LK5x12_E	70.0	57.5	58.3	58.3	54.0	228.1	57.5	82.1	4
	NO4-T1.10-LK.12-10	Đất nhà ở liên kế	CH15_LK08	CH15_LK5x12_BM	70.0	57.5	58.3	58.3	54.0	228.1	57.5	82.1	4
	NO4-T1.10-LK.12-11	Đất nhà ở liên kế	CH15_LK08	CH15_LK5x12_A	70.0	57.5	58.4	61.7	61.7	239.3	57.5	82.1	4
	NO4-T1.10-LK.12-12	Đất nhà ở liên kế	CH15_LK08	CH15_LK5x12_AM	70.0	57.5	58.4	61.7	61.7	239.3	57.5	82.1	4

Handwritten signature/initials.

NO4-T1.11-LK.01	NO4-T1.10-LK.12-13	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK08	CH15_LK5x12_B	70.0	57.5	58.3	58.3	54.0	228.1	57.5	82.1	4
	NO4-T1.10-LK.12-14	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK08	CH15_LK5x12_HB3M	112.0	57.7	59.0	59.0	53.2	228.9	57.7	51.5	4
	NO4-T1.11-LK.01-01	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK16	CH52_LK9x14_G4	136.0	111.9	113.6	100.4	77.2	403.1	111.9	82.3	4
	NO4-T1.11-LK.01-02	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK16	CH52_LK5x14_AM	80.0	68.3	70.0	66.7	63.8	268.8	68.3	85.4	4
	NO4-T1.11-LK.01-03	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK16	CH52_LK5x14_B	80.0	68.3	70.0	69.1	57.9	265.3	68.3	85.4	4
	NO4-T1.11-LK.01-04	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK16	CH52_LK5x14_BM	80.0	68.3	70.0	69.1	57.9	265.3	68.3	85.4	4
	NO4-T1.11-LK.01-05	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK16	CH52_LK5x14_A	80.0	68.3	70.0	66.7	63.8	268.8	68.3	85.4	4
	NO4-T1.11-LK.01-06	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK16	CH52_LK5x14_H2M	128.0	68.3	70.0	66.7	63.8	268.8	68.3	53.4	4
	NO4-T1.11-LK.01-07	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK16_M	CH52_LK5x14_H2	128.0	68.3	70.0	66.7	63.8	268.8	68.3	53.4	4
	NO4-T1.11-LK.01-08	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK16_M	CH52_LK5x14_AM	80.0	68.3	70.0	66.7	63.8	268.8	68.3	85.4	4
	NO4-T1.11-LK.01-09	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK16_M	CH52_LK5x14_B	80.0	68.3	70.0	69.1	57.9	265.3	68.3	85.4	4
	NO4-T1.11-LK.01-10	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK16_M	CH52_LK5x14_BM	80.0	68.3	70.0	69.1	57.9	265.3	68.3	85.4	4
	NO4-T1.11-LK.01-11	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK16_M	CH52_LK5x14_A	80.0	68.3	70.0	66.7	63.8	268.8	68.3	85.4	4
	NO4-T1.11-LK.01-12	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK16_M	CH52_LK9x14_G4M	136.0	111.9	113.6	100.4	77.2	403.1	111.9	82.3	4
	NO4-T1.11-LK.02-01	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK13	CH52_LK5x14_H2	128.0	68.3	70.0	66.7	63.8	268.8	68.3	53.4	4
	NO4-T1.11-LK.02-02	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK13	CH52_LK5x14_AM	80.0	68.3	70.0	66.7	63.8	268.8	68.3	85.4	4
	NO4-T1.11-LK.02-03	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK13	CH52_LK5x14_B	80.0	68.3	70.0	69.1	57.9	265.3	68.3	85.4	4
	NO4-T1.11-LK.02-04	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK13	CH52_LK5x14_C	80.0	68.3	70.0	70.9	58.3	267.5	68.3	85.4	4
	NO4-T1.11-LK.02-05	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK13	CH52_LK5x14_BM	80.0	68.3	70.0	66.7	63.8	268.8	68.3	85.4	4
	NO4-T1.11-LK.02-06	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK13	CH52_LK5x14_A	80.0	68.3	70.0	66.7	63.8	268.8	68.3	85.4	4
	NO4-T1.11-LK.02-07	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK13	CH52_LK5x14_H2M	128.0	68.3	70.0	66.7	63.8	268.8	68.3	53.4	4
	NO4-T1.11-LK.02-08	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK13	CH52_LK5x14_H2	128.0	68.3	70.0	66.7	63.8	268.8	68.3	53.4	4
	NO4-T1.11-LK.02-09	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK13	CH52_LK5x14_AM	80.0	68.3	70.0	66.7	63.8	268.8	68.3	85.4	4
	NO4-T1.11-LK.02-10	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK13	CH52_LK5x14_B	80.0	68.3	70.0	69.1	57.9	265.3	68.3	85.4	4
	NO4-T1.11-LK.02-11	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK13	CH52_LK5x14_C	80.0	68.3	70.0	70.9	58.3	267.5	68.3	85.4	4
	NO4-T1.11-LK.02-12	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK13	CH52_LK5x14_BM	80.0	68.3	70.0	69.1	57.9	265.3	68.3	85.4	4
	NO4-T1.11-LK.02-13	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK13	CH52_LK5x14_A	80.0	68.3	70.0	66.7	63.8	268.8	68.3	85.4	4
NO4-T1.11-LK.02	NO4-T1.11-LK.02-14	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK13	CH52_LK5x14_H2M	128.0	68.3	70.0	66.7	63.8	268.8	68.3	53.4	4
	NO4-T1.11-LK.03-01	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK12_M	CH52_LK5x14_H2	128.0	68.3	70.0	66.7	63.8	268.8	68.3	53.4	4
	NO4-T1.11-LK.03-02	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK12_M	CH52_LK5x14_AM	80.0	68.3	70.0	66.7	63.8	268.8	68.3	85.4	4
	NO4-T1.11-LK.03-03	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK12_M	CH52_LK5x14_B	80.0	68.3	70.0	69.1	57.9	265.3	68.3	85.4	4
	NO4-T1.11-LK.03-04	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK12_M	CH52_LK5x14_C	80.0	68.3	70.0	70.9	58.3	267.5	68.3	85.4	4
	NO4-T1.11-LK.03-05	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK12_M	CH52_LK5x14_BM	80.0	68.3	70.0	69.1	57.9	265.3	68.3	85.4	4
	NO4-T1.11-LK.03-06	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK12_M	CH52_LK5x14_A	80.0	68.3	70.0	66.7	63.8	268.8	68.3	85.4	4
	NO4-T1.11-LK.03-07	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK12_M	CH52_LK9x14_G3M	126.0	105.5	107.8	95.0	74.2	382.5	105.5	83.7	4
	NO4-T1.11-LK.03-08	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK12	CH52_LK9x14_G3	126.0	105.5	107.8	95.0	74.2	382.5	105.5	83.7	4
	NO4-T1.11-LK.03-09	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK12	CH52_LK5x14_AM	80.0	68.3	70.0	66.7	63.8	268.8	68.3	85.4	4
	NO4-T1.11-LK.03-10	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK12	CH52_LK5x14_B	80.0	68.3	70.0	69.1	57.9	265.3	68.3	85.4	4
	NO4-T1.11-LK.03-11	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK12	CH52_LK5x14_C	80.0	68.3	70.0	70.9	58.3	267.5	68.3	85.4	4
	NO4-T1.11-LK.03-12	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK12	CH52_LK5x14_BM	80.0	68.3	70.0	69.1	57.9	265.3	68.3	85.4	4

NO4-T1.11-LK.03

87

NO4-T1.11-LK.04	NO4-T1.11-LK.03-13	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK12	CH52_LK5x14_A	80.0	68.3	70.0	66.7	63.8	268.8	68.3	85.4	4
	NO4-T1.11-LK.03-14	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK12	CH52_LK5x14_H2M	128.0	68.3	70.0	66.7	63.8	268.8	68.3	53.4	4
	NO4-T1.11-LK.04-01	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK14	CH52_LK9x8_G6	82.0	62.2	63.9	52.1	39.0	217.2	62.2	75.9	4
	NO4-T1.11-LK.04-02	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK14	CH52_LK5x8_AM	50.0	38.3	40.0	36.7	33.8	148.8	38.3	76.6	4
	NO4-T1.11-LK.04-03	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK14	CH52_LK5x8_B	50.0	38.3	40.0	39.1	27.9	145.3	38.3	76.6	4
	NO4-T1.11-LK.04-04	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK14	CH52_LK5x8_BM	50.0	38.3	40.0	39.1	27.9	145.3	38.3	76.6	4
	NO4-T1.11-LK.04-05	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK14	CH52_LK5x8_A	50.0	38.3	40.0	36.7	33.8	148.8	38.3	76.6	4
	NO4-T1.11-LK.04-06	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK14	CH52_LK5x8_H4M	80.0	38.3	40.0	36.7	33.8	148.8	38.3	47.9	4
	NO4-T1.11-LK.04-07	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK15	CH52_LK5x12_H1	112.0	58.3	60.0	56.7	53.8	228.8	58.3	52.1	4
	NO4-T1.11-LK.04-08	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK15	CH52_LK5x12_AM	70.0	58.3	60.0	56.7	53.8	228.8	58.3	83.3	4
	NO4-T1.11-LK.04-09	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK15	CH52_LK5x12_B	70.0	58.3	60.0	59.1	47.9	225.3	58.3	83.3	4
	NO4-T1.11-LK.04-10	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK15	CH52_LK5x12_BM	70.0	58.3	60.0	59.1	47.9	225.3	58.3	83.3	4
	NO4-T1.11-LK.04-11	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK15	CH52_LK5x12_A	70.0	58.3	60.0	56.7	53.8	228.8	58.3	83.3	4
	NO4-T1.11-LK.04-12	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK15	CH52_LK9x12_G9M	118.0	97.5	99.8	88.2	67.2	352.7	97.5	82.6	4
	NO4-T1.11-LK.05-01	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK08	CH52_LK5x8_H4	80.0	38.3	40.0	36.7	33.8	148.8	38.3	47.9	4
	NO4-T1.11-LK.05-02	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK08	CH52_LK5x8_AM	50.0	38.3	40.0	36.7	33.8	148.8	38.3	76.6	4
NO4-T1.11-LK.05	NO4-T1.11-LK.05-03	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK08	CH52_LK5x8_B	50.0	38.3	40.0	39.1	27.9	145.3	38.3	76.6	4
	NO4-T1.11-LK.05-04	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK08	CH52_LK5x8_C	50.0	38.3	40.0	40.9	28.3	147.5	38.3	76.6	4
	NO4-T1.11-LK.05-05	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK08	CH52_LK5x8_BM	50.0	38.3	40.0	39.1	27.9	145.3	38.3	76.6	4
	NO4-T1.11-LK.05-06	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK08	CH52_LK5x8_A	50.0	38.3	40.0	36.7	33.8	148.8	38.3	76.6	4
	NO4-T1.11-LK.05-07	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK08	CH52_LK5x8_H4M	80.0	38.3	40.0	36.7	33.8	148.8	38.3	47.9	4
	NO4-T1.11-LK.05-08	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK09	CH52_LK5x12_H1	112.0	58.3	60.0	56.7	53.8	228.8	58.3	52.1	4
	NO4-T1.11-LK.05-09	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK09	CH52_LK5x12_AM	70.0	58.3	60.0	56.7	53.8	228.8	58.3	83.3	4
	NO4-T1.11-LK.05-10	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK09	CH52_LK5x12_B	70.0	58.3	60.0	59.1	47.9	225.3	58.3	83.3	4
	NO4-T1.11-LK.05-11	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK09	CH52_LK5x12_C	70.0	58.3	60.0	60.9	48.3	227.5	58.3	83.3	4
	NO4-T1.11-LK.05-12	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK09	CH52_LK5x12_BM	70.0	58.3	60.0	59.1	47.9	225.3	58.3	83.3	4
	NO4-T1.11-LK.05-13	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK09	CH52_LK5x12_A	70.0	58.3	60.0	56.7	53.8	228.8	58.3	83.3	4
	NO4-T1.11-LK.05-14	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK09	CH52_LK5x12_H1M	112.0	58.3	60.0	56.7	53.8	228.8	58.3	52.1	4
	NO4-T1.11-LK.06-01	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK11	CH52_LK5x8_H4	80.0	38.3	40.0	36.7	33.8	148.8	38.3	47.9	4
	NO4-T1.11-LK.06-02	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK11	CH52_LK5x8_AM	50.0	38.3	40.0	36.7	33.8	148.8	38.3	76.6	4
	NO4-T1.11-LK.06-03	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK11	CH52_LK5x8_B	50.0	38.3	40.0	39.1	27.9	145.3	38.3	76.6	4
	NO4-T1.11-LK.06-04	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK11	CH52_LK5x8_C	50.0	38.3	40.0	40.9	28.3	147.5	38.3	76.6	4
NO4-T1.11-LK.06	NO4-T1.11-LK.06-05	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK11	CH52_LK5x8_BM	50.0	38.3	40.0	39.1	27.9	145.3	38.3	76.6	4
	NO4-T1.11-LK.06-06	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK11	CH52_LK5x8_A	50.0	38.3	40.0	36.7	33.8	148.8	38.3	76.6	4
	NO4-T1.11-LK.06-07	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK11	CH52_LK9x8_G7M	72.0	51.6	53.9	43.8	34.7	184.0	51.6	71.7	4
	NO4-T1.11-LK.06-08	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK10	CH52_LK9x12_G10	108.0	87.8	89.9	78.6	60.7	317.0	87.8	81.3	4
	NO4-T1.11-LK.06-09	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK10	CH52_LK5x12_AM	70.0	58.3	60.0	56.7	53.8	228.8	58.3	83.3	4
	NO4-T1.11-LK.06-10	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK10	CH52_LK5x12_B	70.0	58.3	60.0	59.1	47.9	225.3	58.3	83.3	4
	NO4-T1.11-LK.06-11	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK10	CH52_LK5x12_C	70.0	58.3	60.0	60.9	48.3	227.5	58.3	83.3	4
	NO4-T1.11-LK.06-12	Đất nhà ở liền kề	CH52_LK10	CH52_LK5x12_BM	70.0	58.3	60.0	59.1	47.9	225.3	58.3	83.3	4

NO4-T1.11-LK.07	NO4-T1.11-LK.06-13	Đất nhà ở liên kết	CH52_LK10	CH52_LK5x12_A	70.0	58.3	60.0	56.7	53.8	228.8	58.3	83.3	4
	NO4-T1.11-LK.06-14	Đất nhà ở liên kết	CH52_LK10	CH52_LK5x12_H1M	112.0	58.3	60.0	56.7	53.8	228.8	58.3	52.1	4
	NO4-T1.11-LK.07-01	Đất nhà ở liên kết	CH52_LK01_M	CH52_LK5x12_H3T	70.0	58.3	62.9	58.1	53.8	233.1	58.3	83.3	4
	NO4-T1.11-LK.07-02	Đất nhà ở liên kết	CH52_LK01_M	CH52_LK5x12_ATM	70.0	58.3	62.9	58.1	53.8	233.1	58.3	83.3	4
	NO4-T1.11-LK.07-03	Đất nhà ở liên kết	CH52_LK01_M	CH52_LK5x12_BT	70.0	58.3	62.9	60.5	47.9	229.6	58.3	83.3	4
	NO4-T1.11-LK.07-04	Đất nhà ở liên kết	CH52_LK01_M	CH52_LK5x12_BTM	70.0	58.3	62.9	60.5	47.9	229.6	58.3	83.3	4
	NO4-T1.11-LK.07-05	Đất nhà ở liên kết	CH52_LK01_M	CH52_LK7.5x12_G5TM	97.0	79.5	86.1	73.3	53.2	292.1	79.5	82.0	4
	NO4-T1.11-LK.08-01	Đất nhà ở liên kết	CH52_LK01	CH52_LK7.5x12_G5T	97.0	79.5	86.1	73.3	53.2	292.1	79.5	82.0	4
	NO4-T1.11-LK.08-02	Đất nhà ở liên kết	CH52_LK01	CH52_LK5x12_BT	70.0	58.3	62.9	60.5	47.9	229.6	58.3	83.3	4
	NO4-T1.11-LK.08-03	Đất nhà ở liên kết	CH52_LK01	CH52_LK5x12_BTM	70.0	58.3	62.9	60.5	47.9	229.6	58.3	83.3	4
	NO4-T1.11-LK.08-04	Đất nhà ở liên kết	CH52_LK01	CH52_LK5x12_AT	70.0	58.3	62.9	58.1	53.8	233.1	58.3	83.3	4
	NO4-T1.11-LK.08-05	Đất nhà ở liên kết	CH52_LK01	CH52_LK5x12_H3TM	70.0	58.3	62.9	58.1	53.8	233.1	58.3	83.3	4
	NO4-T1.11-LK.09-01	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK10	CH29_LK9x8_G1	82.0	62.2	70.0	62.6	55.8	250.6	62.2	75.9	4
	NO4-T1.11-LK.09-02	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK10	CH29_LK5x8_AM	50.0	38.2	41.6	41.1	35.9	156.8	38.2	76.4	4
	NO4-T1.11-LK.09-03	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK10	CH29_LK5x8_B	50.0	38.2	44.0	40.0	37.1	159.3	38.2	76.4	4
	NO4-T1.11-LK.09-04	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK10	CH29_LK5x8_BM	50.0	38.2	44.0	40.0	37.1	159.3	38.2	76.4	4
NO4-T1.11-LK.09	NO4-T1.11-LK.09-05	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK10	CH29_LK5x8_A	50.0	38.2	41.6	41.1	35.9	156.8	38.2	76.4	4
	NO4-T1.11-LK.09-06	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK10	CH29_LK5x8_H1M	80.0	38.2	41.6	41.1	35.9	156.8	38.2	47.8	4
	NO4-T1.11-LK.09-07	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK07	CH29_LK5x12_H3	112.0	58.2	61.6	61.1	55.9	236.8	58.2	52.0	4
	NO4-T1.11-LK.09-08	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK07	CH29_LK5x12_AM	70.0	58.2	61.6	61.1	55.9	236.8	58.2	83.1	4
	NO4-T1.11-LK.09-09	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK07	CH29_LK5x12_B	70.0	58.2	64.0	60.0	57.1	239.3	58.2	83.1	4
	NO4-T1.11-LK.09-10	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK07	CH29_LK5x12_BM	70.0	58.2	64.0	60.0	57.1	239.3	58.2	83.1	4
	NO4-T1.11-LK.09-11	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK07	CH29_LK5x12_A	70.0	58.2	61.6	61.1	55.9	236.8	58.2	83.1	4
	NO4-T1.11-LK.09-12	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK07	CH29_LK9x12_G5M	108.0	87.1	97.4	85.4	75.4	345.3	87.1	80.6	4
	NO4-T1.11-LK.10-01	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK14	CH29_LK5x8_H1	80.0	38.2	41.6	41.1	35.9	156.8	38.2	47.8	4
	NO4-T1.11-LK.10-02	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK14	CH29_LK5x8_AM	50.0	38.2	41.6	41.1	35.9	156.8	38.2	76.4	4
	NO4-T1.11-LK.10-03	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK14	CH29_LK5x8_B	50.0	38.2	44.0	40.0	37.1	159.3	38.2	76.4	4
	NO4-T1.11-LK.10-04	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK14	CH29_LK5x8_C	50.0	38.2	44.0	40.0	37.1	159.3	38.2	76.4	4
	NO4-T1.11-LK.10-05	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK14	CH29_LK5x8_BM	50.0	38.2	44.0	40.0	37.1	159.3	38.2	76.4	4
	NO4-T1.11-LK.10-06	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK14	CH29_LK5x8_A	50.0	38.2	41.6	41.1	35.9	156.8	38.2	76.4	4
	NO4-T1.11-LK.10-07	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK14	CH29_LK5x8_H1M	80.0	38.2	41.6	41.1	35.9	156.8	38.2	47.8	4
	NO4-T1.11-LK.10-08	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK11	CH29_LK5x12_H3	112.0	58.2	61.6	61.1	55.9	236.8	58.2	52.0	4
NO4-T1.11-LK.10	NO4-T1.11-LK.10-09	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK11	CH29_LK5x12_AM	70.0	58.2	61.6	61.1	55.9	236.8	58.2	83.1	4
	NO4-T1.11-LK.10-10	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK11	CH29_LK5x12_B	70.0	58.2	64.0	60.0	57.1	239.3	58.2	83.1	4
	NO4-T1.11-LK.10-11	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK11	CH29_LK5x12_C	70.0	58.2	64.0	60.0	57.1	239.3	58.2	83.1	4
	NO4-T1.11-LK.10-12	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK11	CH29_LK5x12_BM	70.0	58.2	64.0	60.0	57.1	239.3	58.2	83.1	4
	NO4-T1.11-LK.10-13	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK11	CH29_LK5x12_A	70.0	58.2	61.6	61.1	55.9	236.8	58.2	83.1	4
	NO4-T1.11-LK.10-14	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK11	CH29_LK5x12_H3M	112.0	58.2	61.6	61.1	55.9	236.8	58.2	52.0	4
	NO4-T1.11-LK.11-01	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK13	CH29_LK5x8_H1	80.0	38.2	41.6	41.1	35.9	156.8	38.2	47.8	4
	NO4-T1.11-LK.11-02	Đất nhà ở liên kết	CH29_LK13	CH29_LK5x8_AM	50.0	38.2	41.6	41.1	35.9	156.8	38.2	76.4	4

NO4-T1.11-LK.11	NO4-T1.11-LK.11-03	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK13	CH29_LK5x8_B	50.0	38.2	44.0	40.0	37.1	159.3	38.2	76.4	4
	NO4-T1.11-LK.11-04	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK13	CH29_LK5x8_C	50.0	38.2	44.0	40.0	37.1	159.3	38.2	76.4	4
	NO4-T1.11-LK.11-05	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK13	CH29_LK5x8_BM	50.0	38.2	44.0	40.0	37.1	159.3	38.2	76.4	4
	NO4-T1.11-LK.11-06	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK13	CH29_LK5x8_A	50.0	38.2	41.6	41.1	35.9	156.8	38.2	76.4	4
	NO4-T1.11-LK.11-07	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK13	CH29_LK9x8_G2M	72.0	52.2	60.0	48.4	46.5	207.1	52.2	72.5	4
	NO4-T1.11-LK.11-08	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK13	CH29_LK9x12_G5	108.0	87.1	97.4	85.4	73.4	345.3	87.1	80.6	4
	NO4-T1.11-LK.11-09	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK15	CH29_LK5x12_AM	70.0	58.2	61.6	61.1	55.9	236.8	58.2	83.1	4
	NO4-T1.11-LK.11-10	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK15	CH29_LK5x12_B	70.0	58.2	64.0	60.0	57.1	239.3	58.2	83.1	4
	NO4-T1.11-LK.11-11	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK15	CH29_LK5x12_C	70.0	58.2	64.0	60.0	57.1	239.3	58.2	83.1	4
	NO4-T1.11-LK.11-12	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK15	CH29_LK5x12_BM	70.0	58.2	64.0	60.0	57.1	239.3	58.2	83.1	4
	NO4-T1.11-LK.11-13	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK15	CH29_LK5x12_A	70.0	58.2	61.6	61.1	55.9	236.8	58.2	83.1	4
	NO4-T1.11-LK.11-14	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK15	CH29_LK5x12_H3M	112.0	58.2	61.6	61.1	55.9	236.8	58.2	52.0	4
	NO4-T1.12-LK.01-01	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK14	CH59_LK9.5x12_G1	115.0	93.8	108.8	100.5	77.7	380.8	93.8	81.6	4
NO4-T1.12-LK.01	NO4-T1.12-LK.01-02	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK14	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.01-03	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK14	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.01-04	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK14	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.01-05	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK14	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.01-06	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK14	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.01-07	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK14	CH59_LK5x12_H1M	112.0	57.1	58.7	60.7	48.9	225.4	57.1	51.0	4
	NO4-T1.12-LK.01-08	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK14_M	CH59_LK5x12_H1	112.0	57.1	58.7	60.7	48.9	225.4	57.1	51.0	4
	NO4-T1.12-LK.01-09	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK14_M	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.01-10	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK14_M	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.01-11	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK14_M	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.01-12	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK14_M	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.01-13	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK14_M	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.01-14	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK20	CH59_LK9.5x12_G1M	115.0	93.8	108.8	100.5	77.7	380.8	93.8	81.6	4
NO4-T1.12-LK.02	NO4-T1.12-LK.02-01	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK20	CH59_LK5x12_H1	112.0	57.1	58.7	60.7	48.9	225.4	57.1	51.0	4
	NO4-T1.12-LK.02-02	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK20	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.02-03	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK20	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.02-04	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK20	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.02-05	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK20	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.02-06	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK20	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.02-07	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK20	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.02-08	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK20	CH59_LK5x12_H1M	112.0	57.1	58.7	60.7	48.9	225.4	57.1	51.0	4
	NO4-T1.12-LK.02-09	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK20	CH59_LK5x12_H1	112.0	57.1	58.7	60.7	48.9	225.4	57.1	51.0	4
	NO4-T1.12-LK.02-10	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK20	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.02-11	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK20	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.02-12	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK20	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.02-13	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK20	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.02-14	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK20	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4

2
PI
HQ
NA
CV

NO4-TI.12-LK.04

NO4-T1.12-LK.08	NO4-T1.12-LK.08-01	Đất nhà ở liền kề	CH59 LK21 M	CH59 LK5x12 H1	112.0	57.1	58.7	60.7	48.9	225.4	57.1	51.0	4
	NO4-T1.12-LK.08-02	Đất nhà ở liền kề	CH59 LK21 M	CH59 LK5x12 AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.08-03	Đất nhà ở liền kề	CH59 LK21 M	CH59 LK5x12 A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.08-04	Đất nhà ở liền kề	CH59 LK21 M	CH59 LK5x12 B	70.0	57.1	60.6	58.7	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.08-05	Đất nhà ở liền kề	CH59 LK21 M	CH59 LK5x12 AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.08-06	Đất nhà ở liền kề	CH59 LK21 M	CH59 LK5x12 A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.08-07	Đất nhà ở liền kề	CH59 LK21 M	CH59 LK5x12 AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.08-08	Đất nhà ở liền kề	CH59 LK21 M	CH59 LK7.5x12 G3M	97.0	79.8	92.4	85.5	64.1	321.8	79.8	82.3	4
	NO4-T1.12-LK.08-09	Đất nhà ở liền kề	CH59 LK23	CH59 LK7.5x8 G5	67.0	49.8	61.9	55.3	38.2	205.2	49.8	74.3	4
	NO4-T1.12-LK.08-10	Đất nhà ở liền kề	CH59 LK23	CH59 LK5x8 A	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.12-LK.08-11	Đất nhà ở liền kề	CH59 LK23	CH59 LK5x8 AM	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.12-LK.08-12	Đất nhà ở liền kề	CH59 LK23	CH59 LK5x8 A	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.12-LK.08-13	Đất nhà ở liền kề	CH59 LK23	CH59 LK5x8 B	50.0	37.1	40.6	38.7	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.12-LK.08-14	Đất nhà ở liền kề	CH59 LK23	CH59 LK5x8 AM	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.12-LK.08-15	Đất nhà ở liền kề	CH59 LK23	CH59 LK5x8 A	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.12-LK.08-16	Đất nhà ở liền kề	CH59 LK23	CH59 LK5x8 H2M	80.0	37.1	38.7	40.7	28.9	145.4	37.1	46.4	4
	NO4-T1.12-LK.09-01	Đất nhà ở liền kề	CH59 LK14	CH59 LK9.5x12 G1	115.0	93.8	108.8	100.5	77.7	380.8	93.8	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.09-02	Đất nhà ở liền kề	CH59 LK14	CH59 LK5x12 A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.09-03	Đất nhà ở liền kề	CH59 LK14	CH59 LK5x12 AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.09-04	Đất nhà ở liền kề	CH59 LK14	CH59 LK5x12 A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.09-05	Đất nhà ở liền kề	CH59 LK14	CH59 LK5x12 AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.09-06	Đất nhà ở liền kề	CH59 LK14	CH59 LK5x12 A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
NO4-T1.12-LK.09	NO4-T1.12-LK.09-07	Đất nhà ở liền kề	CH59 LK14	CH59 LK5x12 H1M	112.0	57.1	58.7	60.7	48.9	225.4	57.1	51.0	4
	NO4-T1.12-LK.09-08	Đất nhà ở liền kề	CH59 LK14 M	CH59 LK5x12 H1	112.0	57.1	58.7	60.7	48.9	225.4	57.1	51.0	4
	NO4-T1.12-LK.09-09	Đất nhà ở liền kề	CH59 LK14 M	CH59 LK5x12 AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.09-10	Đất nhà ở liền kề	CH59 LK14 M	CH59 LK5x12 A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.09-11	Đất nhà ở liền kề	CH59 LK14 M	CH59 LK5x12 AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.09-12	Đất nhà ở liền kề	CH59 LK14 M	CH59 LK5x12 A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.09-13	Đất nhà ở liền kề	CH59 LK14 M	CH59 LK5x12 AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.09-14	Đất nhà ở liền kề	CH59 LK14 M	CH59 LK9.5x12 G1M	115.0	93.8	108.8	100.5	77.7	380.8	93.8	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.10-01	Đất nhà ở liền kề	CH59 LK20	CH59 LK5x12 H1	112.0	57.1	58.7	60.7	48.9	225.4	57.1	51.0	4
	NO4-T1.12-LK.10-02	Đất nhà ở liền kề	CH59 LK20	CH59 LK5x12 AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
NO4-T1.12-LK.10	NO4-T1.12-LK.10-03	Đất nhà ở liền kề	CH59 LK20	CH59 LK5x12 A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.10-04	Đất nhà ở liền kề	CH59 LK20	CH59 LK5x12 AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.10-05	Đất nhà ở liền kề	CH59 LK20	CH59 LK5x12 A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.10-06	Đất nhà ở liền kề	CH59 LK20	CH59 LK5x12 AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.10-07	Đất nhà ở liền kề	CH59 LK20	CH59 LK5x12 A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.10-08	Đất nhà ở liền kề	CH59 LK20	CH59 LK5x12 H1M	112.0	57.1	58.7	60.7	48.9	225.4	57.1	51.0	4
	NO4-T1.12-LK.10-09	Đất nhà ở liền kề	CH59 LK20	CH59 LK5x12 H1	112.0	57.1	58.7	60.7	48.9	225.4	57.1	51.0	4
	NO4-T1.12-LK.10-10	Đất nhà ở liền kề	CH59 LK20	CH59 LK5x12 AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4

NO4-T1.12-LK.11	NO4-T1.12-LK.10-11	Dất nhà ở liền kề	CH59_LK20	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.10-12	Dất nhà ở liền kề	CH59_LK20	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.10-13	Dất nhà ở liền kề	CH59_LK20	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.10-14	Dất nhà ở liền kề	CH59_LK20	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.10-15	Dất nhà ở liền kề	CH59_LK20	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.10-16	Dất nhà ở liền kề	CH59_LK20	CH59_LK5x12_H1M	112.0	57.1	58.7	60.7	48.9	225.4	57.1	51.0	4
	NO4-T1.12-LK.11-01	Dất nhà ở liền kề	CH59_LK20	CH59_LK5x12_H1	112.0	57.1	58.7	60.7	48.9	225.4	57.1	51.0	4
	NO4-T1.12-LK.11-02	Dất nhà ở liền kề	CH59_LK20	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.11-03	Dất nhà ở liền kề	CH59_LK20	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.11-04	Dất nhà ở liền kề	CH59_LK20	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.11-05	Dất nhà ở liền kề	CH59_LK20	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.11-06	Dất nhà ở liền kề	CH59_LK20	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.11-07	Dất nhà ở liền kề	CH59_LK20	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.11-08	Dất nhà ở liền kề	CH59_LK20	CH59_LK5x12_H1M	112.0	57.1	58.7	60.7	48.9	225.4	57.1	51.0	4
	NO4-T1.12-LK.11-09	Dất nhà ở liền kề	CH59_LK20	CH59_LK5x12_H1	112.0	57.1	58.7	60.7	48.9	225.4	57.1	51.0	4
	NO4-T1.12-LK.11-10	Dất nhà ở liền kề	CH59_LK20	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.11-11	Dất nhà ở liền kề	CH59_LK20	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.11-12	Dất nhà ở liền kề	CH59_LK20	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.11-13	Dất nhà ở liền kề	CH59_LK20	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.11-14	Dất nhà ở liền kề	CH59_LK20	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.11-15	Dất nhà ở liền kề	CH59_LK20	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
NO4-T1.12-LK.12	NO4-T1.12-LK.11-16	Dất nhà ở liền kề	CH59_LK20	CH59_LK5x12_H1M	112.0	57.1	58.7	60.7	48.9	225.4	57.1	51.0	4
	NO4-T1.12-LK.12-01	Dất nhà ở liền kề	CH59_LK13	CH59_LK5x12_H1	112.0	57.1	58.7	60.7	48.9	225.4	57.1	51.0	4
	NO4-T1.12-LK.12-02	Dất nhà ở liền kề	CH59_LK13	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.12-03	Dất nhà ở liền kề	CH59_LK13	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.12-04	Dất nhà ở liền kề	CH59_LK13	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.12-05	Dất nhà ở liền kề	CH59_LK13	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.12-06	Dất nhà ở liền kề	CH59_LK13	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.12-07	Dất nhà ở liền kề	CH59_LK13	CH59_LK12.5x12_G2M	157.0	122.3	125.6	129.3	104.9	482.1	122.3	77.9	4
	NO4-T1.12-LK.12-08	Dất nhà ở liền kề	CH59_LK21	CH59_LK7.5x12_G3	97.0	79.8	92.4	85.5	64.1	321.8	79.8	82.3	4
	NO4-T1.12-LK.12-09	Dất nhà ở liền kề	CH59_LK21	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
NO4-T1.13-LK.01-02	NO4-T1.12-LK.12-10	Dất nhà ở liền kề	CH59_LK21	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.12-11	Dất nhà ở liền kề	CH59_LK21	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.12-12	Dất nhà ở liền kề	CH59_LK21	CH59_LK5x12_B	70.0	57.1	60.6	58.7	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.12-13	Dất nhà ở liền kề	CH59_LK21	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.12-14	Dất nhà ở liền kề	CH59_LK21	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.12-LK.12-15	Dất nhà ở liền kề	CH59_LK21	CH59_LK5x12_H1M	112.0	57.1	58.7	60.7	48.9	225.4	57.1	51.0	4
	NO4-T1.13-LK.01-01	Dất nhà ở liền kề	CH53_LK16	CH53_LK9x12_G8	108.0	84.4	88.8	89.2	81.1	343.5	84.4	78.1	4
	NO4-T1.13-LK.01-02	Dất nhà ở liền kề	CH53_LK16	CH53_LK5x12_AM	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
	NO4-T1.13-LK.01-03	Dất nhà ở liền kề	CH53_LK16	CH53_LK5x12_B	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
	NO4-T1.13-LK.01-04	Dất nhà ở liền kề	CH53_LK16	CH53_LK5x12_A	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4

NO4-T1.13-LK.01-04	Đất nhà ở liên kết	CH53_LK16	CH53_LK5x12_BM	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
NO4-T1.13-LK.01-05	Đất nhà ở liên kết	CH53_LK16	CH53_LK5x12_A	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
NO4-T1.13-LK.01-06	Đất nhà ở liên kết	CH53_LK16	CH53_LK5x12_E	70.0	57.6	60.2	60.2	59.1	237.1	57.6	82.3	4
NO4-T1.13-LK.01-07	Đất nhà ở liên kết	CH53_LK16	CH53_LK5x12_AM	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
NO4-T1.13-LK.01-08	Đất nhà ở liên kết	CH53_LK16	CH53_LK5x12_B	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
NO4-T1.13-LK.01-09	Đất nhà ở liên kết	CH53_LK16	CH53_LK5x12_BM	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
NO4-T1.13-LK.01-10	Đất nhà ở liên kết	CH53_LK16	CH53_LK5x12_A	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
NO4-T1.13-LK.01-11	Đất nhà ở liên kết	CH53_LK16	CH53_LK5x12_H3M	70.0	57.7	59.8	59.5	58.8	235.8	57.7	82.4	4
NO4-T1.13-LK.01-12	Đất nhà ở liên kết	CH53_LK15	CH53_LK5x12_H3	70.0	57.7	59.8	59.5	58.8	235.8	57.7	82.4	4
NO4-T1.13-LK.01-13	Đất nhà ở liên kết	CH53_LK15	CH53_LK5x12_AM	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
NO4-T1.13-LK.01-14	Đất nhà ở liên kết	CH53_LK15	CH53_LK5x12_B	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
NO4-T1.13-LK.01-15	Đất nhà ở liên kết	CH53_LK15	CH53_LK5x12_BM	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
NO4-T1.13-LK.01-16	Đất nhà ở liên kết	CH53_LK15	CH53_LK5x12_A	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
NO4-T1.13-LK.01-17	Đất nhà ở liên kết	CH53_LK15	CH53_LK5x12_E	70.0	57.6	60.2	60.2	59.1	237.1	57.6	82.3	4
NO4-T1.13-LK.01-18	Đất nhà ở liên kết	CH53_LK15	CH53_LK5x12_AM	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
NO4-T1.13-LK.01-19	Đất nhà ở liên kết	CH53_LK15	CH53_LK5x12_B	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
NO4-T1.13-LK.01-20	Đất nhà ở liên kết	CH53_LK15	CH53_LK5x12_BM	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
NO4-T1.13-LK.01-21	Đất nhà ở liên kết	CH53_LK15	CH53_LK5x12_A	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
NO4-T1.13-LK.01-22	Đất nhà ở liên kết	CH53_LK15	CH53_LK9x12_G9M	118.0	95.2	100.6	100.5	93.1	389.4	95.2	80.7	4
NO4-T1.13-LK.02-01	Đất nhà ở liên kết	CH53_LK14_M	CH53_LK5x12_H3	70.0	57.7	59.8	59.5	58.8	235.8	57.7	82.4	4
NO4-T1.13-LK.02-02	Đất nhà ở liên kết	CH53_LK14_M	CH53_LK5x12_AM	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
NO4-T1.13-LK.02-03	Đất nhà ở liên kết	CH53_LK14_M	CH53_LK5x12_B	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
NO4-T1.13-LK.02-04	Đất nhà ở liên kết	CH53_LK14_M	CH53_LK5x12_BM	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
NO4-T1.13-LK.02-05	Đất nhà ở liên kết	CH53_LK14_M	CH53_LK5x12_A	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
NO4-T1.13-LK.02-06	Đất nhà ở liên kết	CH53_LK14_M	CH53_LK5x12_AM	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
NO4-T1.13-LK.02-07	Đất nhà ở liên kết	CH53_LK14_M	CH53_LK5x12_B	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
NO4-T1.13-LK.02-08	Đất nhà ở liên kết	CH53_LK14_M	CH53_LK5x12_BM	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
NO4-T1.13-LK.02-09	Đất nhà ở liên kết	CH53_LK14_M	CH53_LK5x12_A	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
NO4-T1.13-LK.02-10	Đất nhà ở liên kết	CH53_LK14_M	CH53_LK9x12_G8M	108.0	84.4	88.8	89.2	81.1	343.5	84.4	78.1	4
NO4-T1.13-LK.02-11	Đất nhà ở liên kết	CH53_LK14	CH53_LK9x12_G8	108.0	84.4	88.8	89.2	81.1	343.5	84.4	78.1	4
NO4-T1.13-LK.02-12	Đất nhà ở liên kết	CH53_LK14	CH53_LK5x12_AM	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
NO4-T1.13-LK.02-13	Đất nhà ở liên kết	CH53_LK14	CH53_LK5x12_B	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
NO4-T1.13-LK.02-14	Đất nhà ở liên kết	CH53_LK14	CH53_LK5x12_BM	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
NO4-T1.13-LK.02-15	Đất nhà ở liên kết	CH53_LK14	CH53_LK5x12_A	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
NO4-T1.13-LK.02-16	Đất nhà ở liên kết	CH53_LK14	CH53_LK5x12_AM	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
NO4-T1.13-LK.02-17	Đất nhà ở liên kết	CH53_LK14	CH53_LK5x12_B	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
NO4-T1.13-LK.02-18	Đất nhà ở liên kết	CH53_LK14	CH53_LK5x12_BM	70.0	57.7	58.5	58.6	55.1	229.9	57.7	82.4	4
NO4-T1.13-LK.02-19	Đất nhà ở liên kết	CH53_LK14	CH53_LK5x12_A	70.0	57.7	59.4	59.5	57.9	234.5	57.7	82.4	4
NO4-T1.13-LK.02-20	Đất nhà ở liên kết	CH53_LK14	CH53_LK5x12_H3M	70.0	57.7	59.8	59.5	58.8	235.8	57.7	82.4	4
NO4-T1.14-LK.01-01	Đất nhà ở liên kết	CH08_LK02	CH08_LK9x12_G8	118.0	90.4	107.6	97.7	72.7	368.4	90.4	76.6	4

NO4-T1.13-LK.01

NO4-T1.13-LK.02

88

NO4-T1.14-LK.01	NO4-T1.14-LK.01-02	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK02	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.14-LK.01-03	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK02	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.14-LK.01-04	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK02	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.14-LK.01-05	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK02	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.14-LK.01-06	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK02	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.14-LK.01-07	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK02	CH08_LK5x12_HBIM	112.0	57.4	62.1	59.3	49.3	228.1	57.4	51.3	4
	NO4-T1.14-LK.01-08	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK03	CH08_LK5x12_HB1	112.0	57.4	62.1	59.3	49.3	228.1	57.4	51.3	4
	NO4-T1.14-LK.01-09	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK03	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.14-LK.01-10	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK03	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.14-LK.01-11	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK03	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.14-LK.01-12	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK03	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.14-LK.01-13	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK03	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
NO4-T1.14-LK.02	NO4-T1.14-LK.01-14	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK03	CH08_LK9x12_G7M	108.0	81.0	97.1	86.3	63.5	327.9	81.0	75.0	4
	NO4-T1.14-LK.02-01	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_H1	112.0	57.4	62.1	59.3	49.1	227.9	57.4	51.3	4
	NO4-T1.14-LK.02-02	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.14-LK.02-03	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.14-LK.02-04	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.14-LK.02-05	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.14-LK.02-06	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.14-LK.02-07	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_HBIM	112.0	57.4	62.1	59.3	49.3	228.1	57.4	51.3	4
	NO4-T1.14-LK.02-08	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_H1	112.0	57.4	62.1	59.3	49.1	227.9	57.4	51.3	4
	NO4-T1.14-LK.02-09	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.14-LK.02-10	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.14-LK.02-11	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
NO4-T1.14-LK.03	NO4-T1.14-LK.02-12	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.14-LK.02-13	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.14-LK.02-14	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_HBIM	112.0	57.4	62.1	59.3	49.3	228.1	57.4	51.3	4
	NO4-T1.14-LK.03-01	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK10_M	CH08_LK5x12_H1	112.0	57.4	62.1	59.3	49.1	227.9	57.4	51.3	4
	NO4-T1.14-LK.03-02	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK10_M	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.14-LK.03-03	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK10_M	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.14-LK.03-04	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK10_M	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.14-LK.03-05	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK10_M	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.14-LK.03-06	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK10_M	CH08_LK9x12_G7M	108.0	81.0	97.1	86.3	63.5	327.9	81.0	75.0	4
	NO4-T1.14-LK.03-07	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK10	CH08_LK9x12_G7	108.0	81.0	97.1	86.3	63.5	327.9	81.0	75.0	4
	NO4-T1.14-LK.03-08	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK10	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.14-LK.03-09	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK10	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
NO4-T1.14-LK.03	NO4-T1.14-LK.03-10	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK10	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.14-LK.03-11	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK10	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.14-LK.03-12	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK10	CH08_LK5x12_H1M	112.0	57.4	62.1	59.3	49.1	227.9	57.4	51.3	4
	NO4-T1.14-LK.04-01	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK02	CH08_LK9x12_G8	118.0	90.4	107.6	97.7	72.7	38.4	90.4	76.6	4

NO4-T1.14-LK.04	NO4-T1.14-LK.04-02	Đất nhà ở liên kế	CH08_LK02	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.14-LK.04-03	Đất nhà ở liên kế	CH08_LK02	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.14-LK.04-04	Đất nhà ở liên kế	CH08_LK02	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.14-LK.04-05	Đất nhà ở liên kế	CH08_LK02	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.14-LK.04-06	Đất nhà ở liên kế	CH08_LK02	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.14-LK.04-07	Đất nhà ở liên kế	CH08_LK02	CH08_LK5x12_HBIM	112.0	57.4	62.1	59.3	49.3	228.1	57.4	51.3	4
	NO4-T1.14-LK.04-08	Đất nhà ở liên kế	CH08_LK02_M	CH08_LK5x12_HB1	112.0	57.4	62.1	59.3	49.3	228.1	57.4	51.3	4
	NO4-T1.14-LK.04-09	Đất nhà ở liên kế	CH08_LK02_M	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.14-LK.04-10	Đất nhà ở liên kế	CH08_LK02_M	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.14-LK.04-11	Đất nhà ở liên kế	CH08_LK02_M	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.14-LK.04-12	Đất nhà ở liên kế	CH08_LK02_M	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.14-LK.04-13	Đất nhà ở liên kế	CH08_LK02_M	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.14-LK.04-14	Đất nhà ở liên kế	CH08_LK02_M	CH08_LK9x12_G8M	118.0	90.4	107.6	97.7	72.7	368.4	90.4	76.6	4
	NO4-T1.14-LK.05-01	Đất nhà ở liên kế	CH08_LK01	CH08_LK5x12_H1	112.0	57.4	62.1	59.3	49.1	227.9	57.4	51.3	4
	NO4-T1.14-LK.05-02	Đất nhà ở liên kế	CH08_LK01	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.14-LK.05-03	Đất nhà ở liên kế	CH08_LK01	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.14-LK.05-04	Đất nhà ở liên kế	CH08_LK01	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.14-LK.05-05	Đất nhà ở liên kế	CH08_LK01	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.14-LK.05-06	Đất nhà ở liên kế	CH08_LK01	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.14-LK.05-07	Đất nhà ở liên kế	CH08_LK01	CH08_LK5x12_HBIM	112.0	57.4	62.1	59.3	49.3	228.1	57.4	51.3	4
	NO4-T1.14-LK.05-08	Đất nhà ở liên kế	CH08_LK01	CH08_LK5x12_H1	112.0	57.4	62.1	59.3	49.1	227.9	57.4	51.3	4
	NO4-T1.14-LK.05-09	Đất nhà ở liên kế	CH08_LK01	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
NO4-T1.14-LK.05	NO4-T1.14-LK.05-10	Đất nhà ở liên kế	CH08_LK01	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.14-LK.05-11	Đất nhà ở liên kế	CH08_LK01	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.14-LK.05-12	Đất nhà ở liên kế	CH08_LK01	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.14-LK.05-13	Đất nhà ở liên kế	CH08_LK01	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.14-LK.05-14	Đất nhà ở liên kế	CH08_LK01	CH08_LK5x12_HBIM	112.0	57.4	62.1	59.3	49.3	228.1	57.4	51.3	4
	NO4-T1.14-LK.06-01	Đất nhà ở liên kế	CH08_LK10_M	CH08_LK5x12_H1	112.0	57.4	62.1	59.3	49.1	227.9	57.4	51.3	4
	NO4-T1.14-LK.06-02	Đất nhà ở liên kế	CH08_LK10_M	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.14-LK.06-03	Đất nhà ở liên kế	CH08_LK10_M	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.14-LK.06-04	Đất nhà ở liên kế	CH08_LK10_M	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.14-LK.06-05	Đất nhà ở liên kế	CH08_LK10_M	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.14-LK.06-06	Đất nhà ở liên kế	CH08_LK10_M	CH08_LK9x12_G7M	108.0	81.0	97.1	86.3	63.5	327.9	81.0	75.0	4
	NO4-T1.14-LK.06-07	Đất nhà ở liên kế	CH08_LK10	CH08_LK9x12_G7	108.0	81.0	97.1	86.3	63.5	327.9	81.0	75.0	4
	NO4-T1.14-LK.06-08	Đất nhà ở liên kế	CH08_LK10	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.14-LK.06-09	Đất nhà ở liên kế	CH08_LK10	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.14-LK.06-10	Đất nhà ở liên kế	CH08_LK10	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.14-LK.06-11	Đất nhà ở liên kế	CH08_LK10	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.14-LK.06-12	Đất nhà ở liên kế	CH08_LK10	CH08_LK5x12_HIM	112.0	57.4	62.1	59.3	49.1	227.9	57.4	51.3	4
	NO4-T1.15-LK.01-01	Đất nhà ở liên kế	CH08_LK07	CH08_LK8x12_G4	104.0	79.0	95.7	84.5	62.6	321.8	79.0	76.0	4

Handwritten signature or mark.



NO4-T1.15-LK.01	NO4-T1.15-LK.01-02	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK07	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.01-03	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK07	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.01-04	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK07	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.01-05	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK07	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.01-06	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK07	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.01-07	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK07	CH08_LK5x12_HBIM	112.0	57.4	62.1	59.3	49.3	228.1	57.4	51.3	4
	NO4-T1.15-LK.01-08	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK16	CH08_LK5x12_H1	112.0	57.4	62.1	59.3	49.1	227.9	57.4	51.3	4
	NO4-T1.15-LK.01-09	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK16	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.01-10	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK16	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.01-11	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK16	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.01-12	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK16	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.01-13	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK16	CH08_LK13x12_G2M	164.0	126.6	146.5	134.6	107.3	515.0	126.6	77.2	4
	NO4-T1.15-LK.02-01	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_H1	112.0	57.4	62.1	59.3	49.1	227.9	57.4	51.3	4
	NO4-T1.15-LK.02-02	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.02-03	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
NO4-T1.15-LK.02	NO4-T1.15-LK.02-04	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.02-05	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.02-06	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.02-07	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_HBIM	112.0	57.4	62.1	59.3	49.3	228.1	57.4	51.3	4
	NO4-T1.15-LK.02-08	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_H1	112.0	57.4	62.1	59.3	49.1	227.9	57.4	51.3	4
	NO4-T1.15-LK.02-09	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.02-10	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.02-11	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.02-12	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.02-13	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.02-14	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK13_M	CH08_LK5x12_HBIM	112.0	57.4	62.1	59.3	49.3	228.1	57.4	51.3	4
	NO4-T1.15-LK.03-01	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK13_M	CH08_LK5x12_H1	112.0	57.4	62.1	59.3	49.1	227.9	57.4	51.3	4
	NO4-T1.15-LK.03-02	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK13_M	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.03-03	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK13_M	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.03-04	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK13_M	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
NO4-T1.15-LK.03	NO4-T1.15-LK.03-05	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK13_M	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.03-06	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK13_M	CH08_LK10x12_G3M	132.0	101.9	120.0	106.8	83.3	412.0	101.9	77.2	4
	NO4-T1.15-LK.03-07	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK15	CH08_LK10x12_G1	122.0	92.5	109.5	97.6	74.6	374.2	92.5	75.8	4
	NO4-T1.15-LK.03-08	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK15	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.03-09	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK15	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.03-10	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK15	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.03-11	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK15	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.03-12	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK15	CH08_LK5x12_HIM	112.0	57.4	62.1	59.3	49.1	227.9	57.4	51.3	4
	NO4-T1.15-LK.04-01	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK07	CH08_LK8x12_G4	104.0	79.0	95.7	84.5	62.6	321.8	79.0	76.0	4
	NO4-T1.15-LK.04-02	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK07	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4

H

11/1/2020
Đang chờ
Đang chờ

NO4-T1.15-LK.04	NO4-T1.15-LK.04-03	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK07	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.04-04	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK07	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.04-05	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK07	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.04-06	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK07	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.04-07	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK07	CH08_LK5x12_HB1M	112.0	57.4	62.1	59.3	49.3	228.1	57.4	51.3	4
	NO4-T1.15-LK.04-08	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK07_M	CH08_LK5x12_HB1	112.0	57.4	62.1	59.3	49.3	228.1	57.4	51.3	4
	NO4-T1.15-LK.04-09	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK07_M	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.04-10	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK07_M	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.04-11	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK07_M	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.04-12	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK07_M	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.04-13	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK07_M	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.04-14	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK07_M	CH08_LK5x12_G4M	104.0	79.0	95.7	84.5	62.6	321.8	79.0	76.0	4
	NO4-T1.15-LK.05-01	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_H1	112.0	57.4	62.1	59.3	49.1	227.9	57.4	51.3	4
	NO4-T1.15-LK.05-02	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.05-03	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
NO4-T1.15-LK.05	NO4-T1.15-LK.05-04	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.05-05	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.05-06	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.05-07	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_HB1M	112.0	57.4	62.1	59.3	49.3	228.1	57.4	51.3	4
	NO4-T1.15-LK.05-08	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_H1	112.0	57.4	62.1	59.3	49.1	227.9	57.4	51.3	4
	NO4-T1.15-LK.05-09	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.05-10	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.05-11	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.05-12	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.05-13	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.05-14	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_HB1M	112.0	57.4	62.1	59.3	49.3	228.1	57.4	51.3	4
	NO4-T1.15-LK.06-01	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK13_M	CH08_LK5x12_H1	112.0	57.4	62.1	59.3	49.1	227.9	57.4	51.3	4
	NO4-T1.15-LK.06-02	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK13_M	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.06-03	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK13_M	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.06-04	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK13_M	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
NO4-T1.15-LK.06	NO4-T1.15-LK.06-05	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK13_M	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.06-06	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK13_M	CH08_LK10x12_G3M	132.0	101.9	120.0	106.8	83.3	412.0	101.9	77.2	4
	NO4-T1.15-LK.06-07	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK13	CH08_LK10x12_G3	132.0	101.9	120.0	106.8	83.3	412.0	101.9	77.2	4
	NO4-T1.15-LK.06-08	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK13	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.06-09	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK13	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.06-10	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK13	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.06-11	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK13	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.06-12	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK13	CH08_LK5x12_H1M	112.0	57.4	62.1	59.3	49.1	227.9	57.4	51.3	4
	NO4-T1.15-LK.07-01	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK07	CH08_LK8x12_G4	104.0	79.0	95.7	84.5	62.6	321.8	79.0	76.0	4
	NO4-T1.15-LK.07-02	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK07	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4

Handwritten signature or mark.

NO4-T1.15-LK.07	NO4-T1.15-LK.07-03	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK07	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.07-04	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK07	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.07-05	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK07	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.07-06	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK07	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.07-07	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK07	CH08_LK5x12_HB1M	112.0	57.4	62.1	59.3	49.3	228.1	57.4	51.3	4
	NO4-T1.15-LK.07-08	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK09	CH08_LK5x8_HB3	80.0	57.4	42.1	39.3	29.8	148.6	37.4	46.8	4
	NO4-T1.15-LK.07-09	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK09	CH08_LK5x8_A	50.0	37.4	42.0	39.2	30.9	149.5	37.4	74.8	4
	NO4-T1.15-LK.07-10	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK09	CH08_LK5x8_AM	50.0	37.4	42.0	39.2	30.9	149.5	37.4	74.8	4
	NO4-T1.15-LK.07-11	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK09	CH08_LK5x8_A	50.0	37.4	42.0	39.2	30.9	149.5	37.4	74.8	4
	NO4-T1.15-LK.07-12	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK09	CH08_LK5x8_AM	50.0	37.4	42.0	39.2	30.9	149.5	37.4	74.8	4
	NO4-T1.15-LK.07-13	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK09	CH08_LK5x8_A	50.0	37.4	42.0	39.2	30.9	149.5	37.4	74.8	4
	NO4-T1.15-LK.07-14	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK09	CH08_LK8x8_G12M	72.0	49.1	61.6	54.1	38.7	203.5	49.1	68.2	4
	NO4-T1.15-LK.08-01	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_H1	112.0	57.4	62.1	59.3	49.1	227.9	57.4	51.3	4
	NO4-T1.15-LK.08-02	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.08-03	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.08-04	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.08-05	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.08-06	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.08-07	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_HB1M	112.0	57.4	62.1	59.3	49.3	228.1	57.4	51.3	4
	NO4-T1.15-LK.08-08	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK08	CH08_LK5x8_H3	80.0	37.4	42.1	39.3	29.6	148.4	37.4	46.8	4
NO4-T1.15-LK.08	NO4-T1.15-LK.08-09	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK08	CH08_LK5x8_AM	50.0	37.4	42.0	39.2	30.9	149.5	37.4	74.8	4
	NO4-T1.15-LK.08-10	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK08	CH08_LK5x8_A	50.0	37.4	42.0	39.2	30.9	149.5	37.4	74.8	4
	NO4-T1.15-LK.08-11	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK08	CH08_LK5x8_AM	50.0	37.4	42.0	39.2	30.9	149.5	37.4	74.8	4
	NO4-T1.15-LK.08-12	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK08	CH08_LK5x8_A	50.0	37.4	42.0	39.2	30.9	149.5	37.4	74.8	4
	NO4-T1.15-LK.08-13	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK08	CH08_LK5x8_AM	50.0	37.4	42.0	39.2	30.9	149.5	37.4	74.8	4
	NO4-T1.15-LK.08-14	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK08	CH08_LK5x8_HB3M	80.0	37.4	42.1	39.3	29.8	148.6	37.4	46.8	4
	NO4-T1.15-LK.09-01	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK13_M	CH08_LK5x12_H1	112.0	57.4	62.1	59.3	49.1	227.9	57.4	51.3	4
	NO4-T1.15-LK.09-02	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK13_M	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.09-03	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK13_M	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.09-04	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK13_M	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.09-05	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK13_M	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.09-06	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK13_M	CH08_LK10x12_G3M	132.0	101.9	120.0	106.8	83.3	412.0	101.9	77.2	4
NO4-T1.15-LK.09	NO4-T1.15-LK.09-07	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK14	CH08_LK10x8_G11	92.0	64.0	78.7	70.8	51.1	264.6	64.0	69.6	4
	NO4-T1.15-LK.09-08	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK14	CH08_LK5x8_AM	50.0	37.4	42.0	39.2	30.9	149.5	37.4	74.8	4
	NO4-T1.15-LK.09-09	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK14	CH08_LK5x8_A	50.0	37.4	42.0	39.2	30.9	149.5	37.4	74.8	4
	NO4-T1.15-LK.09-10	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK14	CH08_LK5x8_AM	50.0	37.4	42.0	39.2	30.9	149.5	37.4	74.8	4
	NO4-T1.15-LK.09-11	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK14	CH08_LK5x8_A	50.0	37.4	42.0	39.2	30.9	149.5	37.4	74.8	4
	NO4-T1.15-LK.09-12	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK14	CH08_LK5x8_H3M	80.0	37.4	42.1	39.3	29.6	148.4	37.4	46.8	4
	NO4-T1.15-LK.10-01	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK07	CH08_LK8x12_G4	104.0	79.0	95.7	84.5	62.6	321.8	79.0	76.0	4
	NO4-T1.15-LK.10-02	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK07	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4

NO4-T1.15-LK.10	NO4-T1.15-LK.10-03	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK07	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.10-04	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK07	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.10-05	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK07	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.10-06	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK07	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.10-07	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK07	CH08_LK5x12_HB1M	112.0	57.4	62.1	59.3	49.3	228.1	57.4	51.3	4
	NO4-T1.15-LK.10-08	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK09	CH08_LK5x8_HB3	80.0	37.4	42.1	39.3	29.8	148.6	37.4	46.8	4
	NO4-T1.15-LK.10-09	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK09	CH08_LK5x8_A	50.0	37.4	42.0	39.2	30.9	149.5	37.4	74.8	4
	NO4-T1.15-LK.10-10	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK09	CH08_LK5x8_AM	50.0	37.4	42.0	39.2	30.9	149.5	37.4	74.8	4
	NO4-T1.15-LK.10-11	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK09	CH08_LK5x8_A	50.0	37.4	42.0	39.2	30.9	149.5	37.4	74.8	4
	NO4-T1.15-LK.10-12	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK09	CH08_LK5x8_AM	50.0	37.4	42.0	39.2	30.9	149.5	37.4	74.8	4
	NO4-T1.15-LK.10-13	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK09	CH08_LK5x8_A	50.0	37.4	42.0	39.2	30.9	149.5	37.4	74.8	4
	NO4-T1.15-LK.10-14	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK09	CH08_LK8x8_G12M	72.0	49.1	61.6	54.1	38.7	203.5	49.1	68.2	4
	NO4-T1.15-LK.11-01	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_H1	112.0	57.4	62.1	59.3	49.1	227.9	57.4	51.3	4
NO4-T1.15-LK.11	NO4-T1.15-LK.11-02	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.11-03	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.11-04	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.11-05	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.11-06	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.11-07	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_HB1M	112.0	57.4	62.1	59.3	49.3	228.1	57.4	51.3	4
	NO4-T1.15-LK.11-08	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK08	CH08_LK5x8_H3	80.0	37.4	42.1	39.3	29.6	148.4	37.4	46.8	4
	NO4-T1.15-LK.11-09	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK08	CH08_LK5x8_AM	50.0	37.4	42.0	39.2	30.9	149.5	37.4	74.8	4
	NO4-T1.15-LK.11-10	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK08	CH08_LK5x8_A	50.0	37.4	42.0	39.2	30.9	149.5	37.4	74.8	4
	NO4-T1.15-LK.11-11	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK08	CH08_LK5x8_AM	50.0	37.4	42.0	39.2	30.9	149.5	37.4	74.8	4
	NO4-T1.15-LK.11-12	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK08	CH08_LK5x8_A	50.0	37.4	42.0	39.2	30.9	149.5	37.4	74.8	4
	NO4-T1.15-LK.11-13	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK08	CH08_LK5x8_AM	50.0	37.4	42.0	39.2	30.9	149.5	37.4	74.8	4
	NO4-T1.15-LK.11-14	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK08	CH08_LK5x8_HB3M	80.0	37.4	42.1	39.3	29.8	148.6	37.4	46.8	4
	NO4-T1.15-LK.12-01	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK13_M	CH08_LK5x12_H1	112.0	57.4	62.1	59.3	49.1	227.9	57.4	51.3	4
NO4-T1.15-LK.12	NO4-T1.15-LK.12-02	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK13_M	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.12-03	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK13_M	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.12-04	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK13_M	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.12-05	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK13_M	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.12-06	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK13_M	CH08_LK10x12_G3M	132.0	101.9	120.0	106.8	83.3	412.0	101.9	77.2	4
	NO4-T1.15-LK.12-07	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK14	CH08_LK10x8_G11	92.0	64.0	78.7	70.8	51.1	264.6	64.0	69.6	4
	NO4-T1.15-LK.12-08	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK14	CH08_LK5x8_AM	50.0	37.4	42.0	39.2	30.9	149.5	37.4	74.8	4
	NO4-T1.15-LK.12-09	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK14	CH08_LK5x8_A	50.0	37.4	42.0	39.2	30.9	149.5	37.4	74.8	4
	NO4-T1.15-LK.12-10	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK14	CH08_LK5x8_AM	50.0	37.4	42.0	39.2	30.9	149.5	37.4	74.8	4
	NO4-T1.15-LK.12-11	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK14	CH08_LK5x8_A	50.0	37.4	42.0	39.2	30.9	149.5	37.4	74.8	4
	NO4-T1.15-LK.12-12	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK14	CH08_LK5x8_H3M	80.0	37.4	42.1	39.3	29.6	148.4	37.4	46.8	4
	NO4-T1.15-LK.13-01	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK07	CH08_LK8x12_G4	104.0	79.0	95.7	84.5	62.6	321.8	79.0	76.0	4
	NO4-T1.15-LK.13-02	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK07	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4



8

NO4-T1.15-LK.13	NO4-T1.15-LK.13-03	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK07	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.13-04	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK07	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.13-05	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK07	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.13-06	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK07	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.13-07	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK07	CH08_LK5x12_HB1M	112.0	57.4	62.1	59.3	49.3	228.1	57.4	51.3	4
	NO4-T1.15-LK.13-08	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK07_M	CH08_LK5x12_HB1	112.0	57.4	62.1	59.3	49.3	228.1	57.4	51.3	4
	NO4-T1.15-LK.13-09	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK07_M	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.13-10	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK07_M	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.13-11	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK07_M	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.13-12	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK07_M	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.13-13	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK07_M	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.13-14	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK07_M	CH08_LK8x12_G4M	104.0	79.0	95.7	84.5	62.6	321.8	79.0	76.0	4
	NO4-T1.15-LK.14-01	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_H1	112.0	57.4	62.1	59.3	49.1	227.9	57.4	51.3	4
	NO4-T1.15-LK.14-02	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.14-03	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.14-04	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.14-05	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.14-06	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_AM	112.0	57.4	62.1	59.3	49.3	228.1	57.4	51.3	4
	NO4-T1.15-LK.14-07	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_HB1M	112.0	57.4	62.1	59.3	49.1	227.9	57.4	51.3	4
	NO4-T1.15-LK.14-08	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_H1	112.0	57.4	62.1	59.3	49.1	227.9	57.4	51.3	4
	NO4-T1.15-LK.14-09	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.14-10	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.14-11	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.14-12	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.14-13	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.14-14	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_HB1M	112.0	57.4	62.1	59.3	49.3	228.1	57.4	51.3	4
	NO4-T1.15-LK.15-01	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK13_M	CH08_LK5x12_H1	112.0	57.4	62.1	59.3	49.1	227.9	57.4	51.3	4
	NO4-T1.15-LK.15-02	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK13_M	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.15-03	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK13_M	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.15-04	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK13_M	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.15-05	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK13_M	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.15-06	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK13_M	CH08_LK10x12_G3M	132.0	101.9	120.0	106.8	83.3	412.0	101.9	77.2	4
	NO4-T1.15-LK.15-07	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK13	CH08_LK10x12_G3	132.0	101.9	120.0	106.8	83.3	412.0	101.9	77.2	4
	NO4-T1.15-LK.15-08	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK13	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.15-09	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK13	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.15-10	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK13	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.15-11	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK13	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.15-LK.15-12	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK13	CH08_LK5x12_H1M	112.0	57.4	62.1	59.3	49.1	227.9	57.4	51.3	4
	NO4-T1.15-LK.16-01	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK06	CH08_LK5x9_HB2	96.0	42.4	47.1	44.2	34.6	168.3	42.4	44.2	4
	NO4-T1.15-LK.16-02	Đất nhà ở liên kề	CH08_LK06	CH08_LK5x9_A	60.0	42.4	47.0	44.2	35.9	169.5	42.4	70.7	4

Handwritten signature/initials.

NO4-T1.15-LK.16	NO4-T1.15-LK.16-03	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK06	CH08_LK5x9 AM	60.0	42.4	47.0	44.2	35.9	169.5	42.4	70.7	4
	NO4-T1.15-LK.16-04	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK06	CH08_LK5x9 A	60.0	42.4	47.0	44.2	35.9	169.5	42.4	70.7	4
	NO4-T1.15-LK.16-05	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK06	CH08_LK5x9 AM	60.0	42.4	47.0	44.2	35.9	169.5	42.4	70.7	4
	NO4-T1.15-LK.16-06	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK06	CH08_LK5x9 A	60.0	42.4	47.0	44.2	35.9	169.5	42.4	70.7	4
	NO4-T1.15-LK.16-07	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK06	CH08_LK5x9 G6M	88.0	56.5	70.4	61.9	41.9	230.7	56.5	64.2	4
	NO4-T1.15-LK.17-01	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK04	CH08_LK5x9 H2	96.0	42.4	47.1	44.3	34.4	168.2	42.4	44.2	4
	NO4-T1.15-LK.17-02	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK04	CH08_LK5x9 AM	60.0	42.4	47.0	44.2	35.9	169.5	42.4	70.7	4
NO4-T1.15-LK.17	NO4-T1.15-LK.17-03	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK04	CH08_LK5x9 A	60.0	42.4	47.0	44.2	35.9	169.5	42.4	70.7	4
	NO4-T1.15-LK.17-04	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK04	CH08_LK5x9 AM	60.0	42.4	47.0	44.2	35.9	169.5	42.4	70.7	4
	NO4-T1.15-LK.17-05	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK04	CH08_LK5x9 A	60.0	42.4	47.0	44.2	35.9	169.5	42.4	70.7	4
	NO4-T1.15-LK.17-06	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK04	CH08_LK5x9 AM	60.0	42.4	47.0	44.2	35.9	169.5	42.4	70.7	4
	NO4-T1.15-LK.17-07	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK04	CH08_LK5x9 HB2M	96.0	42.4	47.1	44.2	34.6	168.3	42.4	44.2	4
	NO4-T1.15-LK.18-01	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK12	CH08_LK10x9 G5	112.0	73.5	88.8	80.5	56.7	299.5	73.5	65.6	4
	NO4-T1.15-LK.18-02	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK12	CH08_LK5x9 AM	60.0	42.4	47.0	44.2	35.9	169.5	42.4	70.7	4
NO4-T1.15-LK.18	NO4-T1.15-LK.18-03	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK12	CH08_LK5x9 A	60.0	42.4	47.0	44.2	35.9	169.5	42.4	70.7	4
	NO4-T1.15-LK.18-04	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK12	CH08_LK5x9 AM	60.0	42.4	47.0	44.2	35.9	169.5	42.4	70.7	4
	NO4-T1.15-LK.18-05	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK12	CH08_LK5x9 A	60.0	42.4	47.0	44.2	35.9	169.5	42.4	70.7	4
	NO4-T1.15-LK.18-06	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK12	CH08_LK5x9 H2M	96.0	42.4	47.1	44.3	34.4	168.2	42.4	44.2	4
	NO4-T1.16-LK.01-01	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK02	CH08_LK9x12 G8	118.0	90.4	107.6	97.7	72.7	368.4	90.4	76.6	4
	NO4-T1.16-LK.01-02	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK02	CH08_LK5x12 AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.16-LK.01-03	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK02	CH08_LK5x12 A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
NO4-T1.16-LK.01	NO4-T1.16-LK.01-04	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK02	CH08_LK5x12 AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.16-LK.01-05	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK02	CH08_LK5x12 A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.16-LK.01-06	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK02	CH08_LK5x12 AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.16-LK.01-07	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK02	CH08_LK5x12 HB1M	112.0	57.4	62.1	59.3	49.3	228.1	57.4	51.3	4
	NO4-T1.16-LK.01-08	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK02 M	CH08_LK5x12 HB1	112.0	57.4	62.1	59.3	49.3	228.1	57.4	51.3	4
	NO4-T1.16-LK.01-09	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK02 M	CH08_LK5x12 A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.16-LK.01-10	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK02 M	CH08_LK5x12 AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.16-LK.01-11	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK02 M	CH08_LK5x12 A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.16-LK.01-12	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK02 M	CH08_LK5x12 AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.16-LK.01-13	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK02 M	CH08_LK5x12 A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.16-LK.01-14	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK02 M	CH08_LK9x12 G8M	118.0	90.4	107.6	97.7	72.7	368.4	90.4	76.6	4
	NO4-T1.16-LK.02-01	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12 H1	112.0	57.4	62.1	59.3	49.1	227.9	57.4	51.3	4
	NO4-T1.16-LK.02-02	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12 AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.16-LK.02-03	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12 A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
NO4-T1.16-LK.02	NO4-T1.16-LK.02-04	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12 AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.16-LK.02-05	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12 A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.16-LK.02-06	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12 AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.16-LK.02-07	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12 HB1M	112.0	57.4	62.1	59.3	49.3	228.1	57.4	51.3	4
	NO4-T1.16-LK.02-08	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12 H1	112.0	57.4	62.1	59.3	49.1	227.9	57.4	51.3	4

A8

100% 30.05.2018

NO4-T1.16-LK.03	NO4-T1.16-LK.02-09	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.16-LK.02-10	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.16-LK.02-11	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.16-LK.02-12	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.16-LK.02-13	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.16-LK.02-14	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK01	CH08_LK5x12_HB1M	112.0	57.4	62.1	59.3	49.3	228.1	57.4	51.3	4
	NO4-T1.16-LK.03-01	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK10_M	CH08_LK5x12_H1	112.0	57.4	62.1	59.3	49.1	227.9	57.4	51.3	4
	NO4-T1.16-LK.03-02	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK10_M	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.16-LK.03-03	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK10_M	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.16-LK.03-04	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK10_M	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.16-LK.03-05	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK10_M	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.16-LK.03-06	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK10_M	CH08_LK9x12_G7M	108.0	81.0	97.1	86.3	63.5	327.9	81.0	75.0	4
	NO4-T1.16-LK.03-07	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK10	CH08_LK9x12_G7	108.0	81.0	97.1	86.3	63.5	327.9	81.0	75.0	4
	NO4-T1.16-LK.03-08	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK10	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.16-LK.03-09	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK10	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
NO4-T1.16-LK.04	NO4-T1.16-LK.03-10	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK10	CH08_LK5x12_AM	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.16-LK.03-11	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK10	CH08_LK5x12_A	70.0	57.4	62.0	59.2	50.9	229.5	57.4	82.0	4
	NO4-T1.16-LK.03-12	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK10	CH08_LK5x12_H1M	112.0	57.4	62.1	59.3	49.1	227.9	57.4	51.3	4
	NO4-T1.16-LK.04-01	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK05	CH08_LK5x9_HB2	96.0	42.4	47.1	44.2	34.6	168.3	42.4	44.2	4
	NO4-T1.16-LK.04-02	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK05	CH08_LK5x9_A	60.0	42.4	47.0	44.2	35.9	169.5	42.4	70.7	4
	NO4-T1.16-LK.04-03	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK05	CH08_LK5x9_AM	60.0	42.4	47.0	44.2	35.9	169.5	42.4	70.7	4
	NO4-T1.16-LK.04-04	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK05	CH08_LK5x9_A	60.0	42.4	47.0	44.2	35.9	169.5	42.4	70.7	4
	NO4-T1.16-LK.04-05	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK05	CH08_LK5x9_AM	60.0	42.4	47.0	44.2	35.9	169.5	42.4	70.7	4
	NO4-T1.16-LK.04-06	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK05	CH08_LK5x9_A	60.0	42.4	47.0	44.2	35.9	169.5	42.4	70.7	4
	NO4-T1.16-LK.04-07	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK05	CH08_LK9x9_G10M	100.0	65.0	79.8	70.9	50.7	266.4	65.0	65.0	4
	NO4-T1.16-LK.05-01	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK04	CH08_LK5x9_H2	96.0	42.4	47.1	44.3	34.4	168.2	42.4	44.2	4
	NO4-T1.16-LK.05-02	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK04	CH08_LK5x9_AM	60.0	42.4	47.0	44.2	35.9	169.5	42.4	70.7	4
	NO4-T1.16-LK.05-03	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK04	CH08_LK5x9_A	60.0	42.4	47.0	44.2	35.9	169.5	42.4	70.7	4
	NO4-T1.16-LK.05-04	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK04	CH08_LK5x9_AM	60.0	42.4	47.0	44.2	35.9	169.5	42.4	70.7	4
	NO4-T1.16-LK.05-05	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK04	CH08_LK5x9_A	60.0	42.4	47.0	44.2	35.9	169.5	42.4	70.7	4
	NO4-T1.16-LK.05-06	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK04	CH08_LK5x9_AM	60.0	42.4	47.0	44.2	35.9	169.5	42.4	70.7	4
NO4-T1.16-LK.06	NO4-T1.16-LK.05-07	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK04	CH08_LK5x9_HB2M	96.0	42.4	47.1	44.2	34.6	168.3	42.4	44.2	4
	NO4-T1.16-LK.06-01	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK11	CH08_LK9x9_G9	90.0	55.6	69.3	58.9	43.1	226.9	55.6	61.8	4
	NO4-T1.16-LK.06-02	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK11	CH08_LK5x9_AM	60.0	42.4	47.0	44.2	35.9	169.5	42.4	70.7	4
	NO4-T1.16-LK.06-03	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK11	CH08_LK5x9_A	60.0	42.4	47.0	44.2	35.9	169.5	42.4	70.7	4
	NO4-T1.16-LK.06-04	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK11	CH08_LK5x9_AM	60.0	42.4	47.0	44.2	35.9	169.5	42.4	70.7	4
	NO4-T1.16-LK.06-05	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK11	CH08_LK5x9_A	60.0	42.4	47.0	44.2	35.9	169.5	42.4	70.7	4
	NO4-T1.16-LK.06-06	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK11	CH08_LK5x9_A	60.0	42.4	47.0	44.2	35.9	169.5	42.4	70.7	4
	NO4-T1.16-LK.06-06	Đất nhà ở liền kề	CH08_LK11	CH08_LK5x9_H2M	96.0	42.4	47.1	44.3	34.4	168.2	42.4	44.2	4
	NO4-T1.17-LK.01-01	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK26	CH71_LK9.5x12_G1	115.0	92.8	113.0	103.6	94.3	403.7	92.8	80.7	4
	NO4-T1.17-LK.01-02	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK26	CH71_LK5x12_AM	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4

4/2

NO4-T1.17-LK.03-13	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK02	CH71_LK5x12_B	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.17-LK.03-14	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK02	CH71_LK5x12_BM	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.17-LK.03-15	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK02	CH71_LK5x12_A	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.17-LK.03-16	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK02	CH71_LK5x12_H1M	112.0	58.3	63.9	63.2	61.7	247.1	58.3	52.1	4
NO4-T1.17-LK.04-01	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK06_M	CH71_LK5x12_H1	112.0	58.3	63.9	63.2	61.7	247.1	58.3	52.1	4
NO4-T1.17-LK.04-02	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK06_M	CH71_LK5x12_AM	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.17-LK.04-03	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK06_M	CH71_LK5x12_B	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.17-LK.04-04	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK06_M	CH71_LK5x12_BM	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.17-LK.04-05	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK06_M	CH71_LK5x12_B	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.17-LK.04-06	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK06_M	CH71_LK5x12_BM	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.17-LK.04-07	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK06_M	CH71_LK5x12_A	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.17-LK.04-08	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK06_M	CH71_LK7.5x12_G2M	97.0	80.0	96.8	90.2	83.2	350.2	80.0	82.5	4
NO4-T1.17-LK.04-09	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK28	CH71_LK12.5x12_G3	157.0	123.2	146.5	135.8	126.0	531.5	123.2	78.5	4
NO4-T1.17-LK.04-10	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK28	CH71_LK5x12_AM	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.17-LK.04-11	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK28	CH71_LK5x12_B	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.17-LK.04-12	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK28	CH71_LK5x12_C	70.0	58.3	64.9	63.2	62.6	249.5	58.3	83.3	4
NO4-T1.17-LK.04-13	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK28	CH71_LK5x12_BM	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.17-LK.04-14	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK28	CH71_LK5x12_A	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.17-LK.04-15	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK28	CH71_LK5x12_H1M	112.0	58.3	63.9	63.2	61.7	247.1	58.3	52.1	4
NO4-T1.17-LK.05-01	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK26	CH71_LK9.5x12_G1	115.0	92.8	113.0	103.6	94.3	403.7	92.8	80.7	4
NO4-T1.17-LK.05-02	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK26	CH71_LK5x12_AM	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.17-LK.05-03	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK26	CH71_LK5x12_B	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.17-LK.05-04	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK26	CH71_LK5x12_C	70.0	58.3	64.9	63.7	62.6	249.5	58.3	83.3	4
NO4-T1.17-LK.05-05	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK26	CH71_LK5x12_BM	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.17-LK.05-06	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK26	CH71_LK5x12_A	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.17-LK.05-07	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK26	CH71_LK5x12_H1M	112.0	58.3	63.9	63.2	61.7	247.1	58.3	52.1	4
NO4-T1.17-LK.05-08	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK26_M	CH71_LK5x12_H1	112.0	58.3	63.9	63.2	61.7	247.1	58.3	52.1	4
NO4-T1.17-LK.05-09	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK26_M	CH71_LK5x12_AM	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.17-LK.05-10	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK26_M	CH71_LK5x12_B	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.17-LK.05-11	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK26_M	CH71_LK5x12_C	70.0	58.3	64.9	63.7	62.6	249.5	58.3	83.3	4
NO4-T1.17-LK.05-12	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK26_M	CH71_LK5x12_BM	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.17-LK.05-13	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK26_M	CH71_LK5x12_A	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.17-LK.05-14	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK26_M	CH71_LK9.5x12_G1M	115.0	92.8	113.0	103.6	94.3	403.7	92.8	80.7	4
NO4-T1.17-LK.06-01	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK02	CH71_LK5x12_H1	112.0	58.3	63.9	63.2	61.7	247.1	58.3	52.1	4
NO4-T1.17-LK.06-02	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK02	CH71_LK5x12_AM	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.17-LK.06-03	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK02	CH71_LK5x12_B	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.17-LK.06-04	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK02	CH71_LK5x12_BM	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.17-LK.06-05	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK02	CH71_LK5x12_B	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.17-LK.06-06	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK02	CH71_LK5x12_BM	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.17-LK.06-07	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK02	CH71_LK5x12_A	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4

24

NO4-T1.17-LK.09	NO4-T1.17-LK.08-16	Đất nhà ở liên kết	CH71_LK06	CH71_LK5x12_H1M	112.0	58.3	63.9	63.2	61.7	247.1	58.3	52.1	4
	NO4-T1.17-LK.09-01	Đất nhà ở liên kết	CH71_LK26	CH71_LK9.5x12_G1	115.0	92.8	113.0	103.6	94.3	403.7	92.8	80.7	4
	NO4-T1.17-LK.09-02	Đất nhà ở liên kết	CH71_LK26	CH71_LK5x12_AM	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.09-03	Đất nhà ở liên kết	CH71_LK26	CH71_LK5x12_B	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.09-04	Đất nhà ở liên kết	CH71_LK26	CH71_LK5x12_C	70.0	58.3	64.9	63.7	62.6	249.5	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.09-05	Đất nhà ở liên kết	CH71_LK26	CH71_LK5x12_BM	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.09-06	Đất nhà ở liên kết	CH71_LK26	CH71_LK5x12_A	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.09-07	Đất nhà ở liên kết	CH71_LK26	CH71_LK5x12_H1M	112.0	58.3	63.9	63.2	61.7	247.1	58.3	52.1	4
	NO4-T1.17-LK.09-08	Đất nhà ở liên kết	CH71_LK27	CH71_LK5x8_H3	80.0	38.3	43.9	43.2	41.7	167.1	38.3	47.9	4
	NO4-T1.17-LK.09-09	Đất nhà ở liên kết	CH71_LK27	CH71_LK5x8_AM	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.17-LK.09-10	Đất nhà ở liên kết	CH71_LK27	CH71_LK5x8_B	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.17-LK.09-11	Đất nhà ở liên kết	CH71_LK27	CH71_LK5x8_C	50.0	38.3	44.9	43.7	42.6	169.5	38.3	76.6	4
	NO4-T1.17-LK.09-12	Đất nhà ở liên kết	CH71_LK27	CH71_LK5x8_BM	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.17-LK.09-13	Đất nhà ở liên kết	CH71_LK27	CH71_LK5x8_A	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.17-LK.09-14	Đất nhà ở liên kết	CH71_LK27	CH71_LK9.5x8_G6M	77.0	54.8	71.9	61.6	53.2	241.5	54.8	71.2	4
	NO4-T1.17-LK.10-01	Đất nhà ở liên kết	CH71_LK02	CH71_LK5x12_H1	112.0	58.3	63.9	63.2	61.7	247.1	58.3	52.1	4
	NO4-T1.17-LK.10-02	Đất nhà ở liên kết	CH71_LK02	CH71_LK5x12_AM	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.10-03	Đất nhà ở liên kết	CH71_LK02	CH71_LK5x12_B	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.10-04	Đất nhà ở liên kết	CH71_LK02	CH71_LK5x12_BM	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.10-05	Đất nhà ở liên kết	CH71_LK02	CH71_LK5x12_B	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.10-06	Đất nhà ở liên kết	CH71_LK02	CH71_LK5x12_BM	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.10-07	Đất nhà ở liên kết	CH71_LK02	CH71_LK5x12_A	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.10-08	Đất nhà ở liên kết	CH71_LK02	CH71_LK5x12_H1M	112.0	58.3	63.9	63.2	61.7	247.1	58.3	52.1	4
	NO4-T1.17-LK.10-09	Đất nhà ở liên kết	CH71_LK03	CH71_LK5x8_H3	80.0	38.3	43.9	43.2	41.7	167.1	38.3	47.9	4
NO4-T1.17-LK.10	NO4-T1.17-LK.10-10	Đất nhà ở liên kết	CH71_LK03	CH71_LK5x8_AM	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.17-LK.10-11	Đất nhà ở liên kết	CH71_LK03	CH71_LK5x8_B	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.17-LK.10-12	Đất nhà ở liên kết	CH71_LK03	CH71_LK5x8_BM	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.17-LK.10-13	Đất nhà ở liên kết	CH71_LK03	CH71_LK5x8_B	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.17-LK.10-14	Đất nhà ở liên kết	CH71_LK03	CH71_LK5x8_BM	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.17-LK.10-15	Đất nhà ở liên kết	CH71_LK03	CH71_LK5x8_A	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.17-LK.10-16	Đất nhà ở liên kết	CH71_LK03	CH71_LK5x8_H3M	80.0	38.3	43.9	43.2	41.7	167.1	38.3	47.9	4
	NO4-T1.17-LK.11-01	Đất nhà ở liên kết	CH71_LK02	CH71_LK5x12_H1	112.0	58.3	63.9	63.2	61.7	247.1	58.3	52.1	4
	NO4-T1.17-LK.11-02	Đất nhà ở liên kết	CH71_LK02	CH71_LK5x12_AM	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.11-03	Đất nhà ở liên kết	CH71_LK02	CH71_LK5x12_B	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.11-04	Đất nhà ở liên kết	CH71_LK02	CH71_LK5x12_BM	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.11-05	Đất nhà ở liên kết	CH71_LK02	CH71_LK5x12_B	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.11-06	Đất nhà ở liên kết	CH71_LK02	CH71_LK5x12_BM	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.11-07	Đất nhà ở liên kết	CH71_LK02	CH71_LK5x12_A	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.11-08	Đất nhà ở liên kết	CH71_LK02	CH71_LK5x12_H1M	112.0	58.3	63.9	63.2	61.7	247.1	58.3	52.1	4
	NO4-T1.17-LK.11-09	Đất nhà ở liên kết	CH71_LK03	CH71_LK5x8_H3	80.0	38.3	43.9	43.2	41.7	167.1	38.3	47.9	4

NO4-T1.17-LK.11-10	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK03	CH71_LK5x8 AM	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK03	CH71_LK5x8 B	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK03	CH71_LK5x8 BM	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK03	CH71_LK5x8 B	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK03	CH71_LK5x8 BM	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK03	CH71_LK5x8 A	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK03	CH71_LK5x8 H3M	80.0	38.3	43.9	43.2	41.7	167.1	38.3	47.9	4
	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK06 M	CH71_LK5x12 H1	112.0	58.3	63.9	63.2	61.7	247.1	58.3	52.1	4
	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK06 M	CH71_LK5x12 AM	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK06 M	CH71_LK5x12 B	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK06 M	CH71_LK5x12 BM	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK06 M	CH71_LK5x12 B	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK06 M	CH71_LK5x12 BM	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK06 M	CH71_LK5x12 A	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK06 M	CH71_LK7.5x12 G2M	97.0	80.0	96.8	90.2	83.2	350.2	80.0	82.5	4
	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK07	CH71_LK7.5x8 G7	67.0	50.0	64.5	56.8	49.5	220.8	50.0	74.6	4
	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK07	CH71_LK5x8 AM	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK07	CH71_LK5x8 B	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK07	CH71_LK5x8 BM	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK07	CH71_LK5x8 BM	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK07	CH71_LK5x8 A	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
NO4-T1.17-LK.12-13	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK07	CH71_LK5x8 H3M	80.0	38.3	43.9	43.2	41.7	167.1	38.3	47.9	4
	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK26	CH71_LK9.5x12 G1	115.0	92.8	113.0	103.6	94.3	403.7	92.8	80.7	4
	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK26	CH71_LK5x12 AM	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK26	CH71_LK5x12 B	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK26	CH71_LK5x12 C	70.0	58.3	64.9	63.7	62.6	249.5	58.3	83.3	4
	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK26	CH71_LK5x12 BM	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK26	CH71_LK5x12 A	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK26	CH71_LK5x12 H1M	112.0	58.3	63.9	63.2	61.7	247.1	58.3	52.1	4
	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK27	CH71_LK5x8 H3	80.0	38.3	43.9	43.2	41.7	167.1	38.3	47.9	4
	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK27	CH71_LK5x8 AM	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK27	CH71_LK5x8 B	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK27	CH71_LK5x8 C	50.0	38.3	44.9	43.7	42.6	169.5	38.3	76.6	4
	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK27	CH71_LK5x8 BM	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK27	CH71_LK5x8 A	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK27	CH71_LK9.5x8 G6M	77.0	54.8	71.9	61.6	53.2	241.5	54.8	71.2	4
	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK02	CH71_LK5x12 H1	112.0	58.3	63.9	63.2	61.7	247.1	58.3	52.1	4
	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK02	CH71_LK5x12 AM	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK02	CH71_LK5x12 B	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4

NO4-T1.17-LK.14	NO4-T1.17-LK.14-04	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK02	CH71_LK5x12_BM	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.14-05	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK02	CH71_LK5x12_B	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.14-06	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK02	CH71_LK5x12_BM	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.14-07	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK02	CH71_LK5x12_A	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.14-08	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK02	CH71_LK5x12_H1M	112.0	58.3	63.9	63.2	61.7	247.1	58.3	52.1	4
	NO4-T1.17-LK.14-09	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK03	CH71_LK5x8_H3	80.0	38.3	43.9	43.2	41.7	167.1	38.3	47.9	4
	NO4-T1.17-LK.14-10	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK03	CH71_LK5x8_AM	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.17-LK.14-11	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK03	CH71_LK5x8_B	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.17-LK.14-12	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK03	CH71_LK5x8_BM	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.17-LK.14-13	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK03	CH71_LK5x8_BM	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.17-LK.14-14	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK03	CH71_LK5x8_A	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.17-LK.14-15	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK03	CH71_LK5x8_H3M	80.0	38.3	43.9	43.2	41.7	167.1	38.3	47.9	4
	NO4-T1.17-LK.14-16	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK02	CH71_LK5x12_H1	112.0	58.3	63.9	63.2	61.7	247.1	58.3	52.1	4
	NO4-T1.17-LK.15-01	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK02	CH71_LK5x12_AM	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.15-02	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK02	CH71_LK5x12_B	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.15	NO4-T1.17-LK.15-03	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK02	CH71_LK5x12_BM	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3
NO4-T1.17-LK.15-04		Đất nhà ở liền kề	CH71_LK02	CH71_LK5x12_B	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.17-LK.15-05		Đất nhà ở liền kề	CH71_LK02	CH71_LK5x12_BM	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.17-LK.15-06		Đất nhà ở liền kề	CH71_LK02	CH71_LK5x12_A	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.17-LK.15-07		Đất nhà ở liền kề	CH71_LK02	CH71_LK5x12_H1M	112.0	58.3	63.9	63.2	61.7	247.1	58.3	52.1	4
NO4-T1.17-LK.15-08		Đất nhà ở liền kề	CH71_LK03	CH71_LK5x8_H3	80.0	38.3	43.9	43.2	41.7	167.1	38.3	47.9	4
NO4-T1.17-LK.15-09		Đất nhà ở liền kề	CH71_LK03	CH71_LK5x8_AM	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
NO4-T1.17-LK.15-10		Đất nhà ở liền kề	CH71_LK03	CH71_LK5x8_B	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
NO4-T1.17-LK.15-11		Đất nhà ở liền kề	CH71_LK03	CH71_LK5x8_BM	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
NO4-T1.17-LK.15-12		Đất nhà ở liền kề	CH71_LK03	CH71_LK5x8_B	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
NO4-T1.17-LK.15-13		Đất nhà ở liền kề	CH71_LK03	CH71_LK5x8_BM	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
NO4-T1.17-LK.15-14		Đất nhà ở liền kề	CH71_LK03	CH71_LK5x8_A	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
NO4-T1.17-LK.15-15		Đất nhà ở liền kề	CH71_LK03	CH71_LK5x8_H3M	80.0	38.3	43.9	43.2	41.7	167.1	38.3	47.9	4
NO4-T1.17-LK.15-16		Đất nhà ở liền kề	CH71_LK06_M	CH71_LK5x12_H1	112.0	58.3	63.9	63.2	61.7	247.1	58.3	52.1	4
NO4-T1.17-LK.16-01		Đất nhà ở liền kề	CH71_LK06_M	CH71_LK5x12_AM	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.17-LK.16-02		Đất nhà ở liền kề	CH71_LK06_M	CH71_LK5x12_B	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.17-LK.16	NO4-T1.17-LK.16-03	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK06_M	CH71_LK5x12_BM	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.16-04	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK06_M	CH71_LK5x12_B	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.16-05	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK06_M	CH71_LK5x12_BM	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.16-06	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK06_M	CH71_LK5x12_A	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.16-07	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK06_M	CH71_LK7.5x12_G2M	97.0	80.0	96.8	90.2	83.2	350.2	80.0	82.5	4
	NO4-T1.17-LK.16-08	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK07	CH71_LK7.5x8_G7	67.0	50.0	64.5	56.8	49.5	220.8	50.0	74.6	4
	NO4-T1.17-LK.16-09	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK07	CH71_LK5x8_AM	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.17-LK.16-10	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK07	CH71_LK5x8_B	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.17-LK.16-11	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK07	CH71_LK5x8_B	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4

NO4-T1.17-LK.17	NO4-T1.17-LK.16-12	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK07	CH71_LK5x8_BM	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.17-LK.16-13	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK07	CH71_LK5x8_B	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.17-LK.16-14	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK07	CH71_LK5x8_BM	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.17-LK.16-15	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK07	CH71_LK5x8_A	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.17-LK.16-16	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK07	CH71_LK5x8_H3M	80.0	38.3	43.9	43.2	41.7	167.1	38.3	47.9	4
	NO4-T1.17-LK.17-01	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK26	CH71_LK9.5x12_G1	115.0	92.8	113.0	103.6	94.3	403.7	92.8	80.7	4
	NO4-T1.17-LK.17-02	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK26	CH71_LK5x12_AM	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.17-03	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK26	CH71_LK5x12_B	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.17-04	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK26	CH71_LK5x12_C	70.0	58.3	64.9	63.7	62.6	249.5	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.17-05	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK26	CH71_LK5x12_BM	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.17-06	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK26	CH71_LK5x12_A	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.17-07	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK26	CH71_LK5x12_H1M	112.0	58.3	63.9	63.2	61.7	247.1	58.3	52.1	4
	NO4-T1.17-LK.17-08	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK26_M	CH71_LK5x12_H1	112.0	58.3	63.9	63.2	61.7	247.1	58.3	52.1	4
	NO4-T1.17-LK.17-09	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK26_M	CH71_LK5x12_AM	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.17-10	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK26_M	CH71_LK5x12_B	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.17-LK.18	NO4-T1.17-LK.17-11	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK26_M	CH71_LK5x12_C	70.0	58.3	64.9	63.7	62.6	249.5	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.17-12	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK26_M	CH71_LK5x12_BM	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.17-13	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK26_M	CH71_LK5x12_A	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.17-14	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK26_M	CH71_LK9.5x12_G1M	115.0	92.8	113.0	103.6	94.3	403.7	92.8	80.7	4
	NO4-T1.17-LK.18-01	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK02	CH71_LK5x12_H1	112.0	58.3	63.9	63.2	61.7	247.1	58.3	52.1	4
	NO4-T1.17-LK.18-02	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK02	CH71_LK5x12_AM	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.18-03	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK02	CH71_LK5x12_B	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.18-04	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK02	CH71_LK5x12_BM	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.18-05	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK02	CH71_LK5x12_B	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.18-06	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK02	CH71_LK5x12_BM	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.18-07	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK02	CH71_LK5x12_A	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.18-08	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK02	CH71_LK5x12_H1M	112.0	58.3	63.9	63.2	61.7	247.1	58.3	52.1	4
	NO4-T1.17-LK.18-09	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK02	CH71_LK5x12_H1	112.0	58.3	63.9	63.2	61.7	247.1	58.3	52.1	4
	NO4-T1.17-LK.18-10	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK02	CH71_LK5x12_AM	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.18-11	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK02	CH71_LK5x12_B	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.18-12	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK02	CH71_LK5x12_BM	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.17-LK.19-05	NO4-T1.17-LK.18-13	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK02	CH71_LK5x12_B	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.18-14	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK02	CH71_LK5x12_BM	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.18-15	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK02	CH71_LK5x12_A	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.18-16	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK02	CH71_LK5x12_H1M	112.0	58.3	63.9	63.2	61.7	247.1	58.3	52.1	4
	NO4-T1.17-LK.19-01	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK02	CH71_LK5x12_H1	112.0	58.3	63.9	63.2	61.7	247.1	58.3	52.1	4
	NO4-T1.17-LK.19-02	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK02	CH71_LK5x12_AM	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.19-03	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK02	CH71_LK5x12_B	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.19-04	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK02	CH71_LK5x12_BM	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.19-05	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK02	CH71_LK5x12_B	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4





NO4-T1.17-LK.19	NO4-T1.17-LK.19-06	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK02	CH71_LK5x12_BM	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.19-07	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK02	CH71_LK5x12_A	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.19-08	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK02	CH71_LK5x12_H1M	112.0	58.3	63.9	63.2	61.7	247.1	58.3	52.1	4
	NO4-T1.17-LK.19-09	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK02	CH71_LK5x12_H1	112.0	58.3	63.9	63.2	61.7	247.1	58.3	52.1	4
	NO4-T1.17-LK.19-10	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK02	CH71_LK5x12_AM	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.19-11	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK02	CH71_LK5x12_B	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.19-12	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK02	CH71_LK5x12_BM	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.19-13	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK02	CH71_LK5x12_B	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.19-14	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK02	CH71_LK5x12_BM	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.19-15	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK02	CH71_LK5x12_A	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.19-16	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK02	CH71_LK5x12_H1M	112.0	58.3	63.9	63.2	61.7	247.1	58.3	52.1	4
	NO4-T1.17-LK.20-01	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK06_M	CH71_LK5x12_H1	112.0	58.3	63.9	63.2	61.7	247.1	58.3	52.1	4
	NO4-T1.17-LK.20-02	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK06_M	CH71_LK5x12_AM	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.20-03	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK06_M	CH71_LK5x12_B	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.20-04	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK06_M	CH71_LK5x12_BM	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.17-LK.20	NO4-T1.17-LK.20-05	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK06_M	CH71_LK5x12_B	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.20-06	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK06_M	CH71_LK5x12_BM	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.20-07	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK06_M	CH71_LK5x12_A	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.20-08	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK06_M	CH71_LK7.5x12_G2M	97.0	80.0	96.8	90.2	83.2	350.2	80.0	82.5	4
	NO4-T1.17-LK.20-09	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK06	CH71_LK7.5x12_G2	97.0	80.0	96.8	90.2	83.2	350.2	80.0	82.5	4
	NO4-T1.17-LK.20-10	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK06	CH71_LK5x12_AM	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.20-11	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK06	CH71_LK5x12_B	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.20-12	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK06	CH71_LK5x12_BM	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.20-13	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK06	CH71_LK5x12_B	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.20-14	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK06	CH71_LK5x12_BM	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.20-15	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK06	CH71_LK5x12_A	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.17-LK.20-16	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK06	CH71_LK5x12_H1M	112.0	58.3	63.9	63.2	61.7	247.1	58.3	52.1	4
	NO4-T1.17-LK.21-01	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK25	CH71_LK5x9_H2	96.0	43.3	48.9	48.2	46.7	187.1	43.3	45.1	4
	NO4-T1.17-LK.21-02	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK25	CH71_LK5x9_AM	60.0	43.3	48.3	48.3	46.8	186.7	43.3	72.2	4
	NO4-T1.17-LK.21-03	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK25	CH71_LK5x9_B	60.0	43.3	48.4	48.2	46.8	186.7	43.3	72.2	4
NO4-T1.17-LK.21	NO4-T1.17-LK.21-04	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK25	CH71_LK5x9_C	60.0	43.3	49.9	48.7	47.6	189.5	43.3	72.2	4
	NO4-T1.17-LK.21-05	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK25	CH71_LK5x9_BM	60.0	43.3	48.4	48.2	46.8	186.7	43.3	72.2	4
	NO4-T1.17-LK.21-06	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK25	CH71_LK5x9_A	60.0	43.3	48.3	48.3	46.8	186.7	43.3	72.2	4
	NO4-T1.17-LK.21-07	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK25	CH71_LK9.5x9_G4M	96.0	64.6	82.4	71.9	63.2	282.1	64.6	67.3	4
	NO4-T1.17-LK.22-01	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK04	CH71_LK5x9_H2	96.0	43.3	48.9	48.2	46.7	187.1	43.3	45.1	4
	NO4-T1.17-LK.22-02	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK04	CH71_LK5x9_AM	60.0	43.3	48.3	48.3	46.8	186.7	43.3	72.2	4
	NO4-T1.17-LK.22-03	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK04	CH71_LK5x9_B	60.0	43.3	48.4	48.2	46.8	186.7	43.3	72.2	4
NO4-T1.17-LK.22	NO4-T1.17-LK.22-04	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK04	CH71_LK5x9_BM	60.0	43.3	48.4	48.2	46.8	186.7	43.3	72.2	4
	NO4-T1.17-LK.22-05	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK04	CH71_LK5x9_B	60.0	43.3	48.4	48.2	46.8	186.7	43.3	72.2	4
	NO4-T1.17-LK.22-06	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK04	CH71_LK5x9_BM	60.0	43.3	48.4	48.2	46.8	186.7	43.3	72.2	4

Handwritten signature/initials.

Handwritten text: 12/12/2020

NO4-T1.17-LK.23	NO4-T1.17-LK.22-07	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK04	CH171_LK5x9 A	60.0	43.3	48.3	48.3	46.8	186.7	43.3	72.2	4
	NO4-T1.17-LK.22-08	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK04	CH71_LK5x9 H2M	96.0	43.3	48.9	48.2	46.7	187.1	43.3	45.1	4
	NO4-T1.17-LK.23-01	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK04	CH71_LK5x9 H2	96.0	43.3	48.9	48.2	46.7	187.1	43.3	45.1	4
	NO4-T1.17-LK.23-02	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK04	CH71_LK5x9 AM	60.0	43.3	48.3	48.3	46.8	186.7	43.3	72.2	4
	NO4-T1.17-LK.23-03	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK04	CH71_LK5x9 B	60.0	43.3	48.4	48.2	46.8	186.7	43.3	72.2	4
	NO4-T1.17-LK.23-04	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK04	CH71_LK5x9 BM	60.0	43.3	48.4	48.2	46.8	186.7	43.3	72.2	4
	NO4-T1.17-LK.23-05	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK04	CH71_LK5x9 B	60.0	43.3	48.4	48.2	46.8	186.7	43.3	72.2	4
	NO4-T1.17-LK.23-06	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK04	CH71_LK5x9 BM	60.0	43.3	48.4	48.2	46.8	186.7	43.3	72.2	4
	NO4-T1.17-LK.23-07	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK04	CH71_LK5x9 A	60.0	43.3	48.3	48.3	46.8	186.7	43.3	72.2	4
	NO4-T1.17-LK.23-08	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK04	CH71_LK5x9 H2M	96.0	43.3	48.9	48.2	46.7	187.1	43.3	45.1	4
	NO4-T1.17-LK.24-01	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK05	CH71_LK7.5x9 G5	82.0	57.5	72.9	65.2	58.6	254.2	57.5	70.1	4
	NO4-T1.17-LK.24-02	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK05	CH71_LK5x9 AM	60.0	43.3	48.3	48.3	46.8	186.7	43.3	72.2	4
	NO4-T1.17-LK.24-03	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK05	CH71_LK5x9 B	60.0	43.3	48.4	48.2	46.8	186.7	43.3	72.2	4
	NO4-T1.17-LK.24-04	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK05	CH71_LK5x9 BM	60.0	43.3	48.4	48.2	46.8	186.7	43.3	72.2	4
	NO4-T1.17-LK.24-05	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK05	CH71_LK5x9 B	60.0	43.3	48.4	48.2	46.8	186.7	43.3	72.2	4
	NO4-T1.17-LK.24-06	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK05	CH71_LK5x9 BM	60.0	43.3	48.4	48.2	46.8	186.7	43.3	72.2	4
	NO4-T1.17-LK.24-07	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK05	CH71_LK5x9 A	60.0	43.3	48.3	48.3	46.8	186.7	43.3	72.2	4
	NO4-T1.17-LK.24-08	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK05	CH71_LK5x9 H2M	96.0	43.3	48.9	48.2	46.7	187.1	43.3	45.1	4
NO4-T1.18-LK.01	NO4-T1.18-LK.01-01	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK26	CH75_LK8.5x12 G3	111.0	89.7	85.4	82.5	81.3	338.9	89.7	80.8	4
	NO4-T1.18-LK.01-02	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK26	CH75_LK5x12 AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.18-LK.01-03	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK26	CH75_LK5x12 B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.18-LK.01-04	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK26	CH75_LK5x12 AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.18-LK.01-05	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK26	CH75_LK5x12 B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.18-LK.01-06	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK26	CH75_LK5x12 AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.18-LK.01-07	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK26	CH75_LK5x12 B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.18-LK.01-08	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK26	CH75_LK5x12 AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.18-LK.01-09	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK26	CH75_LK5x12 B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.18-LK.01-10	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK26	CH75_LK5x12 H1M	112.0	58.3	58.9	55.5	55.5	228.2	58.3	52.1	4
	NO4-T1.18-LK.01-11	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK29	CH75_LK5x12 HB1	112.0	57.9	55.8	56.0	57.1	226.8	57.9	51.7	4
	NO4-T1.18-LK.01-12	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK29	CH75_LK5x12 AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
NO4-T1.18-LK.02	NO4-T1.18-LK.01-13	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK29	CH75_LK5x12 B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.18-LK.01-14	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK29	CH75_LK5x12 AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.18-LK.01-15	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK29	CH75_LK5x12 B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.18-LK.01-16	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK29	CH75_LK5x12 AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.18-LK.01-17	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK29	CH75_LK5x12 B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.18-LK.01-18	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK29	CH75_LK5x12 AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.18-LK.01-19	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK29	CH75_LK5x12 B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.18-LK.01-20	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK29	CH75_LK8.5x12 G2M	101.0	78.4	79.2	76.4	73.6	307.6	78.4	77.6	4
	NO4-T1.18-LK.02-01	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK08	CH75_LK5x12 HB1	112.0	57.9	55.8	56.0	57.1	226.8	57.9	51.7	4
	NO4-T1.18-LK.02-02	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK08	CH75_LK5x12 AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4

४५

NO4-T1.18-LK.04	NO4-T1.18-LK.04-05	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK08	CH75_LK5x12_B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.18-LK.04-06	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK08	CH75_LK5x12_AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.18-LK.04-07	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK08	CH75_LK5x12_B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.18-LK.04-08	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK08	CH75_LK5x12_AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.18-LK.04-09	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK08	CH75_LK9.5x12_G1M	115.0	90.7	87.3	87.3	85.3	350.6	90.7	78.9	4
	NO4-T1.18-LK.04-10	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK09	CH75_LK9.5x12_G1	115.0	90.7	87.3	87.3	85.3	350.6	90.7	78.9	4
	NO4-T1.18-LK.04-11	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK09	CH75_LK5x12_B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.18-LK.04-12	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK09	CH75_LK5x12_AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.18-LK.04-13	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK09	CH75_LK5x12_B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.18-LK.04-14	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK09	CH75_LK5x12_AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.18-LK.04-15	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK09	CH75_LK5x12_B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.18-LK.04-16	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK09	CH75_LK5x12_AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.18-LK.04-17	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK09	CH75_LK5x12_B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.18-LK.04-18	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK09	CH75_LK5x12_H1M	112.0	58.3	58.9	55.5	55.5	228.2	58.3	52.1	4
	NO4-T1.18-LK.05-01	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK26	CH75_LK8.5x12_G3	111.0	89.7	83.4	82.5	81.3	338.9	89.7	80.8	4
	NO4-T1.18-LK.05-02	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK26	CH75_LK5x12_AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.18-LK.05-03	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK26	CH75_LK5x12_B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.18-LK.05-04	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK26	CH75_LK5x12_AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.18-LK.05-05	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK26	CH75_LK5x12_B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.18-LK.05-06	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK26	CH75_LK5x12_AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.18-LK.05-07	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK26	CH75_LK5x12_B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.18-LK.05-08	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK26	CH75_LK5x12_AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
NO4-T1.18-LK.05	NO4-T1.18-LK.05-09	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK26	CH75_LK5x12_B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.18-LK.05-10	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK26	CH75_LK5x12_H1M	112.0	58.3	58.9	55.5	55.5	228.2	58.3	52.1	4
	NO4-T1.18-LK.05-11	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK28	CH75_LK5x8_HB4	80.0	37.9	35.8	36.0	37.1	146.8	37.9	47.4	4
	NO4-T1.18-LK.05-12	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK28	CH75_LK5x8_AM	50.0	38.3	38.9	35.6	35.6	148.4	38.3	76.6	4
	NO4-T1.18-LK.05-13	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK28	CH75_LK5x8_B	50.0	38.0	36.0	35.9	37.0	146.9	38.0	76.0	4
	NO4-T1.18-LK.05-14	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK28	CH75_LK5x8_AM	50.0	38.3	38.9	35.6	35.6	148.4	38.3	76.6	4
	NO4-T1.18-LK.05-15	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK28	CH75_LK5x8_B	50.0	38.0	36.0	35.9	37.0	146.9	38.0	76.0	4
	NO4-T1.18-LK.05-16	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK28	CH75_LK5x8_AM	50.0	38.3	38.9	35.6	35.6	148.4	38.3	76.6	4
	NO4-T1.18-LK.05-17	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK28	CH75_LK5x8_B	50.0	38.0	36.0	35.9	37.0	146.9	38.0	76.0	4
	NO4-T1.18-LK.05-18	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK28	CH75_LK5x8_AM	50.0	38.3	38.9	35.6	35.6	148.4	38.3	76.6	4
	NO4-T1.18-LK.05-19	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK28	CH75_LK5x8_B	50.0	38.0	36.0	35.9	37.0	146.9	38.0	76.0	4
	NO4-T1.18-LK.05-20	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK28	CH75_LK8.5x8_G7M	77.0	57.5	51.4	51.3	50.1	210.3	57.5	74.7	4
	NO4-T1.18-LK.06-01	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK08	CH75_LK5x12_HB1	112.0	57.9	55.8	56.0	57.1	226.8	57.9	51.7	4
	NO4-T1.18-LK.06-02	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK08	CH75_LK5x12_AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.18-LK.06-03	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK08	CH75_LK5x12_B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.18-LK.06-04	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK08	CH75_LK5x12_AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.18-LK.06-05	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK08	CH75_LK5x12_B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.18-LK.06-06	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK08	CH75_LK5x12_AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4

Handwritten signature or mark.

NO4-T1.18-LK.06	NO4-T1.18-LK.06-07	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK08	CH75_LK5x12_B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.18-LK.06-08	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK08	CH75_LK5x12_AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.18-LK.06-09	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK08	CH75_LK9.5x12_G1M	115.0	90.7	87.3	87.3	85.3	350.6	90.7	78.9	4
	NO4-T1.18-LK.06-10	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK10	CH75_LK9.5x8_G8	77.0	54.1	52.9	52.7	50.6	210.3	54.1	70.3	4
	NO4-T1.18-LK.06-11	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK10	CH75_LK5x8_B	50.0	38.0	36.0	35.9	37.0	146.9	38.0	76.0	4
	NO4-T1.18-LK.06-12	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK10	CH75_LK5x8_AM	50.0	38.3	38.9	35.6	35.6	148.4	38.3	76.6	4
	NO4-T1.18-LK.06-13	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK10	CH75_LK5x8_B	50.0	38.0	36.0	35.9	37.0	146.9	38.0	76.0	4
	NO4-T1.18-LK.06-14	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK10	CH75_LK5x8_AM	50.0	38.3	38.9	35.6	35.6	148.4	38.3	76.6	4
	NO4-T1.18-LK.06-15	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK10	CH75_LK5x8_B	50.0	38.0	36.0	35.9	37.0	146.9	38.0	76.0	4
	NO4-T1.18-LK.06-16	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK10	CH75_LK5x8_AM	50.0	38.3	38.9	35.6	35.6	148.4	38.3	76.6	4
	NO4-T1.18-LK.06-17	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK10	CH75_LK5x8_B	50.0	38.0	36.0	35.9	37.0	146.9	38.0	76.0	4
	NO4-T1.18-LK.06-18	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK10	CH75_LK5x8_H4M	80.0	38.3	38.9	35.5	35.5	148.2	38.3	47.9	4
	NO4-T1.18-LK.07-01	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK26	CH75_LK8.5x12_G3	111.0	89.7	85.4	82.5	81.3	338.9	89.7	80.8	4
	NO4-T1.18-LK.07-02	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK26	CH75_LK5x12_AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.18-LK.07-03	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK26	CH75_LK5x12_B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.18-LK.07-04	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK26	CH75_LK5x12_AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.18-LK.07-05	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK26	CH75_LK5x12_B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.18-LK.07-06	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK26	CH75_LK5x12_AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.18-LK.07-07	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK26	CH75_LK5x12_B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.18-LK.07-08	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK26	CH75_LK5x12_AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
NO4-T1.18-LK.07	NO4-T1.18-LK.07-09	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK26	CH75_LK5x12_B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.18-LK.07-10	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK26	CH75_LK5x12_H1M	112.0	88.3	88.9	55.5	55.5	228.2	88.3	52.1	4
	NO4-T1.18-LK.07-11	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK28	CH75_LK5x8_HB4	80.0	37.9	35.8	36.0	37.1	146.8	37.9	47.4	4
	NO4-T1.18-LK.07-12	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK28	CH75_LK5x8_AM	50.0	38.3	38.9	35.6	35.6	148.4	38.3	76.6	4
	NO4-T1.18-LK.07-13	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK28	CH75_LK5x8_B	50.0	38.0	36.0	35.9	37.0	146.9	38.0	76.0	4
	NO4-T1.18-LK.07-14	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK28	CH75_LK5x8_AM	50.0	38.3	38.9	35.6	35.6	148.4	38.3	76.6	4
	NO4-T1.18-LK.07-15	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK28	CH75_LK5x8_B	50.0	38.0	36.0	35.9	37.0	146.9	38.0	76.0	4
	NO4-T1.18-LK.07-16	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK28	CH75_LK5x8_AM	50.0	38.3	38.9	35.6	35.6	148.4	38.3	76.6	4
	NO4-T1.18-LK.07-17	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK28	CH75_LK5x8_B	50.0	38.0	36.0	35.9	37.0	146.9	38.0	76.0	4
	NO4-T1.18-LK.07-18	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK28	CH75_LK5x8_AM	50.0	38.3	38.9	35.6	35.6	148.4	38.3	76.6	4
	NO4-T1.18-LK.07-19	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK28	CH75_LK5x8_B	50.0	38.0	36.0	35.9	37.0	146.9	38.0	76.0	4
	NO4-T1.18-LK.07-20	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK28	CH75_LK8.5x8_G7M	77.0	57.5	51.4	51.3	50.1	210.3	57.5	74.7	4
	NO4-T1.18-LK.08-01	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK08	CH75_LK5x12_HB1	112.0	57.9	55.8	56.0	57.1	226.8	57.9	51.7	4
	NO4-T1.18-LK.08-02	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK08	CH75_LK5x12_AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.18-LK.08-03	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK08	CH75_LK5x12_B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.18-LK.08-04	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK08	CH75_LK5x12_AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.18-LK.08-05	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK08	CH75_LK5x12_B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.18-LK.08-06	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK08	CH75_LK5x12_AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.18-LK.08-07	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK08	CH75_LK5x12_B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.18-LK.08-08	Đất nhà ở liên kế	CH75_LK08	CH75_LK5x12_AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4

10/11/2024 10:04

NO4-T1.18-LK.08	NO4-T1.18-LK.08-09	Đất nhà ở liên kết	CH75 LK08	CH75 LK9.5x12 G1M	115.0	90.7	87.3	87.3	85.3	350.6	90.7	78.9	4
	NO4-T1.18-LK.08-10	Đất nhà ở liên kết	CH75 LK10	CH75 LK9.5x8 G8	77.0	54.1	52.9	52.7	50.6	210.3	54.1	70.3	4
	NO4-T1.18-LK.08-11	Đất nhà ở liên kết	CH75 LK10	CH75 LK5x8 B	50.0	38.0	36.0	35.9	37.0	146.9	38.0	76.0	4
	NO4-T1.18-LK.08-12	Đất nhà ở liên kết	CH75 LK10	CH75 LK5x8 AM	50.0	38.3	38.9	35.6	35.6	148.4	38.3	76.6	4
	NO4-T1.18-LK.08-13	Đất nhà ở liên kết	CH75 LK10	CH75 LK5x8 B	50.0	38.0	36.0	35.9	37.0	146.9	38.0	76.0	4
	NO4-T1.18-LK.08-14	Đất nhà ở liên kết	CH75 LK10	CH75 LK5x8 AM	50.0	38.3	38.9	35.6	35.6	148.4	38.3	76.6	4
	NO4-T1.18-LK.08-15	Đất nhà ở liên kết	CH75 LK10	CH75 LK5x8 B	50.0	38.0	36.0	35.9	37.0	146.9	38.0	76.0	4
	NO4-T1.18-LK.08-16	Đất nhà ở liên kết	CH75 LK10	CH75 LK5x8 AM	50.0	38.3	38.9	35.6	35.6	148.4	38.3	76.6	4
	NO4-T1.18-LK.08-17	Đất nhà ở liên kết	CH75 LK10	CH75 LK5x8 B	50.0	38.0	36.0	35.9	37.0	146.9	38.0	76.0	4
	NO4-T1.18-LK.08-18	Đất nhà ở liên kết	CH75 LK10	CH75 LK5x8 H4M	80.0	38.3	38.9	35.5	35.5	148.2	38.3	47.9	4
	NO4-T1.18-LK.09-01	Đất nhà ở liên kết	CH75 LK26	CH75 LK8.5x12 G3	111.0	89.7	85.4	82.5	81.3	338.9	89.7	80.8	4
	NO4-T1.18-LK.09-02	Đất nhà ở liên kết	CH75 LK26	CH75 LK5x12 AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.18-LK.09-03	Đất nhà ở liên kết	CH75 LK26	CH75 LK5x12 B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.18-LK.09-04	Đất nhà ở liên kết	CH75 LK26	CH75 LK5x12 AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.18-LK.09-05	Đất nhà ở liên kết	CH75 LK26	CH75 LK5x12 B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.18-LK.09-06	Đất nhà ở liên kết	CH75 LK26	CH75 LK5x12 AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.18-LK.09-07	Đất nhà ở liên kết	CH75 LK26	CH75 LK5x12 B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.18-LK.09-08	Đất nhà ở liên kết	CH75 LK26	CH75 LK5x12 AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.18-LK.09-09	Đất nhà ở liên kết	CH75 LK26	CH75 LK5x12 B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.18-LK.09-10	Đất nhà ở liên kết	CH75 LK26	CH75 LK5x12 H1M	112.0	58.3	58.9	55.5	55.5	228.2	58.3	52.1	4
	NO4-T1.18-LK.09-11	Đất nhà ở liên kết	CH75 LK27	CH75 LK5x12 HBI	112.0	57.9	55.8	56.0	57.1	226.8	57.9	51.7	4
NO4-T1.18-LK.09	NO4-T1.18-LK.09-12	Đất nhà ở liên kết	CH75 LK27	CH75 LK5x12 AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.18-LK.09-13	Đất nhà ở liên kết	CH75 LK27	CH75 LK5x12 B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.18-LK.09-14	Đất nhà ở liên kết	CH75 LK27	CH75 LK5x12 AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.18-LK.09-15	Đất nhà ở liên kết	CH75 LK27	CH75 LK5x12 B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.18-LK.09-16	Đất nhà ở liên kết	CH75 LK27	CH75 LK5x12 AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.18-LK.09-17	Đất nhà ở liên kết	CH75 LK27	CH75 LK5x12 B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.18-LK.09-18	Đất nhà ở liên kết	CH75 LK27	CH75 LK5x12 AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.18-LK.09-19	Đất nhà ở liên kết	CH75 LK27	CH75 LK5x12 B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.18-LK.09-20	Đất nhà ở liên kết	CH75 LK27	CH75 LK8.5x12 G3M	111.0	89.7	85.4	82.5	81.3	338.9	89.7	80.8	4
	NO4-T1.18-LK.10-01	Đất nhà ở liên kết	CH75 LK08	CH75 LK5x12 HBI	112.0	57.9	55.8	56.0	57.1	226.8	57.9	51.7	4
	NO4-T1.18-LK.10-02	Đất nhà ở liên kết	CH75 LK08	CH75 LK5x12 AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.18-LK.10-03	Đất nhà ở liên kết	CH75 LK08	CH75 LK5x12 B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.18-LK.10-04	Đất nhà ở liên kết	CH75 LK08	CH75 LK5x12 AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.18-LK.10-05	Đất nhà ở liên kết	CH75 LK08	CH75 LK5x12 B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.18-LK.10-06	Đất nhà ở liên kết	CH75 LK08	CH75 LK5x12 AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.18-LK.10-07	Đất nhà ở liên kết	CH75 LK08	CH75 LK5x12 B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.18-LK.10-08	Đất nhà ở liên kết	CH75 LK08	CH75 LK5x12 AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.18-LK.10-09	Đất nhà ở liên kết	CH75 LK08	CH75 LK9.5x12 G1M	115.0	90.7	87.3	87.3	85.3	350.6	90.7	78.9	4
	NO4-T1.18-LK.10-10	Đất nhà ở liên kết	CH75 LK09	CH75 LK9.5x12 G1	115.0	90.7	87.3	87.3	85.3	350.6	90.7	78.9	4

NO4-T1.18-LK.10

NO4-T1.18-LK.11	NO4-T1.18-LK.10-11	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK09	CH75_LK5x12_B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.18-LK.10-12	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK09	CH75_LK5x12_AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.18-LK.10-13	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK09	CH75_LK5x12_B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.18-LK.10-14	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK09	CH75_LK5x12_AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.18-LK.10-15	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK09	CH75_LK5x12_B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.18-LK.10-16	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK09	CH75_LK5x12_AM	70.0	58.3	58.9	55.6	55.6	228.4	58.3	83.3	4
	NO4-T1.18-LK.10-17	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK09	CH75_LK5x12_B	70.0	58.0	56.0	55.9	57.0	226.9	58.0	82.9	4
	NO4-T1.18-LK.10-18	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK09	CH75_LK5x12_H1M	112.0	58.3	58.9	55.5	55.5	228.2	58.3	82.1	4
	NO4-T1.18-LK.11-01	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK25	CH75_LK5x9_HB2	96.0	42.9	40.8	41.0	42.1	166.8	42.9	44.7	4
	NO4-T1.18-LK.11-02	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK25	CH75_LK5x9_AM	60.0	43.3	43.9	40.6	40.6	168.4	43.3	72.2	4
	NO4-T1.18-LK.11-03	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK25	CH75_LK5x9_B	60.0	43.0	41.0	40.9	42.0	166.9	43.0	71.7	4
	NO4-T1.18-LK.11-04	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK25	CH75_LK5x9_AM	60.0	43.3	43.9	40.6	40.6	168.4	43.3	72.2	4
	NO4-T1.18-LK.11-05	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK25	CH75_LK5x9_B	60.0	43.0	41.0	40.9	42.0	166.9	43.0	71.7	4
	NO4-T1.18-LK.11-06	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK25	CH75_LK5x9_AM	60.0	43.3	43.9	40.6	40.6	168.4	43.3	72.2	4
	NO4-T1.18-LK.11-07	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK25	CH75_LK5x9_B	60.0	43.0	41.0	40.9	42.0	166.9	43.0	71.7	4
NO4-T1.18-LK.12	NO4-T1.18-LK.11-08	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK25	CH75_LK5x9_AM	60.0	43.3	43.9	40.6	40.6	168.4	43.3	72.2	4
	NO4-T1.18-LK.11-09	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK25	CH75_LK5x9_B	60.0	43.0	41.0	40.9	42.0	166.9	43.0	71.7	4
	NO4-T1.18-LK.11-10	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK25	CH75_LK8.5x9_G4M	94.0	65.1	61.3	59.9	58.7	245.0	65.1	69.3	4
	NO4-T1.18-LK.12-01	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK07	CH75_LK9.5x9_G5	96.0	63.6	61.4	61.2	59.1	245.3	63.6	66.3	4
	NO4-T1.18-LK.12-02	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK07	CH75_LK5x9_B	60.0	43.0	41.0	40.9	42.0	166.9	43.0	71.7	4
	NO4-T1.18-LK.12-03	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK07	CH75_LK5x9_AM	60.0	43.3	43.9	40.6	40.6	168.4	43.3	72.2	4
	NO4-T1.18-LK.12-04	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK07	CH75_LK5x9_B	60.0	43.0	41.0	40.9	42.0	166.9	43.0	71.7	4
	NO4-T1.18-LK.12-05	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK07	CH75_LK5x9_AM	60.0	43.3	43.9	40.6	40.6	168.4	43.3	72.2	4
	NO4-T1.18-LK.12-06	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK07	CH75_LK5x9_B	60.0	43.0	41.0	40.9	42.0	166.9	43.0	71.7	4
	NO4-T1.18-LK.12-07	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK07	CH75_LK5x9_AM	60.0	43.3	43.9	40.6	40.6	168.4	43.3	72.2	4
	NO4-T1.18-LK.12-08	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK07	CH75_LK5x9_B	60.0	43.0	41.0	40.9	42.0	166.9	43.0	71.7	4
	NO4-T1.18-LK.12-09	Đất nhà ở liền kề	CH75_LK07	CH75_LK5x9_H2M	96.0	43.3	43.9	40.5	40.5	168.2	43.3	45.1	4
	NO4-T1.19-LK.01-01	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK03	CH29_LK9.5x8_G4	77.5	53.1	61.8	47.9	42.1	204.9	53.1	68.5	4
	NO4-T1.19-LK.01-02	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK03	CH29_LK6x8_AM	60.0	45.9	49.6	49.1	43.3	187.9	45.9	76.5	4
	NO4-T1.19-LK.01-03	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK03	CH29_LK6x8_B	60.0	45.9	52.8	48.0	44.5	191.2	45.9	76.5	4
NO4-T1.19-LK.01	NO4-T1.19-LK.01-04	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK03	CH29_LK6x8_A	60.0	45.9	49.6	49.1	43.3	187.9	45.9	76.5	4
	NO4-T1.19-LK.01-05	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK03	CH29_LK6x8_H2M	90.0	45.9	49.6	49.1	43.3	187.9	45.9	51.0	4
	NO4-T1.19-LK.01-06	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK01	CH29_LK6x12_H4	126.0	69.9	73.6	73.1	67.3	283.9	69.9	55.5	4
	NO4-T1.19-LK.01-07	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK01	CH29_LK6x12_AM	84.0	69.9	73.6	73.1	67.3	283.9	69.9	83.2	4
	NO4-T1.19-LK.01-08	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK01	CH29_LK6x12_B	84.0	69.9	76.8	72.0	68.5	287.2	69.9	83.2	4
	NO4-T1.19-LK.01-09	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK01	CH29_LK6x12_A	84.0	69.9	73.6	73.1	67.3	283.9	69.9	83.2	4
	NO4-T1.19-LK.01-10	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK01	CH29_LK9.5x12_G8M	153.8	121.4	132.1	119.7	111.5	484.7	121.4	78.9	4
	NO4-T1.19-LK.02-01	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK06	CH29_LK6x8_H2	90.0	45.9	49.6	49.1	43.3	187.9	45.9	51.0	4
	NO4-T1.19-LK.02-02	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK06	CH29_LK6x8_AM	60.0	45.9	49.6	49.1	43.3	187.9	45.9	76.5	4
	NO4-T1.19-LK.02-03	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK06	CH29_LK6x8_B	60.0	45.9	52.8	48.0	44.5	191.2	45.9	76.5	4

Handwritten signature or mark.

NO4-T1.19-LK.02	NO4-T1.19-LK.02-04	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK06	CH29_LK6x8 BM	60.0	45.9	52.8	48.0	44.5	191.2	45.9	76.5	4
	NO4-T1.19-LK.02-05	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK06	CH29_LK6x8 A	60.0	45.9	49.6	49.1	43.3	187.9	45.9	76.5	4
	NO4-T1.19-LK.02-06	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK06	CH29_LK6x8 H2M	90.0	45.9	49.6	49.1	43.3	187.9	45.9	51.0	4
	NO4-T1.19-LK.02-07	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK04	CH29_LK6x12 H4	126.0	69.9	73.6	73.1	67.3	283.9	69.9	55.5	4
	NO4-T1.19-LK.02-08	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK04	CH29_LK6x12 AM	84.0	69.9	73.6	73.1	67.3	283.9	69.9	83.2	4
	NO4-T1.19-LK.02-09	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK04	CH29_LK6x12 B	84.0	69.9	76.8	72.0	68.5	287.2	69.9	83.2	4
	NO4-T1.19-LK.02-10	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK04	CH29_LK6x12 BM	84.0	69.9	76.8	72.0	68.5	287.2	69.9	83.2	4
	NO4-T1.19-LK.02-11	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK04	CH29_LK6x12 A	84.0	69.9	73.6	73.1	67.3	283.9	69.9	83.2	4
	NO4-T1.19-LK.02-12	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK04	CH29_LK6x12 H4M	126.0	69.9	73.6	73.1	67.3	283.9	69.9	55.5	4
	NO4-T1.19-LK.03-01	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK02	CH29_LK6x8 H2	90.0	45.9	49.6	49.1	43.3	187.9	45.9	51.0	4
	NO4-T1.19-LK.03-02	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK02	CH29_LK6x8 AM	60.0	45.9	49.6	49.1	43.3	187.9	45.9	76.5	4
	NO4-T1.19-LK.03-03	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK02	CH29_LK6x8 B	60.0	45.9	52.8	48.0	44.5	191.2	45.9	76.5	4
	NO4-T1.19-LK.03-04	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK02	CH29_LK6x8 A	60.0	45.9	49.6	49.1	43.3	187.9	45.9	76.5	4
	NO4-T1.19-LK.03-05	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK02	CH29_LK13x8 G3M	122.3	89.4	99.4	86.3	81.3	356.4	89.4	73.1	4
	NO4-T1.19-LK.03-06	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK05	CH29_LK7x12 G7	94.0	71.7	80.2	71.5	64.7	288.1	71.7	76.3	4
	NO4-T1.19-LK.03-07	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK05	CH29_LK6x12 AM	84.0	69.9	73.6	73.1	67.3	283.9	69.9	83.2	4
NO4-T1.19-LK.03	NO4-T1.19-LK.03-08	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK05	CH29_LK6x12 B	84.0	69.9	76.8	72.0	68.5	287.2	69.9	83.2	4
	NO4-T1.19-LK.03-09	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK05	CH29_LK6x12 BM	84.0	69.9	76.8	72.0	68.5	287.2	69.9	83.2	4
	NO4-T1.19-LK.03-10	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK05	CH29_LK6x12 A	84.0	69.9	73.6	73.1	67.3	283.9	69.9	83.2	4
	NO4-T1.19-LK.03-11	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK05	CH29_LK6x12 H4M	126.0	69.9	73.6	73.1	67.3	283.9	69.9	55.5	4
	NO4-T1.19-LK.04-01	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK11	CH71_LK7.2x8 G11	65.1	43.8	58.1	49.8	42.5	194.2	43.8	67.3	4
	NO4-T1.19-LK.04-02	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK11	CH71_LK5x8 AM	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.19-LK.04-03	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK11	CH71_LK5x8 B	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.19-LK.04-04	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK11	CH71_LK5x8 BM	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.19-LK.04-05	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK11	CH71_LK5x8 A	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.19-LK.04-06	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK11	CH71_LK5x8 H3M	80.0	38.3	43.9	43.2	41.7	167.1	38.3	47.9	4
	NO4-T1.19-LK.04-07	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK10	CH71_LK5x12 H1	112.0	58.3	63.9	63.2	61.7	247.1	58.3	52.1	4
	NO4-T1.19-LK.04-08	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK10	CH71_LK5x12 AM	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.19-LK.04-09	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK10	CH71_LK5x12 B	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.19-LK.04-10	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK10	CH71_LK5x12 BM	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.19-LK.04-11	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK10	CH71_LK5x12 A	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.19-LK.04-12	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK10	CH71_LK7.2x12 G18M	122.7	94.8	112.8	108.8	103.2	419.6	94.8	77.3	4
NO4-T1.19-LK.04	NO4-T1.19-LK.05-01	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK03	CH71_LK5x8 H3	80.0	38.3	43.9	43.2	41.7	167.1	38.3	47.9	4
	NO4-T1.19-LK.05-02	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK03	CH71_LK5x8 AM	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.19-LK.05-03	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK03	CH71_LK5x8 B	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.19-LK.05-04	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK03	CH71_LK5x8 BM	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.19-LK.05-05	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK03	CH71_LK5x8 B	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.19-LK.05-06	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK03	CH71_LK5x8 BM	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.19-LK.05-07	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK03	CH71_LK5x8 A	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.19-LK.05-08	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK03	CH71_LK5x8 H3M	80.0	38.3	43.9	43.2	41.7	167.1	38.3	47.9	4

NO4-T1.19-LK.04

NO4-T1.19-LK.06	NO4-T1.19-LK.05-09	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK02	CH71_LK5x12 HI	112.0	58.3	63.9	63.2	61.7	247.1	58.3	52.1	4
	NO4-T1.19-LK.05-10	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK02	CH71_LK5x12 AM	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.19-LK.05-11	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK02	CH71_LK5x12 B	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.19-LK.05-12	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK02	CH71_LK5x12 BM	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.19-LK.05-13	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK02	CH71_LK5x12 B	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.19-LK.05-14	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK02	CH71_LK5x12 BM	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.19-LK.05-15	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK02	CH71_LK5x12 A	70.0	58.3	63.3	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.19-LK.05-16	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK02	CH71_LK5x12 HIM	112.0	58.3	63.9	63.2	61.7	247.1	58.3	52.1	4
	NO4-T1.19-LK.06-01	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK18	CH71_LK5x8 H3	80.0	38.3	43.9	43.2	41.7	167.1	38.3	47.9	4
	NO4-T1.19-LK.06-02	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK18	CH71_LK5x8 AM	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.19-LK.06-03	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK18	CH71_LK5x8 B	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.19-LK.06-04	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK18	CH71_LK5x8 C	50.0	38.3	44.9	43.7	42.6	169.5	38.3	76.6	4
	NO4-T1.19-LK.06-05	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK18	CH71_LK5x8 BM	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.19-LK.06-06	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK18	CH71_LK5x8 A	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.19-LK.06-07	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK18	CH71_LK8x8 G12M	84.2	63.2	79.1	71.2	64.4	277.9	63.2	75.1	4
NO4-T1.19-LK.06	NO4-T1.19-LK.06-08	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK17	CH71_LK8x12 G19	110.5	86.0	102.8	96.7	89.7	375.2	86.0	77.8	4
	NO4-T1.19-LK.06-09	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK17	CH71_LK5x12 AM	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.19-LK.06-10	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK17	CH71_LK5x12 B	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.19-LK.06-11	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK17	CH71_LK5x12 C	70.0	58.3	64.9	63.7	62.6	249.5	58.3	83.3	4
	NO4-T1.19-LK.06-12	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK17	CH71_LK5x12 BM	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.19-LK.06-13	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK17	CH71_LK5x12 A	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.19-LK.06-14	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK17	CH71_LK5x12 HIM	112.0	58.3	63.9	63.2	61.7	247.1	58.3	52.1	4
	NO4-T1.19-LK.07-01	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK16	CH71_LK9.5x8 G13	87.8	62.4	78.7	70.4	63.4	274.9	62.4	71.1	4
	NO4-T1.19-LK.07-02	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK16	CH71_LK5x8 AM	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.19-LK.07-03	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK16	CH71_LK5x8 B	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.19-LK.07-04	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK16	CH71_LK5x8 C	50.0	38.3	44.9	43.7	42.6	169.5	38.3	76.6	4
	NO4-T1.19-LK.07-05	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK16	CH71_LK5x8 BM	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.19-LK.07-06	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK16	CH71_LK5x8 A	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.19-LK.07-07	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK16	CH71_LK5x8 H3M	80.0	38.3	43.9	43.2	41.7	167.1	38.3	47.9	4
	NO4-T1.19-LK.07-08	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK01	CH71_LK5x12 HI	112.0	58.3	63.9	63.2	61.7	247.1	58.3	52.1	4
NO4-T1.19-LK.07	NO4-T1.19-LK.07-09	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK01	CH71_LK5x12 AM	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.19-LK.07-10	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK01	CH71_LK5x12 B	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.19-LK.07-11	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK01	CH71_LK5x12 BM	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.19-LK.07-12	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK01	CH71_LK5x12 B	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.19-LK.07-13	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK01	CH71_LK5x12 BM	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.19-LK.07-14	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK01	CH71_LK5x12 A	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.19-LK.07-15	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK01	CH71_LK5.8x12 G20M	84.6	64.1	79.6	76.3	71.8	291.8	64.1	75.8	4
	NO4-T1.19-LK.08-01	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK03	CH71_LK5x8 H3	80.0	38.3	43.9	43.2	41.7	167.1	38.3	47.9	4
	NO4-T1.19-LK.08-02	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK03	CH71_LK5x8 AM	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.19-LK.08-03	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK03	CH71_LK5x8 B	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4

NO4-T1.19-LK.08	NO4-T1.19-LK.08-04	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK03	CH71_LK5x8 BM	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.19-LK.08-05	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK03	CH71_LK5x8 B	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.19-LK.08-06	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK03	CH71_LK5x8 BM	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.19-LK.08-07	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK03	CH71_LK5x8 A	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.19-LK.08-08	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK03	CH71_LK5x8_H3M	80.0	38.3	43.9	43.2	41.7	167.1	38.3	47.9	4
	NO4-T1.19-LK.08-09	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK02	CH71_LK5x12 HI	112.0	58.3	63.9	63.2	61.7	247.1	58.3	52.1	4
	NO4-T1.19-LK.08-10	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK02	CH71_LK5x12 AM	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.19-LK.08-11	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK02	CH71_LK5x12 B	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.19-LK.08-12	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK02	CH71_LK5x12 BM	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.19-LK.08-13	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK02	CH71_LK5x12 B	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.19-LK.08-14	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK02	CH71_LK5x12 BM	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.19-LK.08-15	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK02	CH71_LK5x12 A	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.19-LK.08-16	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK02	CH71_LK5x12 HIIM	112.0	58.3	63.9	63.2	61.7	247.1	58.3	52.1	4
	NO4-T1.19-LK.09-01	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK09	CH71_LK5x8 H3	80.0	38.3	43.9	43.2	41.7	167.1	38.3	47.9	4
NO4-T1.19-LK.09	NO4-T1.19-LK.09-02	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK09	CH71_LK5x8 AM	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.19-LK.09-03	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK09	CH71_LK5x8 B	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.19-LK.09-04	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK09	CH71_LK5x8 BM	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.19-LK.09-05	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK09	CH71_LK5x8 A	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.19-LK.09-06	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK09	CH71_LK10x8 G14M	101.0	75.2	92.7	84.8	78.2	330.9	75.2	74.5	4
	NO4-T1.19-LK.09-07	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK08	CH71_LK10x12 G2I	134.1	106.4	125.3	118.6	111.5	461.8	106.4	79.3	4
	NO4-T1.19-LK.09-08	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK08	CH71_LK5x12 AM	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.19-LK.09-09	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK08	CH71_LK5x12 B	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.19-LK.09-10	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK08	CH71_LK5x12 BM	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.19-LK.09-11	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK08	CH71_LK5x12 A	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.19-LK.09-12	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK08	CH71_LK5x12 HIIM	112.0	58.3	63.9	63.2	61.7	247.1	58.3	52.1	4
	NO4-T1.19-LK.10-01	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK16	CH15_LK10.8x8_G4	100.5	66.7	68.7	72.4	68.9	276.7	66.7	66.4	4
	NO4-T1.19-LK.10-02	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK16	CH15_LK5x8 E	50.0	37.5	38.3	38.3	34.0	148.1	37.5	75.0	4
	NO4-T1.19-LK.10-03	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK16	CH15_LK5x8 FM	50.0	37.5	38.3	38.3	34.0	148.1	37.5	75.0	4
NO4-T1.19-LK.10	NO4-T1.19-LK.10-04	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK16	CH15_LK5x8 BM	50.0	37.5	38.3	38.3	34.0	148.1	37.5	75.0	4
	NO4-T1.19-LK.10-05	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK16	CH15_LK5x8 A	50.0	37.5	38.4	41.7	41.7	159.3	37.5	75.0	4
	NO4-T1.19-LK.10-06	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK16	CH15_LK5x8 AM	50.0	37.5	38.4	41.7	41.7	159.3	37.5	75.0	4
	NO4-T1.19-LK.10-07	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK16	CH15_LK5x8 B	50.0	37.5	38.3	38.3	34.0	148.1	37.5	75.0	4
	NO4-T1.19-LK.10-08	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK16	CH15_LK5x8 HB2M	80.0	37.7	38.9	38.9	34.1	149.6	37.7	47.1	4
	NO4-T1.19-LK.10-09	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK01	CH15_LK5x12 H3	112.0	57.7	59.0	59.0	52.4	228.1	57.7	51.5	4
	NO4-T1.19-LK.10-10	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK01	CH15_LK5x12_A	70.0	57.5	58.4	61.7	61.7	239.3	57.5	82.1	4
	NO4-T1.19-LK.10-11	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK01	CH15_LK5x12 AM	70.0	57.5	58.4	61.7	61.7	239.3	57.5	82.1	4
	NO4-T1.19-LK.10-12	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK01	CH15_LK5x12 B	70.0	57.5	58.3	58.3	54.0	228.1	57.5	82.1	4
	NO4-T1.19-LK.10-13	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK01	CH15_LK5x12 BM	70.0	57.5	58.3	58.3	54.0	228.1	57.5	82.1	4
	NO4-T1.19-LK.10-14	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK01	CH15_LK5x12 A	70.0	57.5	58.4	61.7	61.7	239.3	57.5	82.1	4
	NO4-T1.19-LK.10-15	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK01	CH15_LK5x12 AM	70.0	57.5	58.4	61.7	61.7	239.3	57.5	82.1	4



18

NO4-T1.19-LK.10-16	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK01	CH15_LK5x12_D	70.0	57.5	58.3	58.3	54.0	228.1	57.5	82.1	4
NO4-T1.19-LK.10-17	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK01	CH15_LK7x12_G8M	92.6	66.5	68.5	72.2	72.2	279.4	66.5	71.8	4
NO4-T1.19-LK.11-01	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK04	CH15_LK5x8_H2	80.0	37.7	38.9	38.9	34.1	149.6	37.7	47.1	4
NO4-T1.19-LK.11-02	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK04	CH15_LK5x8_A	50.0	37.5	38.4	41.7	41.7	159.3	37.5	75.0	4
NO4-T1.19-LK.11-03	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK04	CH15_LK5x8_AM	50.0	37.5	38.4	41.7	41.7	159.3	37.5	75.0	4
NO4-T1.19-LK.11-04	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK04	CH15_LK5x8_C	50.0	37.5	38.3	38.3	34.0	148.1	37.5	75.0	4
NO4-T1.19-LK.11-05	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK04	CH15_LK5x8_A	50.0	37.5	38.4	41.7	41.7	159.3	37.5	75.0	4
NO4-T1.19-LK.11-06	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK04	CH15_LK5x8_AM	50.0	37.5	38.4	41.7	41.7	159.3	37.5	75.0	4
NO4-T1.19-LK.11-07	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK04	CH15_LK5x8_H2M	80.0	37.7	38.9	38.9	34.1	149.6	37.7	47.1	4
NO4-T1.19-LK.11-08	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK02	CH15_LK5x12_H3	112.0	57.7	59.0	59.0	52.4	228.1	57.7	51.5	4
NO4-T1.19-LK.11-09	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK02	CH15_LK5x12_A	70.0	57.5	58.4	61.7	61.7	239.3	57.5	82.1	4
NO4-T1.19-LK.11-10	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK02	CH15_LK5x12_AM	70.0	57.5	58.4	61.7	61.7	239.3	57.5	82.1	4
NO4-T1.19-LK.11-11	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK02	CH15_LK5x12_C	70.0	57.5	58.3	58.3	54.0	228.1	57.5	82.1	4
NO4-T1.19-LK.11-12	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK02	CH15_LK5x12_A	70.0	57.5	58.4	61.7	61.7	239.3	57.5	82.1	4
NO4-T1.19-LK.11-13	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK02	CH15_LK5x12_AM	70.0	57.5	58.4	61.7	61.7	239.3	57.5	82.1	4
NO4-T1.19-LK.11-14	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK02	CH15_LK5x12_H3M	112.0	57.7	59.0	59.0	52.4	228.1	57.7	51.5	4
NO4-T1.19-LK.12-01	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK03	CH15_LK5x8_HB2	80.0	37.7	38.9	38.9	34.1	149.6	37.7	47.1	4
NO4-T1.19-LK.12-02	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK03	CH15_LK5x8_BM	50.0	37.5	38.3	38.3	34.0	148.1	37.5	75.0	4
NO4-T1.19-LK.12-03	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK03	CH15_LK5x8_A	50.0	37.5	38.4	41.7	41.7	159.3	37.5	75.0	4
NO4-T1.19-LK.12-04	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK03	CH15_LK5x8_AM	50.0	37.5	38.4	41.7	41.7	159.3	37.5	75.0	4
NO4-T1.19-LK.12-05	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK03	CH15_LK5x8_B	50.0	37.5	38.3	38.3	34.0	148.1	37.5	75.0	4
NO4-T1.19-LK.12-06	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK03	CH15_LK5x8_EM	50.0	37.5	38.3	38.3	34.0	148.1	37.5	75.0	4
NO4-T1.19-LK.12-07	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK03	CH15_LK7x8_G5M	77.8	52.6	54.3	57.3	54.2	218.4	52.6	67.6	4
NO4-T1.19-LK.12-08	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK10	CH15_LK12.7x12_G9	161.6	121.5	124.2	139.7	125.6	501.0	121.5	75.2	4
NO4-T1.19-LK.12-09	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK10	CH15_LK5x12_E	70.0	57.5	58.3	58.3	54.0	228.1	57.5	82.1	4
NO4-T1.19-LK.12-10	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK10	CH15_LK5x12_BM	70.0	57.5	58.3	58.3	54.0	228.1	57.5	82.1	4
NO4-T1.19-LK.12-11	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK10	CH15_LK5x12_A	70.0	57.5	58.4	61.7	61.7	239.3	57.5	82.1	4
NO4-T1.19-LK.12-12	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK10	CH15_LK5x12_AM	70.0	57.5	58.4	61.7	61.7	239.3	57.5	82.1	4
NO4-T1.19-LK.12-13	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK10	CH15_LK5x12_H3M	112.0	57.7	59.0	59.0	52.4	228.1	57.7	51.5	4
NO4-T1.20-LK.01-01	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK08	CH29_LK9x8_G2	72.0	52.2	60.0	48.4	46.5	207.1	52.2	72.5	4
NO4-T1.20-LK.01-02	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK08	CH29_LK5x8_AM	50.0	38.2	41.6	41.1	35.9	156.8	38.2	76.4	4
NO4-T1.20-LK.01-03	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK08	CH29_LK5x8_B	50.0	38.2	44.0	40.0	37.1	159.3	38.2	76.4	4
NO4-T1.20-LK.01-04	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK08	CH29_LK5x8_BM	50.0	38.2	44.0	40.0	37.1	159.3	38.2	76.4	4
NO4-T1.20-LK.01-05	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK08	CH29_LK5x8_A	50.0	38.2	41.6	41.1	35.9	156.8	38.2	76.4	4
NO4-T1.20-LK.01-06	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK08	CH29_LK5x8_H1M	80.0	38.2	41.6	41.1	35.9	156.8	38.2	47.8	4
NO4-T1.20-LK.01-07	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK07	CH29_LK5x12_H3	112.0	58.2	61.6	61.1	55.9	236.8	58.2	52.0	4
NO4-T1.20-LK.01-08	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK07	CH29_LK5x12_AM	70.0	58.2	61.6	61.1	55.9	236.8	58.2	83.1	4
NO4-T1.20-LK.01-09	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK07	CH29_LK5x12_B	70.0	58.2	64.0	60.0	57.1	239.3	58.2	83.1	4
NO4-T1.20-LK.01-10	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK07	CH29_LK5x12_BM	70.0	58.2	64.0	60.0	57.1	239.3	58.2	83.1	4
NO4-T1.20-LK.01-11	Đất nhà ở liền kề	CH29_LK07	CH29_LK5x12_A	70.0	58.2	61.6	61.1	55.9	236.8	58.2	83.1	4

NO4-T1.19-LK.11

NO4-T1.19-LK.12

NO4-T1.20-LK.01

NO4-T1.20-LK.02	NO4-T1.20-LK.01-12	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK07	CH29_LK9x12_G5M	108.0	87.1	97.4	85.4	75.4	345.3	87.1	80.6	4
	NO4-T1.20-LK.02-01	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK14	CH29_LK5x8_H1	80.0	38.2	41.6	41.1	35.9	156.8	38.2	47.8	4
	NO4-T1.20-LK.02-02	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK14	CH29_LK5x8_AM	50.0	38.2	41.6	41.1	35.9	156.8	38.2	76.4	4
	NO4-T1.20-LK.02-03	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK14	CH29_LK5x8_B	50.0	38.2	44.0	40.0	37.1	159.3	38.2	76.4	4
	NO4-T1.20-LK.02-04	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK14	CH29_LK5x8_C	50.0	38.2	44.0	40.0	37.1	159.3	38.2	76.4	4
	NO4-T1.20-LK.02-05	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK14	CH29_LK5x8_BM	50.0	38.2	44.0	40.0	37.1	159.3	38.2	76.4	4
	NO4-T1.20-LK.02-06	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK14	CH29_LK5x8_A	50.0	38.2	41.6	41.1	35.9	156.8	38.2	76.4	4
	NO4-T1.20-LK.02-07	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK14	CH29_LK5x8_H1M	80.0	38.2	41.6	41.1	35.9	156.8	38.2	47.8	4
	NO4-T1.20-LK.02-08	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK11	CH29_LK5x12_H3	112.0	58.2	61.6	61.1	55.9	236.8	58.2	52.0	4
	NO4-T1.20-LK.02-09	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK11	CH29_LK5x12_AM	70.0	58.2	61.6	61.1	55.9	236.8	58.2	83.1	4
	NO4-T1.20-LK.02-10	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK11	CH29_LK5x12_B	70.0	58.2	64.0	60.0	57.1	239.3	58.2	83.1	4
	NO4-T1.20-LK.02-11	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK11	CH29_LK5x12_C	70.0	58.2	64.0	60.0	57.1	239.3	58.2	83.1	4
	NO4-T1.20-LK.02-12	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK11	CH29_LK5x12_BM	70.0	58.2	64.0	60.0	57.1	239.3	58.2	83.1	4
	NO4-T1.20-LK.02-13	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK11	CH29_LK5x12_A	70.0	58.2	61.6	61.1	55.9	236.8	58.2	83.1	4
	NO4-T1.20-LK.02-14	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK11	CH29_LK5x12_H3M	112.0	58.2	61.6	61.1	55.9	236.8	58.2	52.0	4
	NO4-T1.20-LK.03-01	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK13	CH29_LK5x8_H1	80.0	38.2	41.6	41.1	35.9	156.8	38.2	47.8	4
	NO4-T1.20-LK.03-02	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK13	CH29_LK5x8_AM	50.0	38.2	41.6	41.1	35.9	156.8	38.2	76.4	4
	NO4-T1.20-LK.03-03	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK13	CH29_LK5x8_B	50.0	38.2	44.0	40.0	37.1	159.3	38.2	76.4	4
	NO4-T1.20-LK.03-04	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK13	CH29_LK5x8_C	50.0	38.2	44.0	40.0	37.1	159.3	38.2	76.4	4
	NO4-T1.20-LK.03-05	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK13	CH29_LK5x8_BM	50.0	38.2	44.0	40.0	37.1	159.3	38.2	76.4	4
	NO4-T1.20-LK.03-06	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK13	CH29_LK5x8_A	50.0	38.2	41.6	41.1	35.9	156.8	38.2	76.4	4
NO4-T1.20-LK.03	NO4-T1.20-LK.03-07	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK13	CH29_LK9x8_G2M	72.0	52.2	60.0	48.4	46.5	207.1	52.2	72.5	4
	NO4-T1.20-LK.03-08	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK12	CH29_LK9x12_G6	118.0	98.1	107.5	96.0	82.7	384.3	98.1	83.1	4
	NO4-T1.20-LK.03-09	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK12	CH29_LK5x12_AM	70.0	58.2	61.6	61.1	55.9	236.8	58.2	83.1	4
	NO4-T1.20-LK.03-10	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK12	CH29_LK5x12_B	70.0	58.2	64.0	60.0	57.1	239.3	58.2	83.1	4
	NO4-T1.20-LK.03-11	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK12	CH29_LK5x12_C	70.0	58.2	64.0	60.0	57.1	239.3	58.2	83.1	4
	NO4-T1.20-LK.03-12	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK12	CH29_LK5x12_BM	70.0	58.2	64.0	60.0	57.1	239.3	58.2	83.1	4
	NO4-T1.20-LK.03-13	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK12	CH29_LK5x12_A	70.0	58.2	61.6	61.1	55.9	236.8	58.2	83.1	4
	NO4-T1.20-LK.03-14	Đất nhà ở liên kế	CH29_LK12	CH29_LK5x12_H3M	112.0	58.2	61.6	61.1	55.9	236.8	58.2	52.0	4
	NO4-T1.20-LK.04-01	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK13	CH71_LK9x8_G10	72.0	50.8	68.0	56.1	46.8	221.7	50.8	70.6	4
	NO4-T1.20-LK.04-02	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK13	CH71_LK5x8_AM	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
NO4-T1.20-LK.04	NO4-T1.20-LK.04-03	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK13	CH71_LK5x8_B	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.20-LK.04-04	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK13	CH71_LK5x8_BM	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.20-LK.04-05	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK13	CH71_LK5x8_A	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.20-LK.04-06	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK13	CH71_LK5x8_H3M	80.0	38.3	43.9	43.2	41.7	167.1	38.3	47.9	4
	NO4-T1.20-LK.04-07	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK12	CH71_LK5x12_H1	112.0	58.3	63.9	63.2	61.7	247.1	58.3	52.1	4
	NO4-T1.20-LK.04-08	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK12	CH71_LK5x12_AM	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.20-LK.04-09	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK12	CH71_LK5x12_B	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.20-LK.04-10	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK12	CH71_LK5x12_BM	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.20-LK.04-11	Đất nhà ở liên kế	CH71_LK12	CH71_LK5x12_A	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4

NO4-T1.20-LK.05	NO4-T1.20-LK.04-12	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK12	CH71_LK9x12_G17M	108.0	86.6	106.3	96.5	87.2	376.6	86.6	80.2	4
	NO4-T1.20-LK.05-01	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK22	CH71_LK5x8_H3	80.0	38.3	43.9	43.2	41.7	167.1	38.3	47.9	4
	NO4-T1.20-LK.05-02	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK22	CH71_LK5x8_AM	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.20-LK.05-03	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK22	CH71_LK5x8_B	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.20-LK.05-04	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK22	CH71_LK5x8_C	50.0	38.3	44.9	43.7	42.6	169.5	38.3	76.6	4
	NO4-T1.20-LK.05-05	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK22	CH71_LK5x8_BM	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.20-LK.05-06	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK22	CH71_LK5x8_A	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.20-LK.05-07	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK22	CH71_LK5x8_H3M	80.0	38.3	43.9	43.2	41.7	167.1	38.3	47.9	4
	NO4-T1.20-LK.05-08	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK19	CH71_LK5x12_HI	112.0	58.3	63.9	63.2	61.7	247.1	58.3	52.1	4
	NO4-T1.20-LK.05-09	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK19	CH71_LK5x12_AM	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.20-LK.05-10	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK19	CH71_LK5x12_B	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.20-LK.05-11	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK19	CH71_LK5x12_C	70.0	58.3	64.9	63.7	62.6	249.5	58.3	83.3	4
	NO4-T1.20-LK.05-12	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK19	CH71_LK5x12_BM	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.20-LK.05-13	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK19	CH71_LK5x12_A	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.20-LK.06	NO4-T1.20-LK.05-14	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK19	CH71_LK5x12_H1M	112.0	58.3	63.9	63.2	61.7	247.1	58.3	52.1	4
	NO4-T1.20-LK.06-01	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK21	CH71_LK5x8_H3	80.0	38.3	43.9	43.2	41.7	167.1	38.3	47.9	4
	NO4-T1.20-LK.06-02	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK21	CH71_LK5x8_AM	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.20-LK.06-03	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK21	CH71_LK5x8_B	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.20-LK.06-04	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK21	CH71_LK5x8_C	50.0	38.3	44.9	43.7	42.6	169.5	38.3	76.6	4
	NO4-T1.20-LK.06-05	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK21	CH71_LK5x8_BM	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.20-LK.06-06	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK21	CH71_LK5x8_A	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.20-LK.06-07	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK21	CH71_LK9x8_G9M	82.0	62.0	77.4	70.0	63.4	272.8	62.0	75.6	4
	NO4-T1.20-LK.06-08	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK20	CH71_LK9x12_G16	118.0	98.0	115.8	109.4	102.2	425.4	98.0	83.1	4
	NO4-T1.20-LK.06-09	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK20	CH71_LK5x12_AM	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.20-LK.06-10	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK20	CH71_LK5x12_B	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.20-LK.06-11	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK20	CH71_LK5x12_C	70.0	58.3	64.9	63.7	62.6	249.5	58.3	83.3	4
	NO4-T1.20-LK.06-12	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK20	CH71_LK5x12_BM	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.20-LK.06-13	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK20	CH71_LK5x12_A	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.20-LK.07	NO4-T1.20-LK.06-14	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK20	CH71_LK5x12_H1M	112.0	58.3	63.9	63.2	61.7	247.1	58.3	52.1	4
	NO4-T1.20-LK.07-01	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK13	CH71_LK9x8_G10	72.0	50.8	68.0	56.1	46.8	221.7	50.8	70.6	4
	NO4-T1.20-LK.07-02	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK13	CH71_LK5x8_AM	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.20-LK.07-03	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK13	CH71_LK5x8_B	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.20-LK.07-04	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK13	CH71_LK5x8_BM	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.20-LK.07-05	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK13	CH71_LK5x8_A	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.20-LK.07-06	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK13	CH71_LK5x8_H3M	80.0	38.3	43.9	43.2	41.7	167.1	38.3	47.9	4
	NO4-T1.20-LK.07-07	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK12	CH71_LK5x12_HI	112.0	58.3	63.9	63.2	61.7	247.1	58.3	52.1	4
	NO4-T1.20-LK.07-08	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK12	CH71_LK5x12_AM	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.20-LK.07-09	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK12	CH71_LK5x12_B	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.20-LK.07-10	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK12	CH71_LK5x12_BM	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.20-LK.07-11	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK12	CH71_LK5x12_A	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4

Handwritten signature/initials.

NO4-T1.20-LK.08	NO4-T1.20-LK.07-12	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK12	CH71_LK9x12_G17M	108.0	86.6	106.3	96.5	87.2	376.6	86.6	80.2	4
	NO4-T1.20-LK.08-01	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK22	CH71_LK5x8_H3	80.0	38.3	43.9	43.2	41.7	167.1	38.3	47.9	4
	NO4-T1.20-LK.08-02	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK22	CH71_LK5x8_AM	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.20-LK.08-03	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK22	CH71_LK5x8_B	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.20-LK.08-04	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK22	CH71_LK5x8_C	50.0	38.3	44.9	43.7	42.6	169.5	38.3	76.6	4
	NO4-T1.20-LK.08-05	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK22	CH71_LK5x8_BM	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.20-LK.08-06	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK22	CH71_LK5x8_A	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.20-LK.08-07	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK22	CH71_LK5x8_H3M	80.0	38.3	43.9	43.2	41.7	167.1	38.3	47.9	4
	NO4-T1.20-LK.08-08	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK19	CH71_LK5x12_H1	112.0	58.3	63.9	63.2	61.7	247.1	58.3	52.1	4
	NO4-T1.20-LK.08-09	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK19	CH71_LK5x12_AM	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
NO4-T1.20-LK.09	NO4-T1.20-LK.08-10	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK19	CH71_LK5x12_B	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.20-LK.08-11	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK19	CH71_LK5x12_C	70.0	58.3	64.9	63.7	62.6	249.5	58.3	83.3	4
	NO4-T1.20-LK.08-12	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK19	CH71_LK5x12_BM	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.20-LK.08-13	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK19	CH71_LK5x12_A	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.20-LK.08-14	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK19	CH71_LK5x12_H1M	112.0	58.3	63.9	63.2	61.7	247.1	58.3	52.1	4
	NO4-T1.20-LK.09-01	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK21	CH71_LK5x8_H3	80.0	38.3	43.9	43.2	41.7	167.1	38.3	47.9	4
	NO4-T1.20-LK.09-02	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK21	CH71_LK5x8_AM	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.20-LK.09-03	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK21	CH71_LK5x8_B	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.20-LK.09-04	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK21	CH71_LK5x8_C	50.0	38.3	44.9	43.7	42.6	169.5	38.3	76.6	4
	NO4-T1.20-LK.09-05	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK21	CH71_LK5x8_BM	50.0	38.3	43.4	43.2	41.8	166.7	38.3	76.6	4
NO4-T1.20-LK.10	NO4-T1.20-LK.09-06	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK21	CH71_LK5x8_A	50.0	38.3	43.3	43.3	41.8	166.7	38.3	76.6	4
	NO4-T1.20-LK.09-07	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK21	CH71_LK9x8_G9M	82.0	62.0	77.4	70.0	63.4	272.8	62.0	75.6	4
	NO4-T1.20-LK.09-08	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK20	CH71_LK9x12_G16	118.0	98.0	115.8	109.4	102.2	425.4	98.0	83.1	4
	NO4-T1.20-LK.09-09	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK20	CH71_LK5x12_AM	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.20-LK.09-10	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK20	CH71_LK5x12_B	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.20-LK.09-11	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK20	CH71_LK5x12_C	70.0	58.3	64.9	63.7	62.6	249.5	58.3	83.3	4
	NO4-T1.20-LK.09-12	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK20	CH71_LK5x12_BM	70.0	58.3	63.4	63.2	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.20-LK.09-13	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK20	CH71_LK5x12_A	70.0	58.3	63.3	63.3	61.8	246.7	58.3	83.3	4
	NO4-T1.20-LK.09-14	Đất nhà ở liền kề	CH71_LK20	CH71_LK5x12_H1M	112.0	58.3	63.9	63.2	61.7	247.1	58.3	52.1	4
	NO4-T1.20-LK.10-01	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK13	CH15_LK9x8_G3	72.0	48.0	47.7	51.2	51.2	198.1	48.0	66.7	4
NO4-T1.20-LK.10	NO4-T1.20-LK.10-02	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK13	CH15_LK5x8_E	50.0	37.5	38.3	38.3	34.0	148.1	37.5	75.0	4
	NO4-T1.20-LK.10-03	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK13	CH15_LK5x8_BM	50.0	37.5	38.3	38.3	34.0	148.1	37.5	75.0	4
	NO4-T1.20-LK.10-04	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK13	CH15_LK5x8_A	50.0	37.5	38.4	41.7	41.7	159.3	37.5	75.0	4
	NO4-T1.20-LK.10-05	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK13	CH15_LK5x8_AM	50.0	37.5	38.4	41.7	41.7	159.3	37.5	75.0	4
	NO4-T1.20-LK.10-06	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK13	CH15_LK5x8_H2M	80.0	37.7	38.9	38.9	34.1	149.6	37.7	47.1	4
	NO4-T1.20-LK.10-07	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK12	CH15_LK5x12_H3	112.0	57.7	59.0	59.0	52.4	228.1	57.7	51.5	4
	NO4-T1.20-LK.10-08	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK12	CH15_LK5x12_A	70.0	57.5	58.4	61.7	61.7	239.3	57.5	82.1	4
	NO4-T1.20-LK.10-09	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK12	CH15_LK5x12_AM	70.0	57.5	58.4	61.7	61.7	239.3	57.5	82.1	4
	NO4-T1.20-LK.10-10	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK12	CH15_LK5x12_B	70.0	57.5	58.3	58.3	54.0	228.1	57.5	82.1	4
	NO4-T1.20-LK.10-11	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK12	CH15_LK5x12_BM	70.0	57.5	58.3	58.3	54.0	228.1	57.5	82.1	4

11/1
XOY
3 TH
QU
RAY
106/1

NO4-T1.20-LK.11	NO4-T1.20-LK.10-12	Đất nhà ở liên kết	CH15_LK12	CH15_LK9x12_G6M	108.0	81.8	84.1	90.1	90.1	346.1	81.8	75.7	4
	NO4-T1.20-LK.11-01	Đất nhà ở liên kết	CH15_LK04	CH15_LK5x8_H2	80.0	37.7	38.9	38.9	34.1	149.6	37.7	47.1	4
	NO4-T1.20-LK.11-02	Đất nhà ở liên kết	CH15_LK04	CH15_LK5x8_A	50.0	37.5	38.4	41.7	41.7	159.3	37.5	75.0	4
	NO4-T1.20-LK.11-03	Đất nhà ở liên kết	CH15_LK04	CH15_LK5x8_AM	50.0	37.5	38.4	41.7	41.7	159.3	37.5	75.0	4
	NO4-T1.20-LK.11-04	Đất nhà ở liên kết	CH15_LK04	CH15_LK5x8_C	50.0	37.5	38.3	38.3	34.0	148.1	37.5	75.0	4
	NO4-T1.20-LK.11-05	Đất nhà ở liên kết	CH15_LK04	CH15_LK5x8_A	50.0	37.5	38.4	41.7	41.7	159.3	37.5	75.0	4
	NO4-T1.20-LK.11-06	Đất nhà ở liên kết	CH15_LK04	CH15_LK5x8_AM	50.0	37.5	38.4	41.7	41.7	159.3	37.5	75.0	4
	NO4-T1.20-LK.11-07	Đất nhà ở liên kết	CH15_LK04	CH15_LK5x8_H2M	80.0	37.7	38.9	38.9	34.1	149.6	37.7	47.1	4
	NO4-T1.20-LK.11-08	Đất nhà ở liên kết	CH15_LK02	CH15_LK5x12_H3	112.0	57.7	59.0	59.0	52.4	228.1	57.7	51.5	4
	NO4-T1.20-LK.11-09	Đất nhà ở liên kết	CH15_LK02	CH15_LK5x12_A	70.0	57.5	58.4	61.7	61.7	239.3	57.5	82.1	4
	NO4-T1.20-LK.11-10	Đất nhà ở liên kết	CH15_LK02	CH15_LK5x12_AM	70.0	57.5	58.4	61.7	61.7	239.3	57.5	82.1	4
	NO4-T1.20-LK.11-11	Đất nhà ở liên kết	CH15_LK02	CH15_LK5x12_C	70.0	57.5	58.3	58.3	54.0	228.1	57.5	82.1	4
	NO4-T1.20-LK.11-12	Đất nhà ở liên kết	CH15_LK02	CH15_LK5x12_A	70.0	57.5	58.4	61.7	61.7	239.3	57.5	82.1	4
	NO4-T1.20-LK.11-13	Đất nhà ở liên kết	CH15_LK02	CH15_LK5x12_AM	70.0	57.5	58.4	61.7	61.7	239.3	57.5	82.1	4
	NO4-T1.20-LK.11-14	Đất nhà ở liên kết	CH15_LK02	CH15_LK5x12_H3M	112.0	57.7	59.0	59.0	52.4	228.1	57.7	51.5	4
NO4-T1.20-LK.12	NO4-T1.20-LK.12-01	Đất nhà ở liên kết	CH15_LK09	CH15_LK5x8_H2	80.0	37.7	38.9	38.9	34.1	149.6	37.7	47.1	4
	NO4-T1.20-LK.12-02	Đất nhà ở liên kết	CH15_LK09	CH15_LK5x8_BM	50.0	37.5	38.3	38.3	34.0	148.1	37.5	75.0	4
	NO4-T1.20-LK.12-03	Đất nhà ở liên kết	CH15_LK09	CH15_LK5x8_A	50.0	37.5	38.4	41.7	41.7	159.3	37.5	75.0	4
	NO4-T1.20-LK.12-04	Đất nhà ở liên kết	CH15_LK09	CH15_LK5x8_AM	50.0	37.5	38.4	41.7	41.7	159.3	37.5	75.0	4
	NO4-T1.20-LK.12-05	Đất nhà ở liên kết	CH15_LK09	CH15_LK5x8_B	50.0	37.5	38.3	38.3	34.0	148.1	37.5	75.0	4
	NO4-T1.20-LK.12-06	Đất nhà ở liên kết	CH15_LK09	CH15_LK5x8_EM	50.0	37.5	38.3	38.3	34.0	148.1	37.5	75.0	4
	NO4-T1.20-LK.12-07	Đất nhà ở liên kết	CH15_LK09	CH15_LK9x8_G2M	82.0	57.3	57.9	61.5	58.7	235.4	57.3	69.9	4
	NO4-T1.20-LK.12-08	Đất nhà ở liên kết	CH15_LK08	CH15_LK9x12_G6	108.0	81.8	84.1	90.1	90.1	346.1	81.8	75.7	4
	NO4-T1.20-LK.12-09	Đất nhà ở liên kết	CH15_LK08	CH15_LK5x12_E	70.0	57.5	58.3	58.3	54.0	228.1	57.5	82.1	4
	NO4-T1.20-LK.12-10	Đất nhà ở liên kết	CH15_LK08	CH15_LK5x12_BM	70.0	57.5	58.3	58.3	54.0	228.1	57.5	82.1	4
	NO4-T1.20-LK.12-11	Đất nhà ở liên kết	CH15_LK08	CH15_LK5x12_A	70.0	57.5	58.4	61.7	61.7	239.3	57.5	82.1	4
	NO4-T1.20-LK.12-12	Đất nhà ở liên kết	CH15_LK08	CH15_LK5x12_AM	70.0	57.5	58.4	61.7	61.7	239.3	57.5	82.1	4
	NO4-T1.20-LK.12-13	Đất nhà ở liên kết	CH15_LK08	CH15_LK5x12_B	70.0	57.5	58.3	58.3	54.0	228.1	57.5	82.1	4
	NO4-T1.20-LK.12-14	Đất nhà ở liên kết	CH15_LK08	CH15_LK5x12_HB3M	112.0	57.7	59.0	59.0	53.2	228.9	57.7	51.5	4
	NO4-T1.21-LK.01-01	Đất nhà ở liên kết	CH15_LK13	CH15_LK9x8_G3	72.0	48.0	47.7	51.2	51.2	198.1	48.0	66.7	4
NO4-T1.21-LK.01	NO4-T1.21-LK.01-02	Đất nhà ở liên kết	CH15_LK13	CH15_LK5x8_E	50.0	37.5	38.3	38.3	34.0	148.1	37.5	75.0	4
	NO4-T1.21-LK.01-03	Đất nhà ở liên kết	CH15_LK13	CH15_LK5x8_BM	50.0	37.5	38.3	38.3	34.0	148.1	37.5	75.0	4
	NO4-T1.21-LK.01-04	Đất nhà ở liên kết	CH15_LK13	CH15_LK5x8_A	50.0	37.5	38.4	41.7	41.7	159.3	37.5	75.0	4
	NO4-T1.21-LK.01-05	Đất nhà ở liên kết	CH15_LK13	CH15_LK5x8_AM	50.0	37.5	38.4	41.7	41.7	159.3	37.5	75.0	4
	NO4-T1.21-LK.01-06	Đất nhà ở liên kết	CH15_LK13	CH15_LK5x8_H2M	80.0	37.7	38.9	38.9	34.1	149.6	37.7	47.1	4
	NO4-T1.21-LK.01-07	Đất nhà ở liên kết	CH15_LK12	CH15_LK5x12_H3	112.0	57.7	59.0	59.0	52.4	228.1	57.7	51.5	4
	NO4-T1.21-LK.01-08	Đất nhà ở liên kết	CH15_LK12	CH15_LK5x12_A	70.0	57.5	58.4	61.7	61.7	239.3	57.5	82.1	4
	NO4-T1.21-LK.01-09	Đất nhà ở liên kết	CH15_LK12	CH15_LK5x12_AM	70.0	57.5	58.4	61.7	61.7	239.3	57.5	82.1	4
	NO4-T1.21-LK.01-10	Đất nhà ở liên kết	CH15_LK12	CH15_LK5x12_B	70.0	57.5	58.3	58.3	54.0	228.1	57.5	82.1	4
	NO4-T1.21-LK.01-11	Đất nhà ở liên kết	CH15_LK12	CH15_LK5x12_EM	70.0	57.5	58.3	58.3	54.0	228.1	57.5	82.1	4

NO4-T1.21-LK.02	NO4-T1.21-LK.01-12	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK12	CH15_LK9x12_G6M	108.0	81.8	84.1	90.1	90.1	346.1	81.8	75.7	4
	NO4-T1.21-LK.02-01	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK04	CH15_LK5x8_H2	80.0	37.7	38.9	38.9	34.1	149.6	37.7	47.1	4
	NO4-T1.21-LK.02-02	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK04	CH15_LK5x8_A	50.0	37.5	38.4	41.7	41.7	159.3	37.5	75.0	4
	NO4-T1.21-LK.02-03	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK04	CH15_LK5x8_AM	50.0	37.5	38.4	41.7	41.7	159.3	37.5	75.0	4
	NO4-T1.21-LK.02-04	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK04	CH15_LK5x8_C	50.0	37.5	38.3	38.3	34.0	148.1	37.5	75.0	4
	NO4-T1.21-LK.02-05	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK04	CH15_LK5x8_A	50.0	37.5	38.4	41.7	41.7	159.3	37.5	75.0	4
	NO4-T1.21-LK.02-06	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK04	CH15_LK5x8_AM	50.0	37.5	38.4	41.7	41.7	159.3	37.5	75.0	4
	NO4-T1.21-LK.02-07	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK04	CH15_LK5x8_H2M	80.0	37.7	38.9	38.9	34.1	149.6	37.7	47.1	4
	NO4-T1.21-LK.02-08	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK02	CH15_LK5x12_H3	112.0	57.7	59.0	59.0	52.4	228.1	57.7	51.5	4
	NO4-T1.21-LK.02-09	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK02	CH15_LK5x12_A	70.0	57.5	58.4	61.7	61.7	239.3	57.5	82.1	4
	NO4-T1.21-LK.02-10	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK02	CH15_LK5x12_AM	70.0	57.5	58.4	61.7	61.7	239.3	57.5	82.1	4
	NO4-T1.21-LK.02-11	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK02	CH15_LK5x12_C	70.0	57.5	58.3	58.3	54.0	228.1	57.5	82.1	4
	NO4-T1.21-LK.02-12	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK02	CH15_LK5x12_A	70.0	57.5	58.4	61.7	61.7	239.3	57.5	82.1	4
	NO4-T1.21-LK.02-13	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK02	CH15_LK5x12_AM	70.0	57.5	58.4	61.7	61.7	239.3	57.5	82.1	4
	NO4-T1.21-LK.02-14	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK02	CH15_LK5x12_H3M	112.0	57.7	59.0	59.0	52.4	228.1	57.7	51.5	4
	NO4-T1.21-LK.03-01	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK07	CH15_LK5x8_HB2	80.0	37.7	38.9	38.9	34.1	149.6	37.7	47.1	4
	NO4-T1.21-LK.03-02	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK07	CH15_LK5x8_BM	50.0	37.5	38.3	38.3	34.0	148.1	37.5	75.0	4
	NO4-T1.21-LK.03-03	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK07	CH15_LK5x8_A	50.0	37.5	38.4	41.7	41.7	159.3	37.5	75.0	4
	NO4-T1.21-LK.03-04	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK07	CH15_LK5x8_AM	50.0	37.5	38.4	41.7	41.7	159.3	37.5	75.0	4
	NO4-T1.21-LK.03-05	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK07	CH15_LK5x8_B	50.0	37.5	38.3	38.3	34.0	148.1	37.5	75.0	4
	NO4-T1.21-LK.03-06	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK07	CH15_LK5x8_EM	50.0	37.5	38.3	38.3	34.0	148.1	37.5	75.0	4
NO4-T1.21-LK.03	NO4-T1.21-LK.03-07	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK07	CH15_LK9x8_G3M	72.0	48.0	47.7	51.2	51.2	198.1	48.0	66.7	4
	NO4-T1.21-LK.03-08	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK06	CH15_LK9x12_G7	118.0	91.3	93.7	97.3	97.3	379.6	91.3	77.4	4
	NO4-T1.21-LK.03-09	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK06	CH15_LK5x12_E	70.0	57.5	58.3	58.3	54.0	228.1	57.5	82.1	4
	NO4-T1.21-LK.03-10	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK06	CH15_LK5x12_BM	70.0	57.5	58.3	58.3	54.0	228.1	57.5	82.1	4
	NO4-T1.21-LK.03-11	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK06	CH15_LK5x12_A	70.0	57.5	58.4	61.7	61.7	239.3	57.5	82.1	4
	NO4-T1.21-LK.03-12	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK06	CH15_LK5x12_AM	70.0	57.5	58.4	61.7	61.7	239.3	57.5	82.1	4
	NO4-T1.21-LK.03-13	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK06	CH15_LK5x12_B	70.0	57.5	58.3	58.3	54.0	228.1	57.5	82.1	4
	NO4-T1.21-LK.03-14	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK06	CH15_LK5x12_HB3M	112.0	57.7	59.0	59.0	53.2	228.9	57.7	51.5	4
	NO4-T1.21-LK.04-01	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK02	CH59_LK9x8_G8	72.0	52.1	62.2	56.8	38.9	210.0	52.1	72.4	4
	NO4-T1.21-LK.04-02	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK02	CH59_LK5x8_A	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.21-LK.04-03	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK02	CH59_LK5x8_B	50.0	37.1	40.6	38.7	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.21-LK.04-04	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK02	CH59_LK5x8_AM	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
NO4-T1.21-LK.04	NO4-T1.21-LK.04-05	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK02	CH59_LK5x8_A	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.21-LK.04-06	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK02	CH59_LK5x8_H2M	80.0	37.1	38.7	40.7	28.9	145.4	37.1	46.4	4
	NO4-T1.21-LK.04-07	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK01	CH59_LK5x12_H1	112.0	57.1	58.7	60.7	48.9	225.4	57.1	51.0	4
	NO4-T1.21-LK.04-08	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK01	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.21-LK.04-09	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK01	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.21-LK.04-10	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK01	CH59_LK5x12_B	70.0	57.1	60.6	58.7	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.21-LK.04-11	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK01	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4

PH
HO
m
f
c

NO4-T1.21-LK.08	NO4-T1.21-LK.07-12	Đất nhà ở liên kề	CH59_LK01	CH59_LK9x12_G12M	108.0	83.2	88.5	88.5	67.8	328.0	83.2	77.0	4
	NO4-T1.21-LK.08-01	Đất nhà ở liên kề	CH59_LK10	CH59_LK5x8_H2	80.0	37.1	38.7	40.7	28.9	145.4	37.1	46.4	4
	NO4-T1.21-LK.08-02	Đất nhà ở liên kề	CH59_LK10	CH59_LK5x8_AM	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.21-LK.08-03	Đất nhà ở liên kề	CH59_LK10	CH59_LK5x8_A	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.21-LK.08-04	Đất nhà ở liên kề	CH59_LK10	CH59_LK5x8_B	50.0	37.1	40.6	38.7	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.21-LK.08-05	Đất nhà ở liên kề	CH59_LK10	CH59_LK5x8_AM	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.21-LK.08-06	Đất nhà ở liên kề	CH59_LK10	CH59_LK5x8_A	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.21-LK.08-07	Đất nhà ở liên kề	CH59_LK10	CH59_LK5x8_H2M	80.0	37.1	38.7	40.7	28.9	145.4	37.1	46.4	4
	NO4-T1.21-LK.08-08	Đất nhà ở liên kề	CH59_LK07	CH59_LK5x12_H1	112.0	57.1	58.7	60.7	48.9	225.4	57.1	51.0	4
	NO4-T1.21-LK.08-09	Đất nhà ở liên kề	CH59_LK07	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.21-LK.08-10	Đất nhà ở liên kề	CH59_LK07	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.21-LK.08-11	Đất nhà ở liên kề	CH59_LK07	CH59_LK5x12_B	70.0	57.1	60.6	58.7	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.21-LK.08-12	Đất nhà ở liên kề	CH59_LK07	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.21-LK.08-13	Đất nhà ở liên kề	CH59_LK07	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.21-LK.08-14	Đất nhà ở liên kề	CH59_LK07	CH59_LK5x12_H1M	112.0	57.1	58.7	60.7	48.9	225.4	57.1	51.0	4
	NO4-T1.21-LK.09-01	Đất nhà ở liên kề	CH59_LK09	CH59_LK5x8_H2	80.0	37.1	38.7	40.7	28.9	145.4	37.1	46.4	4
	NO4-T1.21-LK.09-02	Đất nhà ở liên kề	CH59_LK09	CH59_LK5x8_AM	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.21-LK.09-03	Đất nhà ở liên kề	CH59_LK09	CH59_LK5x8_A	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.21-LK.09-04	Đất nhà ở liên kề	CH59_LK09	CH59_LK5x8_AM	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.21-LK.09-05	Đất nhà ở liên kề	CH59_LK09	CH59_LK5x8_A	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.21-LK.09-06	Đất nhà ở liên kề	CH59_LK09	CH59_LK5x8_AM	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.21-LK.09-07	Đất nhà ở liên kề	CH59_LK09	CH59_LK9x8_G7M	82.0	60.9	71.1	65.7	47.5	245.2	60.9	74.3	4
NO4-T1.21-LK.09	NO4-T1.21-LK.09-08	Đất nhà ở liên kề	CH59_LK08	CH59_LK9x12_G11	118.0	96.9	105.9	103.9	81.0	387.7	96.9	82.1	4
	NO4-T1.21-LK.09-09	Đất nhà ở liên kề	CH59_LK08	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.21-LK.09-10	Đất nhà ở liên kề	CH59_LK08	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.21-LK.09-11	Đất nhà ở liên kề	CH59_LK08	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.21-LK.09-12	Đất nhà ở liên kề	CH59_LK08	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.21-LK.09-13	Đất nhà ở liên kề	CH59_LK08	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.21-LK.09-14	Đất nhà ở liên kề	CH59_LK08	CH59_LK5x12_H1M	112.0	57.1	58.7	60.7	48.9	225.4	57.1	51.0	4
	NO4-T1.21-LK.10-01	Đất nhà ở liên kề	CH59_LK02	CH59_LK9x8_G8	72.0	52.1	62.2	56.8	38.9	210.0	52.1	72.4	4
	NO4-T1.21-LK.10-02	Đất nhà ở liên kề	CH59_LK02	CH59_LK5x8_A	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.21-LK.10-03	Đất nhà ở liên kề	CH59_LK02	CH59_LK5x8_B	50.0	37.1	40.6	38.7	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.21-LK.10-04	Đất nhà ở liên kề	CH59_LK02	CH59_LK5x8_AM	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.21-LK.10-05	Đất nhà ở liên kề	CH59_LK02	CH59_LK5x8_A	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.21-LK.10-06	Đất nhà ở liên kề	CH59_LK02	CH59_LK5x8_H2M	80.0	37.1	38.7	40.7	28.9	145.4	37.1	46.4	4
	NO4-T1.21-LK.10-07	Đất nhà ở liên kề	CH59_LK01	CH59_LK5x12_H1	112.0	57.1	58.7	60.7	48.9	225.4	57.1	51.0	4
	NO4-T1.21-LK.10-08	Đất nhà ở liên kề	CH59_LK01	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.21-LK.10-09	Đất nhà ở liên kề	CH59_LK01	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.21-LK.10-10	Đất nhà ở liên kề	CH59_LK01	CH59_LK5x12_B	70.0	57.1	60.6	58.7	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.21-LK.10-11	Đất nhà ở liên kề	CH59_LK01	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4

NO4-T1.21-LK.10

NO4-T1.21-LK.11	NO4-T1.21-LK.10-12	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK01	CH59_LK9x12_G12M	108.0	83.2	88.5	88.5	67.8	328.0	83.2	77.0	4
	NO4-T1.21-LK.11-01	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK10	CH59_LK5x8_H2	80.0	37.1	38.7	40.7	28.9	145.4	37.1	46.4	4
	NO4-T1.21-LK.11-02	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK10	CH59_LK5x8_AM	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.21-LK.11-03	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK10	CH59_LK5x8_A	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.21-LK.11-04	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK10	CH59_LK5x8_B	50.0	37.1	40.6	38.7	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.21-LK.11-05	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK10	CH59_LK5x8_AM	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.21-LK.11-06	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK10	CH59_LK5x8_A	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.21-LK.11-07	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK10	CH59_LK5x8_H2M	80.0	37.1	38.7	40.7	28.9	145.4	37.1	46.4	4
	NO4-T1.21-LK.11-08	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK07	CH59_LK5x12_H1	112.0	57.1	58.7	60.7	48.9	225.4	57.1	51.0	4
	NO4-T1.21-LK.11-09	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK07	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.21-LK.11-10	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK07	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.21-LK.11-11	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK07	CH59_LK5x12_B	70.0	57.1	60.6	58.7	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.21-LK.11-12	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK07	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.21-LK.11-13	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK07	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
NO4-T1.21-LK.12	NO4-T1.21-LK.11-14	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK07	CH59_LK5x12_H1M	112.0	57.1	58.7	60.7	48.9	225.4	57.1	51.0	4
	NO4-T1.21-LK.12-01	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK09	CH59_LK5x8_H2	80.0	37.1	38.7	40.7	28.9	145.4	37.1	46.4	4
	NO4-T1.21-LK.12-02	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK09	CH59_LK5x8_AM	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.21-LK.12-03	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK09	CH59_LK5x8_A	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.21-LK.12-04	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK09	CH59_LK5x8_AM	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.21-LK.12-05	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK09	CH59_LK5x8_A	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.21-LK.12-06	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK09	CH59_LK5x8_AM	50.0	37.1	38.7	40.6	28.9	145.3	37.1	74.2	4
	NO4-T1.21-LK.12-07	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK09	CH59_LK9x8_G7M	82.0	60.9	71.1	65.7	47.5	245.2	60.9	74.3	4
	NO4-T1.21-LK.12-08	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK08	CH59_LK9x12_G11	118.0	96.9	105.9	103.9	81.0	387.7	96.9	82.1	4
	NO4-T1.21-LK.12-09	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK08	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.21-LK.12-10	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK08	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.21-LK.12-11	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK08	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.21-LK.12-12	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK08	CH59_LK5x12_AM	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
	NO4-T1.21-LK.12-13	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK08	CH59_LK5x12_A	70.0	57.1	58.7	60.6	48.9	225.3	57.1	81.6	4
NO4-T1.21-LK.13	NO4-T1.21-LK.12-14	Đất nhà ở liền kề	CH59_LK08	CH59_LK5x12_H1M	112.0	57.1	58.7	60.7	48.9	225.4	57.1	51.0	4
	NO4-T1.21-LK.13-01	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK05	CH19_LK9x8_G3	72.0	48.5	43.8	44.1	40.3	176.7	48.5	67.4	4
	NO4-T1.21-LK.13-02	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK05	CH19_LK6x8_AM	60.0	45.5	43.3	40.1	41.0	169.9	45.5	75.8	4
	NO4-T1.21-LK.13-03	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK05	CH19_LK6x8_A	60.0	45.5	43.3	40.1	41.0	169.9	45.5	75.8	4
	NO4-T1.21-LK.13-04	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK05	CH19_LK6x8_BM	60.0	45.5	45.4	46.3	41.4	178.6	45.5	75.8	4
	NO4-T1.21-LK.13-05	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK05	CH19_LK6x8_B	60.0	45.5	45.4	46.3	41.4	178.6	45.5	75.8	4
	NO4-T1.21-LK.13-06	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK05	CH19_LK6x8_B	60.0	45.5	45.4	46.3	41.4	178.6	45.5	75.8	4
	NO4-T1.21-LK.13-07	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK05	CH19_LK6x8_AM	60.0	45.5	43.3	40.1	41.0	169.9	45.5	75.8	4
	NO4-T1.21-LK.13-08	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK05	CH19_LK6x8_A	60.0	45.5	43.3	40.1	41.0	169.9	45.5	75.8	4
	NO4-T1.21-LK.13-09	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK05	CH19_LK6x8_H3M	90.0	45.5	45.4	46.3	41.2	178.4	45.5	50.6	4
	NO4-T1.21-LK.13-10	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK03_M	CH19_LK6x12_H4	126.0	69.5	69.4	70.3	65.2	274.4	69.5	55.2	4
	NO4-T1.21-LK.13-11	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK03_M	CH19_LK6x12_AM	84.0	69.5	67.3	64.1	65.0	265.9	69.5	82.7	4



NO4-T1.21-LK.13-14	NO4-T1.21-LK.13-12	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK03_M	CH19_LK6x12_A	84.0	69.5	67.3	64.1	65.0	265.9	69.5	82.7	4
	NO4-T1.21-LK.13-13	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK03_M	CH19_LK6x12_BM	84.0	69.5	69.4	70.3	65.4	274.6	69.5	82.7	4
	NO4-T1.21-LK.13-14	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK03_M	CH19_LK6x12_B	84.0	69.5	69.4	70.3	65.4	274.6	69.5	82.7	4
	NO4-T1.21-LK.13-15	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK03_M	CH19_LK6x12_B	84.0	69.5	69.4	70.3	65.4	274.6	69.5	82.7	4
	NO4-T1.21-LK.13-16	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK03_M	CH19_LK6x12_AM	84.0	69.5	67.3	64.1	65.0	265.9	69.5	82.7	4
	NO4-T1.21-LK.13-17	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK03_M	CH19_LK6x12_A	84.0	69.5	67.3	64.1	65.0	265.9	69.5	82.7	4
	NO4-T1.21-LK.13-18	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK03_M	CH19_LK9x12_G4M	108.0	82.9	76.7	74.8	71.0	305.4	82.9	76.8	4
	NO4-T1.21-LK.14-01	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK04_M	CH19_LK6x8_H3	90.0	45.5	45.4	46.3	41.2	178.4	45.5	50.6	4
	NO4-T1.21-LK.14-02	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK04_M	CH19_LK6x8_AM	60.0	45.5	43.3	40.1	41.0	169.9	45.5	75.8	4
	NO4-T1.21-LK.14-03	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK04_M	CH19_LK6x8_A	60.0	45.5	43.3	40.1	41.0	169.9	45.5	75.8	4
	NO4-T1.21-LK.14-04	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK04_M	CH19_LK6x8_BM	60.0	45.5	45.4	46.3	41.4	178.6	45.5	75.8	4
	NO4-T1.21-LK.14-05	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK04_M	CH19_LK6x8_B	60.0	45.5	45.4	46.3	41.4	178.6	45.5	75.8	4
	NO4-T1.21-LK.14-06	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK04_M	CH19_LK6x8_B	60.0	45.5	45.4	46.3	41.4	178.6	45.5	75.8	4
	NO4-T1.21-LK.14-07	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK04_M	CH19_LK6x8_AM	60.0	45.5	43.3	40.1	41.0	169.9	45.5	75.8	4
	NO4-T1.21-LK.14-08	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK04_M	CH19_LK6x8_A	60.0	45.5	43.3	40.1	41.0	169.9	45.5	75.8	4
	NO4-T1.21-LK.14-09	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK04_M	CH19_LK9x8_G2M	82.0	58.4	53.1	52.7	48.6	212.8	58.4	71.2	4
	NO4-T1.21-LK.14-10	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK03	CH19_LK9x12_G4	108.0	82.9	76.7	74.8	71.0	305.4	82.9	76.8	4
	NO4-T1.21-LK.14-11	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK03	CH19_LK6x12_AM	84.0	69.5	67.3	64.1	65.0	265.9	69.5	82.7	4
	NO4-T1.21-LK.14-12	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK03	CH19_LK6x12_A	84.0	69.5	67.3	64.1	65.0	265.9	69.5	82.7	4
	NO4-T1.21-LK.14-13	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK03	CH19_LK6x12_BM	84.0	69.5	69.4	70.3	65.4	274.6	69.5	82.7	4
	NO4-T1.21-LK.14-14	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK03	CH19_LK6x12_B	84.0	69.5	69.4	70.3	65.4	274.6	69.5	82.7	4
NO4-T1.22-LK.01	NO4-T1.21-LK.14-15	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK03	CH19_LK6x12_B	84.0	69.5	69.4	70.3	65.4	274.6	69.5	82.7	4
	NO4-T1.21-LK.14-16	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK03	CH19_LK6x12_AM	84.0	69.5	67.3	64.1	65.0	265.9	69.5	82.7	4
	NO4-T1.21-LK.14-17	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK03	CH19_LK6x12_A	84.0	69.5	67.3	64.1	65.0	265.9	69.5	82.7	4
	NO4-T1.21-LK.14-18	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK03	CH19_LK6x12_H4M	126.0	69.5	69.4	70.3	65.2	274.4	69.5	55.2	4
	NO4-T1.22-LK.01-01	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK02	CH19_LK9x14_G1	126.0	100.0	93.9	92.0	87.4	373.3	100.0	79.4	4
	NO4-T1.22-LK.01-02	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK02	CH19_LK6x14_AM	96.0	81.5	79.3	76.1	82.8	319.7	81.5	84.9	4
	NO4-T1.22-LK.01-03	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK02	CH19_LK6x14_A	96.0	81.5	79.3	76.1	82.8	319.7	81.5	84.9	4
	NO4-T1.22-LK.01-04	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK02	CH19_LK6x14_BM	96.0	81.5	81.4	88.0	77.4	328.3	81.5	84.9	4
	NO4-T1.22-LK.01-05	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK02	CH19_LK6x14_B	96.0	81.5	81.4	88.0	77.4	328.3	81.5	84.9	4
	NO4-T1.22-LK.01-06	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK02	CH19_LK6x14_B	96.0	81.5	81.4	88.0	77.4	328.3	81.5	84.9	4
NO4-T1.22-LK.02	NO4-T1.22-LK.01-07	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK02	CH19_LK6x14_AM	96.0	81.5	79.3	76.1	82.8	319.7	81.5	84.9	4
	NO4-T1.22-LK.01-08	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK02	CH19_LK6x14_A	96.0	81.5	79.3	76.1	82.8	319.7	81.5	84.9	4
	NO4-T1.22-LK.01-09	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK02	CH19_LK6x14_H1M	144.0	81.5	81.4	88.1	77.2	328.2	81.5	56.6	4
	NO4-T1.22-LK.02-01	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK01	CH19_LK6x14_H1	144.0	81.5	81.4	88.1	77.2	328.2	81.5	56.6	4
	NO4-T1.22-LK.02-02	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK01	CH19_LK6x14_AM	96.0	81.5	79.3	76.1	82.8	319.7	81.5	84.9	4
	NO4-T1.22-LK.02-03	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK01	CH19_LK6x14_A	96.0	81.5	79.3	76.1	82.8	319.7	81.5	84.9	4
	NO4-T1.22-LK.02-04	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK01	CH19_LK6x14_A	96.0	81.5	79.3	76.1	82.8	319.7	81.5	84.9	4
	NO4-T1.22-LK.02-05	Đất nhà ở liền kề	CH19_LK01	CH19_LK5x14_H2M	128.0	68.0	68.5	74.1	64.3	274.9	68.0	53.1	4
	NO4-T1.25-LK.01-01	Đất nhà ở liền kề	CH15_LK11	CH15_LK10.2x14_G1	152.6	113.2	110.5	123.0	115.3	462.0	113.2	74.2	4

A

NO4-T1.25-LK.01	NO4-T1.25-LK.01-02	Đất nhà ở liên kế	CH15 LK11	CH15 LK5x14 E	80.0	67.5	66.6	70.8	62.2	267.1	67.5	84.4	4
	NO4-T1.25-LK.01-03	Đất nhà ở liên kế	CH15 LK11	CH15 LK5x14 BM	80.0	67.5	66.6	70.8	62.3	267.2	67.5	84.4	4
	NO4-T1.25-LK.01-04	Đất nhà ở liên kế	CH15 LK11	CH15 LK5x14 A	80.0	67.5	66.7	73.5	73.4	281.1	67.5	84.4	4
	NO4-T1.25-LK.01-05	Đất nhà ở liên kế	CH15 LK11	CH15 LK5x14 AM	80.0	67.5	66.7	73.5	73.4	281.1	67.5	84.4	4
	NO4-T1.25-LK.01-06	Đất nhà ở liên kế	CH15 LK11	CH15 LK5x14 H1M	128.0	67.8	67.3	71.5	62.5	269.1	67.8	84.4	4
	NO4-T1.25-LK.02-01	Đất nhà ở liên kế	CH15 LK05	CH15 LK5x14 H1	128.0	67.8	67.3	71.5	62.5	269.1	67.8	84.4	4
NO4-T1.25-LK.02	NO4-T1.25-LK.02-02	Đất nhà ở liên kế	CH15 LK05	CH15 LK5x14 A	80.0	67.5	66.7	73.5	73.4	281.1	67.5	84.4	4
	NO4-T1.25-LK.02-03	Đất nhà ở liên kế	CH15 LK05	CH15 LK5x14 AM	80.0	67.5	66.7	73.5	73.4	281.1	67.5	84.4	4
	NO4-T1.25-LK.02-04	Đất nhà ở liên kế	CH15 LK05	CH15 LK5x14 C	80.0	67.5	66.6	66.6	62.2	262.9	67.5	84.4	4
	NO4-T1.25-LK.02-05	Đất nhà ở liên kế	CH15 LK05	CH15 LK5x14 A	80.0	67.5	66.7	73.5	73.4	281.1	67.5	84.4	4
	NO4-T1.25-LK.02-06	Đất nhà ở liên kế	CH15 LK05	CH15 LK5x14 AM	80.0	67.5	66.7	73.5	73.4	281.1	67.5	84.4	4
	NO4-T1.25-LK.02-07	Đất nhà ở liên kế	CH15 LK05	CH15 LK5x14 H1M	128.0	67.8	67.3	71.5	62.5	269.1	67.8	84.4	4
NO4-T1.25-LK.03	NO4-T1.25-LK.03-01	Đất nhà ở liên kế	CH15 LK17	CH15 LK5x14 H1	128.0	67.8	67.3	71.5	62.5	269.1	67.8	84.4	4
	NO4-T1.25-LK.03-02	Đất nhà ở liên kế	CH15 LK17	CH15 LK5x14 A	80.0	67.5	66.7	73.5	73.4	281.1	67.5	84.4	4
	NO4-T1.25-LK.03-03	Đất nhà ở liên kế	CH15 LK17	CH15 LK5x14 AM	80.0	67.5	66.7	73.5	73.4	281.1	67.5	84.4	4
	NO4-T1.25-LK.03-04	Đất nhà ở liên kế	CH15 LK17	CH15 LK5x14 B	80.0	67.5	66.6	70.8	62.3	267.2	67.5	84.4	4
	NO4-T1.25-LK.03-05	Đất nhà ở liên kế	CH15 LK17	CH15 LK5x14 HB1M	128.0	67.8	67.3	71.5	62.5	269.1	67.8	84.4	4
	Đất nhà ở biệt thự												
NO4-T1.01-BT2.01	NO4-T1.01-BT2.01-01	Đất nhà ở biệt thự	CH53 SL.G01.01M	CH53 SL.G01	151.5	71.3	69.8	70.3		211.4	71.3	47.1	3
	NO4-T1.01-BT2.01-02	Đất nhà ở biệt thự	CH53 SL.G01.01M	CH53 SL.01M	112.0	52.2	51.0	51.3		154.5	52.2	46.6	3
	NO4-T1.01-BT2.01-03	Đất nhà ở biệt thự	CH53 SL.01.01M	CH53 SL.01	112.0	52.2	51.0	51.3		154.5	52.2	46.6	3
	NO4-T1.01-BT2.01-04	Đất nhà ở biệt thự	CH53 SL.01.01M	CH53 SL.01M	112.0	52.2	51.0	51.3		154.5	52.2	46.6	3
	NO4-T1.01-BT2.01-05	Đất nhà ở biệt thự	CH53 SL.01.01M	CH53 SL.01	112.0	52.2	51.0	51.3		154.5	52.2	46.6	3
	NO4-T1.01-BT2.01-06	Đất nhà ở biệt thự	CH53 SL.01.01M	CH53 SL.01M	112.0	52.2	51.0	51.3		154.5	52.2	46.6	3
NO4-T1.01-BT2.01	NO4-T1.01-BT2.01-07	Đất nhà ở biệt thự	CH53 SL.01.01M	CH53 SL.01	112.0	52.2	51.0	51.3		154.5	52.2	46.6	3
	NO4-T1.01-BT2.01-08	Đất nhà ở biệt thự	CH53 SL.01.01M	CH53 SL.01M	112.0	52.2	51.0	51.3		154.5	52.2	46.6	3
	NO4-T1.01-BT2.01-09	Đất nhà ở biệt thự	CH53 SL.01.01M	CH53 SL.01	112.0	52.2	51.0	51.3		154.5	52.2	46.6	3
	NO4-T1.01-BT2.01-10	Đất nhà ở biệt thự	CH53 SL.01.01M	CH53 SL.01M	112.0	52.2	51.0	51.3		154.5	52.2	46.6	3
	NO4-T1.01-BT2.01-11	Đất nhà ở biệt thự	CH53 SL.01.01M	CH53 SL.01	112.0	52.2	51.0	51.3		154.5	52.2	46.6	3
	NO4-T1.01-BT2.01-12	Đất nhà ở biệt thự	CH53 SL.01.01M	CH53 SL.01M	112.0	52.2	51.0	51.3		154.5	52.2	46.6	3
NO4-T1.01-BT2.01	NO4-T1.01-BT2.01-13	Đất nhà ở biệt thự	CH53 SL.01.01M	CH53 SL.01	112.0	52.2	51.0	51.3		154.5	52.2	46.6	3
	NO4-T1.01-BT2.01-14	Đất nhà ở biệt thự	CH53 SL.01.01M	CH53 SL.01M	112.0	52.2	51.0	51.3		154.5	52.2	46.6	3
	NO4-T1.01-BT2.01-15	Đất nhà ở biệt thự	CH53 SL.01.01M	CH53 SL.01	112.0	52.2	51.0	51.3		154.5	52.2	46.6	3
	NO4-T1.01-BT2.01-16	Đất nhà ở biệt thự	CH53 SL.01.01M	CH53 SL.01M	112.0	52.2	51.0	51.3		154.5	52.2	46.6	3
	NO4-T1.02-BT2.01-01	Đất nhà ở biệt thự	CH53 SL.G02.03M	CH53 SL.G01M	151.5	71.3	69.8	70.3		211.4	71.3	47.1	3
	NO4-T1.02-BT2.01-02	Đất nhà ở biệt thự	CH53 SL.G02.03M	CH53 SL.G02	166.0	80.5	78.9	81.4		240.8	80.5	48.5	3
NO4-T1.02-BT2.01	NO4-T1.02-BT2.01-03	Đất nhà ở biệt thự	CH53 SL.G02.03M	CH53 SL.G03M	119.3	57.3	56.0	56.3		169.6	57.3	48.0	3
	NO4-T1.02-BT2.01-04	Đất nhà ở biệt thự	CH53 SL.G02.03M	CH53 SL.02	118.0	54.8	53.5	53.8		162.1	54.8	46.4	3
	NO4-T1.02-BT2.01-05	Đất nhà ở biệt thự	CH53 SL.G02.03M	CH53 SL.02M	116.8	54.8	53.5	53.8		162.1	54.8	46.9	3
	NO4-T1.02-BT2.01-06	Đất nhà ở biệt thự	CH53 SL.01.01M	CH53 SL.01	115.7	52.2	51.0	51.3		154.5	52.2	45.1	3
	NO4-T1.02-BT2.01-07	Đất nhà ở biệt thự	CH53 SL.01.01M	CH53 SL.01M	114.8	52.2	51.0	51.3		154.5	52.2	45.5	3
	Đất nhà ở biệt thự												

88

NO4-T1.02-BT2.01	NO4-T1.02-BT2.01-07	Đất nhà ở biệt thự	CH53_SL.01.01M	CH53_SL.01	114.0	52.2	51.0	51.3	154.5	52.2	45.8	3
	NO4-T1.02-BT2.01-08	Đất nhà ở biệt thự	CH53_SL.01.01M	CH53_SL.01M	113.3	52.2	51.0	51.3	154.5	52.2	46.1	3
	NO4-T1.02-BT2.01-09	Đất nhà ở biệt thự	CH53_SL.01.01M	CH53_SL.01	112.8	52.2	51.0	51.3	154.5	52.2	46.3	3
	NO4-T1.02-BT2.01-10	Đất nhà ở biệt thự	CH53_SL.01.01M	CH53_SL.01M	112.4	52.2	51.0	51.3	154.5	52.2	46.4	3
	NO4-T1.02-BT2.01-11	Đất nhà ở biệt thự	CH53_SL.01.01M	CH53_SL.01	112.1	52.2	51.0	51.3	154.5	52.2	46.6	3
	NO4-T1.02-BT2.01-12	Đất nhà ở biệt thự	CH53_SL.01.01M	CH53_SL.01M	112.0	52.2	51.0	51.3	154.5	52.2	46.6	3
	NO4-T1.02-BT2.01-13	Đất nhà ở biệt thự	CH53_SL.01.01M	CH53_SL.01	112.0	52.2	51.0	51.3	154.5	52.2	46.6	3
	NO4-T1.02-BT2.01-14	Đất nhà ở biệt thự	CH53_SL.01.01M	CH53_SL.01M	112.0	52.2	51.0	51.3	154.5	52.2	46.6	3
	NO4-T1.02-BT2.01-15	Đất nhà ở biệt thự	CH53_SL.01.01M	CH53_SL.01	112.0	52.2	51.0	51.3	154.5	52.2	46.6	3
	NO4-T1.02-BT2.01-16	Đất nhà ở biệt thự	CH53_SL.01.01M	CH53_SL.01M	151.5	71.3	69.8	70.3	211.4	71.3	47.1	3
	NO4-T1.15-BT2.01-01	Đất nhà ở biệt thự	CH08_SL.01.01M	CH08_SL.01	151.5	70.8	84.8	59.1	214.7	70.8	46.7	3
	NO4-T1.15-BT2.01-02	Đất nhà ở biệt thự	CH08_SL.01.01M	CH08_SL.01M	112.0	53.2	57.9	41.5	152.6	53.2	47.5	3
	NO4-T1.15-BT2.01-03	Đất nhà ở biệt thự	CH08_SL.01.01M	CH08_SL.01	112.0	53.2	57.9	41.5	152.6	53.2	47.5	3
	NO4-T1.15-BT2.01-04	Đất nhà ở biệt thự	CH08_SL.01.01M	CH08_SL.01M	112.0	53.2	57.9	41.5	152.6	53.2	47.5	3
	NO4-T1.15-BT2.01-05	Đất nhà ở biệt thự	CH08_SL.01.01M	CH08_SL.01	112.0	53.2	57.9	41.5	152.6	53.2	47.5	3
	NO4-T1.15-BT2.01	NO4-T1.15-BT2.01-06	Đất nhà ở biệt thự	CH08_SL.01.01M	CH08_SL.01M	112.0	53.2	57.9	41.5	152.6	53.2	47.5
NO4-T1.15-BT2.01-07		Đất nhà ở biệt thự	CH08_SL.01.01M	CH08_SL.01	112.0	53.2	57.9	41.5	152.6	53.2	47.5	3
NO4-T1.15-BT2.01-08		Đất nhà ở biệt thự	CH08_SL.01.01M	CH08_SL.01M	112.0	53.2	57.9	41.5	152.6	53.2	47.5	3
NO4-T1.15-BT2.01-09		Đất nhà ở biệt thự	CH08_SL.01.01M	CH08_SL.01	112.0	53.2	57.9	41.5	152.6	53.2	47.5	3
NO4-T1.15-BT2.01-10		Đất nhà ở biệt thự	CH08_SL.01.01M	CH08_SL.01M	112.0	53.2	57.9	41.5	152.6	53.2	47.5	3
NO4-T1.15-BT2.01-11		Đất nhà ở biệt thự	CH08_SL.01.01M	CH08_SL.01	112.0	53.2	57.9	41.5	152.6	53.2	47.5	3
NO4-T1.15-BT2.01-12		Đất nhà ở biệt thự	CH08_SL.01.01M	CH08_SL.01M	112.0	53.2	57.9	41.5	152.6	53.2	47.5	3
NO4-T1.15-BT2.01-13		Đất nhà ở biệt thự	CH08_SL.01.01M	CH08_SL.01	112.0	53.2	57.9	41.5	152.6	53.2	47.5	3
NO4-T1.15-BT2.01-14		Đất nhà ở biệt thự	CH08_SL.01.01M	CH08_SL.01M	112.0	53.2	57.9	41.5	152.6	53.2	47.5	3
NO4-T1.15-BT2.01-15		Đất nhà ở biệt thự	CH08_SL.01.01M	CH08_SL.01	112.0	53.2	57.9	41.5	152.6	53.2	47.5	3
NO4-T1.15-BT2.01-16		Đất nhà ở biệt thự	CH08_SL.01.01M	CH08_SL.01M	151.5	70.8	84.8	59.1	214.7	70.8	46.7	3
NO4-T1.16-BT2.01-01		Đất nhà ở biệt thự	CH08_SL.01.01M	CH08_SL.01	151.5	70.8	84.8	59.1	214.7	70.8	46.7	3
NO4-T1.16-BT2.01-02		Đất nhà ở biệt thự	CH08_SL.01.01M	CH08_SL.01M	112.0	53.2	57.9	41.5	152.6	53.2	47.5	3
NO4-T1.16-BT2.01-03		Đất nhà ở biệt thự	CH08_SL.01.01M	CH08_SL.01	112.0	53.2	57.9	41.5	152.6	53.2	47.5	3
NO4-T1.16-BT2.01-04		Đất nhà ở biệt thự	CH08_SL.01.01M	CH08_SL.01M	112.0	53.2	57.9	41.5	152.6	53.2	47.5	3
NO4-T1.16-BT2.01-05		Đất nhà ở biệt thự	CH08_SL.01.01M	CH08_SL.01	112.0	53.2	57.9	41.5	152.6	53.2	47.5	3
NO4-T1.16-BT2.01	NO4-T1.16-BT2.01-06	Đất nhà ở biệt thự	CH08_SL.01.01M	CH08_SL.01M	112.0	53.2	57.9	41.5	152.6	53.2	47.5	3
	NO4-T1.16-BT2.01-07	Đất nhà ở biệt thự	CH08_SL.01.01M	CH08_SL.01	112.0	53.2	57.9	41.5	152.6	53.2	47.5	3
	NO4-T1.16-BT2.01-08	Đất nhà ở biệt thự	CH08_SL.01.01M	CH08_SL.01M	112.0	53.2	57.9	41.5	152.6	53.2	47.5	3
	NO4-T1.16-BT2.01-09	Đất nhà ở biệt thự	CH08_SL.01.01M	CH08_SL.01	112.0	53.2	57.9	41.5	152.6	53.2	47.5	3
	NO4-T1.16-BT2.01-10	Đất nhà ở biệt thự	CH08_SL.01.01M	CH08_SL.01M	112.0	53.2	57.9	41.5	152.6	53.2	47.5	3
	NO4-T1.16-BT2.01-11	Đất nhà ở biệt thự	CH08_SL.01.01M	CH08_SL.01	112.0	53.2	57.9	41.5	152.6	53.2	47.5	3
	NO4-T1.16-BT2.01-12	Đất nhà ở biệt thự	CH08_SL.01.01M	CH08_SL.01M	112.0	53.2	57.9	41.5	152.6	53.2	47.5	3
	NO4-T1.16-BT2.01-13	Đất nhà ở biệt thự	CH08_SL.01.01M	CH08_SL.01	112.0	53.2	57.9	41.5	152.6	53.2	47.5	3
	NO4-T1.16-BT2.01-14	Đất nhà ở biệt thự	CH08_SL.01.01M	CH08_SL.01M	112.0	53.2	57.9	41.5	152.6	53.2	47.5	3
	NO4-T1.16-BT2.01-15	Đất nhà ở biệt thự	CH08_SL.01.01M	CH08_SL.01	112.0	53.2	57.9	41.5	152.6	53.2	47.5	3
	NO4-T1.16-BT2.01-16	Đất nhà ở biệt thự	CH08_SL.01.01M	CH08_SL.01M	112.0	53.2	57.9	41.5	152.6	53.2	47.5	3
	NO4-T1.16-BT2.01-17	Đất nhà ở biệt thự	CH08_SL.01.01M	CH08_SL.01	112.0	53.2	57.9	41.5	152.6	53.2	47.5	3
	NO4-T1.16-BT2.01-18	Đất nhà ở biệt thự	CH08_SL.01.01M	CH08_SL.01M	112.0	53.2	57.9	41.5	152.6	53.2	47.5	3
	NO4-T1.16-BT2.01-19	Đất nhà ở biệt thự	CH08_SL.01.01M	CH08_SL.01	112.0	53.2	57.9	41.5	152.6	53.2	47.5	3
	NO4-T1.16-BT2.01-20	Đất nhà ở biệt thự	CH08_SL.01.01M	CH08_SL.01M	112.0	53.2	57.9	41.5	152.6	53.2	47.5	3
	NO4-T1.16-BT2.01-21	Đất nhà ở biệt thự	CH08_SL.01.01M	CH08_SL.01	112.0	53.2	57.9	41.5	152.6	53.2	47.5	3

NO4-T1.17-BT2.01	NO4-T1.16-BT2.01-15	Đất nhà ở biệt thự	CH08_SL.01.G01M	CH08_SL.01	112.0	53.2	57.9	41.5	152.6	53.2	47.5	3
	NO4-T1.16-BT2.01-16	Đất nhà ở biệt thự	CH08_SL.01.G01M	CH08_SL.G01M	151.5	70.8	84.8	59.1	214.7	70.8	46.7	3
	NO4-T1.17-BT2.01-01	Đất nhà ở biệt thự	CH171_SL.G02.01M	CH71_SL.G02	191.5	99.7	118.7	107.7	326.1	99.7	52.1	3
	NO4-T1.17-BT2.01-02	Đất nhà ở biệt thự	CH71_SL.G02.01M	CH71_SL.01M	112.0	53.2	59.5	54.9	167.6	53.2	47.5	3
	NO4-T1.17-BT2.01-03	Đất nhà ở biệt thự	CH71_SL.01.01M	CH71_SL.01	112.0	53.2	59.5	54.9	167.6	53.2	47.5	3
	NO4-T1.17-BT2.01-04	Đất nhà ở biệt thự	CH71_SL.01.01M	CH71_SL.01M	112.0	53.2	59.5	54.9	167.6	53.2	47.5	3
	NO4-T1.17-BT2.01-05	Đất nhà ở biệt thự	CH71_SL.01.01M	CH71_SL.01	112.0	53.2	59.5	54.9	167.6	53.2	47.5	3
	NO4-T1.17-BT2.01-06	Đất nhà ở biệt thự	CH71_SL.01.01M	CH71_SL.01M	112.0	53.2	59.5	54.9	167.6	53.2	47.5	3
	NO4-T1.17-BT2.01-07	Đất nhà ở biệt thự	CH71_SL.01.01M	CH71_SL.01	112.0	53.2	59.5	54.9	167.6	53.2	47.5	3
	NO4-T1.17-BT2.01-08	Đất nhà ở biệt thự	CH71_SL.01.01M	CH71_SL.01M	112.0	53.2	59.5	54.9	167.6	53.2	47.5	3
	NO4-T1.17-BT2.01-09	Đất nhà ở biệt thự	CH71_SL.01.01M	CH71_SL.01	112.0	53.2	59.5	54.9	167.6	53.2	47.5	3
	NO4-T1.17-BT2.01-10	Đất nhà ở biệt thự	CH71_SL.01.01M	CH71_SL.01M	112.0	53.2	59.5	54.9	167.6	53.2	47.5	3
	NO4-T1.17-BT2.01-11	Đất nhà ở biệt thự	CH71_SL.01.01M	CH71_SL.01	112.0	53.2	59.5	54.9	167.6	53.2	47.5	3
	NO4-T1.17-BT2.01-12	Đất nhà ở biệt thự	CH71_SL.01.01M	CH71_SL.01M	112.0	53.2	59.5	54.9	167.6	53.2	47.5	3
NO4-T1.18-BT2.01	NO4-T1.17-BT2.01-13	Đất nhà ở biệt thự	CH71_SL.01.01M	CH71_SL.01	112.0	53.2	59.5	54.9	167.6	53.2	47.5	3
	NO4-T1.17-BT2.01-14	Đất nhà ở biệt thự	CH71_SL.01.01M	CH71_SL.01M	112.0	53.2	59.5	54.9	167.6	53.2	47.5	3
	NO4-T1.17-BT2.01-15	Đất nhà ở biệt thự	CH71_SL.01.01M	CH71_SL.01	112.0	53.2	59.5	54.9	167.6	53.2	47.5	3
	NO4-T1.17-BT2.01-16	Đất nhà ở biệt thự	CH71_SL.01.01M	CH71_SL.01M	112.0	53.2	59.5	54.9	167.6	53.2	47.5	3
	NO4-T1.17-BT2.01-17	Đất nhà ở biệt thự	CH71_SL.01.01M	CH71_SL.01	112.0	53.2	59.5	54.9	167.6	53.2	47.5	3
	NO4-T1.17-BT2.01-18	Đất nhà ở biệt thự	CH71_SL.01.01M	CH71_SL.01M	112.0	53.2	59.5	54.9	167.6	53.2	47.5	3
	NO4-T1.17-BT2.01-19	Đất nhà ở biệt thự	CH71_SL.01.01M	CH71_SL.01	112.0	53.2	59.5	54.9	167.6	53.2	47.5	3
	NO4-T1.17-BT2.01-20	Đất nhà ở biệt thự	CH71_SL.01.01M	CH71_SL.01M	112.0	53.2	59.5	54.9	167.6	53.2	47.5	3
	NO4-T1.17-BT2.01-21	Đất nhà ở biệt thự	CH71_SL.01.01M	CH71_SL.01	112.0	53.2	59.5	54.9	167.6	53.2	47.5	3
	NO4-T1.17-BT2.01-22	Đất nhà ở biệt thự	CH71_SL.01.01M	CH71_SL.01M	112.0	53.2	59.5	54.9	167.6	53.2	47.5	3
	NO4-T1.17-BT2.01-23	Đất nhà ở biệt thự	CH71_SL.01.G01M	CH71_SL.01	112.0	53.2	59.5	54.9	167.6	53.2	47.5	3
	NO4-T1.17-BT2.01-24	Đất nhà ở biệt thự	CH71_SL.01.G01M	CH71_SL.G01M	175.5	88.7	106.8	97.9	293.4	88.7	50.5	3
	NO4-T1.18-BT2.01-01	Đất nhà ở biệt thự	CH75_SL.G02.01M	CH75_SL.G02	179.0	85.2	82.2	80.0	247.4	85.2	47.6	3
	NO4-T1.18-BT2.01-02	Đất nhà ở biệt thự	CH75_SL.G02.01M	CH75_SL.01M	112.0	52.1	51.8	51.2	155.1	52.1	46.5	3
NO4-T1.18-BT2.01	NO4-T1.18-BT2.01-03	Đất nhà ở biệt thự	CH75_SL.01.01M	CH75_SL.01	112.0	52.1	51.8	51.2	155.1	52.1	46.5	3
	NO4-T1.18-BT2.01-04	Đất nhà ở biệt thự	CH75_SL.01.01M	CH75_SL.01M	112.0	52.1	51.8	51.2	155.1	52.1	46.5	3
	NO4-T1.18-BT2.01-05	Đất nhà ở biệt thự	CH75_SL.01.01M	CH75_SL.01	112.0	52.1	51.8	51.2	155.1	52.1	46.5	3
	NO4-T1.18-BT2.01-06	Đất nhà ở biệt thự	CH75_SL.01.01M	CH75_SL.01M	112.0	52.1	51.8	51.2	155.1	52.1	46.5	3
	NO4-T1.18-BT2.01-07	Đất nhà ở biệt thự	CH75_SL.01.01M	CH75_SL.01	112.0	52.1	51.8	51.2	155.1	52.1	46.5	3
	NO4-T1.18-BT2.01-08	Đất nhà ở biệt thự	CH75_SL.01.01M	CH75_SL.01M	112.0	52.1	51.8	51.2	155.1	52.1	46.5	3
	NO4-T1.18-BT2.01-09	Đất nhà ở biệt thự	CH75_SL.01.01M	CH75_SL.01	112.0	52.1	51.8	51.2	155.1	52.1	46.5	3
	NO4-T1.18-BT2.01-10	Đất nhà ở biệt thự	CH75_SL.01.01M	CH75_SL.01M	112.0	52.1	51.8	51.2	155.1	52.1	46.5	3
	NO4-T1.18-BT2.01-11	Đất nhà ở biệt thự	CH75_SL.01.01M	CH75_SL.01	112.0	52.1	51.8	51.2	155.1	52.1	46.5	3
	NO4-T1.18-BT2.01-12	Đất nhà ở biệt thự	CH75_SL.01.01M	CH75_SL.01M	112.0	52.1	51.8	51.2	155.1	52.1	46.5	3
	NO4-T1.18-BT2.01-13	Đất nhà ở biệt thự	CH75_SL.01.G01M	CH75_SL.01	112.0	52.1	51.8	51.2	155.1	52.1	46.5	3
	NO4-T1.18-BT2.01-14	Đất nhà ở biệt thự	CH75_SL.01.G01M	CH75_SL.01M	172.0	80.2	79.6	76.1	235.9	80.2	46.6	3

QUAN



Đối chiếu các chỉ tiêu quy hoạch xây dựng theo tổng lô đất theo Báo cáo nghiên cứu khả thi
so với quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được duyệt
(Đính kèm Công văn số 1812/KH-UBND-QLXDCT ngày 29/5/2026)

STT		Tên lô đất theo QHCT	Chức năng SDD	Chỉ tiêu	Đơn vị	Theo QHCT 1/500	BCNCKT xin thẩm định	Chênh lệch (+) tăng; (-) giảm so với QHCT 1/500	Đánh giá
I		Đất nhà ở liền kề							
1	a	NO4-T1.01-LK.01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m ²	484.0	484.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	65.3	-24.7	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	435.6	316.2	-119.4	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sân	m ²	1,742.4	1,278.1	-464.3	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.6	-1.0	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	7	7	Không đổi	Phù hợp
	2			a	NO4-T1.01-LK.02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m ²	492.0
b		Tầng cao	tầng	4			4	Không đổi	Phù hợp
d		Mật độ xây dựng	%	90.0			60.7	-29.3	Phù hợp
e		Diện tích xây dựng	m ²	442.8			298.8	-144.0	Phù hợp
f		Tổng diện tích sân	m ²	1,771.2			1,209.5	-561.7	Phù hợp
g		Hệ số sử dụng đất	lần	3.6			2.5	-1.1	Phù hợp
h		Số thửa	thửa	7			7	Không đổi	Phù hợp
3		a	NO4-T1.01-LK.03	Đất nhà ở liền kề			Diện tích đất	m ²	448.0
	b	Tầng cao			tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d	Mật độ xây dựng			%	90.0	65.0	-25.0	Phù hợp
	e	Diện tích xây dựng			m ²	403.2	291.0	-112.2	Phù hợp
	f	Tổng diện tích sân			m ²	1,612.8	1,178.8	-434.0	Phù hợp
	g	Hệ số sử dụng đất			lần	3.6	2.6	-1.0	Phù hợp
	h	Số thửa			thửa	6	6	Không đổi	Phù hợp
	4	a			NO4-T1.01-LK.04	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m ²	968.0
b		Tầng cao	tầng	4			4	Không đổi	Phù hợp
d		Mật độ xây dựng	%	90.0			73.2	-16.8	Phù hợp
e		Diện tích xây dựng	m ²	871.2			708.1	-163.1	Phù hợp
f		Tổng diện tích sân	m ²	3,484.8			2,857.7	-627.1	Phù hợp
g		Hệ số sử dụng đất	lần	3.6			3.0	-0.6	Phù hợp
h		Số thửa	thửa	14			14	Không đổi	Phù hợp
5		a	NO4-T1.01-LK.05	Đất nhà ở liền kề			Diện tích đất	m ²	984.0
	b	Tầng cao			tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d	Mật độ xây dựng			%	90.0	67.8	-22.2	Phù hợp
	e	Diện tích xây dựng			m ²	885.6	667.6	-218.0	Phù hợp
	f	Tổng diện tích sân			m ²	3,542.4	2,698.0	-844.4	Phù hợp
	g	Hệ số sử dụng đất			lần	3.6	2.7	-0.9	Phù hợp
	h	Số thửa			thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
	6	a			NO4-T1.01-LK.06	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m ²	896.0
b		Tầng cao	tầng	4			4	Không đổi	Phù hợp
d		Mật độ xây dựng	%	90.0			72.7	-17.3	Phù hợp
e		Diện tích xây dựng	m ²	806.4			651.8	-154.6	Phù hợp
f		Tổng diện tích sân	m ²	3,225.6			2,630.7	-594.9	Phù hợp
g		Hệ số sử dụng đất	lần	3.6			2.9	-0.7	Phù hợp
h		Số thửa	thửa	12			12	Không đổi	Phù hợp
7		a	NO4-T1.01-LK.07	Đất nhà ở liền kề			Diện tích đất	m ²	968.0
	b	Tầng cao			tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d	Mật độ xây dựng			%	90.0	73.2	-16.8	Phù hợp
	e	Diện tích xây dựng			m ²	871.2	708.1	-163.1	Phù hợp
	f	Tổng diện tích sân			m ²	3,484.8	2,857.7	-627.1	Phù hợp
	g	Hệ số sử dụng đất			lần	3.6	3.0	-0.6	Phù hợp
	h	Số thửa			thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
	8	a			NO4-T1.01-LK.08	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m ²	984.0
b		Tầng cao	tầng	4			4	Không đổi	Phù hợp
d		Mật độ xây dựng	%	90.0			67.8	-22.2	Phù hợp
e		Diện tích xây dựng	m ²	885.6			667.6	-218.0	Phù hợp
f		Tổng diện tích sân	m ²	3,542.4			2,698.0	-844.4	Phù hợp
g		Hệ số sử dụng đất	lần	3.6			2.7	-0.9	Phù hợp
h		Số thửa	thửa	14			14	Không đổi	Phù hợp
		a					Diện tích đất	m ²	896.0



Handwritten signature or initials.

9	b	NO4-T1.01-LK.09	Đất nhà ở liền kề	Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	72.7	-17.3	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	806.4	651.8	-154.6	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	3,225.6	2,630.7	-594.9	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.9	-0.7	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	12	12	Không đổi	Phù hợp
10	a	NO4-T1.01-LK.10	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m ²	1,132.0	1,132.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	75.9	-14.1	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	1,018.8	859.2	-159.6	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	4,075.2	3,458.6	-616.6	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.1	-0.5	Phù hợp
11	a	NO4-T1.01-LK.11	Đất nhà ở liền kề	Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
	b			Diện tích đất	m ²	1,148.0	1,148.0	Không đổi	Phù hợp
	d			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	e			Mật độ xây dựng	%	90.0	70.3	-19.7	Phù hợp
	f			Diện tích xây dựng	m ²	1,033.2	807.6	-225.6	Phù hợp
	g			Tổng diện tích sàn	m ²	4,132.8	3,257.8	-875.0	Phù hợp
12	a	NO4-T1.01-LK.12	Đất nhà ở liền kề	Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.8	-0.8	Phù hợp
	b			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
	d			Diện tích đất	m ²	1,048.0	1,048.0	Không đổi	Phù hợp
	e			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	f			Mật độ xây dựng	%	90.0	75.5	-14.5	Phù hợp
	g			Diện tích xây dựng	m ²	943.2	791.2	-152.0	Phù hợp
13	a	NO4-T1.01-LK.13	Đất nhà ở liền kề	Tổng diện tích sàn	m ²	3,772.8	3,184.4	-588.4	Phù hợp
	b			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.0	-0.6	Phù hợp
	d			Số thửa	thửa	12	12	Không đổi	Phù hợp
	e			Diện tích đất	m ²	968.0	968.0	Không đổi	Phù hợp
	f			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	g			Mật độ xây dựng	%	90.0	73.2	-16.8	Phù hợp
14	a	NO4-T1.01-LK.14	Đất nhà ở liền kề	Diện tích xây dựng	m ²	871.2	708.1	-163.1	Phù hợp
	b			Tổng diện tích sàn	m ²	3,484.8	2,857.7	-627.1	Phù hợp
	d			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.0	-0.6	Phù hợp
	e			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
	f			Diện tích đất	m ²	984.0	984.0	Không đổi	Phù hợp
	g			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
15	a	NO4-T1.01-LK.15	Đất nhà ở liền kề	Mật độ xây dựng	%	90.0	72.7	-17.3	Phù hợp
	b			Diện tích xây dựng	m ²	806.4	651.8	-154.6	Phù hợp
	d			Tổng diện tích sàn	m ²	3,225.6	2,630.7	-594.9	Phù hợp
	e			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.9	-0.7	Phù hợp
	f			Số thửa	thửa	12	12	Không đổi	Phù hợp
	g			Diện tích đất	m ²	1,122.0	1,122.0	Không đổi	Phù hợp
16	a	NO4-T1.01-LK.16	Đất nhà ở liền kề	Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	b			Mật độ xây dựng	%	90.0	75.3	-14.7	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m ²	1,009.8	844.5	-165.3	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m ²	4,039.2	3,406.6	-632.6	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.0	-0.6	Phù hợp
	g			Số thửa	thửa	13	13	Không đổi	Phù hợp
17	a	NO4-T1.01-LK.17	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m ²	1,148.0	1,148.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	70.3	-19.7	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	1,033.2	807.6	-225.6	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	4,132.8	3,257.8	-875.0	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.8	-0.8	Phù hợp
18	a	NO4-T1.01-LK.18	Đất nhà ở liền kề	Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
	b			Diện tích đất	m ²	1,038.0	1,038.0	Không đổi	Phù hợp
	d			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	e			Mật độ xây dựng	%	90.0	75.2	-14.8	Phù hợp
	f			Diện tích xây dựng	m ²	934.2	780.3	-153.9	Phù hợp
	g			Tổng diện tích sàn	m ²	3,736.8	3,144.9	-591.9	Phù hợp
	a			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.0	-0.6	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	12	12	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	484.0	484.0	Không đổi	Phù hợp

Handwritten signature/initials.

Handwritten notes in the right margin: "03", "ON", "XO", "RIA", and a checkmark.

19	d	NO4-T1.02-LK.01	Đất nhà ở liền kề	Mật độ xây dựng	%	90.0	65.3	-24.7	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	435.6	316.2	-119.4	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	1,742.4	1,278.1	-464.3	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.6	-1.0	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	7	7	Không đổi	Phù hợp
20	a	NO4-T1.02-LK.02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m ²	492.0	492.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	60.7	-29.3	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	442.8	298.8	-144.0	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	1,771.2	1,209.5	-561.7	Phù hợp
21	a	NO4-T1.02-LK.03	Đất nhà ở liền kề	Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.5	-1.1	Phù hợp
	b			Số thửa	thửa	7	7	Không đổi	Phù hợp
	d			Diện tích đất	m ²	438.0	438.0	Không đổi	Phù hợp
	e			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	f			Mật độ xây dựng	%	90.0	64.0	-26.0	Phù hợp
22	a	NO4-T1.02-LK.04	Đất nhà ở liền kề	Diện tích xây dựng	m ²	394.2	280.3	-113.9	Phù hợp
	b			Tổng diện tích sàn	m ²	1,576.8	1,138.2	-438.6	Phù hợp
	d			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.6	-1.0	Phù hợp
	e			Số thửa	thửa	6	6	Không đổi	Phù hợp
	f			Diện tích đất	m ²	968.0	968.0	Không đổi	Phù hợp
23	a	NO4-T1.02-LK.05	Đất nhà ở liền kề	Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	b			Mật độ xây dựng	%	90.0	73.2	-16.8	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m ²	871.2	708.1	-163.1	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m ²	3,484.8	2,857.7	-627.1	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.0	-0.6	Phù hợp
24	a	NO4-T1.02-LK.06	Đất nhà ở liền kề	Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
	b			Diện tích đất	m ²	984.0	984.0	Không đổi	Phù hợp
	d			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	e			Mật độ xây dựng	%	90.0	67.8	-22.2	Phù hợp
	f			Diện tích xây dựng	m ²	885.6	667.6	-218.0	Phù hợp
25	a	NO4-T1.02-LK.07	Đất nhà ở liền kề	Tổng diện tích sàn	m ²	3,542.4	2,698.0	-844.4	Phù hợp
	b			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.7	-0.9	Phù hợp
	d			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
	e			Diện tích đất	m ²	876.0	876.0	Không đổi	Phù hợp
	f			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
26	a	NO4-T1.02-LK.08	Đất nhà ở liền kề	Mật độ xây dựng	%	90.0	71.9	-18.1	Phù hợp
	b			Diện tích xây dựng	m ²	788.4	630.1	-158.3	Phù hợp
	d			Tổng diện tích sàn	m ²	3,153.6	2,547.4	-606.2	Phù hợp
	e			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.9	-0.7	Phù hợp
	f			Số thửa	thửa	12	12	Không đổi	Phù hợp
27	a	NO4-T1.02-LK.09	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m ²	968.0	968.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	73.2	-16.8	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	871.2	708.1	-163.1	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	3,484.8	2,857.7	-627.1	Phù hợp
28	a	NO4-T1.03-LK.01	Đất nhà ở liền kề	Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.0	-0.6	Phù hợp
	b			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
	d			Diện tích đất	m ²	984.0	984.0	Không đổi	Phù hợp
	e			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	f			Mật độ xây dựng	%	90.0	67.8	-22.2	Phù hợp
	a			Diện tích xây dựng	m ²	885.6	667.6	-218.0	Phù hợp
	b			Tổng diện tích sàn	m ²	3,542.4	2,698.0	-844.4	Phù hợp
	d			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.7	-0.9	Phù hợp
	e			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
	f			Diện tích đất	m ²	876.0	876.0	Không đổi	Phù hợp
	a			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	b			Mật độ xây dựng	%	90.0	71.9	-18.1	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m ²	788.4	630.1	-158.3	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m ²	3,153.6	2,547.4	-606.2	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.9	-0.7	Phù hợp
	a			Số thửa	thửa	12	12	Không đổi	Phù hợp
	b			Diện tích đất	m ²	550.1	550.1	Không đổi	Phù hợp
	d			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	e			Mật độ xây dựng	%	90.0	75.4	-14.6	Phù hợp
	f			Diện tích xây dựng	m ²	495.1	414.7	-80.4	Phù hợp
	a			Tổng diện tích sàn	m ²	1,980.4	1,594.4	-386.0	Phù hợp
	b			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.9	-0.7	Phù hợp
	d			Số thửa	thửa	6	6	Không đổi	Phù hợp
	e			Diện tích đất	m ²	644.0	644.0	Không đổi	Phù hợp
	f			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp

28

29	d	NO4-T1.03-LK.02	Đất nhà ở liền kề	Mật độ xây dựng	%	90.0	72.4	-17.6	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	579.6	466.4	-113.2	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	2,318.4	1,816.4	-502.0	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.8	-0.8	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	8	8	Không đổi	Phù hợp
30	a	NO4-T1.03-LK.03	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m ²	714.0	714.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	73.5	-16.5	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	642.6	524.7	-117.9	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	2,570.4	2,045.2	-525.2	Phù hợp
31	g	NO4-T1.03-LK.04	Đất nhà ở liền kề	Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.9	-0.7	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	9	9	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	714.0	714.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	73.5	-16.5	Phù hợp
32	e	NO4-T1.03-LK.05	Đất nhà ở liền kề	Diện tích xây dựng	m ²	642.6	524.7	-117.9	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	2,570.4	2,045.2	-525.2	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.9	-0.7	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	9	9	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	735.7	735.7	Không đổi	Phù hợp
33	b	NO4-T1.04-LK.01	Đất nhà ở liền kề	Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	80.5	-9.5	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	1,618.2	1,446.8	-171.4	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	6,472.8	5,596.0	-876.8	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.1	-0.5	Phù hợp
34	h	NO4-T1.04-LK.02	Đất nhà ở liền kề	Số thửa	thửa	20	20	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	1,808.0	1,808.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	80.4	-9.6	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	1,627.2	1,453.2	-174.0	Phù hợp
35	f	NO4-T1.04-LK.03	Đất nhà ở liền kề	Tổng diện tích sàn	m ²	6,508.8	5,616.6	-892.2	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.1	-0.5	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	20	20	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	1,292.0	1,292.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
36	d	NO4-T1.04-LK.04	Đất nhà ở liền kề	Mật độ xây dựng	%	90.0	75.7	-14.3	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	1,162.8	978.6	-184.2	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	4,651.2	3,763.9	-887.3	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.9	-0.7	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	20	20	Không đổi	Phù hợp
37	a	NO4-T1.04-LK.05	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m ²	1,412.0	1,412.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	75.7	-14.3	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	1,162.8	978.6	-184.2	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	4,651.2	3,763.9	-887.3	Phù hợp
38	g	NO4-T1.04-LK.06	Đất nhà ở liền kề	Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.9	-0.7	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	20	20	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	1,412.0	1,412.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	76.1	-13.9	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	1,270.8	1,075.2	-195.6	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	5,083.2	4,138.9	-944.3	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.9	-0.7	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	22	22	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	1,292.0	1,292.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp

10/1/2021

39	d	NO4-T1.04-LK.07	Đất nhà ở liền kề	Mật độ xây dựng	%	90.0	75.7	-14.3	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	1,162.8	978.6	-184.2	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	4,651.2	3,763.9	-887.3	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.9	-0.7	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	20	20	Không đổi	Phù hợp
40	a	NO4-T1.04-LK.08	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m ²	1,412.0	1,412.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	76.1	-13.9	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	1,270.8	1,075.2	-195.6	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	5,083.2	4,138.9	-944.3	Phù hợp
41	a	NO4-T1.04-LK.09	Đất nhà ở liền kề	Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.9	-0.7	Phù hợp
	b			Số thửa	thửa	22	22	Không đổi	Phù hợp
	d			Diện tích đất	m ²	1,342.0	1,342.0	Không đổi	Phù hợp
	e			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	f			Mật độ xây dựng	%	90.0	75.8	-14.2	Phù hợp
42	a	NO4-T1.04-LK.10	Đất nhà ở liền kề	Diện tích xây dựng	m ²	1,207.8	1,016.9	-190.9	Phù hợp
	b			Tổng diện tích sàn	m ²	4,831.2	4,158.3	-672.9	Phù hợp
	d			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.1	-0.5	Phù hợp
	e			Số thửa	thửa	20	20	Không đổi	Phù hợp
	f			Diện tích đất	m ²	1,342.0	1,342.0	Không đổi	Phù hợp
43	a	NO4-T1.05-LK.01	Đất nhà ở liền kề	Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	b			Mật độ xây dựng	%	90.0	75.8	-14.2	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m ²	1,207.8	1,017.9	-189.9	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m ²	4,831.2	4,153.8	-677.4	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.1	-0.5	Phù hợp
44	a	NO4-T1.05-LK.02	Đất nhà ở liền kề	Số thửa	thửa	20	20	Không đổi	Phù hợp
	b			Diện tích đất	m ²	1,342.0	1,342.0	Không đổi	Phù hợp
	d			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	e			Mật độ xây dựng	%	90.0	75.8	-14.2	Phù hợp
	f			Diện tích xây dựng	m ²	1,207.8	1,017.9	-189.9	Phù hợp
45	a	NO4-T1.05-LK.03	Đất nhà ở liền kề	Tổng diện tích sàn	m ²	4,831.2	4,153.8	-677.4	Phù hợp
	b			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.1	-0.5	Phù hợp
	d			Số thửa	thửa	20	20	Không đổi	Phù hợp
	e			Diện tích đất	m ²	1,292.0	1,292.0	Không đổi	Phù hợp
	f			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
46	a	NO4-T1.05-LK.04	Đất nhà ở liền kề	Mật độ xây dựng	%	90.0	75.8	-14.2	Phù hợp
	b			Diện tích xây dựng	m ²	1,162.8	979.4	-183.4	Phù hợp
	d			Tổng diện tích sàn	m ²	4,651.2	4,209.6	-441.6	Phù hợp
	e			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.3	-0.3	Phù hợp
	f			Số thửa	thửa	20	20	Không đổi	Phù hợp
47	a	NO4-T1.05-LK.05	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m ²	1,412.0	1,412.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	75.8	-14.2	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	1,162.8	979.4	-183.4	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	4,651.2	4,209.6	-441.6	Phù hợp
48	a	NO4-T1.05-LK.06	Đất nhà ở liền kề	Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.3	-0.3	Phù hợp
	b			Số thửa	thửa	20	20	Không đổi	Phù hợp
	d			Diện tích đất	m ²	1,412.0	1,412.0	Không đổi	Phù hợp
	e			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	f			Mật độ xây dựng	%	90.0	76.2	-13.8	Phù hợp
	a			Diện tích xây dựng	m ²	1,270.8	1,076.0	-194.8	Phù hợp
	b			Tổng diện tích sàn	m ²	5,083.2	4,628.6	-454.6	Phù hợp
	d			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.3	-0.3	Phù hợp
	e			Số thửa	thửa	22	22	Không đổi	Phù hợp
	f			Diện tích đất	m ²	1,342.0	1,342.0	Không đổi	Phù hợp
	a			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	b								



8/8

49	d	NO4-T1.05-LK.07	Đất nhà ở liền kề	Mật độ xây dựng	%	90.0	74.1	-15.9	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	1,207.8	994.5	-213.3	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	4,831.2	4,059.2	-772.0	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.0	-0.6	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	20	20	Không đổi	Phù hợp
50	a	NO4-T1.05-LK.08	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m ²	1,342.0	1,342.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	74.1	-15.9	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	1,207.8	994.5	-213.3	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	4,831.2	4,059.2	-772.0	Phù hợp
51	g	NO4-T1.06-LK.01	Đất nhà ở liền kề	Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.0	-0.6	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	20	20	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	1,342.0	1,342.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	74.1	-15.9	Phù hợp
52	e	NO4-T1.06-LK.02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích xây dựng	m ²	1,207.8	994.7	-213.1	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	4,831.2	4,055.4	-775.8	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.0	-0.6	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	20	20	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	1,342.0	1,342.0	Không đổi	Phù hợp
53	b	NO4-T1.06-LK.03	Đất nhà ở liền kề	Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	73.9	-16.1	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	1,162.8	955.4	-207.4	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	4,651.2	3,766.2	-885.0	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.9	-0.7	Phù hợp
54	h	NO4-T1.06-LK.04	Đất nhà ở liền kề	Số thửa	thửa	20	20	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	1,412.0	1,412.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	74.3	-15.7	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	1,270.8	1,049.6	-221.2	Phù hợp
55	f	NO4-T1.06-LK.05	Đất nhà ở liền kề	Tổng diện tích sàn	m ²	5,083.2	4,136.8	-946.4	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.9	-0.7	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	22	22	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	1,292.0	1,292.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
56	d	NO4-T1.06-LK.06	Đất nhà ở liền kề	Mật độ xây dựng	%	90.0	73.9	-16.1	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	1,162.8	955.4	-207.4	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	4,651.2	3,766.2	-885.0	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.9	-0.7	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	20	20	Không đổi	Phù hợp
57	a	NO4-T1.06-LK.07	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m ²	1,412.0	1,412.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	74.3	-15.7	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	1,270.8	1,049.6	-221.2	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	5,083.2	4,136.8	-946.4	Phù hợp
58	g	NO4-T1.06-LK.08	Đất nhà ở liền kề	Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.9	-0.7	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	22	22	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	1,292.0	1,292.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	74.3	-15.7	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	1,270.8	1,049.6	-221.2	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	5,083.2	4,136.8	-946.4	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.9	-0.7	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	22	22	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	1,270.0	1,270.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp

H&P

M.S. 10/10/2019

59	d	NO4-T1.06-LK.09	Đất nhà ở liền kề	Mật độ xây dựng	%	90.0	74.5	-15.5	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	1,143.0	946.3	-196.7	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	4,572.0	3,620.6	-951.4	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.9	-0.7	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	16	16	Không đổi	Phù hợp
60	a	NO4-T1.06-LK.10	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m ²	1,414.0	1,414.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	75.1	-14.9	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	1,272.6	1,061.3	-211.3	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	5,090.4	4,073.8	-1,016.6	Phù hợp
61	a	NO4-T1.07-LK.01	Đất nhà ở liền kề	Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.9	-0.7	Phù hợp
	b			Số thửa	thửa	18	18	Không đổi	Phù hợp
	d			Diện tích đất	m ²	1,270.0	1,270.0	Không đổi	Phù hợp
	e			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	f			Mật độ xây dựng	%	90.0	74.5	-15.5	Phù hợp
62	a	NO4-T1.07-LK.02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích xây dựng	m ²	1,143.0	946.1	-196.9	Phù hợp
	b			Tổng diện tích sàn	m ²	4,572.0	3,621.0	-951.0	Phù hợp
	d			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.9	-0.7	Phù hợp
	e			Số thửa	thửa	16	16	Không đổi	Phù hợp
	f			Diện tích đất	m ²	1,414.0	1,414.0	Không đổi	Phù hợp
63	a	NO4-T1.07-LK.03	Đất nhà ở liền kề	Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	b			Mật độ xây dựng	%	90.0	75.7	-14.3	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m ²	1,216.8	1,023.8	-193.0	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m ²	4,867.2	3,963.6	-903.6	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.9	-0.7	Phù hợp
64	a	NO4-T1.07-LK.04	Đất nhà ở liền kề	Số thửa	thửa	20	20	Không đổi	Phù hợp
	b			Diện tích đất	m ²	1,352.0	1,352.0	Không đổi	Phù hợp
	d			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	e			Mật độ xây dựng	%	90.0	75.7	-14.3	Phù hợp
	f			Diện tích xây dựng	m ²	1,216.8	1,023.8	-193.0	Phù hợp
65	a	NO4-T1.07-LK.05	Đất nhà ở liền kề	Tổng diện tích sàn	m ²	4,867.2	3,963.6	-903.6	Phù hợp
	b			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.9	-0.7	Phù hợp
	d			Số thửa	thửa	20	20	Không đổi	Phù hợp
	e			Diện tích đất	m ²	1,352.0	1,352.0	Không đổi	Phù hợp
	f			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
66	a	NO4-T1.07-LK.06	Đất nhà ở liền kề	Mật độ xây dựng	%	90.0	75.7	-14.3	Phù hợp
	b			Diện tích xây dựng	m ²	1,216.8	1,023.8	-193.0	Phù hợp
	d			Tổng diện tích sàn	m ²	4,867.2	3,963.6	-903.6	Phù hợp
	e			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.9	-0.7	Phù hợp
	f			Số thửa	thửa	20	20	Không đổi	Phù hợp
67	a	NO4-T1.07-LK.07	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m ²	1,352.0	1,352.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	75.7	-14.3	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	1,216.8	1,023.8	-193.0	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	4,867.2	3,963.6	-903.6	Phù hợp
68	a	NO4-T1.07-LK.08	Đất nhà ở liền kề	Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.9	-0.7	Phù hợp
	b			Số thửa	thửa	20	20	Không đổi	Phù hợp
	d			Diện tích đất	m ²	1,352.0	1,352.0	Không đổi	Phù hợp
	e			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	f			Mật độ xây dựng	%	90.0	75.7	-14.3	Phù hợp
	a			Diện tích xây dựng	m ²	1,216.8	1,023.8	-193.0	Phù hợp
	b			Tổng diện tích sàn	m ²	4,867.2	3,963.6	-903.6	Phù hợp
	a			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.9	-0.7	Phù hợp
	b			Số thửa	thửa	20	20	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	1,270.0	1,270.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp

At S

69	d	NO4-T1.07-LK.09	Đất nhà ở liền kề	Mật độ xây dựng	%	90.0	75.0	-15.0	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	1,143.0	951.9	-191.1	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	4,572.0	3,704.5	-867.5	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.9	-0.7	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	16	16	Không đổi	Phù hợp
70	a	NO4-T1.07-LK.10	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m ²	1,414.0	1,414.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	75.5	-14.5	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	1,272.6	1,067.0	-205.6	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	5,090.4	4,154.3	-936.1	Phù hợp
71	g	NO4-T1.08-LK.01	Đất nhà ở liền kề	Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.9	-0.7	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	18	18	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	1,414.0	1,414.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	75.0	-15.0	Phù hợp
72	e	NO4-T1.08-LK.02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích xây dựng	m ²	1,272.6	1,061.1	-211.5	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	5,090.4	4,074.2	-1,016.2	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.9	-0.7	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	18	18	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	1,404.0	1,404.0	Không đổi	Phù hợp
73	b	NO4-T1.08-LK.03	Đất nhà ở liền kề	Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	74.9	-15.1	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	1,263.6	1,051.4	-212.2	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	5,054.4	4,037.7	-1,016.7	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.9	-0.7	Phù hợp
74	h	NO4-T1.08-LK.04	Đất nhà ở liền kề	Số thửa	thửa	18	18	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	377.0	377.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	82.3	-7.7	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	339.3	310.2	-29.1	Phù hợp
75	f	NO4-T1.08-LK.05	Đất nhà ở liền kề	Tổng diện tích sàn	m ²	1,357.2	1,204.4	-152.8	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.2	-0.4	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	5	5	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	377.0	377.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
76	d	NO4-T1.08-LK.06	Đất nhà ở liền kề	Mật độ xây dựng	%	90.0	82.3	-7.7	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	339.3	310.3	-29.0	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	1,357.2	1,204.3	-152.9	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.2	-0.4	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	5	5	Không đổi	Phù hợp
77	a	NO4-T1.08-LK.07	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m ²	992.0	992.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	74.1	-15.9	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	892.8	734.9	-157.9	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	3,571.2	2,837.7	-733.5	Phù hợp
78	g	NO4-T1.08-LK.08	Đất nhà ở liền kề	Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.9	-0.7	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	864.0	864.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	66.9	-23.1	Phù hợp
79	e	NO4-T1.08-LK.09	Đất nhà ở liền kề	Diện tích xây dựng	m ²	777.6	577.6	-200.0	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	3,110.4	2,251.2	-859.2	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.6	-1.0	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	12	12	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	972.0	972.0	Không đổi	Phù hợp
80	b	NO4-T1.08-LK.10	Đất nhà ở liền kề	Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	73.3	-16.7	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	874.8	712.5	-162.3	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	3,499.2	2,777.3	-721.9	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.9	-0.7	Phù hợp
81	h	NO4-T1.08-LK.11	Đất nhà ở liền kề	Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	1,414.0	1,414.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	75.5	-14.5	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	1,272.6	1,067.0	-205.6	Phù hợp
82	f	NO4-T1.08-LK.12	Đất nhà ở liền kề	Tổng diện tích sàn	m ²	5,090.4	4,154.3	-936.1	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.9	-0.7	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	18	18	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	1,247.4	1,247.4	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp

th

79	d	NO4-T1.08-LK.09	Đất nhà ở liền kề	Mật độ xây dựng	%	90.0	72.5	-17.5	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	1,122.7	904.9	-217.8	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	4,490.8	3,535.2	-955.6	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.8	-0.8	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	15	15	Không đổi	Phù hợp
80	a	NO4-T1.09-LK.01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m ²	862.0	862.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	71.3	-18.7	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	775.8	614.7	-161.1	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	3,103.2	2,505.0	-598.2	Phù hợp
81	a	NO4-T1.09-LK.02	Đất nhà ở liền kề	Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.9	-0.7	Phù hợp
	b			Số thửa	thửa	12	12	Không đổi	Phù hợp
	d			Diện tích đất	m ²	984.0	984.0	Không đổi	Phù hợp
	e			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	f			Mật độ xây dựng	%	90.0	67.7	-22.3	Phù hợp
82	a	NO4-T1.09-LK.03	Đất nhà ở liền kề	Diện tích xây dựng	m ²	885.6	665.8	-219.8	Phù hợp
	b			Tổng diện tích sàn	m ²	3,542.4	2,726.0	-816.4	Phù hợp
	d			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.8	-0.8	Phù hợp
	e			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
	f			Diện tích đất	m ²	972.0	972.0	Không đổi	Phù hợp
83	a	NO4-T1.09-LK.04	Đất nhà ở liền kề	Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	b			Mật độ xây dựng	%	90.0	72.1	-17.9	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m ²	784.8	628.8	-156.0	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m ²	3,139.2	2,486.1	-653.1	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.9	-0.7	Phù hợp
84	a	NO4-T1.09-LK.05	Đất nhà ở liền kề	Số thửa	thửa	12	12	Không đổi	Phù hợp
	b			Diện tích đất	m ²	984.0	984.0	Không đổi	Phù hợp
	d			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	e			Mật độ xây dựng	%	90.0	67.0	-23.0	Phù hợp
	f			Diện tích xây dựng	m ²	885.6	659.4	-226.2	Phù hợp
85	a	NO4-T1.09-LK.06	Đất nhà ở liền kề	Tổng diện tích sàn	m ²	3,542.4	2,594.6	-947.8	Phù hợp
	b			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.6	-1.0	Phù hợp
	d			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
	e			Diện tích đất	m ²	972.0	972.0	Không đổi	Phù hợp
	f			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
86	a	NO4-T1.09-LK.07	Đất nhà ở liền kề	Mật độ xây dựng	%	90.0	72.1	-17.9	Phù hợp
	b			Diện tích xây dựng	m ²	874.8	700.5	-174.3	Phù hợp
	d			Tổng diện tích sàn	m ²	3,499.2	2,761.8	-737.4	Phù hợp
	e			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.8	-0.8	Phù hợp
	f			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
87	a	NO4-T1.09-LK.08	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m ²	871.2	871.2	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	71.8	-18.2	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	784.1	625.2	-158.9	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	3,136.4	2,472.7	-663.7	Phù hợp
88	a	NO4-T1.09-LK.09	Đất nhà ở liền kề	Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.8	-0.8	Phù hợp
	b			Số thửa	thửa	12	12	Không đổi	Phù hợp
	d			Diện tích đất	m ²	974.4	974.4	Không đổi	Phù hợp
	e			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	f			Mật độ xây dựng	%	90.0	71.9	-18.1	Phù hợp
	a			Diện tích xây dựng	m ²	877.0	700.5	-176.5	Phù hợp
	b			Tổng diện tích sàn	m ²	3,508.0	2,761.8	-746.2	Phù hợp
	c			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.8	-0.8	Phù hợp
	a			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
	b			Diện tích đất	m ²	872.0	872.0	Không đổi	Phù hợp
	c			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp

th S

89	d	NO4-T1.09-LK.10	Đất nhà ở liền kề	Mật độ xây dựng	%	90.0	72.1	-17.9	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	784.8	628.8	-156.0	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	3,139.2	2,486.1	-653.1	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.9	-0.7	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	12	12	Không đổi	Phù hợp
90	a	NO4-T1.09-LK.11	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m ²	984.0	984.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	67.0	-23.0	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	885.6	659.4	-226.2	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	3,542.4	2,594.6	-947.8	Phù hợp
91	g	NO4-T1.09-LK.12	Đất nhà ở liền kề	Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.6	-1.0	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	972.0	972.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	72.1	-17.9	Phù hợp
92	e	NO4-T1.09-LK.13	Đất nhà ở liền kề	Diện tích xây dựng	m ²	874.8	700.5	-174.3	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	3,499.2	2,761.8	-737.4	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.8	-0.8	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	1,413.3	1,413.3	Không đổi	Phù hợp
93	b	NO4-T1.09-LK.14	Đất nhà ở liền kề	Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	75.0	-15.0	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	1,272.0	1,059.6	-212.4	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	5,088.0	4,067.0	-1,021.0	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.9	-0.7	Phù hợp
94	h	NO4-T1.10-LK.01	Đất nhà ở liền kề	Số thửa	thửa	18	18	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	1,404.0	1,404.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	74.9	-15.1	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	1,263.6	1,051.4	-212.2	Phù hợp
95	f	NO4-T1.10-LK.02	Đất nhà ở liền kề	Tổng diện tích sàn	m ²	5,054.4	4,037.7	-1,016.7	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.9	-0.7	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	18	18	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	862.0	862.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
96	d	NO4-T1.10-LK.03	Đất nhà ở liền kề	Mật độ xây dựng	%	90.0	73.4	-16.6	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	775.8	632.3	-143.5	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	3,103.2	2,569.4	-533.8	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.0	-0.6	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	12	12	Không đổi	Phù hợp
97	a	NO4-T1.10-LK.04	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m ²	984.0	984.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	68.6	-21.4	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	885.6	674.8	-210.8	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	3,542.4	2,770.2	-772.2	Phù hợp
98	g	NO4-T1.10-LK.05	Đất nhà ở liền kề	Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.8	-0.8	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	972.0	972.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	73.8	-16.2	Phù hợp
99	e	NO4-T1.10-LK.06	Đất nhà ở liền kề	Diện tích xây dựng	m ²	874.8	717.7	-157.1	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	3,499.2	2,929.0	-570.2	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.0	-0.6	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	872.0	872.0	Không đổi	Phù hợp
100	b	NO4-T1.10-LK.07	Đất nhà ở liền kề	Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	73.7	-16.3	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	784.8	643.0	-141.8	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	3,139.2	2,766.0	-373.2	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.2	-0.4	Phù hợp
101	h	NO4-T1.10-LK.08	Đất nhà ở liền kề	Số thửa	thửa	12	12	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	984.0	984.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	68.7	-21.3	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	885.6	676.2	-209.4	Phù hợp
102	f	NO4-T1.10-LK.09	Đất nhà ở liền kề	Tổng diện tích sàn	m ²	3,542.4	2,901.0	-641.4	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.9	-0.7	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	972.0	972.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp

HT

99	d	NO4-T1.10-LK.06	Đất nhà ở liền kề	Mật độ xây dựng	%	90.0	73.8	-16.2	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	874.8	717.0	-157.8	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	3,499.2	3,085.1	-414.1	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.2	-0.4	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
100	a	NO4-T1.10-LK.07	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m ²	872.0	872.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	73.7	-16.3	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	784.8	643.0	-141.8	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	3,139.2	2,766.0	-373.2	Phù hợp
101	a	NO4-T1.10-LK.08	Đất nhà ở liền kề	Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.2	-0.4	Phù hợp
	b			Số thửa	thửa	12	12	Không đổi	Phù hợp
	d			Diện tích đất	m ²	984.0	984.0	Không đổi	Phù hợp
	e			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	f			Mật độ xây dựng	%	90.0	68.7	-21.3	Phù hợp
102	a	NO4-T1.10-LK.09	Đất nhà ở liền kề	Diện tích xây dựng	m ²	885.6	676.2	-209.4	Phù hợp
	b			Tổng diện tích sàn	m ²	3,542.4	2,901.0	-641.4	Phù hợp
	d			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.9	-0.7	Phù hợp
	e			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
	f			Diện tích đất	m ²	972.0	972.0	Không đổi	Phù hợp
103	a	NO4-T1.10-LK.10	Đất nhà ở liền kề	Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	b			Mật độ xây dựng	%	90.0	71.3	-18.7	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m ²	775.8	614.5	-161.3	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m ²	3,103.2	2,508.8	-594.4	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.9	-0.7	Phù hợp
104	a	NO4-T1.10-LK.11	Đất nhà ở liền kề	Số thửa	thửa	12	12	Không đổi	Phù hợp
	b			Diện tích đất	m ²	984.0	984.0	Không đổi	Phù hợp
	d			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	e			Mật độ xây dựng	%	90.0	67.7	-22.3	Phù hợp
	f			Diện tích xây dựng	m ²	885.6	665.8	-219.8	Phù hợp
105	a	NO4-T1.10-LK.12	Đất nhà ở liền kề	Tổng diện tích sàn	m ²	3,542.4	2,726.0	-816.4	Phù hợp
	b			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.8	-0.8	Phù hợp
	d			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
	e			Diện tích đất	m ²	972.0	972.0	Không đổi	Phù hợp
	f			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
106	a	NO4-T1.11-LK.01	Đất nhà ở liền kề	Mật độ xây dựng	%	90.0	72.0	-18.0	Phù hợp
	b			Diện tích xây dựng	m ²	874.8	700.2	-174.6	Phù hợp
	d			Tổng diện tích sàn	m ²	3,499.2	2,848.5	-650.7	Phù hợp
	e			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.9	-0.7	Phù hợp
	f			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
107	a	NO4-T1.11-LK.02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m ²	1,168.0	1,168.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	77.6	-12.4	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	1,051.2	906.8	-144.4	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	4,204.8	3,480.2	-724.6	Phù hợp
108	a	NO4-T1.11-LK.03	Đất nhà ở liền kề	Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.0	-0.6	Phù hợp
	b			Số thửa	thửa	12	12	Không đổi	Phù hợp
	d			Diện tích đất	m ²	1,312.0	1,312.0	Không đổi	Phù hợp
	e			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	f			Mật độ xây dựng	%	90.0	72.9	-17.1	Phù hợp
	a			Diện tích xây dựng	m ²	1,180.8	956.2	-224.6	Phù hợp
	b			Tổng diện tích sàn	m ²	4,723.2	3,746.6	-976.6	Phù hợp
	d			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.9	-0.7	Phù hợp
	e			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
	f			Diện tích đất	m ²	1,308.0	1,308.0	Không đổi	Phù hợp
	a			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	b			Mật độ xây dựng	%	90.0	78.8	-11.2	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m ²	1,177.2	1,030.6	-146.6	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m ²	4,708.8	3,974.0	-734.8	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.0	-0.6	Phù hợp
	a			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
	b			Diện tích đất	m ²	872.0	872.0	Không đổi	Phù hợp
	h			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp



Handwritten signature or initials.

109	d	NO4-T1.11-LK.04	Đất nhà ở liền kề	Mật độ xây dựng	%	90.0	73.7	-16.3	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	784.8	642.7	-142.1	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	3,139.2	2,443.9	-695.3	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.8	-0.8	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	12	12	Không đổi	Phù hợp
110	a	NO4-T1.11-LK.05	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m ²	984.0	984.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	68.7	-21.3	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	885.6	676.2	-209.4	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	3,542.4	2,626.6	-915.8	Phù hợp
111	g	NO4-T1.11-LK.06	Đất nhà ở liền kề	Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.7	-0.9	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	972.0	972.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	74.0	-16.0	Phù hợp
112	e	NO4-T1.11-LK.07	Đất nhà ở liền kề	Diện tích xây dựng	m ²	874.8	719.0	-155.8	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	3,499.2	2,750.0	-749.2	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.8	-0.8	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	377.0	377.0	Không đổi	Phù hợp
113	b	NO4-T1.11-LK.08	Đất nhà ở liền kề	Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	82.9	-7.1	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	339.3	312.7	-26.6	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	1,357.2	1,217.5	-139.7	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.2	-0.4	Phù hợp
114	h	NO4-T1.11-LK.09	Đất nhà ở liền kề	Số thửa	thửa	5	5	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	377.0	377.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	82.9	-7.1	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	339.3	312.7	-26.6	Phù hợp
115	f	NO4-T1.11-LK.10	Đất nhà ở liền kề	Tổng diện tích sàn	m ²	1,357.2	1,217.5	-139.7	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.2	-0.4	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	5	5	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	862.0	862.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
116	d	NO4-T1.11-LK.11	Đất nhà ở liền kề	Mật độ xây dựng	%	90.0	73.2	-16.8	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	775.8	631.3	-144.5	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	3,103.2	2,573.9	-529.3	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.0	-0.6	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	12	12	Không đổi	Phù hợp
117	a	NO4-T1.12-LK.01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m ²	984.0	984.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	68.6	-21.4	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	885.6	674.8	-210.8	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	3,542.4	2,770.2	-772.2	Phù hợp
118	g	NO4-T1.12-LK.02	Đất nhà ở liền kề	Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.8	-0.8	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	972.0	972.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	73.8	-16.2	Phù hợp
119	e	NO4-T1.12-LK.03	Đất nhà ở liền kề	Diện tích xây dựng	m ²	874.8	717.7	-157.1	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	3,499.2	2,929.0	-570.2	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.0	-0.6	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	1,154.0	1,154.0	Không đổi	Phù hợp
120	b	NO4-T1.12-LK.04	Đất nhà ở liền kề	Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	75.6	-14.4	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	1,038.6	872.8	-165.8	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	4,154.4	3,465.4	-689.0	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.0	-0.6	Phù hợp
121	h	NO4-T1.12-LK.05	Đất nhà ở liền kề	Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	1,288.0	1,288.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	70.9	-19.1	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	1,159.2	913.6	-245.6	Phù hợp
122	f	NO4-T1.12-LK.06	Đất nhà ở liền kề	Tổng diện tích sàn	m ²	4,636.8	3,605.2	-1,031.6	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.8	-0.8	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	16	16	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	1,288.0	1,288.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp

th

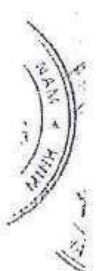
119	d	NO4-T1.12-LK.03	Đất nhà ở liền kề	Mật độ xây dựng	%	90.0	70.9	-19.1	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	1,159.2	913.6	-245.6	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	4,636.8	3,605.2	-1,031.6	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.8	-0.8	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	16	16	Không đổi	Phù hợp
120	a	NO4-T1.12-LK.04	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m ²	1,258.0	1,258.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	76.2	-13.8	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	1,132.2	959.0	-173.2	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	4,528.8	3,798.0	-730.8	Phù hợp
121	a	NO4-T1.12-LK.05	Đất nhà ở liền kề	Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.0	-0.6	Phù hợp
	b			Số thửa	thửa	16	16	Không đổi	Phù hợp
	d			Diện tích đất	m ²	984.0	984.0	Không đổi	Phù hợp
	e			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	f			Mật độ xây dựng	%	90.0	72.6	-17.4	Phù hợp
122	a	NO4-T1.12-LK.06	Đất nhà ở liền kề	Diện tích xây dựng	m ²	885.6	714.8	-170.8	Phù hợp
	b			Tổng diện tích sàn	m ²	3,542.4	2,831.2	-711.2	Phù hợp
	d			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.9	-0.7	Phù hợp
	e			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
	f			Diện tích đất	m ²	1,104.0	1,104.0	Không đổi	Phù hợp
123	a	NO4-T1.12-LK.07	Đất nhà ở liền kề	Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	b			Mật độ xây dựng	%	90.0	68.3	-21.7	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m ²	993.6	753.6	-240.0	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m ²	3,974.4	2,965.2	-1,009.2	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.7	-0.9	Phù hợp
124	a	NO4-T1.12-LK.08	Đất nhà ở liền kề	Số thửa	thửa	16	16	Không đổi	Phù hợp
	b			Diện tích đất	m ²	1,104.0	1,104.0	Không đổi	Phù hợp
	d			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	e			Mật độ xây dựng	%	90.0	73.3	-16.7	Phù hợp
	f			Diện tích xây dựng	m ²	968.4	789.0	-179.4	Phù hợp
125	a	NO4-T1.12-LK.09	Đất nhà ở liền kề	Tổng diện tích sàn	m ²	3,873.6	3,121.4	-752.2	Phù hợp
	b			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.9	-0.7	Phù hợp
	d			Số thửa	thửa	16	16	Không đổi	Phù hợp
	e			Diện tích đất	m ²	1,076.0	1,076.0	Không đổi	Phù hợp
	f			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
126	a	NO4-T1.12-LK.10	Đất nhà ở liền kề	Mật độ xây dựng	%	90.0	75.6	-14.4	Phù hợp
	b			Diện tích xây dựng	m ²	1,038.6	872.8	-165.8	Phù hợp
	d			Tổng diện tích sàn	m ²	4,154.4	3,465.4	-689.0	Phù hợp
	e			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.0	-0.6	Phù hợp
	f			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
127	a	NO4-T1.12-LK.11	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m ²	1,288.0	1,288.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	70.9	-19.1	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	1,159.2	913.6	-245.6	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	4,636.8	3,605.2	-1,031.6	Phù hợp
128	a	NO4-T1.12-LK.12	Đất nhà ở liền kề	Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.8	-0.8	Phù hợp
	b			Số thửa	thửa	16	16	Không đổi	Phù hợp
	d			Diện tích đất	m ²	1,248.0	1,248.0	Không đổi	Phù hợp
	e			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	f			Mật độ xây dựng	%	90.0	75.7	-14.3	Phù hợp
	a			Diện tích xây dựng	m ²	1,123.2	944.4	-178.8	Phù hợp
	b			Tổng diện tích sàn	m ²	4,492.8	3,733.0	-759.8	Phù hợp
	d			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.0	-0.6	Phù hợp
	e			Số thửa	thửa	15	15	Không đổi	Phù hợp
	f			Diện tích đất	m ²	1,626.0	1,626.0	Không đổi	Phù hợp
	a			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	b								

AT-A

129	d	NO4-T1.13-LK.01	Đất nhà ở liền kề	Mật độ xây dựng	%	90.0	82.0	-8.0	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	1,463.4	1,333.4	-130.0	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	5,853.6	5,393.9	-459.7	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.3	-0.3	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	22	22	Không đổi	Phù hợp
130	a	NO4-T1.13-LK.02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m ²	1,476.0	1,476.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	81.8	-8.2	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	1,328.4	1,207.4	-121.0	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	5,313.6	4,873.8	-439.8	Phù hợp
131	g	NO4-T1.14-LK.01	Đất nhà ở liền kề	Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.3	-0.3	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	20	20	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	1,150.0	1,150.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	74.8	-15.2	Phù hợp
132	e	NO4-T1.14-LK.02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích xây dựng	m ²	1,035.0	860.2	-174.8	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	4,140.0	3,447.5	-692.5	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.0	-0.6	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	1,148.0	1,148.0	Không đổi	Phù hợp
133	b	NO4-T1.14-LK.03	Đất nhà ở liền kề	Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	73.6	-16.4	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	900.0	736.0	-164.0	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	3,600.0	2,947.6	-652.4	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.9	-0.7	Phù hợp
134	h	NO4-T1.14-LK.04	Đất nhà ở liền kề	Số thửa	thửa	12	12	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	1,160.0	1,160.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	75.0	-15.0	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	1,044.0	869.6	-174.4	Phù hợp
135	f	NO4-T1.14-LK.05	Đất nhà ở liền kề	Tổng diện tích sàn	m ²	4,176.0	3,488.0	-688.0	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.0	-0.6	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	1,148.0	1,148.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
136	d	NO4-T1.14-LK.06	Đất nhà ở liền kề	Mật độ xây dựng	%	90.0	70.0	-20.0	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	1,033.2	803.6	-229.6	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	4,132.8	3,207.0	-925.8	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.8	-0.8	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
137	a	NO4-T1.15-LK.01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m ²	1,000.0	1,000.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	73.6	-16.4	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	900.0	736.0	-164.0	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	3,600.0	2,947.6	-652.4	Phù hợp
138	g	NO4-T1.15-LK.02	Đất nhà ở liền kề	Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.9	-0.7	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	12	12	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	1,122.0	1,122.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	74.6	-15.4	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	1,009.8	837.0	-172.8	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	4,039.2	3,358.3	-680.9	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.0	-0.6	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	13	13	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	1,148.0	1,148.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	70.0	-20.0	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	1,033.2	803.6	-229.6	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	4,132.8	3,207.0	-925.8	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.8	-0.8	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	1,038.0	1,038.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp

Handwritten signature/initials.

139	d	NO4-T1.15-LK.03	Đất nhà ở liền kề	Mật độ xây dựng	%	90.0	74.0	-16.0	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	934.2	768.4	-165.8	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	3,736.8	3,078.0	-658.8	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.0	-0.6	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	12	12	Không đổi	Phù hợp
140	a	NO4-T1.15-LK.04	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m ²	1,132.0	1,132.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	74.8	-15.2	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	1,018.8	846.8	-172.0	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	4,075.2	3,394.8	-680.4	Phù hợp
141	a	NO4-T1.15-LK.05	Đất nhà ở liền kề	Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.0	-0.6	Phù hợp
	b			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
	d			Diện tích đất	m ²	1,148.0	1,148.0	Không đổi	Phù hợp
	e			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	f			Mật độ xây dựng	%	90.0	70.0	-20.0	Phù hợp
142	a	NO4-T1.15-LK.06	Đất nhà ở liền kề	Diện tích xây dựng	m ²	1,033.2	803.6	-229.6	Phù hợp
	b			Tổng diện tích sàn	m ²	4,132.8	3,207.0	-925.8	Phù hợp
	d			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.8	-0.8	Phù hợp
	e			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
	f			Diện tích đất	m ²	1,048.0	1,048.0	Không đổi	Phù hợp
143	a	NO4-T1.15-LK.07	Đất nhà ở liền kề	Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	b			Mật độ xây dựng	%	90.0	72.0	-18.0	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m ²	871.2	696.9	-174.3	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m ²	3,484.8	2,797.0	-687.8	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.9	-0.7	Phù hợp
144	a	NO4-T1.15-LK.08	Đất nhà ở liền kề	Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
	b			Diện tích đất	m ²	968.0	968.0	Không đổi	Phù hợp
	d			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	e			Mật độ xây dựng	%	90.0	67.4	-22.6	Phù hợp
	f			Diện tích xây dựng	m ²	885.6	663.6	-222.0	Phù hợp
145	a	NO4-T1.15-LK.09	Đất nhà ở liền kề	Tổng diện tích sàn	m ²	3,542.4	2,648.0	-894.4	Phù hợp
	b			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.7	-0.9	Phù hợp
	d			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
	e			Diện tích đất	m ²	896.0	896.0	Không đổi	Phù hợp
	f			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
146	a	NO4-T1.15-LK.10	Đất nhà ở liền kề	Mật độ xây dựng	%	90.0	71.4	-18.6	Phù hợp
	b			Diện tích xây dựng	m ²	806.4	639.9	-166.5	Phù hợp
	d			Tổng diện tích sàn	m ²	3,225.6	2,568.9	-656.7	Phù hợp
	e			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.9	-0.7	Phù hợp
	f			Số thửa	thửa	12	12	Không đổi	Phù hợp
147	a	NO4-T1.15-LK.11	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m ²	968.0	968.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	67.4	-22.6	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	885.6	663.6	-222.0	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	3,542.4	2,648.0	-894.4	Phù hợp
148	a	NO4-T1.15-LK.12	Đất nhà ở liền kề	Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.7	-0.9	Phù hợp
	b			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
	d			Diện tích đất	m ²	896.0	896.0	Không đổi	Phù hợp
	e			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	f			Mật độ xây dựng	%	90.0	71.4	-18.6	Phù hợp
	a			Diện tích xây dựng	m ²	806.4	639.9	-166.5	Phù hợp
	b			Tổng diện tích sàn	m ²	3,225.6	2,568.9	-656.7	Phù hợp
	a			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.9	-0.7	Phù hợp
	b			Số thửa	thửa	12	12	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	1,132.0	1,132.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp



ST S

149	d	NO4-T1.15-LK.13	Đất nhà ở liền kề	Mật độ xây dựng	%	90.0	74.8	-15.2	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	1,018.8	846.8	-172.0	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	4,075.2	3,394.8	-680.4	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.0	-0.6	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
150	a	NO4-T1.15-LK.14	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m ²	1,148.0	1,148.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	70.0	-20.0	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	1,033.2	803.6	-229.6	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	4,132.8	3,207.0	-925.8	Phù hợp
151	g	NO4-T1.15-LK.15	Đất nhà ở liền kề	Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.8	-0.8	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	1,048.0	1,048.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	74.2	-15.8	Phù hợp
152	e	NO4-T1.15-LK.16	Đất nhà ở liền kề	Diện tích xây dựng	m ²	943.2	777.8	-165.4	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	3,772.8	3,115.8	-657.0	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.0	-0.6	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	12	12	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	484.0	484.0	Không đổi	Phù hợp
153	b	NO4-T1.15-LK.17	Đất nhà ở liền kề	Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	60.3	-29.7	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	442.8	296.8	-146.0	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	1,771.2	1,184.0	-587.2	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.4	-1.2	Phù hợp
154	h	NO4-T1.15-LK.18	Đất nhà ở liền kề	Số thửa	thửa	7	7	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	448.0	448.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	63.7	-26.3	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	403.2	285.5	-117.7	Phù hợp
155	f	NO4-T1.16-LK.01	Đất nhà ở liền kề	Tổng diện tích sàn	m ²	1,612.8	1,145.7	-467.1	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.6	-1.0	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	6	6	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	1,160.0	1,160.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
156	d	NO4-T1.16-LK.02	Đất nhà ở liền kề	Mật độ xây dựng	%	90.0	75.0	-15.0	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	1,044.0	869.6	-174.4	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	4,176.0	3,488.0	-688.0	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.0	-0.6	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
157	a	NO4-T1.16-LK.03	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m ²	1,148.0	1,148.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	70.0	-20.0	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	1,033.2	803.6	-229.6	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	4,132.8	3,207.0	-925.8	Phù hợp
158	g	NO4-T1.16-LK.04	Đất nhà ở liền kề	Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.8	-0.8	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	1,000.0	1,000.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	73.6	-16.4	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	900.0	736.0	-164.0	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	3,600.0	2,947.6	-652.4	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.9	-0.7	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	12	12	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	496.0	496.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	64.4	-25.6	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	446.4	319.4	-127.0	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	1,785.6	1,282.2	-503.4	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.6	-1.0	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	7	7	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	492.0	492.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp

th

159	d	NO4-T1.16-LK.05	Đất nhà ở liền kề	Mật độ xây dựng	%	90.0	60.3	-29.7	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	442.8	296.8	-146.0	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	1,771.2	1,184.0	-587.2	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.4	-1.2	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	7	7	Không đổi	Phù hợp
160	a	NO4-T1.16-LK.06	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m ²	426.0	426.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	62.8	-27.2	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	383.4	267.6	-115.8	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	1,533.6	1,073.1	-460.5	Phù hợp
161	g	NO4-T1.17-LK.01	Đất nhà ở liền kề	Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.5	-1.1	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	6	6	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	1,154.0	1,154.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	76.7	-13.3	Phù hợp
162	e	NO4-T1.17-LK.02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích xây dựng	m ²	1,038.6	885.2	-153.4	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	4,154.4	3,774.2	-380.2	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.3	-0.3	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	1,288.0	1,288.0	Không đổi	Phù hợp
163	b	NO4-T1.17-LK.03	Đất nhà ở liền kề	Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	72.4	-17.6	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	1,159.2	932.8	-226.4	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	4,636.8	3,948.8	-688.0	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.1	-0.5	Phù hợp
164	h	NO4-T1.17-LK.04	Đất nhà ở liền kề	Số thửa	thửa	16	16	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	1,288.0	1,288.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	72.4	-17.6	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	1,159.2	932.8	-226.4	Phù hợp
165	f	NO4-T1.17-LK.05	Đất nhà ở liền kề	Tổng diện tích sàn	m ²	4,636.8	3,948.8	-688.0	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.1	-0.5	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	16	16	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	1,288.0	1,288.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
166	d	NO4-T1.17-LK.06	Đất nhà ở liền kề	Mật độ xây dựng	%	90.0	72.4	-17.6	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	1,159.2	932.8	-226.4	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	4,636.8	3,948.8	-688.0	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.1	-0.5	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	16	16	Không đổi	Phù hợp
167	a	NO4-T1.17-LK.07	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m ²	1,288.0	1,288.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	72.4	-17.6	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	1,159.2	932.8	-226.4	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	4,636.8	3,948.8	-688.0	Phù hợp
168	g	NO4-T1.17-LK.08	Đất nhà ở liền kề	Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.1	-0.5	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	16	16	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	1,258.0	1,258.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	77.6	-12.4	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	1,132.2	976.2	-156.0	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	4,528.8	4,155.0	-373.8	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.3	-0.3	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	16	16	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	984.0	984.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp

đt f

169	d	NO4-T1.17-LK.09	Đất nhà ở liền kề	Mật độ xây dựng	%	90.0	73.9	-16.1	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	885.6	727.2	-158.4	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	3,542.4	3,132.0	-410.4	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.2	-0.4	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
170	a	NO4-T1.17-LK.10	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m ²	1,104.0	1,104.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	70.0	-20.0	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	993.6	772.8	-220.8	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	3,974.4	3,308.8	-665.6	Phù hợp
171	a	NO4-T1.17-LK.11	Đất nhà ở liền kề	Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.0	-0.6	Phù hợp
	b			Số thửa	thửa	16	16	Không đổi	Phù hợp
	d			Diện tích đất	m ²	1,104.0	1,104.0	Không đổi	Phù hợp
	e			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	f			Mật độ xây dựng	%	90.0	70.0	-20.0	Phù hợp
172	a	NO4-T1.17-LK.12	Đất nhà ở liền kề	Diện tích xây dựng	m ²	993.6	772.8	-220.8	Phù hợp
	b			Tổng diện tích sàn	m ²	3,974.4	3,308.8	-665.6	Phù hợp
	d			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.0	-0.6	Phù hợp
	e			Số thửa	thửa	16	16	Không đổi	Phù hợp
	f			Diện tích đất	m ²	1,076.0	1,076.0	Không đổi	Phù hợp
173	a	NO4-T1.17-LK.13	Đất nhà ở liền kề	Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	b			Mật độ xây dựng	%	90.0	74.9	-15.1	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m ²	968.4	806.2	-162.2	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m ²	3,873.6	3,465.6	-408.0	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.2	-0.4	Phù hợp
174	a	NO4-T1.17-LK.14	Đất nhà ở liền kề	Số thửa	thửa	16	16	Không đổi	Phù hợp
	b			Diện tích đất	m ²	1,104.0	1,104.0	Không đổi	Phù hợp
	d			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	e			Mật độ xây dựng	%	90.0	70.0	-20.0	Phù hợp
	f			Diện tích xây dựng	m ²	993.6	772.8	-220.8	Phù hợp
175	a	NO4-T1.17-LK.15	Đất nhà ở liền kề	Tổng diện tích sàn	m ²	3,974.4	3,308.8	-665.6	Phù hợp
	b			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.0	-0.6	Phù hợp
	d			Số thửa	thửa	16	16	Không đổi	Phù hợp
	e			Diện tích đất	m ²	1,104.0	1,104.0	Không đổi	Phù hợp
	f			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
176	a	NO4-T1.17-LK.16	Đất nhà ở liền kề	Mật độ xây dựng	%	90.0	74.9	-15.1	Phù hợp
	b			Diện tích xây dựng	m ²	968.4	806.2	-162.2	Phù hợp
	d			Tổng diện tích sàn	m ²	3,873.6	3,465.6	-408.0	Phù hợp
	e			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.2	-0.4	Phù hợp
	f			Số thửa	thửa	16	16	Không đổi	Phù hợp
177	a	NO4-T1.17-LK.17	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m ²	1,154.0	1,154.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	76.7	-13.3	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	1,038.6	885.2	-153.4	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	4,154.4	3,774.2	-380.2	Phù hợp
178	a	NO4-T1.17-LK.18	Đất nhà ở liền kề	Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.3	-0.3	Phù hợp
	b			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
	d			Diện tích đất	m ²	1,288.0	1,288.0	Không đổi	Phù hợp
	e			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	f			Mật độ xây dựng	%	90.0	72.4	-17.6	Phù hợp
	a			Diện tích xây dựng	m ²	1,159.2	932.8	-226.4	Phù hợp
	b			Tổng diện tích sàn	m ²	4,636.8	3,948.8	-688.0	Phù hợp
	d			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.1	-0.5	Phù hợp
	e			Số thửa	thửa	16	16	Không đổi	Phù hợp
	f			Diện tích đất	m ²	1,288.0	1,288.0	Không đổi	Phù hợp
	a			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	b								

Handwritten signature/initials.

179	d	NO4-T1.17-LK.19	Đất nhà ở liền kề	Mật độ xây dựng	%	90.0	72.4	-17.6	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	1,159.2	932.8	-226.4	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	4,636.8	3,948.8	-688.0	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.1	-0.5	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	16	16	Không đổi	Phù hợp
180	a	NO4-T1.17-LK.20	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m ²	1,258.0	1,258.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	77.6	-12.4	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	1,132.2	976.2	-156.0	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	4,528.8	4,155.0	-373.8	Phù hợp
181	a	NO4-T1.17-LK.21	Đất nhà ở liền kề	Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.3	-0.3	Phù hợp
	b			Số thửa	thửa	16	16	Không đổi	Phù hợp
	d			Diện tích đất	m ²	492.0	492.0	Không đổi	Phù hợp
	e			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	f			Mật độ xây dựng	%	90.0	65.9	-24.1	Phù hợp
182	a	NO4-T1.17-LK.22	Đất nhà ở liền kề	Diện tích xây dựng	m ²	442.8	324.4	-118.4	Phù hợp
	b			Tổng diện tích sàn	m ²	1,771.2	1,405.5	-365.7	Phù hợp
	d			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.9	-0.7	Phù hợp
	e			Số thửa	thửa	7	7	Không đổi	Phù hợp
	f			Diện tích đất	m ²	552.0	552.0	Không đổi	Phù hợp
183	a	NO4-T1.17-LK.23	Đất nhà ở liền kề	Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	b			Mật độ xây dựng	%	90.0	62.8	-27.2	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m ²	496.8	346.4	-150.4	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m ²	1,987.2	1,494.4	-492.8	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.7	-0.9	Phù hợp
184	a	NO4-T1.17-LK.24	Đất nhà ở liền kề	Số thửa	thửa	8	8	Không đổi	Phù hợp
	b			Diện tích đất	m ²	552.0	552.0	Không đổi	Phù hợp
	d			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	e			Mật độ xây dựng	%	90.0	67.0	-23.0	Phù hợp
	f			Diện tích xây dựng	m ²	484.2	360.6	-123.6	Phù hợp
185	a	NO4-T1.18-LK.01	Đất nhà ở liền kề	Tổng diện tích sàn	m ²	1,936.8	1,561.5	-375.3	Phù hợp
	b			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.9	-0.7	Phù hợp
	d			Số thửa	thửa	8	8	Không đổi	Phù hợp
	e			Diện tích đất	m ²	538.0	538.0	Không đổi	Phù hợp
	f			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
186	a	NO4-T1.18-LK.02	Đất nhà ở liền kề	Mật độ xây dựng	%	90.0	78.1	-11.9	Phù hợp
	b			Diện tích xây dựng	m ²	1,400.4	1,214.7	-185.7	Phù hợp
	d			Tổng diện tích sàn	m ²	5,601.6	4,743.9	-857.7	Phù hợp
	e			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.0	-0.6	Phù hợp
	f			Số thửa	thửa	20	20	Không đổi	Phù hợp
187	a	NO4-T1.18-LK.03	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m ²	1,434.0	1,434.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	78.3	-11.7	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	1,409.4	1,226.0	-183.4	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	5,637.6	4,775.2	-862.4	Phù hợp
188	a	NO4-T1.18-LK.04	Đất nhà ở liền kề	Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.0	-0.6	Phù hợp
	b			Số thửa	thửa	20	20	Không đổi	Phù hợp
	d			Diện tích đất	m ²	1,434.0	1,434.0	Không đổi	Phù hợp
	e			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	f			Mật độ xây dựng	%	90.0	77.5	-12.5	Phù hợp
	a		Đất nhà ở liền kề	Diện tích xây dựng	m ²	1,290.6	1,111.7	-178.9	Phù hợp
	b			Tổng diện tích sàn	m ²	5,162.4	4,343.3	-819.1	Phù hợp
	d			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.0	-0.6	Phù hợp
	a		Đất nhà ở liền kề	Số thửa	thửa	18	18	Không đổi	Phù hợp
	b			Diện tích đất	m ²	1,340.0	1,340.0	Không đổi	Phù hợp
	d			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp

Đ
DỰNG
HỒ G

St S

189	d	NO4-T1.18-LK.05	Đất nhà ở liền kề	Mật độ xây dựng	%	90.0	75.7	-14.3	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	1,206.0	1,013.8	-192.2	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	4,824.0	3,926.6	-897.4	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.9	-0.7	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	20	20	Không đổi	Phù hợp
190	a	NO4-T1.18-LK.06	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m ²	1,224.0	1,224.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	74.8	-15.2	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	1,101.6	915.1	-186.5	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	4,406.4	3,563.0	-843.4	Phù hợp
191	g	NO4-T1.18-LK.07	Đất nhà ở liền kề	Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.9	-0.7	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	18	18	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	1,340.0	1,340.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	75.7	-14.3	Phù hợp
192	e	NO4-T1.18-LK.08	Đất nhà ở liền kề	Diện tích xây dựng	m ²	1,206.0	1,013.8	-192.2	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	4,824.0	3,926.6	-897.4	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.9	-0.7	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	18	18	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	1,566.0	1,566.0	Không đổi	Phù hợp
193	b	NO4-T1.18-LK.09	Đất nhà ở liền kề	Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	78.3	-11.7	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	1,409.4	1,226.0	-183.4	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	5,637.6	4,775.2	-862.4	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.0	-0.6	Phù hợp
194	h	NO4-T1.18-LK.10	Đất nhà ở liền kề	Số thửa	thửa	20	20	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	1,434.0	1,434.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	77.5	-12.5	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	1,290.6	1,111.7	-178.9	Phù hợp
195	f	NO4-T1.18-LK.11	Đất nhà ở liền kề	Tổng diện tích sàn	m ²	5,162.4	4,343.3	-819.1	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.0	-0.6	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	18	18	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	670.0	670.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
196	d	NO4-T1.18-LK.12	Đất nhà ở liền kề	Mật độ xây dựng	%	90.0	67.6	-22.4	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	603.0	453.2	-149.8	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	2,412.0	1,753.0	-659.0	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.6	-1.0	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	10	10	Không đổi	Phù hợp
197	a	NO4-T1.19-LK.01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m ²	612.0	612.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	66.8	-23.2	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	550.8	408.8	-142.0	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	2,203.2	1,586.3	-616.9	Phù hợp
198	g	NO4-T1.19-LK.02	Đất nhà ở liền kề	Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.6	-1.0	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	9	9	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	879.3	879.3	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	72.5	-17.5	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	791.4	637.7	-153.7	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	3,165.6	2,583.4	-582.2	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.9	-0.7	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	10	10	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	1,008.0	1,008.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	68.9	-21.1	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	907.2	694.8	-212.4	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	3,628.8	2,844.0	-784.8	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.8	-0.8	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	12	12	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	948.3	948.3	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp

Handwritten signature or mark.

199	d	NO4-T1.19-LK.03	Đất nhà ở liền kề	Mật độ xây dựng	%	90.0	73.2	-16.8	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	853.5	694.2	-159.3	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	3,414.0	2,825.5	-588.5	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.0	-0.6	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	11	11	Không đổi	Phù hợp
200	a	NO4-T1.19-LK.04	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m ²	859.8	859.8	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	72.3	-17.7	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	773.8	621.6	-152.2	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	3,095.2	2,681.6	-413.6	Phù hợp
201	g	NO4-T1.19-LK.05	Đất nhà ở liền kề	Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.1	-0.5	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	12	12	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	1,104.0	1,104.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	70.0	-20.0	Phù hợp
202	e	NO4-T1.19-LK.06	Đất nhà ở liền kề	Diện tích xây dựng	m ²	993.6	772.8	-220.8	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	3,974.4	3,308.8	-665.6	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.0	-0.6	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	16	16	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	986.7	986.7	Không đổi	Phù hợp
203	b	NO4-T1.19-LK.07	Đất nhà ở liền kề	Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	73.9	-16.1	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	931.0	764.4	-166.6	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	3,724.0	3,297.4	-426.6	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.2	-0.4	Phù hợp
204	h	NO4-T1.19-LK.08	Đất nhà ở liền kề	Số thửa	thửa	15	15	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	1,034.4	1,034.4	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	70.0	-20.0	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	993.6	772.8	-220.8	Phù hợp
205	f	NO4-T1.19-LK.09	Đất nhà ở liền kề	Tổng diện tích sàn	m ²	3,974.4	3,308.8	-665.6	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.0	-0.6	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	16	16	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	907.1	907.1	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
206	d	NO4-T1.19-LK.10	Đất nhà ở liền kề	Mật độ xây dựng	%	90.0	73.3	-16.7	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	816.4	664.6	-151.8	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	3,265.6	2,860.5	-405.1	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.2	-0.4	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	12	12	Không đổi	Phù hợp
207	a	NO4-T1.19-LK.11	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m ²	1,175.1	1,175.1	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	72.9	-17.1	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	1,057.6	856.1	-201.5	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	4,230.4	3,486.3	-744.1	Phù hợp
208	g	NO4-T1.19-LK.12	Đất nhà ở liền kề	Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.0	-0.6	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	17	17	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	984.0	984.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	67.7	-22.3	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	885.6	665.8	-219.8	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	3,542.4	2,726.0	-816.4	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.8	-0.8	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	961.4	961.4	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	71.5	-18.5	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	865.3	687.0	-178.3	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	3,461.2	2,794.8	-666.4	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.9	-0.7	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	13	13	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	852.0	852.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp



MINH

Đt

209	d	NO4-T1.20-LK.01	Đất nhà ở liền kề	Mật độ xây dựng	%	90.0	72.9	-17.1	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	766.8	621.3	-145.5	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	3,067.2	2,530.4	-536.8	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.0	-0.6	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	12	12	Không đổi	Phù hợp
210	a	NO4-T1.20-LK.02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m ²	984.0	984.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	68.6	-21.4	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	885.6	674.8	-210.8	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	3,542.4	2,770.2	-772.2	Phù hợp
211	g	NO4-T1.20-LK.03	Đất nhà ở liền kề	Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.8	-0.8	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	982.0	982.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	74.2	-15.8	Phù hợp
212	e	NO4-T1.20-LK.04	Đất nhà ở liền kề	Diện tích xây dựng	m ²	883.8	728.7	-155.1	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	3,535.2	2,968.0	-567.2	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.0	-0.6	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	852.0	852.0	Không đổi	Phù hợp
213	b	NO4-T1.20-LK.05	Đất nhà ở liền kề	Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	72.8	-17.2	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	766.8	620.4	-146.4	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	3,067.2	2,666.1	-401.1	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.1	-0.5	Phù hợp
214	h	NO4-T1.20-LK.06	Đất nhà ở liền kề	Số thửa	thửa	12	12	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	984.0	984.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	68.7	-21.3	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	885.6	676.2	-209.4	Phù hợp
215	f	NO4-T1.20-LK.07	Đất nhà ở liền kề	Tổng diện tích sàn	m ²	3,542.4	2,901.0	-641.4	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.9	-0.7	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	992.0	992.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
216	d	NO4-T1.20-LK.08	Đất nhà ở liền kề	Mật độ xây dựng	%	90.0	74.6	-15.4	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	892.8	739.6	-153.2	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	3,571.2	3,185.0	-386.2	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.2	-0.4	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
217	a	NO4-T1.20-LK.09	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m ²	852.0	852.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	72.8	-17.2	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	766.8	620.4	-146.4	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	3,067.2	2,666.1	-401.1	Phù hợp
218	g	NO4-T1.20-LK.10	Đất nhà ở liền kề	Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.1	-0.5	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	12	12	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	984.0	984.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	71.0	-19.0	Phù hợp
	e		Đất nhà ở liền kề	Diện tích xây dựng	m ²	766.8	605.2	-161.6	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	3,067.2	2,471.5	-595.7	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.9	-0.7	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	12	12	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	984.0	984.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp

Handwritten signature/initials.

219	d	NO4-T1.20-LK.11	Đất nhà ở liền kề	Mật độ xây dựng	%	90.0	67.7	-22.3	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	885.6	665.8	-219.8	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	3,542.4	2,726.0	-816.4	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.8	-0.8	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
220	a	NO4-T1.20-LK.12	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m ²	982.0	982.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	72.3	-17.7	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	883.8	709.5	-174.3	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	3,535.2	2,885.8	-649.4	Phù hợp
221	a	NO4-T1.21-LK.01	Đất nhà ở liền kề	Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.9	-0.7	Phù hợp
	b			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
	d			Diện tích đất	m ²	852.0	852.0	Không đổi	Phù hợp
	e			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	f			Mật độ xây dựng	%	90.0	71.0	-19.0	Phù hợp
222	a	NO4-T1.21-LK.02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích xây dựng	m ²	766.8	605.2	-161.6	Phù hợp
	b			Tổng diện tích sàn	m ²	3,067.2	2,471.5	-595.7	Phù hợp
	d			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.9	-0.7	Phù hợp
	e			Số thửa	thửa	12	12	Không đổi	Phù hợp
	f			Diện tích đất	m ²	984.0	984.0	Không đổi	Phù hợp
223	a	NO4-T1.21-LK.03	Đất nhà ở liền kề	Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	b			Mật độ xây dựng	%	90.0	67.7	-22.3	Phù hợp
	d			Diện tích xây dựng	m ²	885.6	665.8	-219.8	Phù hợp
	e			Tổng diện tích sàn	m ²	3,542.4	2,726.0	-816.4	Phù hợp
	f			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.8	-0.8	Phù hợp
224	a	NO4-T1.21-LK.04	Đất nhà ở liền kề	Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
	b			Diện tích đất	m ²	982.0	982.0	Không đổi	Phù hợp
	d			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	e			Mật độ xây dựng	%	90.0	71.2	-18.8	Phù hợp
	f			Diện tích xây dựng	m ²	766.8	606.3	-160.5	Phù hợp
225	a	NO4-T1.21-LK.05	Đất nhà ở liền kề	Tổng diện tích sàn	m ²	3,067.2	2,391.2	-676.0	Phù hợp
	b			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.8	-0.8	Phù hợp
	d			Số thửa	thửa	12	12	Không đổi	Phù hợp
	e			Diện tích đất	m ²	984.0	984.0	Không đổi	Phù hợp
	f			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
226	a	NO4-T1.21-LK.06	Đất nhà ở liền kề	Mật độ xây dựng	%	90.0	67.0	-23.0	Phù hợp
	b			Diện tích xây dựng	m ²	885.6	659.4	-226.2	Phù hợp
	d			Tổng diện tích sàn	m ²	3,542.4	2,594.6	-947.8	Phù hợp
	e			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.6	-1.0	Phù hợp
	f			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
227	a	NO4-T1.21-LK.07	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m ²	992.0	992.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	71.2	-18.8	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	766.8	606.3	-160.5	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	3,067.2	2,391.2	-676.0	Phù hợp
228	a	NO4-T1.21-LK.08	Đất nhà ở liền kề	Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.8	-0.8	Phù hợp
	b			Số thửa	thửa	12	12	Không đổi	Phù hợp
	d			Diện tích đất	m ²	984.0	984.0	Không đổi	Phù hợp
	e			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	f			Mật độ xây dựng	%	90.0	67.0	-23.0	Phù hợp
	a			Diện tích xây dựng	m ²	885.6	659.4	-226.2	Phù hợp
	b			Tổng diện tích sàn	m ²	3,542.4	2,594.6	-947.8	Phù hợp
	a			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.6	-1.0	Phù hợp
	b			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	992.0	992.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp

ST S

229	d	NO4-T1.21-LK.09	Đất nhà ở liền kề	Mật độ xây dựng	%	90.0	72.9	-17.1	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	892.8	723.0	-169.8	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	3,571.2	2,856.7	-714.5	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.9	-0.7	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
230	a	NO4-T1.21-LK.10	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m ²	852.0	852.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	71.2	-18.8	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	766.8	606.3	-160.5	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	3,067.2	2,391.2	-676.0	Phù hợp
231	g	NO4-T1.21-LK.11	Đất nhà ở liền kề	Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.8	-0.8	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	12	12	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	984.0	984.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	67.0	-23.0	Phù hợp
232	e	NO4-T1.21-LK.12	Đất nhà ở liền kề	Diện tích xây dựng	m ²	885.6	659.4	-226.2	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	3,542.4	2,594.6	-947.8	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.6	-1.0	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	14	14	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	992.0	992.0	Không đổi	Phù hợp
233	b	NO4-T1.21-LK.13	Đất nhà ở liền kề	Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	74.9	-15.1	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	1,263.6	1,051.4	-212.2	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	5,054.4	4,037.7	-1,016.7	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.9	-0.7	Phù hợp
234	h	NO4-T1.21-LK.14	Đất nhà ở liền kề	Số thửa	thửa	18	18	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	1,414.0	1,414.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	75.1	-14.9	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	1,272.6	1,061.3	-211.3	Phù hợp
235	f	NO4-T1.22-LK.01	Đất nhà ở liền kề	Tổng diện tích sàn	m ²	5,090.4	4,073.8	-1,016.6	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.9	-0.7	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	18	18	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	942.0	942.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
236	d	NO4-T1.22-LK.02	Đất nhà ở liền kề	Mật độ xây dựng	%	90.0	79.8	-10.2	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	847.8	752.0	-95.8	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	3,391.2	2,965.2	-426.0	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.1	-0.5	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	9	9	Không đổi	Phù hợp
237	a	NO4-T1.25-LK.01	Đất nhà ở liền kề	Diện tích đất	m ²	560.0	560.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	70.4	-19.6	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	504.0	394.0	-110.0	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	2,016.0	1,562.2	-453.8	Phù hợp
238	g	NO4-T1.25-LK.02	Đất nhà ở liền kề	Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.8	-0.8	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	5	5	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	600.6	600.6	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	75.1	-14.9	Phù hợp
239	e	NO4-T1.25-LK.02	Đất nhà ở liền kề	Diện tích xây dựng	m ²	540.5	451.0	-89.5	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	2,162.0	1,827.6	-334.4	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	3.0	-0.6	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	6	6	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	656.0	656.0	Không đổi	Phù hợp
240	b	NO4-T1.25-LK.02	Đất nhà ở liền kề	Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	90.0	72.1	-17.9	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m ²	590.4	473.1	-117.3	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m ²	2,361.6	1,925.5	-436.1	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.9	-0.7	Phù hợp
241	h	NO4-T1.25-LK.02	Đất nhà ở liền kề	Số thửa	thửa	7	7	Không đổi	Phù hợp
	a			Diện tích đất	m ²	496.0	496.0	Không đổi	Phù hợp
242	b	NO4-T1.25-LK.02	Đất nhà ở liền kề	Tầng cao	tầng	4	4	Không đổi	Phù hợp

đt f

239	d	NO4-T1.25-LK.03	Đất nhà ở liền kề	Mật độ xây dựng	%	90.0	68.2	-21.8	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m²	446.4	338.1	-108.3	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m²	1,785.6	1,367.6	-418.0	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	3.6	2.8	-0.8	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	5	5	Không đổi	Phù hợp
II		Đất nhà ở biệt thự							
1	a	NO4-T1.01-BT2.01	Đất nhà ở biệt thự	Diện tích đất	m²	1,871.0	1,871.0	Không đổi	Phù hợp
	b			Tầng cao	tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	d			Mật độ xây dựng	%	55.0	46.7	-8.3	Phù hợp
	e			Diện tích xây dựng	m²	1,029.1	873.4	-155.7	Phù hợp
	f			Tổng diện tích sàn	m²	3,087.3	2,585.8	-501.5	Phù hợp
	g			Hệ số sử dụng đất	lần	1.65	1.38	-0.27	Phù hợp
	h			Số thửa	thửa	16	16	Không đổi	Phù hợp
	2			a	NO4-T1.02-BT2.01	Đất nhà ở biệt thự	Diện tích đất	m²	1,914.7
b		Tầng cao	tầng	3			3	Không đổi	Phù hợp
d		Mật độ xây dựng	%	55.0			46.6	-8.4	Phù hợp
e		Diện tích xây dựng	m²	1,053.1			892.9	-160.2	Phù hợp
f		Tổng diện tích sàn	m²	3,159.3			2,645.5	-513.8	Phù hợp
g		Hệ số sử dụng đất	lần	1.65			1.38	-0.27	Phù hợp
h		Số thửa	thửa	16			16	Không đổi	Phù hợp
3		a	NO4-T1.15-BT2.01	Đất nhà ở biệt thự			Diện tích đất	m²	1,871.0
	b	Tầng cao			tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	d	Mật độ xây dựng			%	55.0	47.4	-7.6	Phù hợp
	e	Diện tích xây dựng			m²	1,029.1	886.4	-142.7	Phù hợp
	f	Tổng diện tích sàn			m²	3,087.3	2,565.8	-521.5	Phù hợp
	g	Hệ số sử dụng đất			lần	1.65	1.37	-0.28	Phù hợp
	h	Số thửa			thửa	16	16	Không đổi	Phù hợp
	4	a			NO4-T1.16-BT2.01	Đất nhà ở biệt thự	Diện tích đất	m²	1,871.0
b		Tầng cao	tầng	3			3	Không đổi	Phù hợp
d		Mật độ xây dựng	%	55.0			47.4	-7.6	Phù hợp
e		Diện tích xây dựng	m²	1,029.1			886.4	-142.7	Phù hợp
f		Tổng diện tích sàn	m²	3,087.3			2,565.8	-521.5	Phù hợp
g		Hệ số sử dụng đất	lần	1.65			1.37	-0.28	Phù hợp
h		Số thửa	thửa	16			16	Không đổi	Phù hợp
5		a	NO4-T1.17-BT2.01	Đất nhà ở biệt thự			Diện tích đất	m²	2,831.0
	b	Tầng cao			tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	d	Mật độ xây dựng			%	55.0	48.0	-7.0	Phù hợp
	e	Diện tích xây dựng			m²	1,557.1	1,358.8	-198.3	Phù hợp
	f	Tổng diện tích sàn			m²	4,671.3	4,306.7	-364.6	Phù hợp
	g	Hệ số sử dụng đất			lần	1.65	1.52	-0.13	Phù hợp
	h	Số thửa			thửa	24	24	Không đổi	Phù hợp
	6	a			NO4-T1.18-BT2.01	Đất nhà ở biệt thự	Diện tích đất	m²	1,695.0
b		Tầng cao	tầng	3			3	Không đổi	Phù hợp
d		Mật độ xây dựng	%	55.0			46.6	-8.4	Phù hợp
e		Diện tích xây dựng	m²	932.3			790.6	-141.7	Phù hợp
f		Tổng diện tích sàn	m²	2,796.9			2,344.5	-452.4	Phù hợp
g		Hệ số sử dụng đất	lần	1.65			1.38	-0.27	Phù hợp
h		Số thửa	thửa	14			14	Không đổi	Phù hợp
7		a	NO4-T2.01-BT1.02	Đất nhà ở biệt thự			Diện tích đất	m²	239.5
	b	Tầng cao			tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	d	Mật độ xây dựng			%	50.0	37.1	-12.9	Phù hợp
	e	Diện tích xây dựng			m²	119.8	88.8	-31.0	Phù hợp
	f	Tổng diện tích sàn			m²	359.4	252.3	-107.1	Phù hợp
	g	Hệ số sử dụng đất			lần	1.50	1.05	-0.45	Phù hợp
	h	Số thửa			thửa	1	1	Không đổi	Phù hợp
	8	a			NO4-T2.01-BT2.01	Đất nhà ở biệt thự	Diện tích đất	m²	2,471.3
b		Tầng cao	tầng	3			3	Không đổi	Phù hợp
d		Mật độ xây dựng	%	55.0			46.2	-8.8	Phù hợp
e		Diện tích xây dựng	m²	1,359.2			1,141.8	-217.4	Phù hợp
f		Tổng diện tích sàn	m²	4,077.6			3,306.6	-771.0	Phù hợp
g		Hệ số sử dụng đất	lần	1.65			1.34	-0.31	Phù hợp
h		Số thửa	thửa	22			22	Không đổi	Phù hợp
9		a	NO4-T2.01-BT2.02	Đất nhà ở biệt thự			Diện tích đất	m²	1,852.3
	b	Tầng cao			tầng	3	3	Không đổi	Phù hợp
	d	Mật độ xây dựng			%	55.0	46.8	-8.2	Phù hợp
	e	Diện tích xây dựng			m²	1,018.8	867.6	-151.2	Phù hợp
	f	Tổng diện tích sàn			m²	3,056.4	2,509.9	-546.5	Phù hợp
	g	Hệ số sử dụng đất			lần	1.65	1.36	-0.30	Phù hợp
	h	Số thửa			thửa	16	16	Không đổi	Phù hợp



At A